THÍCH THANH TỪ

KINH TRUNG A HÀM

Trích giảng và Đối chiếu



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

MỤC LỤC:

MỞ ĐẦU 1

Giải và Đối chiếu Kinh Phân Biệt Thánh Đế (Hán tạng) với Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (Pali tạng) 5

Giải và Đối chiếu Kinh Tịnh Bất Động Đạo (Hán tạng) với Kinh Bất Động Lợi Ích (Pali tạng) 73

Giải và Đối chiếu Kinh Niệm Thân (Hán tạng) với Kinh Thân Hành Niệm (Pali tạng) 128

Giải và Đối chiếu Kinh Cầu Pháp (Hán tạng) với Kinh Thừa Tự Pháp (Pali tạng) 235

Giải và Đối chiếu Kinh Khổ Ấm (Hán tạng) với Kinh Đại Khổ Uẩn (Pali tạng) 291

Giải và Đối chiếu Kinh Thuyết Xứ (Hán tạng) với Kinh Sáu Sáu (Pali tạng) 357

Giải và Đối chiếu Kinh Sư Tử Hống (Hán tạng) với Tiểu Kinh Sư Tử Hống (Pali tạng) 466

Giải và Đối chiếu Kinh Tu Nhàn Đề (Hán tạng) với Kinh Magandiya (Pali tạng) 506

Giải và Đối chiếu Kinh Nguyện (Hán tạng) với Kinh Ước Nguyện (Pali tạng) 616

Giải và Đối chiếu Kinh Niệm (Hán tạng) với Kinh Song Tầm (Pali tạng) . 647

MỞ ĐẦU

Thông thường người học Phật, khi mới vào Sơ đẳng đã được học các kinh như Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, Bát Đại Nhân Giác v.v... là những bài kinh được trích trong các bộ A-hàm.

Bốn bộ A-hàm gồm Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm. Bốn bộ A-hàm thuộc hệ Sanskrit được chư tổ dịch sang tiếng Hán, rồi từ Hán dịch sang tiếng Việt.

Bốn bộ kinh là Trường Bộ kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh và Tăng Chi Bộ kinh. Bốn bộ kinh này thuộc hệ Pāli do hòa thượng Thích Minh Châu dịch sang tiếng Việt, từ năm 1965 đến năm 1972.

Về ý nghĩa của mỗi bộ kinh, Agama (tiếng Phạn) đọc trại là A-hàm, nghĩa là Pháp quy. Quy là gom, tức là gom tất cả

các pháp của Phật dạy thành bốn bộ. Thế nên nói đến A-hàm, tức chỉ cho giáo pháp đức Phật đã nói, được kết tập lại thành bốn bộ.

Những bài pháp dài gom chung một bộ gọi là Trường A-hàm (Dirgha-āgama), do hai ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch năm 413 TL. Trường Bộ kinh tiếng Pāli là Digha-nikāya, nghĩa là dài, cũng có nghĩa là gom.

Trung A-hàm là gom chung những bài kinh vừa phải không dài không ngắn. Hệ Pali gọi là Trung Bộ kinh

Tạp A-hàm, tạp là lẫn lộn. Vì các bài kinh này có bài dài, bài ngắn, bài vừa chừng... được kết tập lẫn lộn, nên gọi Tạp A-hàm. Pāli dịch là Tương Ưng Bộ kinh. Tên kinh này hai bên dịch khác nhau. Bởi vì bên Pāli dịch tên kinh là nhắm thẳng vào từng phẩm, có phần hợp nhau thì gọi

là Tương Ưng. Như phẩm Nghiệp, phẩm Nhân Quả, phẩm Tứ Đế v.v... những bài kinh nói về nghiệp gom chung một phẩm, nói về Tứ đế gom chung một phẩm, nói về nhân quả gom chung một phẩm... Gồm hết những bài kinh đó lại một phẩm cùng loại thì gọi là Tương Ưng. Tạp A-hàm là đứng về số lượng các bài kinh dài ngắn lẫn lộn mà đặt tên. Tên gọi có khác nhưng về ý nghĩa thì hai bên không khác.

Tăng Nhất A-hàm, tăng là thêm, nhất là một. Những bài kinh đức Phật nói, thuộc một pháp thì gom chung một loại, hai pháp gom chung một loại, cứ như vậy cho đến mười lăm, mười sáu pháp... Những kinh này gọi là Tăng Nhất A-hàm. Hệ Pāli gọi là Tăng Chi Bộ kinh. Chi là phần, tăng chi là thêm từng phần.

Tạng kinh hệ Pāli rất đơn giản, gồm hết kinh Phật chỉ có năm bộ: Trường Bộ

kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh, Tăng Chi Bộ kinh và Tiểu Bộ kinh. Tiểu Bộ kinh gồm các kinh Bổn Sanh, Bổn Sự và những sự tích của chư tăng ni. Hán tạng thì chỉ nói bốn bộ A-hàm, phần Bổn sanh, Bổn sự thuộc về lịch sử nên ghi riêng. Ngoài bốn bộ A-hàm ra, còn có những bộ kinh khác như: Bát-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết-bàn v.v... rất nhiều. Do hai lối phiên dịch, nên về cách kết cấu và phần diễn đạt rộng hẹp có khác nhau chút ít. Khi chúng ta học sẽ thấy rõ ý nghĩa từng bài kinh, việc kết tập hoặc dài hoặc ngắn, những chỗ ưu khuyết, đủ thiếu, đơn giản hay phức tạp... của hai bên, để chúng ta đủ lòng tin trong sự tu học.

Thích Thanh Từ

Giải và Đối chiếu Kinh Phân Biệt Thánh Đế (Hán tạng) với Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến nước Xá-vệ ở vườn Cấp Cô Độc tại Thắng lâm. Khi ấy, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: Đây là Chánh hạnh thuyết pháp. Nghĩa là đối bốn thánh đế nhiếp rộng, quán rộng, phân biệt, hiển lộ, vạch trần, lập bày, chỉ rõ, hướng đến. Chư Như Lai, Đẳng chánh giác không chấp trước, thời quá khứ cũng có Chánh hạnh thuyết pháp này. Nghĩa là đối bốn thánh đế nhiếp rộng, quán rộng, phân biệt, hiển lộ, vạch

trần, lập bày, chỉ rõ, hướng đến. Chư Như Lai, Đẳng chánh giác không chấp trước, thời vị lai cũng có Chánh hạnh thuyết pháp này. Nghĩa là đối bốn thánh đế nhiếp rộng, quán rộng, phân biệt, hiển lộ, vạch trần, lập bày, chỉ rõ, hướng đến. Nay tôi là Như Lai, Đẳng chánh giác không chấp trước, ở hiện tại cũng có Chánh hạnh thuyết pháp này. Nghĩa là đối bốn thánh đế nhiếp rộng, quán rộng, phân biệt, hiển lộ, vạch trần, lập bày, chỉ rõ, hướng đến.

Giảng:

Kinh này Phật nói tại Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc.

Bắt đầu ngài tán thán pháp Tứ thánh đế, người nói pháp Tứ đế là chánh hạnh thuyết pháp. *Nghĩa là đối bốn thánh đế*

nhiếp rộng, quán rộng, phân biệt, hiển lộ, vạch trần, lập bày, chỉ rõ, hướng đến.

Chánh hạnh thuyết pháp này không chỉ riêng đức Phật Thích-ca hiện tại mà chư Phật thuở quá khứ và chư Như Lai đời vị lai cũng dùng chánh hạnh thuyết pháp như thế.

Pháp Tứ đế rất quan trọng, là cốt lõi của Phật pháp nên Phật nhấn mạnh để các Tỳ-kheo lưu tâm. Sau đây chúng ta dùng bản Pali để đối chiếu so sánh.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Baranasi (Ba-la-nại) (chỗ chư tiên đọa), tại Magadaya (Lộc Uyển). Tại đây Thế Tôn gọi các thầy Tỷ-kheo:
- Này các Tỷ-kheo!

- Bạch Thế Tôn!

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa xứ tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn thánh đế.

Thế nào là bốn? Sự khai thị, sự tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ thánh đế. Sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ Diệt thánh đế. Sự khai thị, tuyên thuyết... về Tập Khổ thánh đế. Sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ Diệt

Đạo thánh đế. Vô thượng pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn... hay một ai ở đời có thể chặn đứng... tức là sự khai thị, tuyên thuyết... bốn thánh đế.

Giảng:

Kinh Tứ đế đức Phật nói lần đầu tiên ở tại Lộc Uyển, lúc đó chỉ có năm anh em Kiều-trần-như, không có vị thứ sáu. Bài kinh này Phật lặp lại buổi thuyết pháp trước kia để gợi ý cho chư vị Tỳ-kheo nhờ ngài Xá-lợi-phất hướng dẫn.

Bên Hán tạng thì Phật nói kinh này ở nước Xá-vệ. Có thể Tứ thánh đế đã được Phật giảng dạy nhiều nơi, vì tầm mức quan trọng của nó nên địa danh kết tập

khác nhau. Đoạn này Pali giới thiệu tổng quát về Tứ thánh đế, chưa đi sâu chi tiết.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tỳ-kheo Xá-lợi Tử có trí tuệ thông suốt, trí tuệ nhanh chóng, trí tuệ mẫn tiệp, trí tuệ sắc bén, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ sâu xa, trí tuệ vượt ra, trí tuệ sáng sủa, trí tuệ biện luận. Tỳ-kheo Xá-lợi Tử thành tựu trí tuệ chân thật. Vì cớ sao? Vì tôi lược nói bốn thánh đế này, Tỳ-kheo Xá-lợi Tử hay vì người khác dạy rộng, quán rộng, phân biệt, hiển lộ, lập bày, chỉ rõ, hướng đến, khiến vô lượng người được quán. Tỳ-kheo Xá-lợi Tử hay lấy chánh kiến làm bậc dẫn đường. Tỳ-kheo Mục-kiền-liên hay đứng chỗ thật chứng tối thượng, là cứu cánh

giải thoát. Tỳ-kheo Xá-lợi Tử đối trong hàng hạnh thanh bạch như bà mẹ sanh con. Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đối trong hàng hạnh thanh bạch như bà mẹ nuôi con. Bởi thế, các vị hạnh thanh bạch phải trông nom, cúng dường cung kính, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lợi Tử và Mục-kiền-liên. Vì cớ sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi Tử, Mục-kiền-liên vì các hàng hạnh thanh bạch cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Thế Tôn nói như thế rồi, liền đứng dậy đi vào thiền thất ngồi yên tịnh.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, hãy thân cận Sariputta và Moggallana; này các Tỷ-kheo, hãy gần gũi Sariputta và Moggallana; các vị ấy là những Tỳ-

kheo hiền thiện (pandita), là những vị sách tấn các đồng phạm hạnh. Như một sanh mẫu. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Sariputta! Như một dưỡng mẫu, như vậy là Moggallana! Này các Tỷ-kheo, Sariputta hướng dẫn đến quả Dự lưu, còn Moggallana hướng dẫn đến tối thượng nghĩa. Này các Tỷ-kheo, Sariputta có thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ một cách rộng rãi bốn thánh đế.

Thế Tôn nói như vậy, nói như vậy xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá.

Giảng:

Đức Phật khen ngợi ngài Xá-lợi-phất được trí tuệ chân thật vì ngài có khả năng

giảng rộng, nói rộng, chỉ bày cho mọi người thấy rõ được pháp Tứ đế.

Tiếp đến Phật khen ngài Mục-kiền-liên cũng là bậc có trí tuệ chân thật. Tóm lại, hai câu thiết yếu Phật nói trong đoạn này: *Ngài Xá-lợi-phất đối với hàng* Tỳ-*kheo thanh bạch như bà mẹ sanh con; còn ngài Mục-kiền-liên đối với hàng* Tỳ-*kheo thanh bạch cũng như bà mẹ nuôi con*. Một người như bà mẹ sanh con, một như bà mẹ nuôi con. Hai vị đều đem lại lợi ích lớn, đem lại sự an ổn khoái lạc cho mọi người. Phật dạy các Tỳ-kheo phải cung kính, cúng dường, lễ bái và nương tựa.

Cả hai bên Hán tạng và Pali đều khen ngợi hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôn giả Xá-lợi Tử bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Chư hiền! Thế Tôn vì chúng ta ra đời. Nghĩa là vì chúng ta dạy rộng, chỉ bày rộng bốn thánh đế này, phân biệt, hiển lộ, vạch trần, lập bày, chỉ rõ, hướng đến. Thế nào là bốn? Là khổ thánh đế, khổ tập thánh đế, khổ diệt thánh đế, khổ diệt đạo thánh đế. Chư hiền! Thế nào là khổ thánh đế?

Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán thù gặp gỡ khổ, thương yêu xa lìa khổ, mong cầu không được khổ, tổng quát năm ấm hưng thịnh khổ.

Chư hiền! Nói sanh khổ là do nhân duyên gì ?

Chư hiền! Sanh là các loài chúng sanh kia sanh thì sanh, ra thì ra, thành thì thành, cấu tạo năm ấm rồi có mạng sống, gọi là sanh. Chư hiền, sanh khổ là khi chúng sanh sanh ra, thân thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết; tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân thọ bứt rứt, phiền não, lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ bứt rứt, phiền não, lo buồn, thọ khắp

hết, cảm xúc khắp hết. Chư hiền! Nói sanh khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Nói già khổ là do nhân duyên gì?

Chư hiền! Già là các loài chúng sanh kia, khi bị già yếu, đầu bạc, răng rụng, sức mạnh mỗi ngày suy giảm, lưng còng, gối mỏi, thân thể nặng nề, hơi xông lên trên, đi phải chống gậy, da nhăn, má hóp như hạt mè, các căn hư chín, nhan sắc xấu xa. Chư hiền! Già khổ khi chúng sanh kia già, thân thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ nóng, thọ

khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Chư hiền! Nói già khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Nói bệnh khổ là do nhân gì? Chư hiền! Bệnh, là nhức đầu, đau mắt, nhức tai, đau mũi, đau mặt, đau môi, đau răng, đau lưỡi, đau bướu, đau cổ, bệnh suyễn, bệnh ho, bệnh thổ tả, bệnh điên, bệnh nướu, bệnh hạ lỵ... Ngoài ra, còn các thứ khác, so đây thì biết. Nó do xúc mà sanh, không rời tâm, ở tại thân. Chư hiền! Bệnh khổ, là khi chúng sanh khi thọ bệnh, thân thọ khổ, thọ khắp

hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Tâm thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Chư hiền! Nói bệnh khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Nói chết khổ là do nhân gì? Chư hiền! Chết, là các loài chúng sanh kia mạng hết, vô thường, chết, tan mất, tuổi thọ hết, phá hoại, mạng

căn bị đóng bít. Chư hiền! Chết khổ, khi chúng sanh thân thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Thân tâm thọ bứt rứt phiền não lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Chư hiền! Nói chết khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Nói oán thù gặp gỡ khổ là do nhân gì? Chư hiền! Oán thù gặp

gỡ, là chúng sanh thật có sáu căn ở trong, không thích con mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà nó cùng chung hợp một chỗ, chung hợp là khổ. Như thế, ngoài sáu căn này, còn xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng như thế. Chư hiền! Chúng sanh thật có sáu giới, không thích đất, nước, gió, lửa, không, thức mà nó cùng chung hợp một chỗ, chung hợp là khổ. Chư hiền! Oán thù gặp gỡ khổ, là khi chúng sanh oán thù chung hội, thân thọ khổ, thọ khắp hết, cảm giác khắp hết, tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm giác khắp hết, thân tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm giác khắp hết. Chư hiền! Nói oán thù gặp gỡ khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Nói yêu thương chia lìa khổ là do nhân gì? Chư hiền! Yêu

thương chia lìa khổ, là chúng sanh thật có sáu căn ở trong, yêu thương mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nó lại phân tán không được chung hợp, chia lìa không hợp, không nhiếp, không chung cùng là khổ. Như thế, ngoài sáu căn còn xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng như vậy. Chư hiền! Chúng sanh thật có sáu giới, yêu thương đất, nước, lửa, gió, không, thức, nó lại phân tán không chung hợp, chia lìa không hợp, không nhiếp, không chung cùng là khổ. Chư hiền! Yêu thương chia lìa khổ, là chúng sanh khi chia lìa, thân thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Chư hiền!

Nói yêu thương chia lìa khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Nói mong cầu không được khổ là do nhân gì? Chư hiền! Chúng sanh sanh ra, không lìa sự sanh, muốn cho ta được không sanh, đây thật không do muốn mà được. Sự già chết, lo buồn, không lìa sự buồn, muốn cho ta được không lo buồn, đây thật cũng không do muốn mà được. Chư hiền! Chúng sanh thật có khổ về sanh, không vui, không thích, họ nghĩ thế này: "Ta sanh là khổ, không vui, không thích", muốn chuyển nó thành ra vui thích, đây cũng không do muốn mà được. Chư hiền! Chúng sanh sanh là vui, là ưa thích, muốn nó được thường còn lâu dài không biến đổi, đây cũng không do muốn mà

được. Chư hiền! Chúng sanh tư tưởng không vui, không thích họ nghĩ thế này: "Ta sanh tư tưởng không vui, không thích", muốn chuyển nó thành vui thích, đây cũng không do muốn mà được. Chư hiền! Chúng sanh thật sanh tư tưởng vui thích, họ nghĩ thế này: "Ta sanh tư tưởng vui thích, muốn nó được thường còn lâu dài không biến đổi", đây cũng không do muốn mà được. Chư hiền! Nói mong cầu không được khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Nói tổng quát năm ấm hưng thịnh khổ là do nhân gì? Là sắc ấm, thọ, tưởng, hành, thức ấm. Chư hiền! Nói tổng quát năm ấm hưng thịnh khổ là nhân như thế.

Chư hiền! Thời quá khứ nó là Khổ thánh đế, thời vị lai, hiện tại nó cũng

là Khổ thánh đế, chân thật không dối, không rời sự thật, cũng không điên đảo, chân chánh đúng sự thật nên gọi là đế. Thánh có, thánh biết, thánh thấy, thánh rõ, thánh được, thánh đã chánh giác nên gọi là Khổ thánh đế.

Giảng:

Sau khi Phật lui vào tịnh thất, ngài Xá-lợi-phất giảng Tứ thánh đế cho đại chúng. Trước tiên ngài giải thích về Khổ thánh đế. Khổ thánh đế gồm tám thứ: sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán thù gặp gỡ khổ, thương yêu xa lìa khổ, mong cầu không được khổ, năm ấm hưng thạnh khổ. Trong mỗi thứ khổ ngài đi sâu từng phần.

Sanh khổ là do nhân duyên gì? Trong kinh giải thích rất rộng. Từng đoạn kinh có sự trùng hợp, chúng ta chỉ đọc đầy đủ

một đoạn trên, các đoạn sau cũng có thể tự hiểu. Kinh nói rằng: *Chư hiền! Sanh là các loài chúng sanh kia sanh thì sanh, ra thì ra, thành thì thành, cấu tạo năm ấm rồi có mạng sống, gọi là sanh. Chư hiền, sanh khổ là khi chúng sanh sanh ra, thân thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ khổ, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết.*

Thân thọ nóng, thọ khắp hết cảm xúc khắp hết; tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ nóng, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết.

Thân thọ bứt rứt, phiền não, lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết, thân tâm thọ bứt rứt, phiền não, lo buồn, thọ khắp hết, cảm xúc khắp hết. Chư hiền! Nói sanh khổ là nhân như thế.

Theo kinh giải thích Sanh khổ có ba phần, thân thọ khổ là một, thân thọ nóng là hai, thân thọ bứt rứt phiền não lo buồn là ba. Những cảm thọ trên là nhân của khổ. Khi nắm vững được một đoạn này, nếu những đoạn sau có lặp lại nhiều lần chúng ta cũng biết rõ chừng ấy chuyện là thân, tâm, chung cả thân tâm gồm thọ khổ, thọ nóng nảy, thọ bứt rứt phiền não lo buồn. Các đoạn kinh nói về sanh, già, bệnh, chết đều nói giống nhau phần đó.

Thứ năm là *Oán thù gặp gỡ khổ*. Ở đây ngài chia ra trong thân có sáu *căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*. Nơi thân mình có sáu căn thường không thích hợp mà vẫn ở chung một chỗ, không thích mà *chung hợp là khổ*. Dễ hiểu hơn, như nói về tứ đại. Trong thân này bốn thứ đất, nước, gió, lửa chống đối nhau, bắt nó chung hợp nên khổ. Tánh chất của bốn thứ này trái

ngược nhau, hễ một đại lấn lướt thì thân chúng ta rối rắm đủ thứ không yên, khiến cho nay nhức đầu mai đánh gió v.v...

Ngoài sáu căn còn có *xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng như thế*. Cho đến *đất, nước, gió, lửa, không, thức,* sáu giới không thích hợp mà cùng chung ở một chỗ. Khổ về bản thân rồi còn khổ về ngoại cảnh, đó là khi *chúng sanh oán thù mà chung hội* với nhau.

Tóm lại, cái khổ này có hai: Khổ bên trong do bản chất tứ đại không hòa hợp mà bắt nó chung hợp cho nên khổ. Trong kinh Đại Bát-niết-bàn thí dụ, một cái giỏ hoặc cái thùng có bốn con rắn ở trong đó, cắn lộn nhau hoài. Muốn điều hòa nó là việc hết sức khó khăn. Bốn con rắn là chỉ cho đất, nước, lửa, gió trong thân, luôn chống trái mà lại ở chung, phá hoại lẫn nhau, đây là khổ của thân. Khổ bên ngoài

là khổ về cảnh, người không ưa, không thích mà chung hợp thì khổ vô cùng.

Khổ thứ sáu là *Yêu thương chia lìa khổ. Chúng sanh thật có sáu căn ở trong, yêu thương mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nó lại phân tán không được chung hợp, chia lìa không hợp, không nhiếp, không chung cùng là khổ. Như thế, ngoài sáu căn còn xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng như vậy. Chư hiền! Chúng sanh thật có sáu giới, yêu thương đất, nước, lửa, gió, không, thức, nó lại phân tán không chung hợp, chia lìa không hợp, không nhiếp, không chung cùng là khổ. Ý đoạn này nói rằng vì do ái thân muốn gìn giữ mà không được nên khổ. Những gì tâm yêu thích mà bị chia lìa nên khổ.* Đây là khổ do hoàn cảnh khi phải chia lìa với những người thân thuộc của mình. *Oán tắng hội khổ* và *Ái*

biệt ly khổ đều nhắm vào hai mặt, một là thân, hai là cảnh.

Khổ thứ bảy là *Mong cầu không được nên khổ. Chúng sanh sanh ra, không lìa sự sanh, muốn cho ta được không sanh...* Muốn được không sanh là mong cầu chỗ vô sanh không được, sắp chết muốn sống cũng không sống được. Hoặc mong sống lâu dài mà lại bị biến đổi, hết thảy những mong cầu đều không toại nguyện nên khổ. Tất cả sự việc đều không như ý của chúng ta, nên gọi mong cầu không được là khổ. Đoạn kinh kết thúc *Ta sanh tư tưởng vui thích, muốn nó được thường còn lâu dài không biến đổi, đây cũng không do muốn mà được. Chư hiền! Nói mong cầu không được khổ là nhân như thế.* Cuộc đời luôn luôn không như ý muốn của chúng ta, vì những điều mong muốn không được nên khổ, còn gọi là Cầu bất đắc khổ.

Khổ thứ tám là *Năm ấm xí thạnh khổ*. Quán chung thân năm ấm hưng thịnh là khổ.

Chúng ta thấy kinh nói những điều rất thiết thực. Điểm đặc biệt của giáo lý nhà Phật là lấy con người làm căn bản. Khi thuyết pháp Phật thường nói đến vấn đề cuộc sống, vui buồn của con người.

Ngài phân tích sanh, già, bệnh, chết và các thứ khổ để chúng ta nhận ra rằng chúng ta đang khổ. Đừng đặt chuyện thế giới còn hay không còn, xa vời lắm, chỉ cần nhận rõ chúng ta đang sống trong khổ não, biết được nguyên nhân của khổ để tìm cách diệt khổ. Đó là điều Phật chỉ dạy cụ thể. Đọc bài kinh này chúng ta thấy chủ trương của Phật hết sức rõ ràng. Khi nói chuyện tu hành, ngài chưa dạy tu trước mà ngài dạy chúng ta nhận định rõ ràng tại sao phải tu? Chính vì có khổ nên mới

tu, không khổ thì tu làm gì. Nên đầu tiên Phật đặt câu hỏi là con người đang khổ hay đang vui? Nếu có khổ thật thì Phật sẽ dạy cách tu để hết khổ.

Chúng ta cứ khuyên mọi người tu trong khi họ chưa ý thức thì làm sao tu được? Cũng như bác sĩ trị bệnh cho người, trước tiên phải hỏi bệnh làm sao, do đâu, từ đó mới cho toa uống thuốc. Nếu không có bệnh mà nói thuốc này hay, thuốc kia hay chỉ là vô ích. Cách thuyết pháp cụ thể này chư tăng ni phải nắm cho thật vững. Bởi thấy rõ ràng cuộc đời đau khổ, bản thân mỗi người đều đau khổ, nên phải tu để giải thoát khổ đau.

Chấp nhận đời đau khổ đó là thái độ bi quan, nhưng nếu thấy rõ khổ đau rồi, quyết tìm con đường thoát khổ, đó chính là tinh thần lạc quan của đạo Phật.

Chánh văn:

Tại đây tôn giả Sariputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

- Này chư hiền!

- Thưa vâng, hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

- Chư hiền, Vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa, tại Ba-la-nại... Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ diệt đạo thánh đế.

Và này chư hiền, thế nào là Khổ thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Này chư hiền, thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư hiền, như vậy gọi là sanh.

Này chư hiền, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Này chư hiền, như vậy gọi là già.

Này chư hiền, thế nào là chết? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới

loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Này chư hiền, như vậy gọi là chết.

Này chư hiền, thế nào là sầu? Này chư hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu của người ấy. Này chư hiền, như vậy gọi là sầu.

Này chư hiền, thế nào là bi? Này chư hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Này chư hiền, như vậy gọi là bi.

Này chư hiền, thế nào là khổ? Này chư hiền, sự đau khổ về thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sảng khoái do thân cảm thọ. Này chư hiền, như vậy gọi là khổ.

Này chư hiền, thế nào là ưu? Này chư hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ. Này chư hiền, vậy gọi là ưu.

Này chư hiền, thế nào là não? Này chư hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này chư hiền, như vậy gọi là não.

Này chư hiền, thế nào là cầu bất đắc khổ? Này chư hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối, mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này chư hiền, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối! Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu, não". Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này chư hiền, như thế nào là tóm lại, năm thủ uẩn là khổ? Như sắc thủ

uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư hiền, như vậy tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Giảng:

So sánh với Hán tạng chúng ta thấy hệ Pali giải thích đơn giản. Chúng ta quen theo Hán tạng chia ra có bát khổ, Pali tạng chia sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, danh từ dường như gần giống nhau.

Giải thích về sanh khổ: *Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư hiền, như vậy gọi là sanh*. Chỉ định nghĩa về sanh mà không nói vấn đề sanh là khổ, tức thiếu phần khổ. Bên Hán tạng giải thích đầy đủ hơn.

Này chư hiền, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Này chư hiền, như vậy gọi là già. Đoạn kinh này bên Pali trình bày ngắn gọn, bên Hán tạng nói đủ cả hai, khổ của thân, khổ của tâm.

Những vấn đề *sầu, bi, khổ, ưu, não* văn kinh Pali lặp đi lặp lại tương tợ. *Này chư hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu của người ấy. Này chư hiền, như vậy gọi là sầu.* Đoạn giải thích về bi cũng giống như vậy. Cũng sự việc đó nhưng bên thì sầu, bên thì bi ai than khóc. Hán tạng giải thích rất rõ ràng, đây nói sầu bi, rồi ưu não gần gần với nhau không được rõ lắm. Đến đoạn sau giải thích về khổ và ưu:

Này chư hiền, sự đau khổ về thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sảng khoái do thân cảm thọ. Này chư hiền, như vậy gọi là khổ.

Này chư hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ. Này chư hiền, vậy gọi là ưu. Pali chia khổ của thân gọi là Khổ, khổ của tâm gọi là ưu. Đau khổ của thân tâm đều do cảm thọ không sảng khoái, giải thích như vậy cũng dễ hiểu, giúp chúng ta có thêm ý niệm rõ ràng. Mỗi hệ kinh đều có sự sai biệt và bổ túc lẫn nhau. Chúng ta đọc cả hai hệ kinh sẽ thấm sâu hơn.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Chư hiền! Thế nào là Ái tập khổ tập thánh đế? Là chúng sanh thật có yêu sáu căn ở trong, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ở trong nếu có yêu thì có bẩn, có nhiễm, có trước, ấy gọi là tập.

Chư hiền! Đệ tử đa văn của thánh biết, ta biết pháp này là như thế, thấy như thế, xem như thế, rõ như thế, giác như thế, ấy gọi là Ái tập khổ tập thánh đế. Biết như thế là biết thế nào? Nếu người yêu mến vợ con, tôi tớ, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, tiền vay, của cải, là tạo nghiệp có ái, có nhân, có nhiễm, có trước, ấy gọi là tập. Kia biết đó là Ái tập khổ tập thánh đế. Như các vật bên

ngoài, xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng như thế.

Chư hiền! Chúng sanh thật có yêu sáu giới đất, nước, gió, lửa, không, thức, trong đó nếu có yêu là có nhân, có nhiễm, có trước, ấy gọi là tập.

Chư hiền! Đệ tử đa văn của thánh biết, ta biết pháp này là như thế, thấy như thế, rõ như thế, xem như thế, giác như thế, ấy gọi là Ái tập khổ tập thánh đế. Biết như thế là biết thế nào? Nếu người mến yêu vợ con, tôi tớ, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, tiền vay, của cải là tạo nghiệp có ái, có nhơ, có nhiễm, có trước, ấy gọi là tập. Kia biết đó là Ái khổ tập thánh đế.

Chư hiền! Thời quá khứ nó là Ái tập khổ tập thánh đế, thời vị lai, hiện

tại nó cũng là Ái tập khổ tập thánh đế. Chân thật không dối, không rời sự thật, cũng không điên đảo, chân chánh, đúng sự thật nên gọi là Đế. Thánh có, thánh biết, thánh thấy, thánh rõ, thánh được, thánh đã chánh giác nên gọi là Ái tập khổ tập thánh đế.

Chư hiền! Thế nào là Ái diệt khổ diệt thánh đế? Là chúng sanh thật có yêu sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý kia nếu giải thoát không nhiễm, không trước, dứt bỏ, mửa hết, không dục, diệt sạch, ấy gọi là khổ diệt.

Chư hiền! Đệ tử đa văn của thánh biết, ta biết pháp này như thế, thấy như thế, rõ như thế, xem như thế, giác như thế, ấy là Ái diệt khổ diệt thánh đế. Biết như thế là biết thế nào?

Nếu có người không mến yêu vợ con, tôi tớ, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, tiền vay, của cải, là không tạo nghiệp. Kia nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, dứt bỏ, mửa hết, không dục, diệt sạch, ấy là khổ diệt. Kia biết đó là Ái diệt khổ diệt thánh đế. Như các vật bên ngoài, xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng như thế.

Chư hiền! Chúng sanh thật có yêu sáu giới đất, nước, gió, lửa, không, thức. Kia nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, dứt bỏ, mửa hết, không dục, diệt sạch, ấy gọi là khổ diệt.

Chư hiền! Đệ tử đa văn của thánh biết, ta biết pháp này như thế, thấy như thế, rõ như thế, xem như thế, giác như thế, ấy là Ái diệt khổ diệt

thánh đế. Biết như thế là biết thế nào? Nếu có người không mến yêu vợ con, tôi tớ, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, tiền vay, của cải là không tạo nghiệp. Kia nếu giải thoát không nhiễm, không trước, dứt bỏ, mửa hết, không dục, diệt sạch, ấy gọi là khổ diệt. Kia biết đó là Ái diệt khổ diệt thánh đế.

Chư hiền! Thời quá khứ nó là Ái diệt khổ diệt thánh đế, thời vị lai, hiện tại nó cũng là Ái diệt khổ diệt thánh đế, chân thật không dối, không rời sự thật, không điên đảo, chân chánh đúng sự thật nên gọi là Đế. Thánh có, thánh biết, thánh thấy, thánh rõ, thánh được, thánh chánh giác, nên gọi là Ái diệt khổ diệt thánh đế.

Chánh văn:

Này chư hiền, thế nào là Khổ tập thánh đế?

Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Như Dục ái, Hữu ái, Vô hữu ái. Này chư hiền, như vậy gọi là Khổ tập thánh đế.

Này chư hiền, thế nào là Khổ diệt thánh đế?

Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy).

Này chư hiền, như vậy gọi là Khổ diệt thánh đế.

Giảng:

Khổ tập thánh đế cũng gọi là *Tập thánh đế* hay nói đơn giản là *Tập đế*. Kinh này nói *Ái tập khổ tập thánh đế* nghĩa là do ái nhóm họp nên khổ nhóm họp. Thánh đế tức là sự thật đã chứng đã biết. Chúng sanh vì yêu thích sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nên có nhiễm, có bẩn, có trước. Yêu thích sáu căn là động, là nguyên nhân của khổ. Ấy gọi là tập đế. Ngài Xá-lợi-phất giải thích: *Chư hiền! Đệ tử đa văn của thánh biết, ta biết pháp này là như thế, thấy như thế, xem như thế, rõ như thế, giác như thế, ấy gọi là Ái tập khổ tập thánh đế*. Đệ tử của Phật biết rõ nguyên nhân của khổ là ái tập. Như con mắt ưa thích cái gì chúng ta chiều theo ý thích của nó, tìm kiếm cái ưa thích, nếu không được thì sanh bực bội. Khi đã chiều tức là có nhiễm, có nhơ. Có nhiễm ắt có đắm

trước, có tội lỗi. Bên trong yêu sáu căn của mình, đến bên ngoài yêu vợ con, của cải, sự nghiệp nên sanh đắm trước cố giữ gìn, tạo nghiệp, có nhơ có nhiễm, gọi đó là tập. Đây là lớp thứ nhất.

Đến lớp thứ hai, *các vật bên ngoài như xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng như thế. Chư hiền! Chúng sanh thật có yêu sáu giới đất, nước, gió, lửa, không, thức, trong đó nếu có yêu là có nhơ, có nhiễm, có trước, ấy gọi là tập.* Tứ đại của thân cộng thêm không và thức thành sáu giới. Trong thân người có hư không mới được sống còn. Lỗ mũi phải trống không mới thở được, miệng phải trống không mới ăn được, lỗ tai phải trống không mới nghe được... Thức đại là khả năng nhận xét phân biệt của thân người. Trước, chúng ta chỉ biết tứ đại đất, nước, gió, lửa, kinh này nói thêm không và thức. Đoạn trên nói về căn, đến đây nói

thêm sáu giới là trùm cả trong lẫn ngoài, vật chất và tinh thần. Bởi có yêu sáu giới này nên có nhơ, có nhiễm, cộng thêm yêu gia đình, quyến thuộc, của cải, sự nghiệp, sanh ra nhơ, nhiễm... Ái là nguyên nhân gây ra đau khổ.

Chư hiền! Thời quá khứ nó là Ái tập khổ tập thánh đế, thời vị lai, hiện tại nó cũng là Ái tập khổ tập thánh đế. Chân thật không dối, không rời sự thật, cũng không điên đảo, chân chánh, đúng sự thật nên gọi là Đế. Thánh có, thánh biết, thánh thấy, thánh rõ, thánh được, thánh đã chánh giác nên gọi là Ái tập khổ tập thánh đế.

Đế là gì? Là sự thật, chân chánh, cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều như vậy, không thay đổi, gọi là đế. Tại sao gọi là Ái tập khổ tập thánh đế? Vì tất cả cái ái là nhân đau khổ. Xét kỹ có đúng không?

Chúng ta học kinh phải dùng trí nhận xét, không phải Phật nói sao mình nghe vậy. Thử hỏi, hết thảy khổ đau có phải từ ái mà ra không? Như khi thích cái đồng hồ, thứ nhất là phải chạy ra tiền mua, nếu thuận duyên có tiền mua được đồng hồ cũng là cực khổ rồi, khi mua được liền cho là mãn nguyện. Nhưng nếu có đồng hồ đẹp sợ người ta ăn cắp phải giữ gìn, thêm một cái khổ nữa, nếu rủi người ta lấy mất thì khổ hơn.

Cả ba giai đoạn đều khổ. Trước khi chưa có chạy tìm mua là khổ, được nó giữ gìn cũng khổ, giữ không được bị mất càng khổ hơn. Yêu thích bản thân hay ngoại cảnh đều khổ như nhau. Như một thanh niên thương một cô gái, đeo đuổi giữ gìn cô đó cũng khổ, rủi ro bị tật nguyền nghèo khổ, cô ấy bỏ đi cũng khổ. Nên biết, ái là gốc của đau khổ. Nhận thấy như vậy,

chúng ta phải buông hết tất cả các thứ ái tức là hết khổ, rất đơn giản.

Đức Phật và đệ tử ngài đều xác định không phải chỉ cái ái trong đời này là nguyên nhân của khổ, quá khứ vẫn như vậy, vị lai vẫn như vậy, không đổi dời. Nếu có cái này tức có cái kia. Có ái tập tức có khổ tập không chối được. Vì thế gọi là Ái tập khổ tập thánh đế.

Khi biết nó là khổ rồi thì phải làm sao? Trong kinh nói đến *Ái diệt khổ diệt thánh đế*. Diệt được ái thì khổ theo đó mà diệt. Hán tạng nói cũng giống như Pali. Là chúng sanh thật có yêu sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Kia nếu giải thoát không nhiễm, không trước, dứt bỏ, mửa hết, không dục, diệt sạch, ấy gọi là khổ diệt. Tất cả sự chất chứa chấp giữ đều buông bỏ hết gọi là khổ diệt. Nhân sạch rồi thì quả không còn. Từ ái thân, ái sự

nghiệp, gia đình, quyến thuộc thảy đều bỏ hết, buông sạch. Đó là diệt ái.

Phật nói Diệt đế là diệt các ái, diệt nhân của khổ. Nếu không còn bị các thứ đó chi phối, ngay đây là giải thoát. Không bận lòng thì cho ăn sao ăn vậy, cho mặc sao mặc vậy, đau cũng được, mạnh cũng được, không sợ không lo. Sở dĩ chúng ta lo sợ là vì sợ chết, nhưng bây giờ không ái thân, ái cảnh nữa tức nhiên là giải thoát. Đoạn kinh trên đã nêu rõ hai phần Tập thánh đế và Diệt thánh đế.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Chư hiền! Thế nào là Khổ diệt đạo thánh đế?

Là chánh kiến, chánh chí (chánh tư duy), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện

(chánh tinh tấn), chánh niệm, chánh định.

Chư hiền! Thế nào là chánh kiến?

Đệ tử thánh nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét các hành, thấy các hành là tai hoạn, thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát, ở trong đó chọn lựa, khắp chọn lựa, quyết trạch pháp, xem xét, khắp xem xét, quán sát thấu suốt, ấy gọi là chánh kiến.

Chư hiền! Thế nào là chánh chí (chánh tư duy)?

Đệ tử thánh nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét

các hành, thấy các hành là tai hoạn, thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát, ở trong đó tâm dò tìm, khắp dò tìm, tùy thuận dò tìm, cái đáng nghĩ thì nghĩ, cái đáng mong thì mong, ấy gọi là chánh chí.

Chư hiền! Thế nào là chánh ngữ?

Đệ tử thánh khi nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét các hành, thấy các hành là tai hoạn, thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát, ở trong đó xa lìa trừ dứt các thứ ác khẩu, chỉ còn lại bốn thứ nói lành, không tạo tác, không hội hiệp với các thứ ác, ấy gọi là chánh ngữ.

Chư hiền! Thế nào là chánh nghiệp?

Đệ tử thánh khi nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét các hành, thấy các hành là tai hoạn, thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát, ở trong đó trừ ba điều lành nơi thân ngoài ra các hạnh ác nơi thân đều xa lìa trừ dứt, không tạo tác, không hội hiệp, ấy gọi là chánh nghiệp.

Chư hiền! Thế nào là chánh mạng?

Đệ tử thánh khi nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét các hành, thấy các hành là tai hoạn, thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát,

ở trong đó không cầu vô lý, không tham muốn nhiều, không làm các thứ kỹ thuật, nói chú, tà mạng sinh sống, chỉ lấy đúng pháp cầu y không dùng phi pháp, cũng lấy đúng pháp cầu thực, cầu sàng tòa không dùng phi pháp, ấy gọi là chánh mạng.

Chư hiền! Thế nào là chánh phương tiện (chánh tinh tấn)?

Đệ tử thánh khi nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét các hành, thấy các hành là tai hoạn, thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát, ở trong đó nếu có phương tiện tinh tấn một bề chuyên cần cầu, có sức tiến đến chuyên chú không bỏ, không

lui sụt, chân chánh nhiếp phục tâm, ấy gọi là chánh phương tiện.

Chư hiền! Thế nào là chánh niệm?

Đệ tử thánh khi nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét các hành, thấy các hành là tai hoạn, thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát, ở trong đó niệm thuận, niệm nghịch, niệm khắp, niệm ghi nhớ, chí tâm ghi nhớ tâm không quên, chỗ tâm chuyên nhớ, ấy gọi là chánh niệm.

Chư hiền! Thế nào là chánh định?

Đệ tử thánh khi nghĩ xét khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quán việc làm trước, hoặc xét các hành, thấy các hành là tai hoạn,

thấy Niết-bàn là yên lặng, không ái trước, niệm quán tâm khéo giải thoát, ở trong đó tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không tán loạn, nhiếp yên chánh định, ấy gọi là chánh định.

Chư hiền! Thời quá khứ nó là khổ, tập, diệt, đạo thánh đế, thời vị lai, nó cũng là khổ, tập, diệt, đạo thánh đế. Chân thật không dối, không rời sự thật, cũng không điên đảo, chân chánh đúng sự thật nên gọi là Đế. Thánh có, thánh biết, thánh thấy, thánh rõ, thánh được, thánh chánh giác, nên gọi là Khổ diệt đạo thánh đế.

Nói tụng:

Phật rõ suốt các pháp,

Thấy thiện đức vô lượng,

Khổ, tập, diệt, đạo đế,

Khéo hiển bày phân biệt.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói như thế, các thầy Tỳ-kheo kia nghe tôn giả Xá-lợi Tử nói, hoan hỷ phụng hành.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Này chư hiền, thế nào là Khổ diệt đạo thánh đế.

Đó là thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư hiền, thế nào là chánh tri kiến?

Này chư hiền, tri kiến về khổ, tri kiến về khổ tập, tri kiến về khổ diệt,

tri kiến về khổ diệt đạo. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư hiền, thế nào là chánh tư duy?

Tư duy về ly tham, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư hiền, thế nào là chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không nói ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư hiền, thế nào là chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm.

Này chư hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư hiền, thế nào là chánh mạng?

Này chư hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư hiền, thế nào là chánh tinh tấn?

Này chư hiền, ở đây vị Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp

chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư hiền, thế nào là chánh niệm?

Này chư hiền, ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, tinh cần tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư hiền, thế nào là chánh định?

Này chư hiền, ở đây vị Tỷ-kheo sống ly tham ly ác bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly tham sanh, với tầm, với tứ. (Vị Tỷ-kheo ấy) diệt tầm diệt tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm. (Vị Tỷ-kheo) ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú thiền thứ ba. (Vị Tỷ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh định.

Này chư hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo thánh đế.

Chư hiền, vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư tiên đọa, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, ma (Vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn thánh đế.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời tôn giả Sariputta dạy.

Giảng:

Pali tạng nói về Khổ tập thánh đế căn bản cũng giống như Hán tạng, hơi khác ở chỗ *Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu*

với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Như Dục ái, Hữu ái, Vô hữu ái. Này chư hiền, như vậy gọi là Khổ tập thánh đế. Bên đây chia ái thành ba thứ, Dục ái, Hữu ái, Vô hữu ái. Tức là ái Dục giới, ái Sắc giới và ái Vô sắc giới. Sở dĩ có tái sanh trong ba cõi là do ái dẫn dắt đi, kèm theo vui thích tham muốn về ba cõi. Hán tạng chỉ nói về ái trong thân và ngoại cảnh. Xét kỹ tham ái bên Pali nói, gốc cũng đều từ ái trong thân và ái ngoại cảnh, nói rộng ra ba cõi.

Phần Khổ diệt thánh đế hay còn gọi là Diệt đế, Pali nói ngắn gọn là: *Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy)*, nghĩa là chỉ nói về sự buông bỏ, xả ly, không nói rõ như Hán tạng về chỗ Ái diệt tức Khổ diệt. Hán tạng nhấn mạnh từ chỗ yêu thích sáu căn dẫn đến

yêu thích các vật bên ngoài đến mến yêu vợ con, nhà cửa... Khi không mến yêu vợ con, nhà cửa, tiền bạc là không tạo nghiệp, đó là Ái diệt khổ diệt thánh đế. Nếu biết rõ chỗ *không nhiễm, không trước, dứt bỏ, mửa hết, không dục, diệt sạch, ấy là khổ diệt.*

Phần Khổ diệt đạo thánh đế hay còn gọi là Đạo đế, tức là Bát thánh đạo gồm có:

Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Chánh tri kiến là gì? Pali nói: *Này chư hiền, tri kiến về khổ, tri kiến về khổ tập, tri kiến về khổ diệt, tri kiến về khổ diệt đạo. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.* So sánh với Hán tạng, nói rõ là phải *chọn lựa, xem xét, quyết trạch, quán sát thấu suốt.*

Này chư hiền, thế nào là chánh tư duy?

Tư duy về ly tham, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh tư duy. Pali giải thích suy nghĩ đúng chánh pháp là suy nghĩ lìa dục, suy nghĩ cái gì để không sân hận, suy nghĩ cái gì để không có hại.

Hán tạng giải thích về chánh tư duy là quán xét Tứ đế đúng như thật, quán *các tà hạnh là tai hoạn, Niết-bàn là yên lặng giải thoát. Trong đó dò tìm cái đáng nghĩ thì nghĩ, cái đáng mong thì mong.*

Này chư hiền, thế nào là chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không nói ác khẩu, tự chế không nói lời ỷ ngữ. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư hiền, thế nào là chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư

hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp. Phần chánh ngữ và chánh nghiệp, hai bên giống nhau.

Này chư hiền, thế nào là chánh mạng?

Này chư hiền, ở đây vị thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh mạng. Pali chỉ nói đơn giản từ bỏ tà mạng sống chánh mạng, không nói tà mạng là gì. Hán tạng giải thích rõ là *không tham cầu vô lý, không tham muốn nhiều, không đọc bùa chú v.v... Tất cả tà mạng phải bỏ.*

Này chư hiền, thế nào là chánh tinh tấn?

Này chư hiền, ở đây vị Tỷ-kheo, đối với cái ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn,

quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn. Pali giải thích chánh tinh tấn là thực hiện Tứ chánh cần. Nghĩa là điều ác chưa sanh đừng cho sanh; điều ác đã sanh dùng mọi phương tiện để tiêu diệt; điều thiện chưa sanh làm cho nó sanh; điều thiện đã sanh gắng làm cho tăng trưởng.

Hán tạng giải thích chánh tinh tấn còn gọi là *chánh phương tiện* là *một bề chuyên cần, thú hướng, chân chánh nhiếp phục tâm.*

Này chư hiền, thế nào là chánh niệm?

Này chư hiền, ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, tinh cần tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh niệm. Pali giải thích chánh niệm là tu quán Tứ niệm xứ. Quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên pháp. Quán thân trên thân là luôn xét thân mình do tứ đại hòa hợp hay là quán ba mươi sáu vật nhơ nhớp trong thân. Niệm quán như vậy không xen tư tưởng nào khác gọi là chánh niệm. Hoặc quán thọ thì quán tất cả mọi cảm thọ đều là khổ. Quán tâm vô thường. Quán pháp vô ngã. Tu Tứ niệm xứ kết quả, đây gọi là chánh niệm.

Hán tạng giải thích chánh niệm là suy niệm về Tứ đế, suy niệm liên tục, ức niệm biến mãn, tâm niệm không xao lãng. Hán tạng mang tinh thần Đại thừa, khai triển ra thì tâm chuyên chú niệm Phật cũng là chánh niệm.

Này chư hiền, thế nào là chánh định?

Này chư hiền, ở đây vị Tỳ-kheo sống ly tham ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly tham sanh, với tầm, với tứ. (Vị Tỳ-kheo ấy) diệt tầm diệt tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm. (Vị Tỳ-kheo) ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú thiền thứ ba. (Vị Tỳ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả

niệm thanh tịnh. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh định. Pali giải thích chánh định là căn cứ vào Tứ thiền. Tỳ-kheo được định Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, gọi là chánh định. Hán tạng nhấn mạnh *tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất chánh định.* Như vậy cách giải thích này rộng rãi hơn Pali tạng.

Phần kết luận hai bên có sai khác. Bên Hán tạng, ngài Xá-lợi-phất xác định Tứ thánh đế là đạo diệt khổ chắc thật trong ba thời gian, đó là sự giác ngộ tối thượng chân chánh. Ngài kết thúc bằng bài tụng khen ngợi Phật. Pali nhắc lại đoạn mở đầu kinh, giới thiệu Vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn chuyển vận ở Lộc Uyển, đó là sự phân biệt hiển lộ Tứ thánh đế.

Chúng ta thấy qua phần kết tập tuy hai hệ kinh có những chi tiết dị biệt, nhưng tựu trung đều nói lên cốt lõi của đạo Phật. Mục đích thực sự của đức Phật khi thuyết pháp, bắt đầu chuyển bánh xe pháp là nói đến khổ, nguyên nhân của khổ, sự dứt khổ và con đường dứt khổ. Ý nghĩa này luôn luôn lặp đi lặp lại trong các bài kinh, dù Hán tạng hay Pali cũng chỉ một mục đích.

Giải và Đối chiếu Kinh Tịnh Bất Động Đạo (Hán tạng) với Kinh Bất Động Lợi Ích (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến Câu-lâu-sấu tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

Dục là vô thường, là dối trá, nói dối. Pháp dối trá ấy là huyễn hóa dối gạt kẻ ngu si. Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu cái sắc hiện đời và cái sắc đời sau, tất cả thứ ấy là cảnh giới ma, là mồi của ma. Nhân có tâm sanh vô lượng pháp ác, tăng tham, sân và đấu tranh v.v... Đệ tử Thánh khi học bị làm chướng ngại.

Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Thế Tôn nói dục là vô thường, dối trá, nói dối. Pháp dối trá ấy là huyễn hóa, dối gạt kẻ ngu si. Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu sắc hiện đời và sắc đời sau, tất cả thứ ấy là cảnh giới ma, là mồi của ma. Nhân có tâm sanh vô lượng pháp ác, tăng tham, sân, và đấu tranh v.v... Đệ tử Thánh khi học bị làm chướng ngại. Kia nghĩ thế này: "Ta nên được đại tâm thành tựu tự tại, dẹp lấp thế gian, nhiếp trì tâm ấy. Nếu ta được đại tâm thành tựu tự tại, dẹp lấp thế gian, nhiếp trì tâm ấy. Như thế tâm không sanh vô lượng pháp ác, không tăng tham, sân và đấu tranh v.v... Đệ tử Thánh khi học không bị làm chướng ngại". Kia lấy đó mà hành, lấy đó mà

học, tu tập và rộng truyền bá như thế, liền nơi đây được tâm tịnh.

Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Kia lấy đó mà hành, lấy đó mà học, tu tập và rộng truyền bá như thế, liền nơi đây được tâm tịnh.

Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc lấy tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến bất động. Ấy là nói Tịnh bất động đạo thứ nhất.

Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Nếu có sắc, tất cả thứ ấy đều do tứ đại và tứ đại tạo.

Tứ đại là pháp vô thường, là khổ, là diệt. Kia hành như thế, học như thế,

tu tập và truyền bá như thế, liền nơi đây được tâm tịnh.

Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc lấy tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến bất động. Ấy là nói Tịnh bất động đạo thứ hai.

Đệ tử bác học của Thánh quán thế này: Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu sắc hiện đời và sắc đời sau, nếu tưởng dục hiện đời và tưởng dục đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và tưởng sắc đời sau, tất cả cái tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt, kia khi ấy được tưởng bất động.

Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tịnh tâm. Nơi đây được

tịnh tâm rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc dùng tuệ làm giải. Kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến bất động. Ấy là Tịnh bất động đạo thứ ba.

Đệ tử bác học của Thánh quán thế này: Nếu cái tưởng dục hiện đời và đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và đời sau và tưởng bất động, tất cả thứ tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt, kia khi ấy được tưởng Vô sở hữu xứ.

Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc lấy tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý

trước ắt đến bất động. Ấy là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất.

Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Đời này không, thần không, sở hữu thần không, hữu thường không, hữu hằng không, trường tồn không, chẳng biến đổi. Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tịnh tâm. Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo kia hoặc nơi đây vào Vô sở hữu xứ. Hoặc lấy tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến Vô sở hữu xứ. Ấy là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ hai.

Đệ tử bác học của Thánh quán thế này: Ta không phải vì khác mà có, cũng không phải vì mình mà có. Kia hành như thế, học như thế, tu tập và

truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây được vào Vô sở hữu xứ. Hoặc dùng tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến Vô sở hữu xứ đạo. Ấy là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ ba.

Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu cái sắc hiện đời và cái sắc đời sau, nếu tưởng dục hiện đời và tưởng dục đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và tưởng sắc đời sau, nếu tưởng bất động, tưởng vô sở hữu xứ, tất cả cái tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt, kia khi ấy được vô tưởng. Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Nơi đây được tâm

tịnh rồi, Tỳ-kheo kia hoặc hiện đời được vào Vô tưởng. Hoặc dùng tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến Vô tưởng xứ. Đó là nói Tịnh vô tưởng đạo.

Giảng:

Phật nói kinh này tại Câu-lâu-sấu (Kuru). *Tịnh bất động đạo* hay *Bất động lợi ích* là các phương tiện để đạt đến trụ xứ an tịnh bất động. Phật vì các Tỳ-kheo giảng dạy bảy phương pháp tu tập.

Đầu tiên đức Phật dạy rằng: *Dục là vô thường, là dối trá, nói dối. Pháp dối trá ấy là huyễn hóa dối gạt kẻ ngu si*. Căn bệnh đã khiến hàng đệ tử Phật bị trở ngại trong khi tu chính là dục. Phải nhận rõ tính chất dối trá của dục để đừng lầm chạy đuổi theo. Hàng đệ tử Thánh không phải ngu si nên không bị dục lừa gạt, nếu ai

ngu si bị dục lừa gạt thì không phải đệ tử Thánh.

Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu cái sắc hiện đời và cái sắc đời sau, tất cả thứ ấy là cảnh giới ma, là mồi của ma. Nhân có tâm sanh vô lượng pháp ác, tăng tham, sân, và đấu tranh v.v... Đệ tử Thánh khi học bị làm chướng ngại.

Hán tạng nói tất cả dục và sắc trong hiện tại, vị lai đều là cảnh giới ma, là mồi của ma. Pali nói rõ hơn là lãnh vực của ma, cảnh giới của ma, chỗ dinh dưỡng của ma. Phật chỉ cần nói dục đời này là đủ, tại sao lại nói thêm đời sau nữa? Bởi con người không những muốn hưởng dục đời này mà mong muốn hưởng dục cả đời sau. Hoặc có người nhàm chán dục hiện đời nhưng lại mong ước được hưởng dục đời sau, như vậy là vẫn còn sanh tử. Nên Phật dạy chúng ta phải thấy rõ dục và sắc hiện tại,

vị lai đều là cảnh giới ma, là mồi của ma. Tất cả chúng ta có bị ma nhử mồi và bị cắn câu không? Nếu có thì cũng giống như mấy con cá bị dính câu quăng lên bờ giãy giụa. Dục và sắc đều là tạm bợ vô thường, thế mà mọi người mê đắm thì không phải là bị ma gạt sao? Cũng chính từ dục và sắc mà sanh vô lượng pháp ác. Tất cả lo rầu mừng giận đấu tranh đều từ ngũ dục mà ra. Đệ tử Thánh khi học đạo, hành đạo thường bị nó làm chướng ngại. Người vượt qua ngũ dục mới là bậc anh hùng, ngược lại là kẻ bị thua trận. Mở đầu bài kinh Phật nêu lên tai họa của dục và sắc. Khi thấy được manh mối và thấy rõ sự hiểm nguy rồi, Phật mới dạy con đường giải thoát (Tịnh bất động).

Thứ nhất, *Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này.* Chữ *Thánh* ở đây là chỉ cho Phật. Đa văn là người học rộng nghe

nhiều. *Thế Tôn nói dục là vô thường, dối trá, nói dối. Pháp dối trá ấy là huyễn hoá, dối gạt kẻ ngu si. Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu sắc hiện đời và sắc đời sau, tất cả thứ ấy là cảnh giới ma, là mồi của ma. Nhân có tâm sanh vô lượng pháp ác, tăng tham, sân, và đấu tranh v.v... Đệ tử Thánh khi học bị làm chướng ngại.*

Chúng ta phải ghi nhớ lời dạy này. Muốn không bị dục và sắc làm chướng ngại phải làm sao? *Kia nghĩ thế này: Ta nên được đại tâm thành tựu tự tại, dẹp lấp thế gian, nhiếp trì tâm ấy*. Nói theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy, *đại tâm* nghĩa là Tứ vô lượng tâm. Quán lòng từ trùm khắp, quán lòng bi trùm khắp, quán hỷ, xả trùm khắp hết gọi là đại tâm. Khi quán tâm rộng lớn trùm khắp được thành tựu thì không tăng tham, sân, lúc đó không bị chướng ngại khi tu học.

Kia lấy đó mà hành, lấy đó mà học, tu tập và rộng truyền bá như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc lấy tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến bất động. Ấy là nói Tịnh bất động đạo thứ nhất. Đệ tử Phật phải theo lời dạy đó tu học, truyền bá rộng rãi. Nhân từ, bi, hỷ, xả trùm khắp mà tâm mình được thanh tịnh, vào được bất động. Nếu ứng dụng tu Tứ vô lượng tâm, quán trùm khắp hết, tâm hành giả không bị cảnh sắc và dục làm cho lay động nên được tâm thanh tịnh, được bất động, luôn lấy trí tuệ làm chỗ hiểu. Như vậy, nhân tâm tịnh rồi đi đến bất động, nhân bất động nên khi chết nếu còn sanh thì sanh chỗ bất động. Đó là đường thứ nhất của chúng ta đi. Phật nói đây là còn sanh mà sanh ở chỗ bất động.

Thứ hai, *Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Nếu có sắc, tất cả thứ ấy đều do tứ đại và tứ đại tạo.* Thân này do đất, nước, gió, lửa, hòa hợp mà thành, tứ đại của thân là sở tạo. Đất, nước, lửa, gió của trời đất là năng tạo. Cũng như chúng ta nắn đất thành một cục gạch, đất là năng tạo, nung thành gạch là sở tạo của đất.

Tứ đại là pháp vô thường, là khổ, là diệt. Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Phật dạy quán tất cả đều là vô thường, là pháp sanh diệt khổ não. Ngay đó tu học và hành như thế, truyền bá rộng rãi liền được tâm thanh tịnh. Do không còn nhiễm trước thân này, tứ đại trong và ngoài thảy đều không đắm nhiễm, tự nhiên tâm được thanh tịnh.

Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc lấy tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến bất động. Ấy là nói Tịnh bất động đạo thứ hai. Con đường Tịnh bất động thứ nhất là dùng từ, bi, hỷ, xả. Con đường Tịnh bất động thứ hai là ứng dụng quán tứ đại vô thường, là pháp khổ, pháp sanh diệt. Nhờ quán như vậy tâm được thanh tịnh rồi đi đến bất động, tức là được định. Đây là con đường Tịnh bất động thứ hai.

Thứ ba, *Đệ tử bác học của Thánh quán thế này: Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu sắc hiện đời và sắc đời sau, nếu tưởng dục hiện đời và tưởng dục đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và tưởng sắc đời sau, tất cả cái tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt, kia khi ấy được tưởng bất động.* Đến đây quán tất cả

tưởng của dục đời quá khứ, hiện tại và vị lai, tất cả tưởng của sắc hiện đời và đời sau, đều là pháp vô thường, khổ. *Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tịnh tâm. Nơi đây được tịnh tâm rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc dùng tuệ làm giải. Kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến bất động. Ấy là Tịnh bất động đạo thứ ba.*

Thứ tư, *Đệ tử bác học của Thánh quán thế này: Nếu cái tưởng dục hiện đời và đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và đời sau và tưởng bất động, tất cả thứ tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt, kia khi ấy được tưởng Vô sở hữu xứ. Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây vào bất động. Hoặc lấy tuệ làm*

giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến bất động. Ấy là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất.

Sau ba giai đoạn Tịnh bất động, đến giai đoạn thứ tư này chuyển sang ý mới, không dừng ở chỗ bất động mà tiến sâu vào tưởng Vô sở hữu xứ tức là chỗ rỗng không, không có hình tướng. Khi được tưởng Vô sở hữu xứ, tức thành tựu tưởng rỗng không liền sanh chỗ bất động. Ấy gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất.

Thứ năm, *Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Đời này không, thần không. Đời này không* là một cái không. *Thần không* tức là thần ngã không, hay linh hồn không. *Sở hữu thần không*, những sở hữu của linh hồn hay thần ngã cũng không. *Hữu thường không, hữu hằng không*, những gì thế gian cho là thường, là hằng tất cả đều không. *Trường tồn không,*

chẳng biến đổi, cái gì thế gian cho là còn mãi mãi cũng không. *Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tịnh tâm. Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo kia hoặc nơi đây vào Vô sở hữu xứ. Hoặc lấy tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến Vô sở hữu xứ. Ấy là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ hai.*

Hai đoạn kinh nói về Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất và thứ hai khác nhau chỗ nào?

- Đạo thứ nhất quán về dục tưởng, về sắc tưởng, về bất động tưởng đều là vô thường, là pháp tiêu diệt, không nên trụ.

- Đạo thứ hai nói về thân hiện đời không, thần ngã của thân này không, tất cả sở hữu của thân cũng không, những gì người ta cho là thường, là hằng, là trường tồn vĩnh cửu, tất cả đều không. Tất cả cái

thấy đều là không. Tất cả cái thấy đều không thì cái không đó không biến đổi. Người nào quán được như thế, truyền bá được như vậy thì sau khi mạng chung ắt được sanh về Vô sở hữu xứ, tức là đến chỗ rỗng không, không còn tướng mạo. Đó gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ hai. Phần trên quán tưởng không, đến đây quán tất cả trong thân, ngoài thân đều không.

Thứ sáu, *Đệ tử bác học của Thánh quán thế này: Ta không phải vì khác mà có, cũng không phải vì mình mà có. Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Nơi đây được tâm tịnh rồi, Tỳ-kheo ấy hoặc nơi đây được vào Vô sở hữu xứ. Hoặc dùng tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến Vô sở hữu xứ đạo. Ấy là Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ ba.* Nghĩa là thấy nơi mình không

phải thật có, người cũng không phải thật có. Năng tạo không thật có, sở tạo cũng không thật, năng sở đều không. Nếu người nào quán được như vậy tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi vào Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ ba. Đạo thứ nhất, thứ hai ở trước và thứ ba này thuộc về Vô sở hữu xứ, tức được sanh ở cõi trời Vô sở hữu xứ thuộc quán không.

Thứ bảy, *Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu sắc hiện đời và sắc đời sau, nếu tưởng dục hiện đời và tưởng dục đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và tưởng sắc đời sau, nếu tưởng bất động, tưởng Vô sở hữu xứ, tất cả cái tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt, kia khi ấy được vô tưởng. Kia hành như thế, học như thế, tu tập và truyền bá rộng như thế, liền nơi đây được tâm tịnh. Nơi đây được tâm tịnh*

rồi, Tỳ-kheo kia hoặc hiện đời được vào Vô tưởng. Hoặc dùng tuệ làm giải, kia thời gian sau mạng chung nhân ý trước ắt đến Vô tưởng xứ. Đó là nói Tịnh vô tưởng đạo.

Phần cuối này tóm hết các pháp quán ở trước. Từ quán tưởng Tứ vô lượng tâm, đến quán tưởng tứ đại trong ngoài, quán tưởng dục, tưởng sắc ở thế gian là vô thường, tiếp đến quán tưởng không.

Cuối cùng cái quán tưởng không cũng dứt sạch, buông hết không còn. Bởi tưởng không cũng là tưởng, không tất cả nhưng vẫn còn cái tưởng không, nên tiếp đến chữ không cũng phải buông luôn, tất cả tưởng đều buông sạch. Buông hết mọi niệm tưởng thì được Vô tưởng, gọi là Tịnh vô tưởng đạo.

Tóm lại, đoạn kinh này Phật dạy tường tận về các con đường *Tịnh bất động đạo.*

PALI TẠNG

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kuru (Câu-lâu). Kammassadhamma (Kiếm-ma-sắt-đàm) là thị trấn của dân chúng Kuru.

Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, dục vọng là vô thường, trống rỗng, giả dối, thuộc ngu si tánh. Này các Tỷ-kheo, đây là lời chào sáo của kẻ ngu xây dựng trên giả dối. Các dục vọng hiện tại, các dục vọng tương lai, các dục tưởng

hiện tại, các dục tưởng tương lai, cả hai thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma.

Ở đây các ác bất thiện ý này dẫn đến tham dục, sân hận, khích động, và chính những pháp ấy tác thành chướng ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập. Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Các dục vọng hiện tại và dục vọng tương lai... cho Thánh đệ tử học tập. Vậy ta hãy an trú với tâm quảng đại, đại hành, sau khi chiến thắng thế giới, sau khi xác định vị trí của ý. Khi ta an trú với tâm quảng đại, đại hành chiến thắng thế giới, xác định vị trí của ý, các ác bất thiện ý: tham dục, sân hận, khích động sẽ không khởi

lên; với các pháp ác ấy được đoạn trừ, tâm của ta không trở thành hạn hẹp, trái lại thành vô lượng, khéo tu tập.

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an trú trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến bất động. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau:

Những dục vọng hiện tại và những dục vọng tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng

tương lai, và phàm bất cứ sắc pháp gì, là bốn đại chủng và sắc do bốn đại tạo thành.

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến bất động. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo trong lợi ích bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Những dục vọng hiện tại và những dục vọng tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những

sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, cả hai đều vô thường. Cái gì vô thường không đáng để được hoan hỷ, không đáng để được hoan nghênh, không đáng để được chấp trước.

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến bất động. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Những dục vọng hiện tại... và những sắc tưởng tương lai, và những bất động tưởng, tất cả tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là vô sở hữu.

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây và suy nghĩ như sau: Trống không là tự ngã này hay ngã sở hữu.

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Và lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và

trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, (cho ai) và trong hình thức nào.

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, các thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Và lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Những dục vọng hiện tại... và những sắc tưởng và những bất động tưởng, và những Vô sở hữu xứ tưởng, tất cả các

tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó). Với tâm an tịnh vị ấy có thể thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ ngay trong hiện tại, hoặc thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là hành đạo về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Giảng:

Phần mở đầu hai bên đều giống nhau về nơi chốn và hình thức tu quán, chỉ sai

biệt chút ít trên danh từ. Tạng Pali cũng nói tất cả cái dục, sắc cho đến hết thảy tưởng đều không đáng hoan nghênh, không nên chấp trước. Nếu được như vậy thì hành giả sẽ đi đến lợi ích bất động. Pali nói vị Thánh đệ tử suy nghĩ về dục, về sắc... Hán tạng thì nói *đệ tử đa văn của Thánh quán về dục, sắc...* Kết quả đạt được, Pali gọi là *đệ nhất hành đạo về lợi ích bất động, đệ nhị, đệ tam...* Hán tạng gọi là *Tịnh bất động đạo thứ nhất, thứ hai, thứ ba...* Phần lớn đó là các cõi trời Thiền trong Sắc giới: trời Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Như vậy tu quán bất động thì được sanh trong các cõi trên.

Đến các giai đoạn sau, *Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Những dục vọng hiện tại... và những sắc tưởng tương lai, và những bất động tưởng, tất cả tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được*

đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là vô sở hữu. Tức là với tất cả tưởng về dục, tưởng về sắc, tưởng bất động, khi diệt được những tưởng đó rồi được vào vô sở hữu. Do đó phát sanh trí tuệ, nhờ có trí tuệ tu tiến lên.

Trống không là tự ngã này hay ngã sở hữu. Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Trống không là tự ngã này hay ngã sở hữu, nghĩa là tưởng trống không, ta là cái rỗng không, những thứ gì thuộc về ta cũng rỗng không.

Phần tiếp theo, bên Hán tạng nói: *Ta không phải vì khác mà có, cũng không phải vì mình mà có.* Pali nói: *Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, (cho ai) và trong hình thức nào.*

Tức là ta không có, không vì ai mà có, ta không có bất cứ hình thức nào. Ý nói không có ta và người, cũng không có sở thuộc. *Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.* Nếu hành trì được không có cả ba như trên đã nói, liền đi đến chỗ không ta, không người, không cha mẹ, anh em, đạt được Vô sở hữu xứ thứ ba.

Phần kết thúc, *Những dục vọng hiện tại... và những sắc tưởng và những bất động tưởng, và những Vô sở hữu xứ tưởng,*

tất cả các tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tức là tất cả nghĩ tưởng đều diệt hết, nhưng còn cái nghĩ diệt các tưởng. Cái nghĩ đó cũng là tưởng, tuy không phải tưởng thô nhưng cũng chẳng phải là không có tưởng.

Đó gọi là *Phi tưởng phi phi tưởng xứ.*

Tóm lại, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều thuộc về quán không. Đến Phi phi tưởng cũng còn có niệm nên chưa được Niết-bàn.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Khi ấy, tôn giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật bạch:

- Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo hành như thế: Không ngã, không ngã sở, ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, nếu trước có liền xả hết. Thế Tôn! Tỳ-kheo hành như thế trọn được vào Niết-bàn chăng?

Thế Tôn bảo:

- A-nan! Việc này không định, hoặc có người được, hoặc có người không được.

- Thế Tôn! Tỳ-kheo hành thế nào chẳng được Niết-bàn?

- A-nan! Nếu Tỳ-kheo hành như thế: Không ngã, không ngã sở, ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, nếu trước có liền xả hết. A-nan! Nếu Tỳ-kheo mến cái xả ấy, đắm trước cái xả

ấy. A-nan! Tỳ-kheo như thế ắt không được vào Niết-bàn.

- Thế Tôn! Tỳ-kheo nếu có chỗ thọ thì không được vào Niết-bàn chăng?

- A-nan! Nếu Tỳ-kheo có chỗ thọ ắt không được vào Niết-bàn.

- Thế Tôn! Tỳ-kheo kia thọ thế nào?

- A-nan! Trong cái hành hữu dư. Nghĩa là chỗ hữu tưởng và vô tưởng, trong cái hữu nó là bậc nhất. Đó là chỗ Tỳ-kheo kia thọ.

- Thế Tôn! Tỳ-kheo kia thọ dư hành chăng?

- A-nan! Như thế Tỳ-kheo kia thọ dư hành.

- Thế Tôn! Tỳ-kheo hành thế nào ắt được vào Niết-bàn?

- A-nan! Nếu Tỳ-kheo hành như thế: Không ngã, không ngã sở, ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, nếu trước có liền xả hết. A-nan! Nếu Tỳ-kheo không mến cái xả kia, không đắm trước cái xả kia, không trụ cái xả kia. A-nan! Tỳ-kheo hành như thế ắt được vào Niết-bàn.

- Thế Tôn! Tỳ-kheo nếu không chỗ thọ ắt được vào Niết-bàn chăng?

- A-nan! Nếu Tỳ-kheo không có chỗ thọ ắt được vào Niết-bàn.

Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật bạch:

- Thế Tôn đã nói Tịnh bất động đạo, đã nói Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã nói Tịnh vô tưởng đạo, đã nói Vô dư

Niết-bàn. Thế Tôn! Thế nào là giải thoát của Thánh?

- A-nan! Đệ tử đa văn của Thánh quán thế này: Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu sắc hiện đời và sắc đời sau, nếu tưởng dục hiện đời và tưởng dục đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và tưởng sắc đời sau, nếu tưởng bất động, tưởng Vô sở hữu xứ, tưởng Vô tưởng, tất cả cái tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt, ấy gọi là tự mình có, nếu tự mình có là sanh, già, bệnh, chết. A-nan! Nếu các pháp này tất cả đều diệt hết không còn thừa, chẳng có lại, kia ắt không sanh già bệnh chết. Thánh quán như thế, nếu có quán là giải thoát, nếu có Vô dư Niết-bàn gọi là cam lồ. Kia quán như thế ắt được tâm giải thoát dục lậu,

tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn tái sanh đời sau, biết như thật.

A-nan! Nay tôi vì ông đã nói Tịnh bất động đạo, đã nói Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã nói Tịnh vô tưởng đạo, đã nói Vô dư Niết-bàn, đã nói giải thoát của Thánh. Như tôn sư vì đệ tử khởi lòng từ bi thương xót cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay tôi đã làm, các ông cũng phải tự làm, đến chỗ vắng vẻ, ở dưới cội cây, chỗ yên lặng, ngồi yên suy xét, chớ có buông lung, gắng tinh tấn, chớ để sau rồi hối hận, đây là lời răn dạy của tôi, là lời nhắc nhở của tôi.

Phật nói như thế, tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Nghe Phật dạy đến đây ngài A-nan thưa rằng: *Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo hành như thế: Không ngã, không ngã sở, ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, nếu trước có liền xả hết. Thế Tôn! Tỳ-kheo hành như thế trọn được vào Niết-bàn chăng?*

A-nan! Nếu Tỳ-kheo không mến cái xả kia, không đắm trước cái xả kia, không trụ cái xả kia. A-nan! Tỳ-kheo hành như thế ắt được vào Niết-bàn. Ý A-nan hỏi nếu Tỳ-kheo tu đến không còn ngã, không còn ngã sở, những cái trước đã được bây giờ xả hết, như vậy có được vào Niết-bàn không? *Thế Tôn bảo: A-nan! Việc này không định, hoặc có người được, hoặc có người không*

được. Học đến đây mới thấy lý cao siêu của Phật pháp.

Ngài A-nan lại hỏi: *Thế Tôn! Tỳ-kheo hành thế nào chẳng được Niết-bàn?*

- A-nan! Nếu Tỳ-kheo hành như thế: Không ngã, không ngã sở, ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, nếu trước có liền xả hết. A-nan! Nếu Tỳ-kheo mến cái xả ấy, đắm trước cái xả ấy. A-nan! Tỳ-kheo như thế ắt không được vào Niết-bàn. Như vậy nếu đã xả mà còn giữ cái xả ấy cũng chưa được vào Niết-bàn. Ý nghĩa này thật quá cao siêu. Chúng ta tu mong được chỗ ngã không là mừng lắm rồi, huống nữa cả ngã sở cũng không có, thảy đều xả hết. Ta, người và những cái sở thuộc không còn, đều không thật, đều xả hết, thật quá hay. Nhưng nếu còn giữ cái xả ấy cũng chưa vào Niết-bàn. Để thấy rằng việc tu đến

chỗ cứu cánh rất khó, còn giữ một niệm xả cũng chưa được Niết-bàn.

Ngài A-nan hỏi thêm: *Thế Tôn! Tỳ-kheo nếu có chỗ thọ thì không được vào Niết-bàn chăng?*

Thọ tức là gìn giữ nhận chịu, gìn giữ một niệm xả tức là thọ, còn chỗ thọ có vào Niết-bàn chăng? Phật bảo: *A-nan! Nếu Tỳ-kheo có chỗ thọ ắt không được vào Niết-bàn.* Dầu thọ cái xả chót cũng không được vào Niết-bàn, chỗ này rất khó không đơn giản. Còn thấy mình lúc nào cũng xả tức còn thọ thì chưa được Niết-bàn.

Thế Tôn! Tỳ-kheo kia thọ thế nào? Ý hỏi Tỳ-kheo vì thọ cái gì mà không được vào Niết-bàn.

A-nan! Trong cái hành hữu dư. Nghĩa là chỗ hữu tưởng và vô tưởng, trong cái hữu nó là bậc nhất. Đó là chỗ Tỳ-kheo kia thọ. Hành hữu dư là còn có chút thừa. Đối

với chỗ hữu tưởng và vô tưởng, cái này là bậc nhất. Vì sao? Còn nghĩ đến xả, còn vướng vào xả tức cũng còn một chút tưởng, đó là cái chấp thọ vi tế bậc nhất. Xả mà không nhớ mình xả, không còn thấy mình xả thì mới vào Niết-bàn. Như vậy giản trạch chỗ nào cứu cánh, chỗ nào chưa cứu cánh, nếu không thì dễ mắc kẹt. Như gặp ai chúng ta cũng khoe tôi đã buông hết, không còn dính mắc! Thật sự không còn dính gì hết chưa? Đây là cái tế nhị trong khi tu.

Ngài A-nan hỏi thêm là làm sao được Niết-bàn? Phật đáp: *Nếu Tỳ-kheo hành như thế: Không ngã, không ngã sở, ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, nếu trước có liền xả hết. A-nan! Nếu Tỳ-kheo không mến cái xả kia, không đắm trước cái xả kia, không trụ cái xả kia. A-nan! Tỳ-kheo hành như thế ắt được vào Niết-bàn.* Khi

xả hết rồi không mến cái xả, không trụ cái xả đó nữa mới vào Niết-bàn. Còn nói được cái này, được cái nọ là gạt thiên hạ chơi cho vui chứ không có gì. Thấy mình vào Niết-bàn là chưa phải thật được Niết-bàn.

Thế Tôn! Tỳ-kheo nếu không chỗ thọ ắt được vào Niết-bàn chăng? Ngài A-nan hỏi nếu Tỳ-kheo không có chỗ thọ có được vào Niết-bàn không?

A-nan! Nếu Tỳ-kheo không có chỗ thọ ắt được vào Niết-bàn. Không chỗ thọ tức là không còn giữ một cái gì nữa, thì sẽ được vào Niết-bàn. Khi Phật dạy đến đây rồi, *tôn giả A-nan chắp tay bạch Phật:*

Thế Tôn đã nói Tịnh bất động đạo, đã nói Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã nói Tịnh vô tưởng đạo, đã nói Vô dư Niết-bàn. Thế Tôn! Thế nào là giải thoát của Thánh? Ở trên Phật đã nói đủ sao lại còn hỏi giải thoát của Thánh?

Phật dạy A-nan: *Nếu cái dục hiện đời và cái dục đời sau, nếu sắc hiện đời và sắc đời sau, nếu tưởng dục hiện đời và tưởng dục đời sau, nếu tưởng sắc hiện đời và tưởng sắc đời sau, nếu tưởng bất động, tưởng Vô sở hữu xứ, tưởng Vô tưởng, tất cả cái tưởng ấy là pháp vô thường, là khổ, là diệt.* Tóm hết tất cả tưởng cho đến tưởng Vô tưởng tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phải biết rõ ràng những cái tưởng đó là pháp vô thường, là khổ, là diệt. Nếu chỉ còn một tí tưởng cũng là vô thường, sanh diệt. *Ấy gọi là tự mình có*, tức là còn có cái của mình. *Nếu tự mình có là sanh, già, bệnh, chết.* Trọng tâm giải thoát của bậc Thánh như Phật dạy là đi thẳng đến chỗ không còn tưởng, không còn tưởng là không còn sanh, nếu còn một niệm là còn sanh. Đây là điều đúng như thật. Chính kinh Phật dạy rõ, đệ tử Thánh nếu còn bất cứ niệm nào, tự mình còn có

là còn bị sanh, già, bệnh, chết. Buông hết các niệm tưởng mới được Niết-bàn. Chúng ta tu ngay đây buông hết mọi niệm tưởng, chưa hết cũng phải buông cho sạch hết. Tuy ban đầu thấy như không bằng những người tu có sở đắc chứng được sơ thiền, nhị thiền... còn chúng ta cứ buông mà không thấy gì hết. Nhưng cứ vững niềm tin tiến tu lần lần vọng tưởng thưa dần, đến khi sạch hết vọng tưởng là an lạc Niết-bàn.

Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Tiểu thừa có chỗ gặp nhau và không gặp nhau. Chỗ gặp nhau là mỗi bên đều lấy trí tuệ quán xét dục và sắc là vô thường, hết thảy ngã và ngã sở đều vô thường, là huyễn hóa, giả dối không thật. Tiểu thừa hay Đại thừa đều thấy như vậy. Chính vì thế, tổ Hoàng Bá nói, *một hạt bụi chia làm một trăm phần, chín mươi chín phần thấy*

không, còn một phần nhỏ xíu thấy có vẫn chưa giải thoát vẫn chưa vào đạo.

Thấy được tột cùng các pháp là giả dối không thật tức là giác ngộ. Tiểu thừa giác ngộ dứt lậu hoặc rồi giải thoát không còn đời sau. Đại thừa giác ngộ rồi nghiêng về từ bi, đi vào trong đời làm các hạnh Bồ-tát để độ chúng sanh. Cứ tùy tục mà giáo hóa đời này kiếp nọ. Cho nên nói đến Bồ-tát là tán thán hạnh từ bi, nói đến Thanh văn thì tán thán hạnh giải thoát. Hiểu được căn bản đó thì hiểu hướng đi mỗi bên cũng đồng giác ngộ như nhau, nhưng bên nặng về từ bi, bên nghiêng về giải thoát.

Chúng ta tu cốt phải giác ngộ rồi khởi tâm đại bi giáo hoá chúng sanh. Chúng ta xả hết các vọng tưởng, sống được với tâm chân thật, rồi chừng đó lao mình làm lợi ích cho chúng sanh, đi trong thế gian mà

lúc nào cũng giác không mê, đó gọi là Bồ-tát, là giác hữu tình.

Trong mười mục chăn trâu, đến mục thứ mười là hình ảnh người tay cầm bầu rượu, tay xách cá chép đi vào chợ, cũng là hình ảnh của Bồ-tát đã nhập Phật giới rồi đi vào ma giới để độ chúng sanh, không phải khi giác ngộ rồi đi luôn không trở lại thế gian nữa. Đây là phương pháp giáo dục của Đại thừa.

Thánh quán như thế, nếu có quán là giải thoát, nếu có Vô dư Niết-bàn gọi là Cam lồ. Kia quán như thế ắt được tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn tái sanh đời sau, biết như thật. A-la-hán đến đây chấm dứt sanh tử, nhập Niết-bàn.

Trong kinh đức Phật nói những câu rất tha thiết: *A-nan! Nay tôi vì ông đã nói Tịnh bất động đạo, đã nói Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã nói Tịnh vô tưởng đạo, đã nói Vô dư Niết-bàn, đã nói giải thoát của Thánh. Như tôn sư vì đệ tử khởi lòng từ bi thương xót cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay tôi đã làm, các ông cũng phải tự làm, đến chỗ vắng vẻ, ở dưới cội cây, chỗ yên lặng, ngồi yên suy xét, chớ có buông lung, gắng tinh tấn, chớ để sau rồi hối hận, đây là lời răn dạy của tôi, là lời nhắc nhở của tôi.* Ngài khuyên chúng ta y theo lời dạy, lời nhắc nhở của ngài mà tu hành, chớ để sau rồi hối hận.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Khi được nói như vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Ở đây bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: Nếu (trước) không có như vậy, thời có thể không là của ta; nếu (nay) không có như vậy thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có. Và như vậy vị ấy được xả. Bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo như vậy có chứng được cứu cánh Niết-bàn không?

- Ở đây này Ananda, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây một số Tỳ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn.

- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở

đây một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn?

- Ở đây này Ananda, một vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy , thời có thể không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có. Và như vậy vị ấy được xả. Vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy. Do vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy, thức lệ thuộc xả ấy và thủ trước xả ấy. Có thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo không chứng cứu cánh Niết-bàn.

- Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước là thủ trước chỗ nào?

- Này Ananda, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng.

- Này Ananda, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng. Này Ananda, đây là thủ trước tối thượng, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ở đây này Ananda, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện và những gì đã có. Như vậy vị ấy được xả, vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không chấp trước xả ấy. Do vị ấy không hoan hỷ

trong xả ấy, không hoan nghênh, không thủ trước xả ấy, thức không lệ thuộc xả ấy và không thủ trước xả ấy. Không thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo chứng cứu cánh Niết-bàn.

- Thật vi diệu thay bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay bạch Thế Tôn! Chính do mười y cứ sự này sự kia, bạch Thế Tôn, sự vượt thoát dòng nước mạnh đã được Thế Tôn nói lên. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Thánh giải thoát?

- Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Những dục vọng hiện tại và những dục vọng tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những bất động tưởng,

những Vô sở hữu xứ tưởng, và những Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng cái gì thuộc về thân, là tự thân. Đây là bất tử tức là tâm giải thoát không thủ trước. Này Ananda, đây là đạo lộ về lợi ích bất động được ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Vô sở hữu xứ được ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ được ta thuyết giảng, là sự vượt qua dòng nước mạnh do y cứ sự này sự kia được ta thuyết giảng, Thánh giải thoát được ta thuyết giảng.

Những gì, này Ananda, vị đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy đã được ta làm, vì lòng từ mẫn của ta đối với ông. Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng

trống. Hãy tu thiền, này Ananda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời dạy của ta cho ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Giảng:

Pali cũng dạy như Hán tạng, tu đến Phi tưởng phi phi tưởng cũng phải xả hết niệm tưởng, dù chỉ còn một niệm xả nhỏ xíu. Tuy định Phi tưởng phi phi tưởng là tối thượng, cao lắm nhưng vẫn chưa được Niết-bàn. Trong kinh Phật đã giảng rành rõ cho chúng ta hiểu, không chỗ nào là không sáng tỏ, việc hành được hay không là việc của chúng ta. Câu kết thúc mỗi bài kinh đều giống nhau. Phật nói: *Những gì, này Ananda, vị đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các*

đệ tử, những điều ấy đã được ta làm, vì lòng từ mẫn của ta đối với ông. Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng trống. Hãy tu thiền, này Ananda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời dạy của ta cho ông.

Bài kinh này Phật dạy rất rõ ràng thế nào là giải thoát, thế nào là chưa giải thoát.

Giải và Đối chiếu Kinh Niệm Thân (Hán tạng) với Kinh Thân Hành Niệm (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến nước Ương-kỳ cùng chúng đại Tỳ-kheo đồng đi đến trụ xứ A-hòa-na-kiện-ni. Sáng sớm, Thế Tôn đắp y mang bát vào A-hòa-na khất thực. Thọ thực xong đã quá ngọ, dọn dẹp y bát, rửa tay chân. Thế Tôn lấy tọa cụ vắt lên vai đi vào rừng, đến dưới cội cây trải tọa cụ ngồi kiết-già. Sau đó ngọ trai, trời đã xế, có nhiều vị Tỳ-kheo nhóm ngồi ở giảng đường cùng bàn luận việc này:

- Chư hiền! Thế Tôn rất kỳ lạ, tu tập niệm thân phân biệt rộng rãi. Quán biết cùng tột, tu tập cùng tột, gìn giữ ngự trị cùng tột, khéo thực hành đầy đủ trong một tâm. Phật nói niệm thân có quả báo lớn, được mắt xem thấy nghĩa đệ nhất.

Thế Tôn ngồi yên tịnh tọa do Thiên nhĩ thanh tịnh vượt hơn người, nghe các Tỳ-kheo họp ngồi ở giảng đường cùng luận bàn việc như thế. Thế Tôn nghe rồi, đến chiều từ tịnh tọa dậy, đi đến giảng đường, trải tòa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Các ông cùng nhằm luận bàn việc gì? Do việc gì họp ở giảng đường?

Chư Tỳ-kheo bạch:

- Thế Tôn! Chúng con, các Tỳ-kheo, sau buổi ngọ thực họp ngồi ở giảng đường cùng luận bàn việc này: Chư hiền! Thế Tôn rất kỳ lạ, tu tập niệm thân... (như trên)... Phật nói niệm thân có quả báo lớn, được mắt xem thấy nghĩa đệ nhất. Thế Tôn! Chúng con cũng nhằm luận bàn việc này. Do việc này nên họp ở giảng đường.

Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Thế nào! Tôi nói tu tập niệm thân phân biệt rộng rãi được quả báo lớn?

Chư Tỳ-kheo bạch:

- Thế Tôn là gốc pháp, Thế Tôn là pháp chủ, pháp do Thế Tôn, cúi xin

nói cho, chúng con nghe rồi được biết nghĩa rộng.

Giảng:

Niệm là nhớ. Luôn luôn nghĩ nhớ về thân. Đoạn kinh đầu đọc qua hiểu ngay nên khỏi nhắc lại.

Chánh văn:

Phật bảo:

- Các ông lắng nghe khéo suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các ông phân biệt nghĩa này.

Chư Tỳ-kheo vâng dạy lắng nghe.

Phật bảo:

- Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm thân? Tỳ-kheo đi biết đi, đứng biết đứng, ngồi biết ngồi, nằm biết nằm, ngủ biết ngủ, thức biết thức. Như thế, Tỳ-kheo tùy thân làm gì đều biết

đúng như thật. Tỳ-kheo như thế, riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo chánh biết khi ra vào, khéo quán phân biệt co duỗi, cúi ngước, nghi dung chậm rãi, khéo đắp y Tăng-già-lê và các y bát, đi đứng, ngồi nằm, ngủ thức, nói nín đều chánh biết. Như thế, Tỳ-kheo tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Tỳ-kheo ấy nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật.

Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo sanh niệm ác chẳng lành, dùng niệm pháp lành trị dứt, diệt hẳn. Ví như thầy trò thợ mộc dùng dây mực nỏ vào cây, lấy búa bén đẽo khiến cây ngay thẳng. Như thế, Tỳ-kheo sanh niệm ác chẳng lành, dùng niệm pháp lành trị dứt, diệt hẳn. Tỳ-kheo như thế tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, được tâm an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo miệng ngậm hai hàm răng vừa

khít, lưỡi cong lên ổ già, dùng tâm trị tâm, trị dứt, diệt hẳn. Ví như hai lực sĩ bắt một người yếu lôi đi mỗi nơi đánh đập tự do. Như thế, Tỳ-kheo miệng ngậm hai hàm răng vừa khít, lưỡi cong lên ổ già, dùng tâm trị tâm, trị dứt, diệt hẳn. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo niệm hơi thở vào biết hơi thở vào, niệm hơi thở ra biết hơi thở ra, hơi thở vào dài biết hơi thở vào dài, hơi thở ra dài biết hơi thở ra dài, hơi

thở vào ngắn biết hơi thở vào ngắn, hơi thở ra ngắn biết hơi thở ra ngắn. Học dừng thân hành hơi thở vào, học dừng khẩu hành hơi thở ra. Như thế, Tỳ-kheo tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo do lìa sanh hỷ lạc thấm nhuần thân đầy tràn khắp cả trong thân, do lìa sanh hỷ lạc không chỗ nào chẳng khắp. Ví như người thợ tắm gội lấy thau chứa nước tháo đậu đem hòa với nước, nước đều thấm trơn đầy khắp không đâu chẳng có. Như thế, Tỳ-

kheo do lìa sanh hỷ lạc dần thấm đầy khắp nơi thân, trong thân này do lìa sanh hỷ lạc không đâu chẳng khắp. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo được định sanh hỷ lạc nhuần thấm nơi thân dẫy đầy khắp hết, trong thân này do định sanh hỷ lạc không chỗ nào chẳng khắp. Ví như mạch nước trong núi rất trong sạch dẫy đầy, bốn phía không có lối nước chảy vào, tự ở dưới đáy mạch nhảy vọt lên đầy tràn ra ngoài thấm ướt cả

núi đầy khắp không chỗ nào chẳng khắp. Như thế, Tỳ-kheo do định sanh hỷ lạc thấm nhuần nơi thân đầy khắp, trong thân này do định sanh hỷ lạc không đâu chẳng khắp. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo không hỷ sanh lạc thấm nhuần nơi thân, dẫy đầy khắp hết trong thân, không hỷ sanh lạc không chỗ nào chẳng khắp. Ví như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh trong nước, lớn trong nước, dẫy đầy khắp hết không

chỗ nào chẳng khắp. Như thế, Tỳ-kheo không hỷ sanh lạc thấm nhuần nơi thân, dấy đầy khắp hết trong thân này, không hỷ sanh lạc không chỗ nào chẳng khắp. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm an định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo ở trong thân này dùng tâm thanh tịnh, ý nghĩa đầy khắp thành tựu tự tại, trong thân này dùng tâm thanh tịnh không chỗ nào chẳng khắp. Ví như một người đắp y bảy thước tay hay tám thước tay, từ đầu

đến chân nơi thân thể này không chỗ nào chẳng phủ. Như thế, Tỳ-kheo trong thân này tâm thanh tịnh ý nghĩa đầy khắp thành tựu tự tại, trong thân này tâm thanh tịnh không chỗ nào chẳng khắp. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo nghĩ tưởng quang minh khéo thọ trì, khéo nhớ cảnh niệm, như trước sau cũng vậy, như sau trước cũng vậy, như ngày đêm cũng vậy, như đêm ngày cũng vậy, như dưới trên cũng vậy, như trên dưới cũng vậy. Như thế không điên đảo, tâm

không có ràng buộc, tu tâm quang minh, tâm không bị tối che đậy. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo quán tưởng khéo thọ trì, khéo nhớ cảnh đã quán. Ví như có người ngồi xem người nằm, người nằm xem người ngồi. Như thế, Tỳ-kheo quán tướng khéo thọ trì, khéo nhớ cảnh đã quán. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong

tâm, được tâm an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo nơi thân này tùy ở, tùy tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy các vật bất tịnh đầy dẫy. Nghĩa là trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, bầy nhầy, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, bao tử, vật thực chưa tiêu hóa, óc, màng óc, nước mắt, mồ hôi, nước miếng, nước dãi, máu, mủ, mỡ, tủy, nước nhớp (tinh dịch), mật, nước tiểu. Ví như lấy thau đựng các thứ giống, người mắt sáng thấy rõ ràng. Nghĩa là giống lúa, nếp, bắp, đậu, mè v.v... Như thế, Tỳ-kheo nơi thân này tùy ở, tùy tốt xấu, từ đầu

đến chân quán thấy các vật bất tịnh đầy dẫy. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo quán nơi thân chia các giới. Trong thân ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Ví như người đồ tể giết bò, lột da trải trên đất, phân làm sáu phần. Như thế, Tỳ-kheo quán nơi thân chia các giới. Trong thân ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng

ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo quán tử thi kia đã chết hoặc một, hai ngày cho đến sáu bảy ngày, chim quạ kên kên mổ ăn, chó sói cắn xé, hỏa thiêu, chôn dưới đất, ngớu nát rã rời. Thấy rồi tự so sánh, thân ta cũng như thế, đều có những thứ này, trọn không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như

thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy hài cốt màu xanh mục nát, hoặc trùng đục bể còn phân nửa, xương nằm la liệt dưới đất. Thấy rồi tự so sánh thân ta đây cũng như thế, đều có đầy đủ những việc này không thể rời. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm việc gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy rời da thịt máu chỉ còn gân ràng rịt bộ xương. Thấy

rồi tự so sánh, thân ta đây cũng như thế, đều có những việc này không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy từng khúc xương nằm tản mác khắp nơi xương chân, xương đùi, xương mông, xương sống, xương sườn, xương vai, xương cổ, xương đầu lâu. Mỗi khúc xương nằm mỗi chỗ. Thấy rồi tự so sánh, thân ta đây cũng như thế, đều có những việc này không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng

như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như thoa máu, đều mục nát. Thấy rồi tự so sánh, thân ta đây cũng như thế, đều có đủ những thứ này không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật. Kia nếu riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, dứt các bệnh trong tâm, tâm được an định, được tâm định rồi thì biết đúng như thật. Ấy gọi là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Giảng:

Phật dạy pháp *niệm thân có quả báo lớn, được thấy nghĩa đệ nhất,* tức là thấy được nghĩa chân thật.

Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm thân? Tỳ-kheo đi biết đi, đứng biết đứng, ngồi biết ngồi, nằm biết nằm, ngủ biết ngủ, thức biết thức. Như thế, Tỳ-kheo tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Đây là lối tu theo Phật giáo Nguyên thủy, còn gọi là Minh sát tuệ. Minh là sáng, sát là quán sát xem xét, tuệ là trí tuệ. Tức là dùng trí tuệ xem xét tất cả hành động của bản thân, không rời một cử động nào. Lối tu này thịnh hành nhất ở các nước Nam truyền. Do ứng dụng kinh Niệm Thân người tu tập được thiền định, nên pháp môn này gọi là thiền Minh sát tuệ.

Ứng dụng tu như thế nào? Như chúng ta đang ngồi đứng dậy đi, tự biết đang đi và nhắc thầm "đi à". Đang đi muốn ngồi, ngồi xuống biết rõ đang ngồi, nhắc thầm "ngồi à". Nhắc luôn luôn như thế và cột tâm trong hành động đó không rời. Có người tu đi không biết mình đi, đứng không biết mình đứng, khi lên chùa để dép chiếc lật ngửa, chiếc lật nghiêng, đó là do không biết niệm thân. Người có niệm thân, đi biết mình đi, đứng biết mình đứng, ngồi biết mình ngồi, nằm biết mình nằm, cột tâm trong mọi hành động, luôn để tâm biết mình đang làm gì.

Đoạn kinh này Phật dạy phương pháp niệm thân thứ nhất: Phải để tâm vào tất cả hành động, đi đứng ngồi nằm ngủ thức... đều cột tâm vào đó, không nhớ nghĩ việc gì khác.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo chánh biết khi ra vào, khéo quán phân biệt co duỗi, cúi ngước, nghi dung chậm rãi, khéo đắp y Tăng-già-lê và các y bát, đi đứng, ngồi nằm, ngủ thức, nói nín đều chánh biết. Pháp niệm thân thứ hai là khi nói chuyện hay không nói chuyện, lúc nào cũng chánh biết. Hai phương pháp trên, Phật dạy từ hành động của thân đến ngôn ngữ của miệng đều phải biết rõ ràng. Đó là tu tập niệm thân.

Trong Tỳ-ni dạy chúng ta lúc đi vệ sinh, lúc rửa tay, lúc ở trên giường bước xuống đất v.v... mỗi mỗi đều đọc kệ chú. Đây cũng là lối tu tập niệm thân. Mỗi hành động đều tụng câu chú để tâm không nhớ nghĩ lăng xăng. Chúng ta quan sát hành động của người khi để đôi dép hay khi bước đi là biết người đó có niệm thân hay không có niệm thân. Nếu đôi dép

bỏ lăn bỏ ngửa, không biết mình để đôi dép ra sao, rõ ràng không có ý thức, cứ lo cứ nghĩ việc đâu đâu. Người biết niệm thân cột tâm trong mọi hành động, không buông lung, mọi hành động đều từ tốn nghiêm trang. Người không biết cột tâm trong hành động nên làm gì cũng đều không có oai nghi tế hạnh. Niệm thân là phương tiện giữ cho tâm không chạy, tâm không chạy thì lần hồi được định.

Người tu theo thiền Minh sát tuệ khi làm việc như lau bàn ghế, quét nhà... họ luôn nhớ đẩy ra kéo lại, luôn cột tâm trong hành động. Có một Phật tử qua Thái Lan tập tu, được quý Sư chỉ dạy pháp tu này, sau đó nhập thất một tuần lễ. Phật tử tu rất chín chắn, mỗi hành động đều chú tâm trong đó thật khít khao, nên sau vài ba tuần có tiến bộ.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo sanh niệm ác chẳng lành, dùng niệm pháp lành trị dứt, diệt hẳn. Ví như thầy trò thợ mộc dùng dây mực nỏ vào cây, lấy búa bén đẽo khiến cây ngay thẳng.

Một niệm tham vừa dấy lên dùng niệm vô thường phá dẹp, niệm sân dấy lên dùng từ bi phá dẹp, niệm ác vừa khởi lên niệm lành theo đó dẹp, đó là lấy tâm trị tâm. Trước là chăn giữ niệm ở thân, bây giờ chăn giữ niệm ở tâm.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo miệng ngậm hai hàm răng vừa khít, lưỡi cong lên ổ gà, dùng tâm trị tâm trị dứt, diệt hẳn. Ví như hai lực sĩ bắt một người yếu lôi đi mỗi nơi đánh đập tự do. Như thế, Tỳ-kheo miệng ngậm hai hàm răng vừa khít, lưỡi cong lên ổ gà, dùng tâm trị tâm, trị dứt, diệt hẳn.

Trong lúc bình thường ngồi chơi, nếu vừa dấy niệm xấu thì dùng niệm chánh đối trị. Trong lúc ngồi thiền, lưỡi để cong lên, miệng ngậm khít, đó là sức mạnh. Quý vị tu theo thiền Nguyên thủy kềm tâm chăm bẳm rất mạnh, vừa dấy niệm liền lấy pháp tu diệt hết, thí như hai, ba người lực sĩ bắt một người yếu cột trói rồi đánh đập tự do. Đây là lối tu rất mạnh. Chúng ta ngồi thiền biết vọng nhẹ nhàng hơn.

Hai pháp trên là cột tâm nơi hành động, hai pháp dưới là nhìn thẳng nơi tâm. Khi bình thường vừa dấy niệm xấu thì dùng niệm lành trị, lúc ngồi thiền dấy niệm cũng dùng pháp tu trị.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo niệm hơi thở vào biết hơi thở vào, niệm hơi thở ra biết hơi thở ra, hơi thở vào dài biết hơi thở vào dài, hơi thở ra dài biết

hơi thở ra dài, hơi thở vào ngắn biết hơi thở vào ngắn, hơi thở ra ngắn biết hơi thở ra ngắn. Học dừng thân hành hơi thở vào, học dừng khẩu hành hơi thở ra.

Chúng ta hít vô tới đâu biết đến đó, thở ra tới đâu biết rõ ràng đến đó, hít vô thở ra luôn nhớ hơi thở. Nhớ hơi thở vô ra, rồi nhớ hơi thở vô ra dài hay ngắn, nhớ thật rõ. Chú ý cột tâm vào hơi thở vô, hơi thở ra, gọi là *học dừng thân hành theo hơi thở.*

Học dừng thân hành tức là dừng những hành động thuộc về nghiệp của thân. Khi thở vào nghĩ buông hết mọi hành động, thở ra cũng nghĩ buông hết mọi hành động. Đến *học dừng khẩu hành* niệm. Khi thở vào nhớ tất cả lời nói dở xấu đều bỏ hết, thở ra cũng nghĩ tất cả lời nói dở xấu đều bỏ hết. Khẩu hành mượn hơi thở là buông hết khẩu nghiệp. Ngay khi

học dừng thân hành, khẩu hành cũng có dừng cả ý hành vì lúc ấy cột được tâm. Nếu dùng phương tiện hơi thở để thân không xao động, cột tâm được yên định thì kết quả thế nào?

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo do lìa sanh hỷ lạc thấm nhuần thân đầy tràn khắp cả trong thân, do lìa sanh hỷ lạc không chỗ nào chẳng khắp. Ví như người thợ tắm gội lấy thau chứa nước tháo đậu đem hòa với nước, nước đều thấm trơn đầy khắp không đâu chẳng có. Như thế, Tỳ-kheo do lìa sanh hỷ lạc dần thấm đầy khắp nơi thân, trong thân này do lìa sanh hỷ lạc không đâu chẳng khắp. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Khi cột tâm nơi thân, được kết quả đầu tiên là ly tham tức là lìa ngũ dục. Lúc ấy phát sanh vui mừng, đạt được Sơ thiền Ly sanh hỷ lạc. Hỷ lạc phấn phát nhuận

khắp hết thân thể, không chỗ nào không hỷ lạc. Giống như khi tắm gội, chúng ta dội nước xà bông khắp thân thể, nước xà bông đến đâu chỗ đó đều trơn sạch. Hỷ lạc do ly tham sanh cũng giống như thế, trùm khắp cả thân. Ngũ dục thế gian là vui thô, chợt có chợt không, khi xa lìa ngũ dục, tâm được an định, niềm vui nhẹ nhàng đều khắp. Đây là định thứ nhất, gọi là Sơ thiền. Được định này toàn thân hỷ lạc, tay chân đều nhẹ nhàng, vui thích.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo được định sanh hỷ lạc nhuần thấm nơi thân dẫy đầy khắp hết, trong thân này do định sanh hỷ lạc không chỗ nào chẳng khắp. Ví như mạch nước trong núi rất trong sạch dẫy đầy, bốn phía không có lối nước chảy vào, tự ở dưới đáy mạch nhảy vọt lên đầy tràn ra ngoài thấm ướt cả núi đầy khắp không chỗ nào chẳng khắp. Như

thế, Tỳ-kheo do định sanh hỷ lạc thấm nhuần nơi thân đầy khắp, trong thân này do định sanh hỷ lạc không đâu chẳng khắp. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Nhờ cột tâm không theo ngũ dục, tâm lần lần an định, phát sanh hỷ lạc. Tâm càng an định, càng phát sanh vui mừng, thích thú trùm khắp hết thân. Giống như mạch nước ở trong núi vọt lên trùm khắp cả núi. Người được Nhị thiền có trạng thái này.

Thí như lúc chưa được xuất gia, chúng ta khao khát xin cho được, thầy chưa cho còn bị rầy la nên buồn. Bỗng một hôm được phép xuất gia, cạo tóc mặc áo nhuộm. Lúc đó thế nào? Vui mừng được xuất gia, do được lìa thế tục xuất gia vào đạo nên tâm sanh vui mừng. Đây là cái vui ban đầu, chưa hiểu gì về đạo, nhưng tâm vui

mừng vì được lìa thế tục. Cũng như do tâm không bị lôi cuốn bởi dục lạc nên sanh hỷ lạc.

Đến niềm vui thứ hai là *Định sanh hỷ lạc*. Cái trước do ly tham mà vui, cái thứ hai do định sanh nên vui. Như người xuất gia được vài năm trong đạo, nhờ có tu học thấm nhuần đạo lý, cảm thấy thích thú vui mừng, vui mừng này cũng giống định sanh hỷ lạc. Hai hỷ lạc phát sanh ở hai trường hợp khác nhau, nên gọi định thứ hai là Định sanh hỷ lạc.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo không hỷ sanh lạc (Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần vào thân) thấm nhuần nơi thân, dẫy đầy khắp hết trong thân, không hỷ sanh lạc không chỗ nào chẳng khắp. Ví như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh trong nước, lớn trong nước, dẫy đầy khắp hết không chỗ nào chẳng

khắp. Như thế, Tỳ-kheo không hỷ sanh lạc thấm nhuần nơi thân, dẫy đầy khắp hết trong thân này, không hỷ sanh lạc không chỗ nào chẳng khắp. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Định thứ ba này danh từ chuyên môn gọi là Ly hỷ diệu lạc. Hỷ là mừng. Lạc là vui. Hai trạng thái mừng với vui khác nhau thế nào? Thí dụ ở chùa chúng ta có một người bạn thân đi lâu quá đến nay mới về, khi gặp người thân về trạng thái mừng lúc đó ra sao? Hoặc nhảy lên, hoặc vỗ tay, trạng thái này thuộc hành động thô, còn vui thì tế nhị hơn, vui chỉ là hỷ hả trong lòng thôi.

Người tu đến chỗ này bỏ cái mừng thô, chỉ còn cái vui rất nhiệm mầu tế nhị, gọi là Ly hỷ diệu lạc. Như hoa sen từ dưới nước mọc lên thì nó nằm ở trong lòng nước, khi hoa cao lên thì thân rễ cũng còn nằm

trong nước, chỗ nào cũng có nước. Khi ngắt cọng sen thì nước từ trong chảy ra. Cái vui thứ ba này tế nhị, nó ngầm thấm cả châu thân không chỗ nào chẳng có.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo ở trong thân này dùng tâm thanh tịnh, ý nghĩa đầy khắp thành tựu tự tại, trong thân này dùng tâm thanh tịnh không chỗ nào chẳng khắp. Ví như một người đắp y bảy thước tay hay tám thước tay, từ đầu đến chân nơi thân thể này không chỗ nào chẳng phủ. Như thế, Tỳ-kheo trong thân này tâm thanh tịnh ý nghĩa đầy khắp thành tựu tự tại, trong thân này tâm thanh tịnh không chỗ nào chẳng khắp.

Định thứ tư là Xả niệm thanh tịnh. Khi niệm xả hết toàn thân đều cảm giác thanh tịnh. Giống như chiếc y phủ trùm từ đầu đến chân, không sót chỗ nào. Đây

diễn tả sự thanh tịnh khi xả niệm hoàn toàn, được thanh tịnh trùm khắp, là thiền thứ tư.

Khi thấu rõ trạng thái của từng loại thiền định, nghe người nói tôi tu như vậy, có trạng thái như vậy, chúng ta liền biết đã vào loại thiền nào. Đây là vấn đề thiết yếu tuy chúng ta không tu qua những tầng thiền định này nhưng phải biết rõ. Lý do không tu qua tôi sẽ nói sau.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo nơi thân này tùy ở, tùy tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy các vật bất tịnh đầy dẫy. Nghĩa là trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, bầy nhầy, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, bao tử, vật thực chưa tiêu hoá, óc, màng óc, nước mắt, mồ hôi, nước miếng, nước dãi, máu, mủ, mỡ, tủy, nước nhớp (tinh dịch), mật,

nước tiểu. Ví như lấy thau đựng các thứ giống, người mắt sáng thấy rõ ràng. Nghĩa là giống lúa, nếp, bắp, đậu, mè v.v... Như thế, Tỳ-kheo nơi thân này tùy ở, tùy tốt xấu, từ đầu đến chân quán thấy các vật bất tịnh đầy dẫy. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Đây là một lối niệm thân bằng cách quán ba mươi sáu vật trong thân. Người tu theo thiền này phải thuộc lòng hết thảy ba mươi sáu vật bất tịnh của thân thể. Khi ngồi tu, quán tóc thì phải quán thế nào? Tóc còn ở trên đầu thấy cũng dễ coi, nhưng nếu nấu nồi canh mà sợi tóc rơi vào, thấy có gớm không? Nếu sạch thì ai gớm làm gì? Do đó biết tóc không sạch. Rồi tới da, thịt, gân, xương... Quán từng bộ phận thấy rõ ràng là nhơ nhớp, bất tịnh. Quán vật nào thấy rõ ràng vật ấy, nhớ tới da, thấy rõ sự bất tịnh của da; nhớ tới thịt, thấy rõ về sự

bất tịnh của thịt; nhớ tới máu, quán rõ máu... Thấy rõ như thấy trong thau chứa đậu, bắp, mè... Đó là một phương pháp niệm thân.

Người tu thiền Nguyên thủy, do ứng dụng lối tu này nên không buồn ngủ. Ứng dụng phương tiện cột tâm bằng cách quán ba mươi sáu vật trong thân, đây cũng thuộc quán bất tịnh.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo quán nơi thân chia các giới. Trong thân ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Ví như người đồ tể giết bò, lột da trải trên đất, phân làm sáu phần. Như thế, Tỳ-kheo quán nơi thân chia các giới. Trong thân ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Đây gọi là quán giới phân biệt, chia thân làm sáu giới. Quán tất cả chất cứng trong người thuộc về đất; tất cả chất ướt trong người thuộc về nước; tất cả chất động trong người thuộc về gió; chất ấm trong người thuộc về lửa; chỗ trống không như lỗ mũi, lỗ tai, miệng... tất cả khoảng trống đó thuộc về không; những cái biết, có cảm giác phân biệt thuộc về thức. Chia thân làm sáu thứ rồi quán, nhớ tới nhớ lui, nhớ qua nhớ lại, suốt một giờ ngồi thiền chỉ nhớ bao nhiêu đó, không nhớ gì khác. Chia rõ ràng từng phần, đất thì ra đất, nước thì ra nước, gió thì ra gió... cái nào thấy rõ ràng cái ấy. Giống như những người thợ mổ bò ở quê. Đầu tiên lột da, mổ bụng làm hai. Rồi chia khúc đầu, khúc mình, khúc đùi, chia ra từng phần rõ ràng. Đây cũng vậy, chia thân làm sáu phần, thấy rõ ràng mỗi phần: đất, nước, gió, lửa, không, thức, thấy rõ không nghi ngờ. Như

vậy lối tu này dùng tâm phân biệt quán trong con người không cho tâm xao lãng, không nghĩ lung tung, nhờ vậy mà cột tâm một chỗ.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo quán tử thi kia đã chết hoặc một, hai ngày cho đến sáu bảy ngày, chim quạ kên kên mổ ăn, chó sói cắn xé, hỏa thiêu, chôn dưới đất, ngớu nát rã rời. Thấy rồi tự so sánh, thân ta cũng như thế, đều có những thứ này, trọn không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Đây là quán tử thi. Bên Ấn Độ quán dễ hơn ở Việt Nam, vì Ấn Độ có thi lâm. Người chết rồi đem thây bỏ vào thi lâm, khỏi chôn. Lúc Phật còn tại thế, có nhiều thầy Tỳ-kheo tu quán bất tịnh nên vào thi lâm. Có vị Tỳ-kheo do quán xét kỹ quá, trên đường đi về chỉ nhớ tử thi, nên đi bừa xuống ruộng lúa của người. Người ta kêu

hỏi sao thầy đi xuống ruộng lúa của chúng tôi. Lúc đó thầy giật mình mới biết mình lội dưới ruộng nước. Các vị thời xưa tu quán mạnh như vậy.

Ở Việt Nam chỉ có vào bệnh viện hoặc những nơi ướp xác mới có thể thấy tử thi rồi quán, nhưng cũng không đúng pháp, vì xác ướp không hôi thúi bằng tử thi để bên ngoài.

Đầu tiên quán thây chết để một ngày, hai ngày hoặc đến năm, bảy ngày thì thây chết sình lên rồi bầm đen, lần lần rã rời đủ thứ nhơ uế. So lại thân mình cũng giống như vậy, có gì để cưng quý thân? Do quán bất tịnh nên chán ngán thân tanh nhơ rồi không còn tham ái nữa. Pháp quán này là phương tiện trị ái dục. Người nào nặng về ái dục thì áp dụng quán bất tịnh. Trước là quán thân mình nhớp nhúa,

gớm ghê; rồi thân người khác cũng như vậy.

Mỗi người phải nhớ mình mang thân này như đang mang túi phân, vừa hôi vừa gớm, nếu như bây giờ ai cho thêm túi nữa có nhận không? Lỡ đeo một túi chịu đựng không muốn nổi, còn đeo thêm túi nữa để làm gì? Do quán thân là nhơ nhớp không sạch nên sanh tâm nhờm gớm.

Như thời Phật còn tại thế có nhiều vị Tỳ-kheo áp dụng pháp quán này đắc lực, phát kinh sợ thân, không muốn sống phải mượn người khác giết giùm.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy hài cốt màu xanh mục nát, hoặc trùng đục bể còn phân nửa, xương nằm la liệt dưới đất. Thấy rồi tự so sánh thân ta đây cũng như thế, đều có đầy đủ những việc này không thể rời. Tỳ-kheo

ấy tùy thân làm việc gì đều biết đúng như thật.

Phép quán trước thấy thân thể da thịt chuyển sang bầm tím, nứt rã. Đến đây thì quán xương màu xanh hoặc màu tím, bị trùng đục ăn mục nát. Như khi thu nhặt xương cốt của người, nhìn xương cốt đó rồi nhớ lại xương mình cũng như vậy, không có giá trị gì hết. Lối quán này cũng thuộc về quán bất tịnh.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy rời da thịt máu chỉ còn gân ràng rịt bộ xương. Thấy rồi tự so sánh, thân ta đây cũng như thế, đều có những việc này không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Khi da thịt rã hết chỉ còn gân cột xương. Như ngón tay của chúng ta gồm có ba lóng, liên hệ với nhau nhờ mấy sợi gân ràng rịt, muốn co duỗi phải nhờ đến mấy

sợi dây gân. Khi thấy tay người chúng ta cũng phải nhớ do từng lóng xương ráp lại bởi dây gân, không có gì mà đẹp, không khởi tưởng là tay ngòi bút rồi sanh đắm nhiễm. Thấy rõ từng bộ phận trong thân thể con người đều do các lóng xương và dây gân ráp lại, là thấy đúng như thật. Còn nếu thấy bàn tay người rồi tưởng tượng là tay búp măng, đặt nhiều danh từ hấp dẫn, mê hoặc lòng người là không đúng lẽ thật.

Đây là một lối quán thân thấy đúng ngay nơi thân mình thân người, từ đó không sanh đắm nhiễm, ái luyến.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy từng khúc xương nằm tản mác khắp nơi: xương chân, xương đùi, xương mông, xương sống, xương sườn, xương vai, xương cổ, xương đầu lâu. Mỗi khúc xương nằm mỗi chỗ. Thấy rồi tự so

sánh, thân ta đây cũng như thế, đều có những việc này không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Đây là quán thấy cả bộ xương nằm rải rác dưới đất, cái nào ra cái ấy. Thấy rõ ràng như thế rồi nhớ lại mình cũng không khác. Do đó thấy rõ giá trị con người không ra làm sao, không là gì cả. Nhờ vậy tâm nhiễm ái cũng theo đó hết. Ái nhiễm là do sự tưởng tượng tạo thành, khi thấy đúng sự thật thì sự đẹp xấu, còn mất của thân này không có gì quan trọng.

Chỉ cần quán bao nhiêu đó cũng đủ chán rồi.

Thí như sáng ngủ dậy chưa súc miệng mà nói chuyện thì thấy rõ thân này là cái kho hôi thúi, người khác cũng thế thôi. Nếu thấy rõ sự thật hôi nhơ của cái miệng, vào nhà vệ sinh cũng thấy rõ lẽ thật của kho chứa đồ nhơ nhớp mà ê chề. Như vậy

thân này không có gì quý, chỉ vì niệm tưởng điên đảo mà chúng ta không thấy được lẽ thật.

Lại, Tỳ-kheo tu tập niệm thân, Tỳ-kheo như trước thấy xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như thoa máu, đều mục nát. Thấy rồi tự so sánh, thân ta đây cũng như thế, đều có đủ những thứ này không thể lìa. Tỳ-kheo ấy tùy thân làm gì đều biết đúng như thật.

Khi tử thi vừa mới chết hay mới lột da thấy xương đỏ như thoa máu, để lâu thì thấy xám như lông chim bồ câu, để lâu nữa thì xương trắng rồi mục rã.

Phép quán xương này chia ra ba giai đoạn. Thứ nhất là gân cột xương ràng rịt với nhau; thứ hai là xương rã ra từng phần đoạn; thứ ba là thấy màu sắc của xương. Từ phép quán đầu tiên là quán ba mươi sáu vật trong thân, đến quán thây

chết, quán bộ xương người chết... Mục đích giúp chúng ta thấy rõ thân người không có giá trị gì cả, thấy rõ rồi thì mọi đam mê đều tiêu tan.

Người ta sợ sự thật nên tìm cách che giấu, tô phết thân mình để gạt nhau, phỉnh lừa nhau, cuộc sống không có lẽ thật. Người tu Phật quán xét thấy rõ lẽ thật nên sanh chán chường, không thấy gì quan trọng. Người muốn tu tiến không gặp trở ngại, phải thấy được lẽ thật nơi con người, lẽ thật của cuộc đời để không còn bị ái nhiễm trói buộc.

Như vậy, tu là soi lại để thấy được lẽ thật ngay bản thân mình, sau đó thấy lẽ thật bên ngoài. Chính những phương tiện niệm thân này cột tâm lại không cho buông lung, lần hồi tâm định thấy được sự thật của con người.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở SavatthC (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm) tại tinh xá ông Anathapicika (Cấp Cô Độc). Rồi một số đông Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khất thực trở về, đang ngồi tụ họp trong hội trường, câu chuyện này được khởi lên giữa chúng tăng:

Thật vi diệu thay, chư hiền giả! Thật hy hữu thay, chư hiền giả! Thân hành niệm, khi được tu tập và làm cho sung mãn, có được quả lớn, có được công đức lớn, như đã được Thế Tôn tuyên bố, bậc tri giả, kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác.

Và câu chuyện này giữa các vị Tỷ-kheo ấy đã bị gián đoạn. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến ngồi lên chỗ soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông hiện nay đang ngồi bàn vấn đề gì? Câu chuyện gì của các ông bị gián đoạn?

Ở đây, bạch Thế Tôn, sau khi ăn xong, sau khi đi khất thực trở về, chúng con ngồi tụ họp tại hội trường và câu chuyện sau này được khởi lên: "Thật vi diệu thay, chư hiền giả! Thật hy hữu thay, chư hiền giả! Thân hành niệm này, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có công đức lớn, đã được Thế Tôn tuyên bố, bậc tri giả,

kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác". Bạch Thế Tôn, câu chuyện này của chúng con chưa bàn xong, thời Thế Tôn đến.

Và này các Tỷ-kheo, thân hành niệm tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, có quả lớn, có công đức lớn? Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Chánh niệm vị ấy thở vô. Chánh niệm vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy biết "Tôi thở vô dài". Thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài". Hay thở vô ngắn, vị ấy biết "Tôi thở vô ngắn". Thở ra ngắn vị ấy biết "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi biết rằng "tôi đi", hay đứng biết rằng "tôi đứng", hay ngồi biết rằng "tôi ngồi", hay nằm biết rằng "tôi nằm". Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân thể như thế ấy. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các

niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi bước tới, bước lui biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Tăng-già-lê (Sanghaty) mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng biết rõ việc mình đang làm.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và

tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này, từ dưới bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu. Này các Tỷ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hột như gạo, lúa,

đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quan sát "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và

tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại. Này các Tỷ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần ngay tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo, như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Vị Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm

được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài dã can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Vị Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất,

định tĩnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... Với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... Chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Vị Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản

chất ấy. Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên)... Vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ ở trong nghĩa địa chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Vị Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: Thân này tính chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy. Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên)... vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly tham, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly tham sanh, với tầm và tứ. Vị

Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly tham sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly tham sanh ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly tham sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc

do ly tham sanh ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên)... vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương đông không có lỗ nước chảy ra, phương tây không có lỗ nước chảy ra, phương bắc không có lỗ nước chảy ra,

phương nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thấm nhuần tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên)... vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc

Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và an trú thiền thứ ba. Vị Tỷ-kheo, thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ, không có hỷ ấy thấm nhuần. Như vậy, vị Tỷ-kheo an trú không phóng dật... (như trên)... vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Này các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ

nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng, không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ, không có hỷ ấy thấm nhuần. Như vậy vị Tỷ-kheo an trú không phóng dật... (như trên)... vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị Tỷ-kheo ấy ngồi, thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên

toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ngồi thấm nhuần thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống an trú không phóng dật... (như trên)... vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập, làm cho sung mãn thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm (Antogadha) đều thuộc về

minh phần (Vijjabhagiya). Ví như này các Tỷ-kheo, biển lớn của ai được thấm nhuần bởi tâm, thời các con sông của vị ấy đi vào trong biển, đều thuộc về biển lớn. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập làm cho sung mãn thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm, đều thuộc về minh phần. Này các Tỷ-kheo, đối với vị Tỷ-kheo nào không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, thời Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy. Ví như này các Tỷ-kheo, có người quăng một hòn đá nặng vào một đống đất sét ướt nhuyễn, này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Có phải hòn đá nặng ấy có cơ hội lún sâu vào đống đất sét ướt nhuyễn ấy?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy. Ví như này các Tỷ-kheo, một cây khô không có nhựa, có người đến cầm phần phía trên của đồ quay lửa và nói: "Tôi sẽ làm cho ngọn lửa sanh ra, tôi sẽ làm cho sức nóng hiện lên". Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy mang đến phần phía trên của đồ quay lửa, quay với cành cây khô không có nhựa ấy, người ấy có làm cho ngọn lửa sanh ra, có làm cho sức nóng hiện lên không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào không tu tập thân hành

niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy. Ví như này các Tỷ-kheo, một bình nước, trống rỗng, trống không, được đặt trên cái giá, có một người đi đến, mang theo đầy nước. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể đổ nước (vào bình) không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) không

có cơ duyên với người ấy. Ví như này các Tỷ-kheo, có người quăng một trái banh dây nhẹ vào một cánh cửa làm hoàn toàn bằng lõi cây. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Trái banh dây nhẹ ấy có cơ hội đối với cánh cửa làm hoàn toàn bằng lõi cây không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với vị ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với vị ấy. Ví như này các Tỷ-kheo, một cây ướt có nhựa, rồi một người đi đến mang theo phần trên đồ quay lửa và nói: "Tôi sẽ làm cho lửa sanh ra, tôi sẽ làm cho hơi nóng hiện lên". Này các Tỷ-kheo, các

ông nghĩ thế nào? Người ấy mang theo phần trên đồ quay lửa, quay với các cây ướt và có nhựa, có thể làm cho lửa sanh ra, làm cho hơi nóng hiện lên được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với vị ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá, rồi có ông đi đến, mang theo đầy nước. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể đổ được nước vào (bình ấy) không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với người ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với người ấy.

Giảng:

Hán tạng và Pali có sự khác biệt về địa danh. Theo Hán tạng, Phật nói kinh này tại A-hòa-na-kiện-ni, nước Ương-kỳ, còn Pali thì nói tại nước Xá-vệ. Vấn đề bàn luận giữa các Tỳ-kheo thì bên Hán tạng nói gọn hơn, Pali thuật lại rõ hơn, nội dung giống nhau. Phần dạy tu có các điểm đáng chú ý.

Điểm thứ nhất, mở đầu pháp tu, Pali dạy tu quán hơi thở trước. Bởi hệ Pali trọng về hơi thở nên đầu tiên dạy về quán hơi thở rồi mới đến quán thân, quán bất tịnh.

Hán tạng sắp thứ tự khác với Pali. Đầu tiên dạy quán trên hình thức các oai nghi, đi, đứng, ngồi, nằm; kế là quán tâm, rồi sau mới quán hơi thở. Sau khi quán hơi thở kết quả được định Tứ thiền, được kết quả này rồi mới dạy quán bất tịnh. Sắp thứ tự như thế không hợp lý chút nào.

Bên Pali đầu tiên quán hơi thở, quán oai nghi, đi, đứng, ngồi, nằm; đến quán giới phân biệt, sau cùng mới quán bất tịnh từ ba mươi sáu vật trong thân, lần lần quán đến thây chết, quán xương... Quán bất tịnh xong rồi đạt kết quả từ Sơ thiền đến Tứ thiền. Thứ tự như vậy hợp lý. Song Pali không nói về phép quán quang minh, Hán tạng có nói đến quán quang minh, tức là pháp quán về ánh sáng. Ban đầu quán ánh sáng trùm hết người, lần lần khắp cả bầu trời. Khi ánh sáng bủa khắp bầu trời là tâm mình đã được định. Nên

trong kinh đây nói: *Khéo nhớ cảnh niệm như trước sau cũng vậy, như sau trước cũng vậy.*

Tức là phía trước sáng thì phía sau cũng sáng, rồi như sau trước cũng như thế. Nếu chỉ thấy sáng phía trước mà không thấy sáng phía sau thì không được.

Tiếp theo là quán tướng, nghĩa là quán tướng màu sắc xanh, vàng, trắng, đỏ. Như quán màu xanh, ban đêm thắp một ngọn đèn rồi đặt tấm kiếng màu xanh phía sau, để ánh ra màu xanh. Quán tưởng màu xanh ban đầu là một vầng nhỏ, sau trùm lan ra khắp, đến khi quán được trùm khắp cả bầu trời toàn màu xanh, đó là thành công. Quán màu đỏ... cũng vậy. Lối quán tướng này thấy chỉ một màu thôi, cũng là phương tiện để tâm dừng trụ.

Tuy hai hệ có khác nhau về phần thứ tự nhưng nội dung mỗi phần dạy tu đều

không khác. Trong phần nói về Tứ thiền bên Pali nói rõ hơn: *Lại này các Tỳ-kheo! Vị Tỳ-kheo ly tham, ly pháp ác, chứng và an trú thiền thứ nhất*. Hán tạng chỉ nói lìa dục được hỷ lạc. Đây nói ly tham ly ác pháp rồi hướng về thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly tham sanh với tầm tứ. Tầm nghĩa là tìm, tứ nghĩa là suy nghĩ. Tầm tứ là tìm và suy nghĩ. Chỗ khác nói là giác và quán. Do vì còn tìm kiếm suy nghĩ mới hướng về thiền thứ nhất, tâm chưa được định. Đến khi Tỳ-kheo diệt tầm và tứ tức là dứt tìm kiếm, lúc đó mới được định. Chính là thiền thứ hai, gọi là *Định sanh hỷ lạc.*

Như vậy thứ nhất là ly tham ly pháp ác mà được hỷ lạc. Đến thiền thứ hai thì suy nghĩ và quán sát lặng xuống và định sanh, do định nên phát sanh hỷ lạc. Như vậy tầm tứ hay giác quán còn trong giai

đoạn của Sơ thiền. Khi ngồi thiền có lúc chúng ta cũng cảm thấy nhẹ nhàng thảnh thơi, nhưng vẫn còn niệm, cũng tương đương với thiền thứ nhất rồi. Không phải chứng Sơ thiền là hoàn toàn định, chỉ có niệm ly tham ly pháp ác. Ngày xưa đeo đuổi theo dục lạc, bây giờ tỉnh giác nên chán ngán, xem thường không theo, đó là ly.

Do thấy sự tiến bộ không còn theo đuổi dục lạc nên vui mừng. Từ sự vui mừng hân hoan rồi tu tiến lên đến thiền thứ hai là diệt được tầm tứ, đạt được trạng thái hỷ lạc do định sanh không tầm không tứ, an tĩnh nhất tâm.

Đến thiền thứ ba là *Ly hỷ diệu lạc* được niềm vui vi tế nhẹ nhàng, không còn cảm nhận lạc thọ. Chỗ này bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, tức là xả cái hỷ trước còn cái vui sau.

Đến Tứ thiền là không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Bậc thiền thứ tư là xả tất cả cảm giác vui, mừng, cho đến vui nhẹ, không còn một niệm, được an trú Tứ thiền.

Pháp tu của chúng ta không qua các trạng thái này, khi qua rồi phải bỏ hết vì nó không thật. Chỉ ứng dụng pháp xả thôi. Do người tu cột tâm trong từng hành động, oai nghi rất đắc lực nên có các trạng thái trên. Khi phấn khởi tu tập tiến lên được an trú nên tâm có nhuần thấm phát sanh hỷ lạc... Chúng ta không cột tâm mà ứng dụng pháp sau chót thuộc Tứ thiền nên không qua trạng thái một, hai và ba, chỉ đi thẳng vào Xả niệm thanh tịnh.

So sánh hai bên, bên Hán tạng có thêm các chi tiết quán quang minh, quán tướng, bên Pali không có. Nhưng Hán tạng lại sắp xếp thứ tự không hợp lý là bốn thứ thiền lại nằm giữa chừng trong các

pháp quán, bên Pali thứ tự trước sau hợp lý hơn.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Nếu có người tu tập niệm thân như thế, truyền bá rộng như thế, các pháp lành thảy đều ở trong ấy. Nghĩa là pháp đạo phẩm vậy. Nếu người kia có tâm nghĩ là đầy khắp. Ví như biển cả các sông nhỏ thảy đều dồn về trong. Nếu có người, tu tập niệm thân như thế, truyền bá rộng như thế, các pháp lành thảy đều ở trong. Nghĩa là pháp đạo phẩm vậy.

Giảng:

Pháp đạo phẩm nghĩa là tất cả pháp tu của hệ A-hàm đều nằm trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nên nói người có tu tập niệm thân thì tất cả pháp lành đều nằm

trong đạo phẩm, cứ thế truyền bá rộng rãi được nhiều lợi ích lớn.

Chánh văn:

Nếu có Sa-môn, Phạm chí không chánh lập niệm thân, thiểu tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình cầu có dịp tốt, ắt dễ được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không có niệm thân. Ví như cái bình trống không nước, để ngay thẳng dưới đất, nếu có người mang nước đến đổ vào bình, Tỳ-kheo nghĩ sao? Bình kia sẽ nhận nước chăng?

Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn, nhận. Vì cớ sao? Vì trong bình không nước, để ngay thẳng dưới đất nên phải nhận nước.

- Như thế, nếu có Sa-môn, Phạm chí không chánh lập niệm thân, thiểu tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình cầu có dịp tốt, ắt dễ được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh lập niệm thân, vô lượng tâm tự tại. Kia bị ma Ba-tuần theo rình tìm có dịp tốt, trọn không thể được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia có niệm thân. Ví như cái bình chứa đầy nước ở trong, để ngay thẳng dưới đất, nếu có người mang nước lại đổ vô. Tỳ-kheo nghĩ sao? Bình kia lại nhận nước chăng?

Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn, không. Vì cớ sao? Vì trong bình kia chứa nước đầy, để

ngay thẳng dưới đất nên không nhận nước.

- Như thế, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh lập niệm thân, vô lượng tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình cầu có dịp tốt, trọn không thể được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí không chánh lập niệm thân, thiểu tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình tìm dịp tốt, ắt dễ được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không niệm thân. Ví như lực sĩ ôm hòn đá lớn nặng ném xuống vũng bùn, Tỳ-kheo nghĩ sao? Vũng bùn có nhận hòn đá chăng?

- Bạch Thế Tôn, nhận. Vì cớ sao? Vì bùn mềm đá nặng, nên phải nhận.

- Như thế, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh lập niệm thân, vô lượng tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình cầu có dịp tốt, trọn không thể được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh lập niệm thân, vô lượng tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình tìm dịp tốt, trọn không thể được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia có niệm thân. Ví như lực sĩ lấy lông cừu nhẹ ném trên mặt cửa phẳng. Tỳ-kheo nghĩ sao? Mặt cửa có nhận lông cừu chăng?

- Bạch Thế Tôn, không. Vì cớ sao? Vì lông cừu nhẹ, mặt cửa phẳng đứng nên không thể nhận.

- Như thế, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh lập niệm thân, vô lượng

tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình tìm dịp tốt, trọn không thể được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí không chánh lập niệm thân, thiểu tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình tìm dịp tốt, ắt dễ được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không có niệm thân. Ví như người lấy lửa dùng miếng gỗ khô làm mẫu lấy cây dùi dùi, Tỳ-kheo nghĩ sao? Người kia làm như thế được lửa chăng?

- Bạch Thế Tôn, được. Vì cớ sao? Vì người kia dùng dùi dùi cây khô ắt được lửa.

- Như thế, nếu có Sa-môn, Phạm chí không chánh lập niệm thân, thiểu tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo

rình tìm dịp tốt, ắt dễ được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh lập niệm thân, vô lượng tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình có dịp tốt, trọn không thể được. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia có niệm thân. Ví như người lấy lửa mà dùng cây ướt làm mẫu lấy dùi dùi. Tỳ-kheo nghĩ sao? Người kia làm như thế được lửa chăng?

- Bạch Thế Tôn, không. Vì cớ sao? Vì người kia dùi cây ướt nên không được lửa.

- Như thế, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh lập niệm thân, vô lượng tâm tự tại, kia bị ma Ba-tuần theo rình tìm dịp tốt, trọn không thể được.

Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia có niệm thân.

Giảng:

Phật dùng thí dụ rất rõ. Thí dụ thứ nhất, một chiếc bình trống không, có người đem nước đổ vô, tự nhiên bình nhận nước. Ngược lại, nếu là bình đầy mà đem nước đổ vô, tự nhiên nước tràn ra. Chúng ta phải lưu tâm chỗ này. Tu theo thiền niệm thân là cột tâm nơi thân, tâm lúc nào cũng lo nhớ thân, không nhớ chuyện khác, nên việc bên ngoài không chen vào được, ma Ba-tuần không cơ hội. Còn chúng ta tu chuyên về buông xả, tuy xả nhưng không phải để tâm trống rỗng, vì buông xả cũng là một lối niệm thân. Chúng ta nhìn thấy tâm sanh, tâm diệt, thấy rõ niệm đang dấy lên hay không dấy lên. Niệm dấy lên liền thấy không theo, niệm không dấy lên thì biết lúc đó không

niệm. Luôn luôn thấy như vậy, đó là niệm thân, như bình đầy nước không phải bình trống. Nhiều người hiểu lầm khi tu buông xả hết nên tâm trống rỗng như bình trống, cái gì đổ vô cũng được, như vậy không có lợi ích.

Thí dụ thứ hai, nếu người ôm cục đá nặng ném xuống bùn, đá nặng bùn mềm nên cục đá chìm. Cũng như người không tu tập niệm thân, ma có cơ hội tốt phá hoại người đó.

Thí dụ thứ ba là đem lông cừu nhẹ ném trên mặt cửa phẳng, lông có dính lại không? Vì lông nhẹ nên không dính. Cũng như người có niệm thân, ma không thể phá hoại.

Thí dụ thứ tư là cách lấy lửa. Người không có niệm thân như người lấy miếng ván mỏng khô rồi dùng cây cọ xát trên đó, miếng ván khô sẽ phát ra lửa. Cũng vậy,

ma sẽ có cơ hội tốt với người không tu tập niệm thân. Người có niệm thân như người dùng miếng ván ướt lấy lửa, dù cọ xát thế nào cũng không ra lửa. Đó là ma không có cơ hội rình tìm phá phách.

Như người lúc bình tĩnh thì thấy không có gì kỳ lạ, nhưng khi bị ma nhập thì múa tay chân, miệng nói chuyện tầm phào, làm những việc xảo trá, ngụy biện. Chúng ta tu phải nhớ niệm thân, luôn tỉnh giác để không bị ma chen vào chỉ huy. Trong mọi hành động, mọi oai nghi đều nhớ niệm thân, hoặc quán hơi thở, quán bất tịnh, hoặc quán biết từng niệm của mình, tất cả việc nghe thấy qua đều bỏ, không dính mắc, không có gì bên ngoài chen vào. Tu mà để việc ngoài chen vào thì phiền não tràn đầy. Như lúc ngồi thiền nghe bên quán mở nhạc, nếu tâm hơi yếu thì những câu hát vô đầy, tâm chạy theo

cảnh sẽ rối loạn lăng xăng. Ngược lại nếu chú tâm vào đề mục quán chiếu, tất cả hình sắc đáng ưa, âm thanh đáng mến dù có chen vào cũng tản mất không dính dáng. Biết niệm thân thì phiền não mỗi ngày một giảm, cạn mỏng dần.

Thế nên, người tu phải biết phương pháp niệm thân. Hệ Nguyên thủy áp dụng pháp niệm thân trong bốn oai nghi. Lúc đi, lúc ngồi... đều tự niệm thầm "Đi à! Ngồi à!" Lúc nào cũng gây ấn tượng nhớ mình đang làm việc gì, lặp đi lặp lại nhắc tới nhắc lui để cột tâm trong hành động. Chúng ta niệm thân không bắt buộc phải cột tâm trong từng hành động, nhưng phải ứng dụng trí tỉnh giác, trong lúc đi thì biết đi, niệm khởi thì không theo, thấy rõ từng niệm. Hai phương pháp này, pháp nào dễ hơn? Ưu khuyết ra sao?

Người tu cột tâm theo từng hành động. Khi quét nhà, quét ra cứ nhớ quét ra; lấy cây chổi nhớ mình lấy cây chổi; hành động nào cũng nhớ cột tâm trong đó.

Chúng ta thì lấy giác làm căn bản, khi niệm vừa khởi, buông không theo. Bên Nguyên thủy có ưu điểm là cột tâm trong hành động rất kỹ, nên ít bị cảnh bên ngoài chen vào. Nhưng do cột quá kỹ nên bị gò bó không được thong dong tự tại. Chúng ta không cột tâm kỹ, chỉ dùng trí thấy rõ niệm khởi không theo, khi không khởi thì biết không khởi. Luôn luôn thấy biết tế nhị như vậy, không cột tâm trong hành động nên không bó buộc. Như khi đi thì biết đi, không cần nhớ chân này bước lên chân kia để xuống, chỉ có niệm khởi không theo. Bên kia do tu tập khít khao nên dễ cho buổi ban đầu, nhưng sau thì thấy lúng túng. Chúng ta ban đầu thấy khó, do dùng

pháp nhẹ nhàng, đi thì đi chơi thì chơi, không nhớ niệm thân, khi khởi niệm chạy theo vù vù, không biết mà chặn dừng lại.

Bên Nguyên thủy ưu ở chỗ chặt chẽ, mà khuyết về gò bó. Còn chúng ta ưu ở chỗ là tự tại thong dong, nhưng khuyết là không kềm chặt. Người trí giác lanh lẹ mới thấy và theo dõi được, nhưng phải tế nhị lắm mới thấy, thô tháo thì không thể thấy.

Tổ Lâm Tế nói: *Người ngu cười ta, người trí biết ta*. Người ngu thấy như chúng ta không có tu, vì không trì chú, không niệm Phật, chỉ đi đứng thong dong tự tại. So với người khi để chân lên để chân xuống đều khéo nhớ, mọi hành động đều được khắc ghi thì thấy có tu rõ ràng. Bởi pháp tri vọng tế nhị nên rất khó, người căn cơ cạn mỏng không thể ứng dụng pháp tu này, người tế nhị ứng dụng

thì rất hay, rất đặc biệt. Chúng ta phải xét tường tận chỗ ưu khuyết của mỗi pháp tu, phân biệt rõ ràng không nghi.

Chúng ta tu không phải đợi lúc ngồi thiền hay giờ tụng kinh mới tu. Hằng ngày trong mỗi hành động, mỗi oai nghi đều nhớ niệm thân. Tu hành miên mật, ma không chen vào, không phiền não, hơn thua. Ma ở đây không phải là loài biến hiện, có nanh vuốt dữ dằn, mà chính là vọng tưởng dối gạt khiến tâm chạy theo cảnh. Nghe người chửi sanh phiền não, đó là ma. Nếu tỉnh giác thì giả sử người ta chửi mình cũng không cần nghe, làm gì phiền não? Người tu lơ mơ, không kỹ, không cẩn mật, để tâm trống như cái bình rỗng nên ai bỏ thứ gì cũng chứa.

Người tu chân chánh luôn luôn phải nhớ giữ tâm không chạy theo cảnh, lúc nào cũng chăn giữ, lúc nào cũng coi chừng

trâu. Mục đồng chăn trâu khi trâu ở đâu, đang ăn uống hay đứng nằm gì cũng phải biết. Được như vậy thì dù ở chung với nhau cả ngàn người cũng không có việc gì xảy ra, ai cũng lo chăn con trâu của mình, không dòm ngó gì ai hết, ma nào chen vô được. Nếu không thì cả ngày đêm cùng sống với ma, bị ma sai sử.

Đoạn kinh này Phật dạy rất kỹ, rất rõ. Chúng ta so sánh để áp dụng tu theo pháp tri vọng, kết quả chắc chắn không sai.

Chánh văn:

Người tu niệm thân như thế, truyền bá như thế sẽ có mười tám công đức:

Tỳ-kheo ấy hay nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng thổi ngặt, cũng hay nhẫn mắng chửi đánh đập, thân mắc các

bệnh rất đau đớn cho đến mạng sắp chết, kham chịu tất cả thứ không vui. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ nhất.

Tỳ-kheo kham chịu những điều không vui. Nếu sanh việc không vui trọn không lưu tâm. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ hai.

Tỳ-kheo kham chịu những việc kinh sợ. Nếu sanh việc sợ trọn không lưu tâm. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ ba.

Tỳ-kheo sanh ba niệm ác: niệm dục, niệm sân, niệm hại. Nếu sanh ba niệm ác trọn không dính mắc. Tâm tu tập niệm thân như thế, truyền bá như

thế, ấy là công đức thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy.

Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác chẳng lành, đến đệ tứ thiền, thành tựu tự tại. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá rộng như thế, ấy là công đức thứ tám.

Tỳ-kheo ba kết đã hết, được quả Tu-đà-hoàn không rơi vào pháp ác, quyết định tiến đến chánh giác, tột bảy phen qua lại cõi trời nhân gian rồi vào Niết-bàn. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ chín.

Tỳ-kheo ba kết đã hết, tham sân si được mỏng, một phen qua lại cõi trời nhân gian rồi vào Niết-bàn. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ mười.

Tỳ-kheo năm phần kết thấp đã hết, sanh trong khoảng kia vào Niết-bàn, được pháp không thối, không trở lại cõi này. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ mười một.

Tỳ-kheo nếu có dứt giải thoát, lìa Sắc được Vô sắc, như tưởng định kia thân chứng thành tựu tự tại, dùng trí tuệ quán biết lậu, dứt lậu. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy.

Tỳ-kheo được Như ý túc, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã hết được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong hiện đời tự biết, tự giác, tự chứng thành

tựu tự tại, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau, biết như thật. Tu tập niệm thân như thế, truyền bá như thế, ấy là công đức thứ mười tám.

Phật nói như thế, các thầy Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Người tu tập niệm thân như thế, truyền bá rộng như thế, sẽ được mười tám công đức.

Công đức thứ nhất là nhẫn được nóng bức khó chịu của thân, nhẫn được cảm thọ đau đớn khi thân bệnh sắp chết. Có được công đức này là do tu tập niệm thân, làm chủ tâm, cột tâm một chỗ nên không bị

ngoại cảnh chi phối. Khi làm chủ tâm rồi sẽ nhẫn được những điều khó nhẫn.

Công đức thứ hai thứ ba, là kham nhẫn những việc không vui, những việc kinh sợ. Dù những điều ấy có xảy ra cũng không lưu tâm, chỉ một bề lo cột tâm, tu tập niệm thân nên có điều gì khác lạ cũng không quan tâm.

Công đức thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy là được xa lìa *ba niệm ác: niệm dục, niệm sân, niệm hại,* khi chúng khởi lên một mình hay khởi lên cả ba cũng đều không dính mắc. Các thứ niệm ác này làm ngăn trở chánh niệm, nếu Tỳ-kheo giữ tâm kỹ, luôn luôn niệm thân chuyên cần thì chúng không thể nào xâm chiếm.

Công đức thứ tám là đạt được Tứ thiền. Sau khi nhẫn chịu những bức bách của thân tâm, xa lìa tất cả dục niệm và pháp

chẳng lành, Tỳ-kheo được tâm an định nên nhập thiền dễ dàng.

Công đức thứ chín, do niệm thân mà chứng *được quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp ác, quyết định tiến đến chánh giác, tột bảy phen qua lại cõi người, trời.* Tu-đà-hoàn là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch nghĩa là Thất lai, tức là bảy phen qua lại nhân gian rồi tiến lên Thánh quả A-la-hán. Cũng gọi là Dự lưu, là được dự vào dòng thánh.

Công đức thứ mười, Tỳ-kheo đoạn ba kết, nhân đó tham, sân được mỏng (mỏng chứ chưa phải hết), *một phen qua lại cõi trời nhân gian rồi vào Niết-bàn,* được quả Tư-đà-hàm hay gọi Nhất lai. *Ba kết* là kiến (thân kiến), giới thủ, nghi. Ba kết đoạn dứt tức là không còn chấp ngã, không còn chấp chặt tà giới và bặt hết nghi ngờ.

Công đức thứ mười một, Tỳ-kheo đoạn dứt năm phần kết thấp. *Năm phần kết thấp* cũng gọi là *ngũ hạ phần kết,* tức năm thứ trói buộc chúng sanh ở trong cõi Dục, cõi thấp nhất so với cõi Sắc và Vô sắc. Đó là tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi. Tỳ-kheo tu tập niệm thân thành tựu chứng được Sơ quả gọi là vào dòng thánh. Vào dòng thánh rồi tiếp tục tu, dứt được ba kết trong năm phần kết, còn sót lại tham và sân cạn mỏng gọi là chứng quả Tư-đà-hàm. Tu tăng tiến dần chấm dứt cả tham và sân, nên gọi là *năm phần kết thấp đã hết.*

Do công đức này được chứng Tam quả A-na-hàm, *sanh trong khoảng kia vào Niết-bàn* tức sanh trong cõi trời A-na-hàm, không trở lại nhân gian nên gọi là *được pháp không thối, không trở lại cõi này.* Vị chứng quả A-na-hàm tuy không

còn trói buộc ở cõi Dục nhưng còn trói buộc ở cõi Sắc, ở tại cõi trời Ngũ Tịnh Cư hay cõi trời Ngũ Na-hàm: Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Thiện Hiện thiên, Thiện Kiến thiên, Sắc Cứu Cánh thiên. Bậc Thánh A-na-hàm ở Sắc giới do chưa dứt sạch ngũ thượng phần kết, tức là năm thứ trói buộc ở cõi Sắc và Vô sắc: Sắc ái, Vô sắc ái, trạo cử, mạn, vô minh. Các vị này tiếp tục tu tập để tiến lên quả A-la-hán, hoặc chỉ còn một đời sẽ nhập Niết-bàn.

Các công đức thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy là phần tiếp tục khi đã thành tựu các công đức ở trước. Vị thánh đến đây được giải thoát các lậu hoặc, thân tự tại ra khỏi trói buộc của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Công đức thứ mười tám là chứng quả A-la-hán, đầy đủ lục thông, không còn thọ thân sau.

Tóm lại, tu tập niệm thân là pháp căn bản giúp chúng ta tiến lên các bậc thiền, chứng đắc từ Sơ quả đến viên mãn quả A-la-hán.

PALI TẠNG

Chánh văn:

- Này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt đạt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu thuộc giới xứ nào. Ví như này các Tỷ-kheo, một bình nước đầy tràn đến nỗi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá, có người lực sĩ đến và lắc qua lắc lại cái bình ấy, như vậy, nước có thể trào ra ngoài không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu thuộc giới xứ nào. Ví như một hồ nước trên miếng đất bằng, bốn phía đều có đê đắp làm cho vững chắc, và tràn đầy nước đến nỗi con quạ có thể uống được.

Rồi có người lực sĩ đến và phá một khúc đê, nước có thể tràn ra ngoài không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm

cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu với xứ nào. Ví như này các Tỷ-kheo, trên đất bằng tại chỗ ngã tư có một chiếc xe đậu, thắng với những con ngựa thuần thục, có roi ngựa đặt ngang sẵn sàng, có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy. Tay trái nắm dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe ngựa ấy đi tới đi lui, tại chỗ nào và như thế nào, theo ý mình muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí

đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu với giới xứ nào.

Này các Tỷ-kheo, thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như thành cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành, thời mười công đức này có thể được mong đợi. Thế nào là mười?

Lạc bất lạc được nhiếp phục, và bất lạc không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên.

Khiếp đảm sợ hãi được nhiếp phục, và khiếp đảm sợ hãi không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy sống luôn

luôn nhiếp phục khiếp đảm sợ hãi được khởi lên.

Vị ấy kham nhẫn được lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, mặt trời, các loài rắn rết, các cách nói khó chịu, khó chấp nhận. Vị ấy có khả năng chịu đựng được những cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, thô bạo, chói đau, bất khả ý, bất khả ái, đưa đến chết điếng.

Tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, vị ấy chứng được bốn thiền, thuần túy tâm tư, hiện tại lạc trú.

Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua

hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền. Ngồi kiết-già đi trên không như con chim; với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể, thân có thần thông bay cho đến Phạm thiên.

Với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, ở xa hay ở gần.

Với tâm của vị ấy, vị ấy biết tâm của các chúng sanh, các loài người: Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không tham, biết tâm không tham. Tâm có sân, biết tâm có sân. Tâm không sân, biết tâm không sân. Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không si,

biết tâm không si. Tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết tâm tán loạn. Tâm đại hành, biết tâm đại hành. Tâm không đại hành, biết tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết tâm vô thượng. Tâm thiền định, biết tâm thiền định. Tâm không thiền định, biết tâm không thiền định. Tâm giải thoát, biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.

Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên)... Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ với các nét đại cương và chi tiết. Với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, vị ấy thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng

sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành, thời mười công đức này có thể mong đợi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Giảng:

Hai bên Pali và Hán tạng có những điểm khác nhau về thí dụ. Hán tạng dùng thí dụ cái bình trống và bình đầy hoặc dùng miếng ván khô, miếng ván ướt để lấy lửa, cho thấy trong trường hợp tâm đầy đủ tỉnh giác thì không có vật gì bên ngoài chen vào. Pali dùng hình ảnh bình nước đầy tràn dễ lay đổ hay chiếc xe có con ngựa thuần thục dễ điều khiển, dụ cho người tu tập niệm thân đến giai đoạn tinh xảo đắc lực thì có diệu dụng muốn làm gì đều toại nguyện.

Kết quả của thân hành niệm được tu tập thực hành viên mãn, hai bên khác nhau chút ít về chi tiết, nhưng phần lớn công đức đạt được đều giống nhau. Pali

nói có mười công đức, không phân chia rõ ràng như Hán tạng. Các công đức nhiếp phục kham nhẫn những sự khó chịu bức bách về lạnh, nóng, đói khát, sợ hãi, ruồi muỗi, rắn rết, lời nói không vui... cho đến chịu đựng các cảm thọ khổ đau của thân đến nỗi chết điếng, người tu tập thân hành niệm đều đạt được.

Sau đó là công đức chứng đắc từ Sơ thiền đến Tứ thiền một cách dễ dàng tùy ý. Có được sáu thần thông, biến hiện tự tại, biết được túc mạng của mình và chúng sanh, diệt trừ tất cả lậu hoặc. Cuối cùng là chứng đạt và an trú trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Pali nói gọn gàng cô đọng hơn Hán tạng, không nói các công đức chứng từ Sơ quả đến Tứ quả nhưng kết luận vẫn đưa đến sự giải thoát viên mãn.

Như vậy ý chính của hai bản kinh Niệm Thân và Thân Hành Niệm (Kayagatasati Sutta) là dạy rõ pháp tu, pháp quán chú tâm cẩn mật vào hơi thở, vào những cử động của thân để tâm không rảnh rỗi buông lung chạy ra ngoài. Đây là pháp môn căn bản thiết yếu nhất của người tu thiền. Chúng ta cũng áp dụng pháp tu biết vọng triệt để, nhờ vậy trí tuệ phát sanh, dừng vọng, nhận ra ông chủ.

Giải và Đối chiếu Kinh Cầu Pháp (Hán tạng) với Kinh Thừa Tự Pháp (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến nước Câu-sa-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo đi đến thôn Ngũ-sa-la ở phía Bắc trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Những vị đệ tử danh đức thượng tôn trưởng lão của Phật là: tôn giả Xá-lợi Tử, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Đại Ca-diếp, tôn giả Đại Ca-chiên-diên, tôn giả A-na-luật-đà, tôn giả Lệ-việt, tôn giả A-nan, đều có mặt ở thôn Ngũ-sa-la ngụ gần bên thất lá của Phật.

Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

Các ông phải đi cầu pháp chớ đi cầu ăn uống. Vì cớ sao? Vì tôi thương xót đệ tử muốn khiến đi cầu pháp, không đi cầu ăn uống. Nếu các ông đi cầu ăn uống, không đi cầu pháp, các ông đã tự xấu, tôi cũng không được tiếng tốt. Nếu các ông đi cầu pháp, không đi cầu ăn uống, các ông đã tự tốt, tôi cũng được tiếng khen.

Giảng:

Bài kinh này Phật dạy các Tỳ-kheo về ý nghĩa cầu pháp. Phật nêu lên hai trường hợp, người xuất gia vì cầu pháp và người xuất gia vì cầu ăn uống. Trường hợp đệ tử xuất gia vì cầu pháp thì đệ tử đã tự tốt mà Phật cũng được tiếng khen. Trường hợp đệ tử xuất gia vì cầu ăn uống thì đệ tử đã tự xấu mà Phật cũng bị tiếng chê. Như vậy, Phật còn trọng khen chê sao? Khen chê ở

đây có nghĩa là nếu người đệ tử làm đúng thì chứng tỏ mình là người tốt, người có ý chí tu hành, bậc thầy của người ấy cũng được mọi người quý kính theo học. Nếu đệ tử theo thầy vì ăn uống thì chính tự mình đã xấu, ông thầy cũng bị người chê: Thầy trò ông đó chỉ chú trọng ăn uống có gì đâu mà quý? Không quý thì người không theo. Chính chỗ đó làm mất uy tín bản thân mình và thầy mình.

Chánh văn:

Thế nào các đệ tử vì cầu ăn uống nên đi theo Phật, không phải vì cầu pháp? Tôi thọ thực xong còn thừa chút ít, sau đó có hai Tỳ-kheo đến đói khát khô kiệt. Tôi bảo họ: Tôi ăn no rồi, còn thừa chút ít, các ông cần nên lấy mà ăn. Nếu các ông không lấy, tôi sẽ đem rải chỗ đất sạch, hoặc rải

trong nước không trùng. Hai Tỳ-kheo kia, người thứ nhất nghĩ: Thế Tôn thọ thực rồi còn thừa chút ít, nếu ta không lấy, Thế Tôn sẽ đem rải chỗ đất sạch, hoặc rải trong nước không trùng, ta nên lấy mà ăn. Kia liền lấy ăn. Tỳ-kheo kia lấy ăn rồi, tuy được an ổn một ngày, một đêm, nhưng Tỳ-kheo kia nhân lấy thức ăn nên Phật không hài lòng. Vì cớ sao? Tỳ-kheo kia nhân lấy thức ăn này ăn nên không được ít muốn, không được chán đủ, không được dễ nuôi, không được dễ đầy, không được biết thời, không biết tiết chế, không được tinh tấn, không được tịnh tọa, không được tịnh hạnh, không được xa lìa, không được nhất tâm, không được tinh cần, cũng không được Niết-bàn. Do đó, Tỳ-

kheo kia nhân lấy thức ăn, Phật không hài lòng. Ấy gọi là đệ tử vì đi cầu ăn uống mà theo Phật, không phải vì cầu pháp.

Giảng:

Phật nêu lên trường hợp hai thầy Tỳ-kheo. Một hôm, Phật thọ thực còn thừa chút ít trong bát, có hai thầy Tỳ-kheo đói khát khô kiệt đi đến chỗ ngài. Ngài bảo ta còn một ít cơm đây, nếu cần cứ lấy ăn, nếu không ăn ta cũng rải dưới đất sạch hoặc rải dưới nước. Như vậy là Phật cho phép. Thầy Tỳ-kheo thứ nhất bèn lấy ăn. Vị Tỳ-kheo đó đói khát, lấy phần cơm còn thừa ăn đỡ đói, một ngày một đêm ngồi tu yên ổn. Với lòng từ bi thấy vậy là vui, tại sao Phật không hài lòng? Thầy Tỳ-kheo thứ hai chịu nhịn đói cả ngày cả đêm như vậy mà Phật hài lòng. Như vậy Phật muốn đệ tử khổ?

Thí dụ như tôi, hôm nào mấy chú đi công tác về, chiều xế rồi nhà trù không có cơm, tôi còn một vài ba món ăn, bảo mấy chú cần lấy cái này ăn. Mấy chú lấy ăn ngon lành, tôi vui chứ, mình có cái gì cho đệ tử ăn khỏi đói là mình mừng, không vui là sao? Chỗ này dễ mà khó. Bởi vì đức Phật muốn tập cho đệ tử trên đường tu lập chí dám liều chết không sợ đói khát. Nếu người đệ tử sợ đói khát tức là không can đảm, không có chí quyết liệt. Người như thế khó đạt đạo. Nên tuy ngài mời ăn mà khi thấy ăn thì không hài lòng. Còn người kia không ăn, tuy biết thầy bị một ngày một đêm đói lả mà Phật hài lòng vì gã này dám chết, không sợ chết. Trên đường tu giữ cho trong sạch, người như vậy sớm chiều rồi cũng đạt đạo. Hài lòng người tương lai có thể đạt đạo, còn không hài lòng người tương lai không đạt đạo. Mục

tiêu của Phật nhắm là chỗ đạt đạo hay không, không phải cho ăn rồi tiếc.

Chủ trương của tôi cũng có chút ít giống như vậy. Ai vào tu đều phải chịu cực. Chịu cực nổi thì tôi hài lòng, cực một chút rên rỉ thì tôi không hài lòng. Trên đường tu, muốn đạt đạo thì phải dứt hết những thói quen tật xấu, những cái muôn đời đã gắn bó với chúng ta. Chuyện đó không dễ, phải là con người can đảm, dám liều chết một phen mới làm được, thân chịu cực một chút mà chịu không nổi thì mong gì làm việc kia nổi. Người như vậy tu thì tu chứ không đạt đạo. Còn người gan dạ, nếu cần chết thì chết, như thế mới bỏ được những tập khí xấu dở. Như có năm người nghiện rượu, khi nghe bác sĩ giải thích tai họa của rượu rồi cùng đồng nguyện bỏ rượu. Chắc gì năm người đó bỏ hết? Có người bỏ được, có người bỏ không được. Bỏ không được là

ý chí không mãnh liệt, không can đảm dứt khoát, nếu bị ngáp thì kiếm rượu uống. Can đảm dứt khoát dù chết cũng chịu. Chỉ là thói quen nhỏ mới tập thôi còn đòi hỏi tinh thần dứt khoát như vậy huống là thói quen muôn đời. Như muốn dứt bỏ ái dục muôn đời, không gan dạ thì không bỏ nổi. Đó là lý do Phật vì đại bi muốn cho đệ tử đạt đạo, không phải muốn đệ tử sống khỏe mạnh, sung túc.

Trên tinh thần căn bản này, xưa ngài Đạo Giai có năm trăm chúng, chỉ chia bao nhiêu gạo đủ nấu, hôm nào có khách thì thêm nước nấu lỏng ra, không thêm gạo. Vậy đó, ai ở nổi thì ở, ở không nổi thì cứ đi. Thấy như là khắc khổ, nhưng chính cái khắc khổ đó để kiểm chứng người nào vì đạo thật. Người xưa có thái độ, mới nhìn qua dường như tàn nhẫn, mà thật là để thử thách đệ tử có ý chí gan dạ hay không.

Nếu không có ý chí thì bỏ đi bao nhiêu cũng được.

Chỗ cao siêu trong đạo là cốt nhận người xứng đáng để gánh vác tương lai. Nếu là người dám liều sống chết mới có thể gánh vác được. Thời đức Phật, giai đoạn đầu ít người hiểu đạo, chư tăng đi khất thực từ sáng sớm đến trưa, nếu không có ai cho cơm thì ngày đó nhịn đói đến hôm sau. Chịu đói luôn một ngày một đêm, ngày mai đi khất thực nữa, đi khất thực mà người ta không cúng thì chấp nhận đói thêm một ngày nữa. Gan như vậy mới chứng đạo. Lúc ngủ cũng đơn giản như trong luật có nói. Khi ngủ Phật trải y thất điều để nằm, y cửu điều cuộn lại làm gối, y ngũ điều mặc trong thân. Như vậy, đi đâu ba y không thể thiếu, vì không có mùng mền... Chỉ ba y đó làm mùng, mền, chiếu, gối. Bây giờ chúng ta đi đâu cũng

có đủ giường nằm, chăn đắp, có khi còn thêm cái nệm. Đem ba y theo không biết dùng chỗ nào, mà cứ theo Luật thì không rời ba y.

Hai thời khác nhau, thời xưa ba y không thể rời, vì rời thì ngủ không được. Không có mùng chiếu mền, ở giữa đêm như vậy, nhất là đêm mùa mưa, ngủ dưới cội cây trong mùa mưa các ngài có ngủ ngon như chúng ta không? Một đêm các ngài chỉ ngủ vài tiếng đồng hồ. Lại thêm ở Ấn Độ rắn rít muỗi mòng rất nhiều. So với bây giờ sang trăm bề. Ngồi nghe gió hiu hiu là mang mền quấn lung tung, vài con muỗi cắn sơ sơ cũng lo sợ, kiếm mùng kiếm dầu thoa. Ngày xưa ở trong rừng, bao nhiêu sự hiểm nguy. Nên sự tu là sự chết sống, chủ yếu là phải có ý chí. Kế đó là phải dám gan dạ dứt khoát, cái gì cần bỏ thì bỏ không ngó lại. Dứt khoát làm rồi

không một chút nuối tiếc. Nhà thiền nói là giết người không ngó lại, như vậy mới có thể đạt đạo. Người yếu đuối không dám làm gì cả, làm gì cũng lừng chừng, đó chỉ là gieo nhân lành để đời sau tu, đời này không giải thoát nổi. Ý của đoạn này là như vậy.

Chánh văn:

Thế nào đệ tử đi cầu pháp, không đi cầu ăn uống? Hai vị Tỳ-kheo kia, Tỳ-kheo thứ hai tự nghĩ: "Thế Tôn thọ thực xong còn thừa chút ít, nếu ta không lấy, Thế Tôn sẽ đem rải chỗ đất sạch, hoặc rải trong nước không trùng. Lại Thế Tôn nói: Trong lối ăn, thấp tột là ăn đồ thừa. Ta không nên lấy thức ăn này". Nghĩ thế rồi, Tỳ-kheo kia không lấy. Tỳ-kheo kia không lấy thức ăn này, tuy một ngày

một đêm khổ không an ổn, nhưng Tỳ-kheo kia nhân không lấy thức ăn, được Phật hài lòng. Vì cớ sao? Tỳ-kheo kia nhân không lấy thức ăn này ăn nên được ít muốn, được biết đủ, được dễ nuôi, được dễ đầy, được biết thời, được tiết chế, được tinh tấn, được tịnh tọa, được tịnh hạnh, được xa lìa, được nhất tâm, được tinh cần, cũng được Niết-bàn. Do đó, Tỳ-kheo kia nhân không lấy thức ăn, được Phật hài lòng. Ấy gọi là đệ tử vì cầu pháp mà nương theo Phật, không phải vì cầu ăn uống.

Thế Tôn bảo các đệ tử:

Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử không ưa ở chỗ xa lìa, pháp luật ấy không lợi ích nhiều người, nhiều người không được vui,

không phải là thương xót thế gian, cũng không phải vì trời người cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc.

Giảng:

Bậc thầy trọng pháp luật ưa ở chỗ xa lìa, hàng thượng đệ tử tức đệ tử lớn lại không ưa ở chỗ xa lìa, không ưa lìa ngũ dục, ưa ở chỗ ồn náo thì bậc thầy đó không lợi ích nhiều người, nhiều người không được vui, không phải bậc thầy ấy vì thương xót thế gian. Tại sao? Bởi thầy làm được những việc đó mà học trò lớn không ưa làm, khi thầy chết rồi thì người được trông cậy là những học trò lớn đó làm không được. Như vậy không còn lợi ích gì cho ai, không còn giữ được lòng tin cho ai, cũng không thương xót thế gian. Nghĩa là mai kia không ai hướng dẫn họ, vì mình làm cho họ không đủ lòng tin, họ không nương tựa thì làm sao hướng dẫn họ tu

hành? Đó là hàng đệ tử lớn, còn trung hạ đệ tử thì sao?

Chánh văn:

Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử không ưa ở chỗ xa lìa, pháp luật ấy không lợi ích nhiều người, nhiều người không được vui, không phải vì thương xót thế gian, cũng không phải vì trời người cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc.

Giảng:

Giả sử hàng đệ tử lớn ưa ở chỗ xa lìa giống thầy, nhưng hàng trung hạ thì không được như vậy. Phật kết luận cũng là không lợi ích cho nhiều người, không thương xót thế gian, không đem an lạc cho trời người. Nếu trong chúng có người nghĩ, trên có Thầy viện chủ, kế đó có quý thầy

quý sư huynh làm mẫu mực, còn mình đây không nhằm gì, mặc tình ăn chơi sống sao cũng được. Đó là hạng người vô trách nhiệm, đổ trách nhiệm cho người lớn. Người lớn có sống đời đâu? Người lớn thì giới hạn chỉ có ba bốn người, còn nhỏ thì tới ba bốn chục người. Ba bốn chục người đó vô trách nhiệm thì những người lớn có làm được cũng chỉ là trong phạm vi nhỏ. Những người nhỏ không làm được gì, mai kia làm sao Phật pháp được mở rộng, làm sao lợi ích được nhiều người?

Chánh văn:

Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử cũng ưa ở chỗ xa lìa, pháp luật ấy lợi ích nhiều người, nhiều người được vui, vì thương xót thế gian, cũng vì trời người cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung

hạ đệ tử cũng ưa ở chỗ xa lìa, pháp luật ấy lợi ích nhiều người, nhiều người được vui, vì thương xót thế gian, cũng vì trời người cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc.

Giảng:

Như vậy thượng đệ tử có trách nhiệm, trung hạ đệ tử cũng có trách nhiệm như nhau, không ai đổ cho ai được. Bệnh của chúng ta là đổ trách nhiệm cho người lớn, mình không có gì, cứ nghĩ mình nhỏ không ai để ý, cứ chơi thôi. Không thấy trách nhiệm của mình, tức là tương lai nhiều người không có lòng thương xót thế gian, không làm lợi ích an ổn cho cả trời người. Tóm lại, bậc thầy, trò lớn, trò trung bình, trò nhỏ đều có trách nhiệm, phải hiểu như vậy mới có lợi ích lâu bền. Do đây Phật dạy kỹ mỗi hạng người đều có mỗi trách nhiệm, không thể đổ cho ai hết.

Chánh văn:

Khi ấy, tôn giả Xá-lợi Tử cũng ở trong chúng. Thế Tôn bảo:

- Xá-lợi Tử! Ông vì các Tỳ-kheo nói pháp đúng như pháp, tôi đau lưng muốn nghỉ một chút.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn xếp y Uất-đa-la-tăng (Uttarasariga: y thất điều) làm tư trải lên sàng, cuốn tròn y Tăng-già-lê (Saighati: y cửu điều) làm gối, nằm nghiêng bên hông mặt, hai chân chồng lên nhau, khởi tưởng quang minh, chánh niệm chánh trí, thường nghĩ muốn dậy.

Giảng:

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo nói pháp. Đó là trách nhiệm của hàng đệ tử lớn. Khi Phật nằm nghỉ, tư thế trang nghiêm và thường nghĩ muốn dậy, tức là luôn luôn nhớ chút nữa dậy chứ không nằm lâu. Phật già rồi, thành đạo rồi mà còn tinh tấn như vậy, chúng ta bây giờ nghe chuông thức chúng có thường nghĩ muốn dậy chưa? Chắc muốn nghĩ nán chút nữa. Phật đã gần mãn cuộc đời mà lúc nào cũng vẫn tinh tấn. Chúng ta thì đạo xa muôn dặm mà ngủ thì muốn ngủ cho say, ngủ cho dài. Đó là cái tệ cái dở của mình, không xứng đáng với Phật. Chúng ta học kinh này đem gương của Phật để soi lại mình, xem tâm trạng của mình có xứng đáng hay chưa mà cố gắng tu hành.

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà lâm), vườn ông Anatha piika (Cấp Cô Độc). Khi ở tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo!

- Bạch Thế Tôn,

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Này các Tỷ-kheo, hãy là những người thừa tự pháp của ta, đừng là những người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các người và ta nghĩ: "Làm sao những đệ tử của ta là những người thừa tự pháp của ta, đừng là những người thừa tự tài vật".

Và này các Tỷ-kheo, nếu các người là những người thừa tự tài vật của ta, không phải là những người thừa tự pháp thì không những các người trở thành những người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự pháp", mà cả ta cũng trở thành người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự pháp".

Và này các Tỷ-kheo, nếu các người là những người thừa tự pháp của ta, không phải là những người thừa tự tài vật, thì không những các người trở thành những người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tự pháp, không phải là những

người thừa tự tài vật", mà cả ta cũng trở thành người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tự pháp, không phải là những người thừa tự tài vật. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy là những người thừa tự pháp của ta, đừng là những người thừa tự tài vật". Ta có lòng thương tưởng các người và ta nghĩ: "Làm sao những đệ tử của ta là những người thừa tự pháp của ta, không phải là những người thừa tự tài vật".

Giảng:

Đối chiếu hai bài kinh này chỉ khác nhau chút ít. Hán tạng nói nếu đệ tử thừa tự tài vật thì đệ tử đã tự dở, bậc thầy cũng bị người chê. Nếu đệ tử thừa tự pháp, đệ tử đã tự tốt mà thầy cũng được người khen. Pali tạng nói nếu đệ tử thừa tự tài vật,

người ta cũng nói chung là thầy trò thừa tự tài vật. Nếu đệ tử thừa tự pháp thì sẽ được mọi người khen thầy trò thừa tự pháp, không thừa tự tài vật.

Phật nhấn mạnh ý của ngài là muốn đệ tử phải là người thừa tự pháp, vì cầu pháp mà tu tập, không phải vì cầu tài vật mà tu tập. Nếu là người thừa tự pháp thì chùa chiền ai lo làm gì làm, chúng ta chỉ lo học hiểu pháp tu, quăng ở đâu tu cũng được, tới đâu mở mang tại đó. Không nên quan trọng cái chùa, nói là của thầy mình, mình là người kế thừa rồi sanh tâm chấp giữ. Trừ khi vì bổn phận bắt buộc thì phải lo. Bản chất người tu là như vậy, nếu khác đi thì không phải người tu.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, ở đây một thời ta ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích,

vừa ý, và còn lại đồ ăn tàn thực của ta, đáng được quăng bỏ. Khi ấy có hai vị Tỷ-kheo đến, đói lả và kiệt sức. Ta có thể nói với hai vị ấy: "Này các Tỷ-kheo, ta ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý và còn lại đồ ăn tàn thực này của ta, đáng được quăng bỏ. Nếu các người muốn, hãy ăn đi. Nếu các người không muốn ăn, ta sẽ quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay ta sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy". Rồi một vị Tỷ-kheo có thể nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý và đây là đồ ăn tàn thực của Thế Tôn, đáng được quăng bỏ. Nếu chúng ta không ăn, Thế Tôn sẽ quăng

đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy.

Nhưng Thế Tôn có dạy như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy là những người thừa tự pháp của ta, đừng là những người thừa tự tài vật". Đây là loại tài vật, món đồ ăn này, ta hãy không ăn loại đồ ăn này và trải qua đêm ngày hôm nay, bị đói lả và kiệt sức. Rồi vị ấy không ăn loại đồ ăn này và trải qua đêm ngày hôm ấy, bị đói lả và kiệt sức.

Vị Tỷ-kheo thứ hai nghĩ như sau: "Thế Tôn ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý, và đây là đồ ăn tàn thực của Thế Tôn, đáng được quăng bỏ. Nếu chúng ta không ăn, Thế Tôn sẽ

quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy. Vậy ta hãy ăn loại đồ ăn này, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm nay như vậy". Rồi vị ấy ăn loại đồ ăn ấy, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm ấy như vậy. Này các Tỷ-kheo, dầu cho vị Tỷ-kheo này, sau khi ăn loại đồ ăn ấy, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm ấy như vậy, nhưng đối với ta, vị Tỷ-kheo đầu tiên đáng được kính nể hơn, và đáng được tán thán hơn. Vì sao vậy? Vì như vậy sẽ đưa đến cho vị Tỷ-kheo ấy, trong một thời gian lâu ngày, ít dục, biết đủ, khổ hạnh, dễ nuôi dưỡng, tinh cần, tinh tấn. Do vậy, "Này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự pháp

của ta, đừng là người thừa tự tài vật". Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

Giảng:

Điểm khác thứ hai là bên Hán tạng, người thứ nhất lấy thức ăn Phật không vui, người thứ hai không lấy thức ăn được Phật hài lòng. Bên Pali, người thứ nhất không lấy thức ăn vì nhớ lời Phật dạy hãy là kẻ thừa tự pháp, đừng làm kẻ thừa tự tài vật. Người thứ hai lấy thức ăn. Đối với Phật, người thứ nhất đáng kính nể, đáng tán thán hơn.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôn giả Xá-lợi Tử bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Chư hiền nên biết, Thế Tôn lược nói pháp, nếu có pháp luật... (như

trên)... cầu an ổn khoái lạc. Nhưng Thế Tôn nói pháp này rất lược, các ông hiểu nghĩa thế nào? Phân biệt rộng thế nào?

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất hỏi các thầy Tỳ-kheo hiểu thế nào về lời Phật dạy.

Chánh văn:

Trong chúng có thầy Tỳ-kheo nói như thế này:

- Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu các thượng tôn trưởng lão tự nói: Tôi được trí cứu cánh, tôi mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn sanh đời sau, biết như thật. Những vị hạnh thanh bạch nghe Tỳ-kheo kia nói "Tôi được trí cứu cánh" liền được hoan hỷ.

Giảng:

Thầy Tỳ-kheo này trình bày nghe được không? Đó là bắn bổng rồi, Phật nói một đường thầy hiểu một ngả. Đến Tỳ-kheo thứ hai.

Chánh văn:

Lại có Tỳ-kheo nói như thế này:

- Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu trung hạ đệ tử cầu nguyện vô thượng Niết-bàn, các vị hạnh thanh bạch thấy kia hành rồi liền được hoan hỷ.

Giảng:

Thầy Tỳ-kheo này cũng không hiểu, nghe Phật nói một đường mà toát yếu một ngả.

Chánh văn:

Như thế, Tỳ-kheo kia nói nghĩa đó, tôn giả Xá-lợi Tử không được bằng

lòng. Tôn giả Xá-lợi Tử bảo Tỳ-kheo kia:

- Chư hiền! Các ông lắng nghe, tôi vì các ông nói. Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử không ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử có ba việc đáng chê.

Giảng:

Vì thấy các Tỳ-kheo không nhận hiểu ý Phật nên ngài Xá-lợi-phất giảng rộng. Hàng đệ tử lớn không ưa ở chỗ xa lìa có ba việc đáng chê.

Chánh văn:

Thế nào là ba? Một, tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử không học lìa bỏ, thượng đệ tử do đây nên đáng chê. Hai, tôn sư nếu nói pháp nên đoạn, thượng đệ tử không đoạn pháp kia,

thượng đệ tử do đây đáng chê. Ba, chỗ nên chứng ngộ, thượng đệ tử bỏ phương tiện (không cố gắng), thượng đệ tử do đây đáng chê.

Giảng:

Thứ nhất, thầy ưa lìa bỏ mà trò không chịu lìa bỏ, đó là trò đáng chê. Thứ hai, thầy nói pháp nên đoạn dứt như nên đoạn tham, đoạn sân, đoạn si, mà đệ tử không chịu đoạn, như vậy là đệ tử đáng chê. Thứ ba, chỗ nên chứng ngộ lẽ ra tu phải cố gắng để chứng ngộ, đệ tử lại không chịu cố gắng.

Chánh văn:

Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử không ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử do ba việc này nên đáng chê.

Giảng:

Như vậy là ba việc đáng chê:

Thầy ưa xa lìa mà đệ tử thì không học xa lìa.

Thầy bảo bỏ những điều xấu dở mà trò không chịu bỏ.

Chỗ nên đạt chứng, thầy bảo phải cố gắng tu mà trò không cố gắng.

Chánh văn:

Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử không ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử có ba việc đáng chê. Thế nào là ba? Một, tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử không học lìa bỏ, trung hạ đệ tử do đây đáng chê. Hai, tôn sư nếu nói pháp nên đoạn, trung hạ đệ tử không đoạn pháp kia, trung hạ đệ tử do đây

đáng chê. Ba, chỗ nên chứng ngộ, trung hạ đệ tử bỏ phương tiện (không cố gắng), trung hạ đệ tử do đây đáng chê. Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử không ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử có ba việc này đáng chê.

Giảng:

Nếu hiểu thượng đệ tử như thế thì trung hạ đệ tử cũng giống như vậy. Ngài Xá-lợi-phất giảng rộng khuyết điểm do người đệ tử không làm giống thầy nên đáng chê. Ngược lại, người đệ tử làm đúng thì sao?

Chánh văn:

Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử cũng ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử có ba việc đáng khen. Thế nào là ba? Một, tôn sư

ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử cũng học lìa bỏ, thượng đệ tử do đây đáng khen. Hai, tôn sư nếu nói pháp nên đoạn, thượng đệ tử liền đoạn pháp kia, thượng đệ tử do đây đáng khen. Ba, chỗ nên chứng ngộ, thượng đệ tử tinh tấn siêng học không bỏ phương tiện (cố gắng), thượng đệ tử do đây đáng khen.

Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử cũng ưa ở chỗ xa lìa, thượng đệ tử có ba việc này đáng khen.

Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử cũng ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử có ba việc đáng khen. Thế nào là ba? Một, tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử cũng học lìa bỏ, trung hạ đệ tử do đây

đáng khen. Hai, tôn sư nếu nói pháp nên đoạn, trung hạ đệ tử liền đoạn pháp kia, trung hạ đệ tử do đây đáng khen. Ba, chỗ nên chứng ngộ, trung hạ đệ tử tinh tấn siêng học không bỏ phương tiện (cố gắng), trung hạ đệ tử do đây đáng khen.

Chư hiền! Nếu có pháp luật tôn sư ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử cũng ưa ở chỗ xa lìa, trung hạ đệ tử có ba việc này đáng khen.

Giảng:

Thượng đệ tử được ba việc đáng khen, hàng trung hạ đệ tử cũng được ba việc đáng khen. Hai bên rõ ràng. Đó là ngài Xá-lợi-phất giảng rộng ra về chỗ Phật nói lược.

Chánh văn:

Nói xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá.

Lúc ấy, tôn giả Sariputta, sau khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

- Này các hiền giả Tỷ-kheo!

- Thưa vâng hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói:

Này các hiền giả, như thế nào vị đạo sư sống viễn ly mà các đệ tử không tùy học viễn ly? Và như thế nào vị đạo sư sống viễn ly và các đệ tử tùy học viễn ly?

Này hiền giả, chúng tôi từ xa lại để được hiểu nghĩa lý câu nói này từ tôn giả Sariputta. Lành thay, nếu tôn giả Sariputta thuyết giảng nghĩa lý câu nói ấy; sau khi được nghe tôn giả Sariputta thuyết giảng, các vị Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

Chư hiền, vậy hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ giảng.

- Thưa vâng hiền giả.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp tôn giả Sariputta.

Giảng:

Pali có thể hơi thiếu sót, nói Phật vào tinh xá thì ngài Xá-lợi-phất giảng liền. Hán tạng nói Phật bảo Xá-lợi-phất thay Phật nói cho Tỳ-kheo nghe rồi mới vào nghỉ. Bên Hán tạng Phật nói lược về chỗ tôn sư ưa ở chỗ xa lìa nên đoạn dưới ngài

Xá-lợi-phất mới giảng rộng. Còn Pali thì Phật không nói, làm sao Xá-lợi-phất giảng rộng? Có phải là bên Pali thiếu một đoạn Phật nói lược hay không? Thường thường những đoạn kinh hoặc Phật bảo ngài Xá-lợi-phất nói, Phật đã nói lược rồi ngài vào tịnh thất, các Tỳ-kheo mới mời Xá-lợi-phất vì chúng mà giảng rộng, ở đây bỗng dưng ngài nói. Rõ ràng thiếu một đoạn nối tiếp.

Chánh văn:

Tôn giả Sariputta nói như sau:

Này chư hiền, ở đây vị đạo sư sống viễn ly mà các đệ tử không tùy học viễn ly. Những pháp nào vị đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ, và họ sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Này chư hiền, các

thượng tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng bị quở trách. Vị đạo sư sống viễn ly mà các đệ tử không tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các thượng tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và những pháp nào vị đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các thượng tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và họ sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các thượng tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Này chư hiền, các thượng tọa Tỷ-kheo, do ba trường hợp này đáng bị quở trách. Này chư hiền, các trung tọa Tỷ-kheo... (như trên)... các vị mới thọ Tỷ-kheo, có ba trường hợp đáng bị quở trách. Vị đạo sư sống viễn ly, các đệ

tử không tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và những pháp nào vị đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và họ sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Này chư hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo, do ba trường hợp này đáng bị quở trách. Này chư hiền, như vậy là những trường hợp vị đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly.

Và như thế nào, vị đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly? Này chư hiền, vị đạo sư sống viễn ly, các

đệ tử tùy học viễn ly. Những pháp nào, vị đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ, và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về sống viễn ly. Này chư hiền, các thượng tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị đạo sư sống viễn ly mà các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các thượng tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các thượng tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các

thượng tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Này chư hiền, các thượng tọa Tỷ-kheo, do trường hợp này đáng được tán thán. Này chư hiền, các trung tọa Tỷ-kheo... (như trên)... các vị mới thọ Tỷ-kheo, có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị đạo sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Này chư

hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo, do ba trường hợp này đáng được tán thán. Này chư hiền, như vậy là những trường hợp vị đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly.

Giảng:

Phần sau, đối chiếu Hán tạng ngài giảng rộng ba việc giống nhau, chỉ khác dùng chữ. Ở đây có những chữ nghe hơi đau một chút, nói rằng: *...và họ sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly.* Chúng ta nhìn lại mình ra sao? Được đầy đủ rồi sanh lười biếng, lười biếng rồi sanh đọa lạc, bỏ quên nếp sống viễn ly. Ngược lại đoạn sau nói: *...đứng đầu về sống viễn ly, bỏ hết mọi sự đọa lạc và siêng năng tinh tấn* v.v... Phật lúc nào cũng nhắc đệ tử muốn tiến tới đạo lý cao siêu thì bước đầu phải nỗ lực xa lìa những cái cần xa lìa. Thí

như ngũ dục đối với chúng ta còn quá quan trọng, với Phật không còn quan trọng, vì không quan trọng nên ngài xa lìa được. Ngũ dục là vô thường, là tạm bợ, chúng ta cứ cho nó là thật nên khó xa lìa.

Có những chuyện nhỏ nhặt như ăn, ngủ, y phục, thuốc men... chúng ta cần tập thái độ viễn ly, không thấy nó quan trọng. Đến bữa ăn sao cũng được không cần ngon dở, áo quần may sao mặc vậy, không cần xin vải tốt, chê vải xấu. Không chú trọng thức ăn đồ mặc thì không thân cận Phật tử để cầu xin thêm. Đó là hạnh viễn ly.

Những điều tôi nói đây, chúng ta ai có bệnh thì tự xét để sửa đổi, ai chưa có thì biết để ngừa bệnh cho đời sống cao thượng đẹp đẽ.

Sống trong chúng cứ lo làm tròn bổn phận, mỗi người có cơm ăn áo mặc theo sự sắp đặt của các thầy lớn. Mình làm tròn

bổn phận của mình là tốt, không cần lo thêm việc gì nữa là khéo tu. Nếu không tu như vậy là không khéo. Tôi tập cho chúng tăng gan dạ, chấp nhận nghèo, không giữ tiền, không nhiễm ô, dễ tu hạnh viễn ly. Đó là đúng theo tinh thần Phật dạy.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôn giả Xá-lợi Tử bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Chư hiền! Có trung đạo hay trụ được tâm, được định, được vui, thuận pháp, thứ pháp, được thông, được giác, cũng được Niết-bàn.

Giảng:

Thuận pháp là đi đúng chiều hướng của chánh pháp, thứ pháp là pháp tuần tự từ một đến mười, tiến từng bậc.

Chánh văn:

Chư hiền! Thế nào có trung đạo hay trụ được tâm, được định, được vui, thuận pháp, thứ pháp, được thông, được giác, cũng được Niết-bàn? Chư hiền! Nhớ tham dục là ác, ghét nhớ tham dục cũng là ác, kia đoạn nhớ tham dục, cũng đoạn ghét nhớ tham dục.

Giảng:

Thông thường chúng ta đối với cái xấu dở của người khác lại muốn tỏ ra mình tốt. Người tham ăn, mình chê tham ăn là dở là hư hèn. Người hiếu danh, mình tỏ ra không hiếu danh nên chê, coi như ghét cay ghét đắng. Như vậy mình cho là mình đứng đắn. Phật dạy, thích ưa điều ác là lỗi, ghét ác cũng là lỗi. Tại sao? Chúng ta đọc sách xưa thấy có người chê bai danh vọng,

chửi mắng quan quyền. Sở dĩ như vậy vì muốn mà không toại nguyện nên làm như mình trong sạch. Nếu không màng danh lợi thì ai làm gì mặc ai, tranh giành chi với họ.

Vì có tâm hơn thua nên bực bội ghét chửi, đó là tâm xấu. Ưa thích tham dục là xấu, ghét bỏ tham dục cũng là xấu. Đó là tâm lý rõ ràng chưa sạch. Đừng tưởng ghét bỏ không màng đến tham dục là giỏi, không ngờ chính mình đang sợ, vì bệnh mình trầm trọng. Người ưa tham dục là dở đành rồi, mình ghét cái ưa tham dục cũng là bệnh. Ghét là một tướng khác của sân, ghét là hận thù. Còn có ưa ghét là còn đối địch, còn phiền não. Người này xấu là chuyện của họ, mình không ghét, người kia tốt mình cũng không thương, tâm được trung đạo, trung đạo thì không phiền não.

Sống trung đạo tâm được an, tâm an mới được định, được vui, được thông, được giác, được Niết-bàn. Tu như vậy rất đơn giản. Chúng ta có bệnh: mình siêng tu thấy người nào siêng tu thì quý lắm, thấy người nào tu lơ là thì không ưa! Bây giờ nên khôn ngoan, mình tu là chuyện của mình, huynh đệ tu hay không tu là của huynh đệ, mình giữ tâm không ghét không ưa, không a dua và cũng không chống đối. Nếu tất cả người sống được như vậy thì tâm sao không yên? Sở dĩ phiền não với nhau vì nhóm này cho mình là thật, là đúng, là thiện. Nhóm thiện chửi nhóm ác, cứ vậy mà đấu tranh. Đã có mầm chống đối thù địch, sống không an ổn. Tâm không an làm gì được định, không định làm gì được vui, như vậy là sống trong phiền não. Chỉ cần đừng kẹt hai bên, không thương không ghét.

Đoạn kinh này rất tế nhị, cũng rất quan trọng đối với chúng ta.

Chánh văn:

Nóng giận, oán thù, bỏn sẻn, tật đố, dối trá, dua nịnh, không hổ, không thẹn, mạn, tối thượng mạn, cống cao, buông lung, giàu có, ganh ghét, đấu tranh cũng như thế. Chư hiền! Tham cũng ác, đắm trước cũng ác, kia đoạn tham, cũng đoạn đắm trước. Chư hiền! Ấy là trung đạo hay trụ được tâm, được định, được vui, thuận pháp, thứ pháp, được thông, được giác, cũng được Niết-bàn.

Giảng:

Tất cả những thứ này không ưa cũng không ghét, như vậy mới được tâm trung đạo, mới an ổn, được định. Tại sao ngài Xá-lợi Tử nói nhiều thứ? Trong cái ưa

ghét đó, có người ưa tham dục, có người nóng giận, có người tật đố, kiêu mạn, dối trá. Nếu cho mình là người đứng đắn thì sanh ghét bỏ chê bai, rốt cuộc cả hai đều bệnh. Phải khéo sống trung đạo giữa hai cái tâm ưa và ghét thì mới dễ đến Niết-bàn. Còn kẹt một bên nào thì khó đến Niết-bàn.

Đây là trung đạo thứ nhất. Sau đây là trung đạo thứ hai.

Chánh văn:

Chư hiền! Lại có trung đạo hay trụ được tâm, được định, được vui, thuận pháp, thứ pháp, được thông, được giác, cũng được Niết-bàn. Chư hiền! Thế nào lại có trung đạo hay trụ được tâm... cũng được Niết-bàn? Nghĩa là tám thánh đạo. Chánh kiến cho đến chánh định. Chư hiền! Ấy là

lại có trung đạo hay trụ được tâm... cũng được Niết-bàn.

Giảng:

Bát chánh đạo là trung đạo do Phật dạy, có pháp tu rõ ràng. Trung đạo thứ nhất vừa rồi là ứng dụng ngay nơi nội tâm, khéo léo đừng cho kẹt bên này bên kia.

Chánh văn:

Lúc ấy, Thế Tôn hết đau lưng được an ổn, chỗi dậy ngồi kiết-già, khen ngợi tôn giả Xá-lợi Tử:

- Lành thay! Lành thay! Xá-lợi Tử vì các Tỳ-kheo nói pháp đúng như pháp. Xá-lợi Tử! Ông lại vì các Tỳ-kheo nói pháp đúng như pháp. Xá-lợi Tử! Ông nên thường thường vì các Tỳ-kheo nói pháp đúng như pháp.

Giảng:

Sau khi Xá-lợi-phất giảng cho các Tỳ-kheo nghe, đức Phật khen ngài nói đúng như pháp, chấp nhận và hứa khả khuyến khích ngài nên thường vì các Tỳ-kheo nói pháp. Không phải nói một lần, phải nói luôn luôn cho các Tỳ-kheo nghe. Vừa khen nói đúng pháp, vừa bảo phải nói thêm, vừa bảo phải nói luôn luôn đừng có nghỉ. Đó là lời khen có đạo vị.

Chánh văn:

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông phải cùng thọ pháp đúng pháp, tu tập gìn giữ. Vì cớ sao? Vì pháp này đúng pháp, có pháp có nghĩa, là gốc hạnh thanh bạch, được thông, được giác, cũng được Niết-bàn. Những người chân chánh cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín bỏ nhà không

nhà học đạo, pháp này đúng pháp phải khéo thọ trì.

Giảng:

Đối với pháp các ông cùng chung nhau tu tập gìn giữ. Phật xác nhận tôn giả Xá-lợi-phất nói đúng khiến các Tỳ-kheo tăng trưởng lòng tin mà thọ nhận. Chúng ta là người chân chánh cạo bỏ râu tóc, là người chí tín Phật pháp. Đã chí tín đi tu thì pháp này đúng, phải ráng làm cho được. Nếu xuất gia một cách tạp nhạp, vì ham danh lợi mà tu thì miễn nói. Nếu chân chánh đi tu thì phải ráng thọ trì pháp này. Đó là lời Phật nhắc các vị Tỳ-kheo.

Chánh văn:

Phật nói như thế, tôn giả Xá-lợi Tử và các Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Chánh văn:

Ở đây, này chư hiền, tham là ác pháp, và sân cũng là ác pháp, có một con đường trung đạo diệt trừ tham và diệt trừ sân, khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này chư hiền, con đường trung đạo ấy là gì, (con đường) khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường thánh tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này chư hiền, đó là con đường Trung đạo khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh,

hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Ở đây, này chư hiền, phẫn nộ là ác pháp và hiềm hận cũng là ác pháp, giả dối là ác pháp và não hại cũng là ác pháp, tật đố là ác pháp và xan lẫn cũng là ác pháp, man trá là ác pháp và phản bội cũng là ác pháp, ngoan cố là ác pháp và bồng bột nông nổi cũng là ác pháp, mạn là ác pháp và tăng thượng mạn cũng là ác pháp, kiêu là ác pháp và phóng dật cũng là ác pháp. Có một con đường trung đạo diệt trừ kiêu và diệt trừ phóng dật, khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này chư hiền, con đường trung đạo ấy là gì, (con đường) khiến (tịnh) nhãn sanh,

khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường thánh tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này chư hiền, đó là con đường trung đạo khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời giảng của tôn giả Sariputta.

Giảng:

So sánh bản Pali và bản Hán tạng có khác nhau về thứ tự, về phần trung đạo ý nghĩa không khác. Pali nói hai lần Bát chánh đạo là trung đạo không rõ bằng bên Hán tạng. Bên Hán tạng nói trung đạo

thứ nhất là nội tâm, trung đạo thứ hai là Bát chánh đạo. So hai bên, có cái bên Hán tạng khuyết, bên Pali đủ. Có cái bên Pali khuyết, bên Hán tạng đủ. Không có bên nào là hoàn toàn đầy đủ. Đối chiếu như vậy chúng ta thấy rõ đường tu, biết được manh mối rồi phải sống đúng với trung đạo. Trung đạo là cái gốc của sự tu hành.

Giải và Đối chiếu Kinh Khổ Ấm (Hán tạng) với Kinh Đại Khổ Uẩn (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến nước Xá-vệ ở vườn Cấp Cô Độc tại Thắng lâm. Sau buổi ngọ trai, có chút việc, chư Tỳ-kheo ngồi ở giảng đường. Nơi ấy có nhiều người dị học (đạo khác), sau buổi cơm trưa thong thả đi đến chỗ các Tỳ-kheo, thăm hỏi nhau, lui ngồi một bên, nói với các thầy Tỳ-kheo.

Giảng:

Khổ Ấm tức là ngũ ấm là khổ. Nguyên nhân Phật nói bài kinh này do chư Tỳ-kheo ở nước Xá-vệ, vườn ông Cấp Cô Độc,

cây của thái tử Kỳ-đà (Thắng lâm). Sau buổi ngọ trai rồi các ngài còn tụ họp ở giảng đường, chúng ngoại đạo (dị học) sau buổi cơm trưa, thong thả đến hỏi các thầy Tỳ-kheo.

Chánh văn:

Chư hiền! Sa-môn Cù-đàm thành lập biết đoạn dục, thành lập biết đoạn sắc, thành lập biết đoạn thọ. Chư hiền! Chúng tôi cũng thành lập biết đoạn dục, thành lập biết đoạn sắc, thành lập biết đoạn thọ. Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi hai thứ biết, hai thứ đoạn này đâu có gì hơn, đâu có gì khác biệt.

Chư Tỳ-kheo nghe chúng dị học kia nói, chẳng nhận là phải, chẳng nói là quấy, lặng thinh đứng dậy, đều thầm nghĩ: Nói như thế chúng ta sẽ từ

Thế Tôn được biết. Chư Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ, lui ngồi một bên, đem câu chuyện luận đàm với chúng dị học thuật hết Thế Tôn nghe.

Giảng:

Ngoại đạo cho rằng Phật dạy đoạn dục họ cũng dạy đoạn dục, Phật dạy đoạn sắc họ cũng dạy đoạn sắc, Phật dạy đoạn thọ họ cũng dạy đoạn thọ, giữa họ và Phật không khác. Nghe nói như vậy, các thầy Tỳ-kheo không biết thật hay giả, không phê bình đúng hay sai, cũng không nhận là được hay không được, nghĩ rằng chỉ có Phật mới giải quyết được điều này. Các thầy Tỳ-kheo đến chỗ Phật trình bày.

Chánh văn:

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các ông khi ấy nên hỏi chúng dị học thế này:

Chư hiền! Thế nào là dục vị? Thế nào là dục hoạn? Thế nào là dục xuất yếu? Thế nào là sắc vị? Thế nào là sắc hoạn? Thế nào là sắc xuất yếu? Thế nào là thọ vị? Thế nào là thọ hoạn? Thế nào là thọ xuất yếu?

Các Tỳ-kheo! Nếu các ông hỏi như thế, chúng kia nghe rồi, chúng kia bèn hỏi lại nhau, nói việc đâu đâu, thêm tranh cãi giận hờn nhau, ắt đứng dậy lặng thinh mà đi. Vì cớ sao? Vì tôi không thấy ở đời này từ trời, ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, tất cả chúng khác hay biết nghĩa này chỉ bày rành rẽ, chỉ có Như Lai và đệ tử Như Lai được nghe nghĩa này.

Giảng:

Nói thì rất dễ mà hiểu cho thấu đáo đầu đuôi gốc ngọn thì khó. Ngoại đạo nói

thành lập biết đoạn dục, thành lập đoạn sắc, thành lập đoạn thọ. Chỗ họ nói giống Phật nói, nhưng họ không thực hành thấu đáo, hiểu không rành rẽ nên kết quả không giống Phật. Phật dạy các Tỳ-kheo nếu họ nói vậy, nên hỏi họ: *Thế nào là dục vị? Thế nào là dục hoạn? Thế nào là dục xuất yếu?* Biết dục vị là biết ý nghĩa mê say của dục. Biết dục hoạn là biết tai hoạn đau khổ của dục. Biết dục xuất yếu là biết đường lối ra khỏi tham dục. Nói về dục thì phải rành cả ba thứ đó, không phải chỉ nói suông mà được. Đối với sắc cũng vậy. Sau đây, Phật giải nghĩa từng phần một.

Chánh văn:

Phật bảo: Thế nào là dục vị? Nghĩa là do công dụng của ngũ dục sanh ra vui thích, tột dục vị không gì hơn nó, tai hoạn của nó cũng quá lắm.

Giảng:

Ngũ dục có hai nghĩa. Thứ nhất, nghĩa thông thường là năm dục: Mắt thích thấy những vật ưa thích gọi là sắc dục. Tai thích nghe tiếng êm ái gọi là thanh dục. Mũi thích ngửi mùi ưa thích gọi là hương dục. Lưỡi thích nếm những vị ngon ngọt gọi là vị dục. Thân thích xúc chạm những gì ưa thích gọi là xúc dục. Khi năm căn tiếp xúc với năm trần, ưa thích đắm nhiễm đó là năm dục. Thứ hai, ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thùy. Tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là năm món yêu thích của chúng sanh. Hán tạng và Pali đều giải thích rõ về tài dục, sắc dục. Pali có nói thêm về sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Chánh văn:

Thế nào là dục hoạn? Nghĩa là kẻ chân chánh tùy nghề nghiệp sanh kế,

hoặc làm ruộng, hoặc kinh doanh, hoặc học sách, hoặc học giỏi toán thuật, hoặc biết công số, hoặc khéo khắc ấn, hoặc làm văn chương, hoặc chuyên viết lách, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm dũng tướng, hoặc phụng thờ vua. Kia khi lạnh thì chịu lạnh, lúc nóng phải chịu nóng, đói khát, nhọc nhằn, muỗi mòng cắn, làm những nghề nghiệp như thế để mong được tiền của. Người chân chánh kia tạo phương tiện như thế, thực hành như thế, cầu mong như thế, nếu không được tiền của bèn sanh buồn khổ lo sầu thảm não, tâm sanh si mê nói thế này: "Luống làm, luống khổ, cầu mong không kết quả".

Giảng:

Phật dạy về dục hoạn, tức là tai họa của dục có tám thứ. Thứ nhất vì tìm cầu tiền của (tài dục) nên làm tất cả nghề, chịu đựng lạnh nóng, đói khát nhọc nhằn. Như người làm ruộng, cần cấy lúa, gặt lúa thì dù nóng dù lạnh cũng phải lo làm, không trốn tránh được. Làm lụng cực nhọc mà đến mùa gặt lúa lép hết không có hột nào, nên nói: "Luống làm, luống khổ, cầu mong không kết quả!" Làm cực khổ như vậy mà kết quả không có gì nên kêu than.

Đó là cầu mong đúng pháp mà không được còn đau khổ, huống gì mong cầu không đúng pháp.

Chánh văn:

Người chân chánh kia tạo phương tiện như thế, thực hành như thế, cầu mong như thế, nếu được tiền của bèn

mến tiếc gìn giữ giấu kín. Vì cớ sao? Vì tiền của của ta không để cho vua đoạt, cướp giật, lửa cháy, hư mục, quên mất, bèn sanh lo rầu buồn khổ thảm não, tâm sanh si mê nói thế này: "Có khổ mãi mãi, vật đáng yêu thích lại mất hết". Đó là khổ ấm hiện tại, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Chịu biết bao cực khổ để được tiền của rồi phải giữ gìn. Nếu giữ gìn không được thì rên than, khóc lóc. Làm lụng khó nhọc bao nhiêu năm tháng mới được chút tiền, rủi tối ăn trộm nó tóm đi hết thì sáng ra đau khổ than khóc. Đó là trường hợp người làm không được của đau khổ, người có của cải gìn giữ không được cũng đau

khổ. *Đó là khổ ấm hiện tại, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.*

Chánh văn:

Lại nữa, chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, nên mẹ cùng con tranh, con cùng mẹ tranh, cha con anh chị em thân thuộc tranh lẫn nhau. Kia đã tranh đấu như thế rồi, mẹ nói con ác, con nói mẹ ác, cha con anh em chị em thân thuộc nói ác lẫn nhau, huống là người dưng? Ấy là khổ ấm hiện tại nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Khổ thứ hai là vì phân chia tài sản sanh tranh đấu. Có nhiều gia đình vì tiền của chia sớt không đều mà tranh cãi. Mẹ con, anh em đều tranh giành cãi vã nhau, có khi đưa tới đánh nhau, rồi thưa kiện.

Mẹ với con tranh cãi nhau, con nói mẹ ác, mẹ nói con ác. Nếu không ác thì đâu có cãi. Khi cãi thì ai cũng nói xấu nhau. Tình gia đình mất hết cũng vì tham dục. Đó là họa của dục, do dục mà hiện tại khổ. Trước là khổ riêng, đây là khổ trong gia đình.

Chánh văn:

Lại nữa, chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, nên vua với vua tranh nhau, Phạm chí với Phạm chí tranh nhau, cư sĩ với cư sĩ tranh nhau, dân chúng với dân chúng tranh nhau, quốc gia với quốc gia tranh nhau. Kia nhân đấu tranh, thù ghét nhau nên dùng các thứ binh khí đao trượng giết hại nhau, hoặc dùng tay đánh, đá ném, hoặc dùng gậy đập, đao chém. Kia tranh đấu hoặc chết, hoặc bị thương nặng thật đau khổ. Ấy

là khổ ấm hiện tại nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Khổ thứ ba cũng nhân nơi dục mà dòng họ này với dòng họ kia, giai cấp này với giai cấp nọ tranh đấu nhau. Khi tranh đấu thì sử dụng đao gậy đánh đập, giết hại khiến chết chóc đau khổ.

Chánh văn:

Lại nữa, chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, nên mặc áo giáp, đeo cung tên, cầm đao thuẫn, vào quân trận, hoặc cưỡi voi đấu chiến, hoặc cưỡi ngựa đấu chiến, hoặc ngồi xe đấu chiến, hoặc dùng bộ binh, hoặc dùng nam, nữ đấu chiến. Kia khi đấu chiến hoặc chết, hoặc bị thương nặng, rất đau khổ. Ấy là khổ

ấm hiện tại nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Khổ thứ tư là chiến tranh. Khi nước mình bị xâm lấn thì dân trong nước phải tham gia chiến đấu. Sử dụng binh khí, sử dụng sức người, sức vật để chống trả. Lúc ấy bị thương, bị chết, tổn hại đau khổ vì dục.

Chánh văn:

Lại nữa, chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, đeo cung tên, hoặc cầm đao thuẫn sang cướp nước người, công thành phá lũy chống cự nhau, đánh trống thổi sừng, la hét vang rền, hoặc lấy chùy đánh, hoặc dùng mâu đâm, hoặc múa kiếm bén, hoặc bắn cung, hoặc xô đá, hoặc bắn nỏ, hoặc

bắn súng. Kia khi đấu tranh hoặc chết, hoặc bị thương nặng rất đau khổ. Ấy là khổ ấm hiện tại nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Khổ thứ năm, do tham dục mà kéo quân xâm lăng nước người. Khi đem quân đánh nước người dùng gươm giáo cung tên súng đạn. Bên kia chống trả lại thì cả hai đều chết chóc đau khổ.

Chánh văn:

Lại nữa, chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, đeo cung tên, hoặc cầm đao thuẫn vào thôn, vào ấp, vào nước, vào thành, đào tường, khoét vách cướp giật tài vật, cắt đứt đường giao thông, hoặc những lỗi khác, hoại thôn, hoại ấp, diệt nước, phá thành;

khi ấy hoặc bị quan quân bắt dùng các thứ tra khảo trị phạt. Chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt xẻo tai mũi, lóc thịt, nhổ râu, nhổ tóc, nhổ cả râu tóc, hoặc để trong cũi lấy áo quấn nổi lửa đốt, hoặc lấy cát nhét, cỏ quấn nổi lửa đốt, hoặc nhốt trong bụng con lừa sắt, trong miệng heo sắt, trong miệng cọp sắt mà thiêu, hoặc để trong chảo đồng, trong chảo sắt mà nấu, hoặc chặt từng đoạn, hoặc dùng mũi nhọn đâm, hoặc lấy câu móc móc, hoặc bắt nằm giường sắt lấy dầu sôi tưới, hoặc ngồi trong cối sắt lấy chày quết, hoặc cho rắn cắn, hoặc dùng roi đánh, hoặc lấy trượng đập, hoặc dùng gậy đả, hoặc dùng treo sống lên cột cờ, hoặc chặt đầu. Kia trong khi ấy, hoặc

chết, hoặc bị thương nặng rất kinh sợ, rất đau khổ. Ấy là khổ ấm hiện tại nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Khổ thứ sáu, do dục mà sanh tâm trộm cướp phá làng phá xóm. Bị vua quan bắt được dùng mọi hình phạt trị tội. Những hình phạt cổ xưa rất ghê sợ kinh khủng.

Chánh văn:

Lại nữa, chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác. Kia thời gian sau bị bệnh ngặt trên giường, hoặc ngồi nằm dưới đất, đau đớn giày xéo thân, thân chịu khổ quá sức. Kia nếu có thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, khi lâm

chung ở trước bị che ngăn, như mặt trời sắp lặn bị ngọn núi lớn che khuất bóng. Như thế, kia nếu có thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, khi lâm chung ở trước bị che ngăn. Kia nghĩ như vầy: Ta trước làm ác nên ở trước ta bị che khuất, ta trước không làm nghiệp phước, lại làm nhiều nghiệp ác. Nếu có người làm ác, hung bạo, chỉ làm tội không làm phước, không làm lành, không có chỗ nương tựa, tùy sanh chỗ kia, ta ắt sanh chỗ kia. Người ấy từ đây mới hối hận, hối hận không làm lành, khi chết không có phước. Ấy là khổ ấm hiện tại nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Khổ thứ bảy, chúng sanh bị dục chi phối nên ba nghiệp làm ác, vì quả báo ác

nên trước khi chết bị bệnh nặng thân chịu khổ đau đớn. Đến giờ phút hấp hối *lâm chung, ở trước bị che ngăn*, cảnh tượng tối đen *như mặt trời sắp lặn bị ngọn núi lớn che khuất bóng.* Bởi thấy tối nên hoảng hốt, hối hận rằng mình hằng ngày không làm phước, làm lành, đến chết gặp cảnh dữ đáng sợ. Đoạn này cảnh tỉnh chúng ta rất nhiều. *Nếu có người làm ác, hung bạo, chỉ làm tội không làm phước, không làm lành, không có chỗ nương tựa, tùy sanh chỗ kia.* Tùy sanh chỗ kia tức là sanh nơi địa ngục hay ngạ quỷ. Tự biết mình sẽ sanh vào đường dữ *ta ắt sanh chỗ kia.* Vì không làm lành không làm phước, đến lúc sắp chết nhớ mình không có điều lành gì để nương tựa, nghiệp dữ lôi đi đâu thì sanh ở đó. Nghĩ đến điều này càng thêm hốt hoảng, sợ hãi, hối hận. Đây là cái khổ khi sắp lâm chung ôn lại đời mình, thấy cảnh tối đen hoảng hốt.

Chánh văn:

Lại nữa, chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác. Kia nhân thân, miệng, ý hành ác nên sau khi mạng chung ắt đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Ấy gọi là khổ ấm đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Giảng:

Khổ thứ tám là khổ đời sau. Đoạn trước nói do tham dục nên ba nghiệp làm ác, khi lâm chung cảnh ác hiện ra, làm cho hoảng hốt khổ sở hiện đời. Đoạn này nói do ba nghiệp làm ác, sau khi chết sanh vào địa ngục. Tám thứ khổ này đều nhân nơi dục, là tai họa của dục.

Sau đây Phật dạy pháp lìa dục dứt khổ.

Chánh văn:

Thế nào là dục xuất yếu? Nếu đoạn trừ dục, xả ly tham, diệt dục, dục hết, vượt qua khỏi dục. Ấy là dục xuất yếu. Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết như thật dục vị, dục hoạn, dục xuất yếu thì không thể tự đoạn dục, huống là hay đoạn dục cho kẻ khác. Nếu có Sa-môn, Phạm chí biết như thật về dục vị, dục hoạn, dục xuất yếu, đã tự hay đoạn trừ dục, cũng hay đoạn dục cho kẻ khác.

Giảng:

Phật dạy các người tu biết như thật về thứ tự của dục. Trước là dục vị, tức là do nếm chạm ngũ dục mang lại sự thích thú. Kế đến, vì ham thích ngũ dục, chạy theo ngũ dục, nên chịu nhiều họa hoạn, đó là biết dục hoạn.

Khi biết hết tai họa của dục, chúng ta không còn mê đắm và tìm cách thoát khỏi tham dục, đó là dục xuất yếu. Biết bản chất của dục, biết tai họa của dục, rồi biết phương pháp thoát khỏi dục, như vậy mới khả dĩ đoạn được dục.

Thông thường khi say mê ngũ dục, chúng ta không biết tai họa của nó và không biết cách thoát ra. Đó là chỉ biết dục vị, không biết dục hoạn và dục xuất yếu. Người học đạo, biết được dục vị, dục hoạn, dục xuất yếu mới khả dĩ tu hành được. Như người đang mê sắc đẹp, khi đó không biết tai hại của sắc dục, khi bị khổ rồi hối hận không kịp. Chủ yếu Phật dạy chúng ta thông suốt rành rẽ về ngũ dục, biết rõ bản chất, tai họa của nó để chuyên tâm tu tập thoát khổ.

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana (Kỳ-đà lâm), trong vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc ấy nhiều vị Tỷ-kheo buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào thành Savatthi khất thực. Rồi các vị Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực ở Savatthi. Chúng ta hãy đi đến ngôi vườn các du sĩ ngoại đạo". Các vị Tỷ-kheo ấy đi đến ngôi vườn các du sĩ ngoại đạo, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các vị Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

Chư hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục

vọng, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục vọng. Chư hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp. Chư hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ. Chư hiền, ở đây có sự đặc thù nào, sự dị biệt nào, sự sai khác nào giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi, về vấn đề thuyết pháp hay vấn đề giáo huấn?

Các vị Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ cũng không chỉ trích những lời nói của các du sĩ ngoại đạo. Không hoan hỷ, không chỉ trích, các vị Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, từ biệt với ý

nghĩ: "Chúng ta sẽ học ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn".

Rồi các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi khất thực ở Savatthi, khi ăn xong và đi khất thực trở về, liền đến chỗ Thế Tôn ở, đảnh lễ ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Savatthi khất thực. Rồi chúng con suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực ở Savatthi. Chúng ta hãy nghĩ đến ngôi vườn các du sĩ ngoại đạo". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến ngôi vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến xong, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Bạch Thế Tôn, các du

sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: "Chư hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục vọng, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các dục vọng. Chư hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các sắc pháp. Chư hiền, Sa-môn Gotama nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ, chúng tôi cũng nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn về các cảm thọ. Chư hiền, ở đây có sự đặc thù nào, sự dị biệt nào, sự sai khác nào giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi, về vấn đề thuyết pháp hay vấn đề giảng huấn?" Bạch Thế Tôn, chúng con không hoan hỷ cũng không chỉ trích những lời nói của các

du sĩ ngoại đạo. Không hoan hỷ, không chỉ trích, chúng con từ chỗ ngồi đứng dậy, từ biệt với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ học ý nghĩa lời nói này với Thế Tôn!"

- Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo nói như vậy cần được trả lời như sau: "Chư hiền, thế nào là vị ngọt các dục vọng? Thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các sắc pháp, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các cảm thọ, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly?"

Này các Tỷ-kheo, khi được hỏi như vậy, các du sĩ ngoại đạo không thể trả lời được và sẽ bị mắc vào các khó khăn khác. Vì sao vậy?

Này các Tỷ-kheo, vì vấn đề này không thuộc khả năng hiểu biết của họ.

Này các Tỷ-kheo, ta không thấy một ai trong thế giới này với chư thiên, ma, Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, mà câu trả lời các câu hỏi được chấp nhận, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai và những ai được nghe hai vị này.

Giảng:

Vị trí của hai bên khi nói kinh này giống nhau, nguyên nhân câu chuyện xảy ra hơi khác. Hán tạng thì nói rằng buổi trưa các vị Tỳ-kheo thọ trai xong, còn ngồi tại giảng đường rồi có chúng ngoại đạo đến hỏi chuyện. Hỏi chuyện rồi các Tỳ-kheo mới đến cầu Phật giải thích. Bên Pali thì nói các Tỳ-kheo buổi sáng đi khất

thực thấy còn sớm nên ghé vào khu vườn các du sĩ ngoại đạo. Các du sĩ ngoại đạo bèn nêu vấn đề, các Tỳ-kheo im lặng không trả lời. Các thầy đi khất thực, ăn xong mới đến chỗ Phật cầu chỉ dạy.

Chánh văn:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các dục vọng? Này các Tỷ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục vọng này: Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn, các tiếng do nhĩ căn nhận thức... các hương do tỹ căn nhận thức... các vị do thiệt căn nhận thức... các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục vọng như vậy. Này các Tỷ-kheo, y

cứ vào năm pháp tăng trưởng dục vọng này, có lạc hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục vọng.

Giảng:

Pali giải thích dục vị là khả ái của mắt, của tai, của lưỡi, của mũi, của thân. Đó là năm pháp tăng trưởng dục vọng, y cứ vào đó lạc hỷ khởi lên. Bên Pali phần này có nói rõ.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm của các dục vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử nuôi sống với nghề nghiệp, như đếm ngón tay, như tính toán, như ước toán, như làm ruộng, như buôn bán, như chăn bò, như bắn cung, như làm công cho vua, như làm một nghề nào khác. Người ấy phải chống đỡ lạnh, phải

chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói chết khát. Này cac Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục vọng thiết thực hiện tại thuộc khổ uẩn, lấy dục vọng làm nhân, lấy dục vọng làm duyên, là nguồn gốc của dục vọng, là nguyên nhân của dục vọng.

Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử ấy, nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, nhưng các tài sản ấy không được đến tay mình, vị ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Ôi! Sự nỗ lực của ta thật sự là vô ích, sự tinh cần của ta thật sự không kết quả!" Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy

hiểm các dục vọng... (như trên)... là nguyên nhân của dục vọng.

Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử ấy, nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, và các tài sản ấy được đến tay mình, vì phải hộ trì các tài sản ấy, vị ấy cảm thọ sự đau khổ ưu tư. Làm sao các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy, nước khỏi cuốn trôi, hay các kẻ thừa tự không xứng đáng khỏi cướp đoạt chúng? Dầu vị ấy hộ trì như vậy, giữ gìn như vậy, vua chúa vẫn cướp đoạt các tài sản ấy, trộm cướp vẫn cướp đoạt, lửa vẫn đốt cháy, nước vẫn cuốn trôi hay các kẻ thừa tự không xứng đáng vẫn cướp đoạt chúng. Vị ấy than vãn, buồn phiền,

khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Cái đã thuộc của ta, nay ta không có nữa". Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục vọng... (như trên)... là nguyên nhân của dục vọng.

Giảng:

Về nguy hiểm đau khổ do dục đưa đến, Hán tạng và Pali đều nói đến cực nhọc lạnh nóng đói khát khi làm các nghề nghiệp. Khi gìn giữ tiền của không được, Hán tạng và Pali nói hơi khác. Hán tạng nói hoặc tiền của bị vua đoạt, giặc cướp đoạt, lửa cháy, nước trôi, hư mục, hoặc đưa ra làm ăn không có lời, hoặc lập sự nghiệp mà không thành. Pali thì nói hoặc bị vua đoạt, bị giặc cướp đoạt, bị lửa cháy, nước trôi hay bị kẻ thừa tự phá.

Năm điều của Pali đúng ý nghĩa của cải thuộc về năm nhà: vua quan, trộm cướp, nước trôi, lửa cháy, con bất hiếu. Hán tạng không có phần con kế tự phá hư, đó là đứng về hiện tại đang làm ăn, đang lúc có tiền của mà không được như ý, không nói sau khi chết con phá hoại. Pali nói con kế tự không giữ gìn, là nói tới đời sau, sau khi chết rồi của cải con cái chia ra phá hết. Như vậy đối với cái lý của cải thuộc năm nhà thì hợp, nhưng đối với cái khổ của thân ngũ uẩn hiện tại đây không rõ bằng ý nghĩa của kinh Hán tạng. Nhận xét chi ly như thế để thấy cái ưu cái khuyết của mỗi đoạn.

Chánh văn:

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục vọng làm nhân, do dục vọng làm duyên, do dục vọng làm nguyên nhân, do chính dục vọng làm nhân, vua

tranh đoạt với vua, Sát-đế-lỵ tranh đoạt với Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè.

Giảng:

Đoạn này bên Hán tạng nói cha mẹ, con cái, anh em vì ngũ dục mà giành giật đấu tranh với nhau, mẹ nói con ác, con nói mẹ ác... Đó cũng là khổ uẩn hiện tại. Tiếp theo nói dòng họ giai cấp đấu tranh, giữa nước này và nước kia chiếm đoạt đấu tranh... chia thứ tự từng cái. Bên Pali chỗ này hơi lộn xộn, chỉ nói đấu tranh dồn

chung một khối, không chia thứ tự từng cái khổ.

Chánh văn:

Khi họ đã dấn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt, họ công phá nhau bằng tay, họ công phá nhau bằng đá, họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục vọng... (như trên)... là nguyên nhân của dục vọng.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, do dục vọng làm nhân... do chính dục vọng làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng

tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục vọng... (như trên)... Là nguyên nhân của dục vọng.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, do dục vọng làm nhân... do chính dục vọng làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đè bẹp bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi

đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.

Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục vọng... (như trên)... Là nguyên nhân của dục vọng. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục vọng làm nhân... Do chính dục vọng làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giật đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đồi hình (xẻo đỉnh đầu thành hình

con sò), họ dùng hình phạt la-hầu khẩu hình, hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), chúc thủ hình (đốt tay), khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt), bì y hình (lấy vỏ cây làm áo), linh dương hình (hình phạt con dê núi), câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt), tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền), khối trấp hình, chuyển hình, cao đạp đài, họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu, ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm của dục vọng... (như trên)... là nguyên nhân của dục vọng.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, do dục vọng làm nhân... do chính dục vọng

làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm, các dục vọng đưa đến đau khổ tương lai là khổ uẩn, do dục vọng làm nhân, do dục vọng làm duyên, do dục vọng làm nhân duyên, do chính dục vọng làm nhân.

Giảng:

Nói chung các hình thức đánh đập giết hại gây đau khổ cho nhau, chỉ vì dục vọng làm nhân. Pali kể chi tiết những hình phạt dành cho tội nhân rất đáng kinh sợ, có những hình phạt chúng ta cũng không

hiểu. Tóm lại đều từ dục vọng gây khổ cho thân tâm nên gọi là dục hoạn.

Cuối cùng nói về ba nghiệp ác dẫn đến đau khổ thì bên Hán tạng chia ra hai phần, một phần do ba nghiệp ác nên khi lâm chung thấy cảnh khổ hiện tại là bóng tối, sanh tâm kinh sợ ân hận vì đã không biết làm thiện. Đó là ngũ uẩn khổ trong hiện tại. Phần tiếp theo nói do ba nghiệp ác nên sau khi chết đọa địa ngục. Pali chỉ nói chung phần ba nghiệp làm ác sau khi chết đọa địa ngục.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Thế nào là sắc vị? Nếu con gái dòng Sát-lợi, dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng công sư tuổi đến mười bốn, mười lăm, trong thời gian này nhan sắc rất đẹp. Nếu nhân sắc đẹp kia,

duyên sắc đẹp kia sanh vui thích, tột sắc vị không gì hơn nó, tai hoạn cũng quá lắm.

Giảng:

Sắc vị là vị ngọt của sắc. Đây thí dụ về sắc đẹp của thiếu nữ khoảng mười bốn, mười lăm tuổi. Theo phong tục ở Ấn Độ, người nữ lập gia đình sớm, khoảng mười bốn, mười lăm tuổi đã lập gia đình. Bởi xứ nóng cơ thể người phát triển nhanh. Còn ở xứ mình ôn hòa hơn, nếu nói sắc vị thì khoảng mười tám, mười chín tuổi, không nói mười bốn, mười lăm. Sắc đẹp làm cho người trông thấy vui thích, cái vui thích ưa mến đó gọi là sắc vị. Thấy được sắc vị phải thấy được sắc hoạn.

Chánh văn:

Thế nào là sắc hoạn? Nếu thấy người xinh đẹp mà thời gian sau rất

già yếu, tóc bạc, răng rụng, lưng còng, gối mỏi, đi phải chống gậy, ngày xanh suy giảm, tuổi thọ sắp tàn, thân thể run rẩy, các bộ phận hao mòn.

Giảng:

Thử nghiệm xem, các thanh niên nam nữ trong thời mười tám, mười chín tuổi là đẹp, nhưng tới bảy mươi, tám mươi tuổi còn đẹp không? Không. Thấy người nữ mười tám, mười chín tuổi đẹp phải nghĩ đến lúc bảy mươi, tám mươi tuổi ra sao. Có bà già nào bảy mươi, tám mươi tuổi mà không qua thời gian mười tám, mười chín tuổi không? Có thời tuổi trẻ sắc đẹp thì cũng có thời già xấu, cũng như có thời tuổi già là đã từng có thời tuổi trẻ. Như vậy thấy cái đẹp phải nhớ tới cái già, thấy sắc vị phải nhớ tới sắc hoạn.

Hiện tại chúng ta thấy những người già khòm lụm khụm, nếu ngược lại chừng

năm mươi, sáu mươi năm về trước, lúc đó chắc họ đẹp lắm. Ai mà không trải qua thời thanh xuân rồi tới lúc già yếu. Còn tươi đẹp là sắc vị, già lụm khụm là sắc hoạn, lúc sắc vị phải nhớ tới lúc sắc hoạn. Ngược lại thấy những người đang lúc sắc hoạn, nên nhớ xưa họ cũng có sắc vị. Chúng ta không dám khi, không dám xem thường ai hết. Thế gian thường có bệnh, thấy lúc nào nhớ lúc đó, người ta hay nói câu "Tắm khi nào rửa mặt khi nấy". Chỉ biết hiện tại mà không biết lui về quá khứ, không biết thấu vị lai, nên khi còn trẻ khỏe thấy người già lụm khụm thì tỏ vẻ khi dễ, chỉ tại nhìn không thấu, nếu nhìn thấu thì biết ngày mai kia mình cũng vậy thôi.

Đức Phật khi còn làm Thái tử đi dạo ngoài thành, gặp người già ngài cảm thấy rồi đây ta cũng sẽ già, thấy người bệnh thì

nghĩ rồi đây ta cũng sẽ bệnh, không còn có gì vui, thấy người chết thì nghĩ rồi đây mình sẽ chết, nhất định phải tìm con đường thoát. Chúng ta thấy già thì cười, thấy bệnh tội nghiệp chút thôi, thấy người chết cũng buồn buồn chút rồi thôi. Cứ tưởng mình sống đời, tưởng mình khỏe mạnh, ít nhớ đến mình sẽ già sẽ chết. Đó là vô minh mê muội. Phật sáng suốt cảm thấy con đường của mình sẽ như thế, nên tìm lối thoát không chần chừ.

Đó là sự tỉnh giác của người trí tuệ, thấy cảnh liền biết quá khứ vị lai của nó. Mình thì thấy đâu trơ trơ đó, nhiều khi Phật nhắc tới nhắc lui vô lỗ tai này qua lỗ tai kia, không dính gì hết. Thật là si mê trầm trọng.

Chánh văn:

Các ông nghĩ sao? Nếu trước có sắc đẹp, sắc đẹp mất có sanh hoạn

chăng? Có thể. Ấy gọi là sắc hoạn. Lại nữa, thấy người xinh đẹp bệnh nặng nằm trên giường, hoặc nằm ngồi dưới đất, các thứ đau đớn giày xéo thân thể chịu khổ quá lắm. Các ông nghĩ sao? Nếu trước có sắc đẹp, nay sắc đẹp mất có sanh hoạn chăng? Có thể.

Giảng:

Phật hỏi khi sắc đẹp tàn rụi, có phải là tai hoạn hay không? Tất cả thầy Tỳ-kheo đều chấp nhận. Đó là sắc hoạn thứ nhất, khi già.

Lúc trước sắc đẹp tươi nhuần, đến khi ngã bệnh nằm một chỗ, tiêu tiểu một chỗ, lúc đó còn đẹp không? Thật gớm ghê. Đó là sắc hoạn thứ hai, khi bệnh.

Chánh văn:

Lại nữa, nếu thấy người xinh đẹp kia chết, hoặc một hai ngày, cho đến

sáu bảy ngày, chim quạ mổ, chó sói ăn, lửa thiêu, chôn dưới đất, toàn thân nứt nẻ tan rã. Các ông nghĩ sao? Nếu trước có sắc đẹp, sắc đẹp mất có sanh hoạn không? Có thể.

Giảng:

Khi đau sắp chết, hoặc chết một ngày, hai ngày, ba ngày mà chưa liệm, chưa chôn, lúc đó thấy thế nào? Còn đẹp không? Đây là ba cái sắc hoạn dễ thấy nhất, già, bệnh, chết.

Chánh văn:

Lại nữa, nếu người xinh đẹp kia đã chết, hài cốt màu xanh mục nát, xương còn nửa khúc nằm chồng chất trên đất. Các ông nghĩ sao? Nếu trước có sắc đẹp, sắc đẹp mất có sanh hoạn chăng? Có thể. Lại nữa, nếu thấy người xinh đẹp đã chết, các lóng

xương rời ra các nơi, xương bàn chân, xương ống chân, xương đùi, xương mông, xương sống, xương vai, xương cổ, xương đầu lâu, mỗi lóng ở một chỗ. Các ông nghĩ sao? Nếu trước có sắc đẹp, sắc đẹp mất có sanh hoạn chăng? Có thể. Lại nữa, nếu thấy người đẹp kia đã chết, xương trắng như vỏ ốc, xương xanh như sắc chim cáp, xương đỏ như thoa máu, hư mục nát ngớu. Các ông nghĩ sao? Nếu trước có sắc đẹp, sắc đẹp kia mất có sanh hoạn chăng? Có thể. Ấy gọi là sắc hoạn.

Giảng:

Đây là trường hợp sau khi chết thi thể bỏ lăn lóc ngoài rừng hoặc đồng trống, xương rời mỗi nơi mỗi khúc, xương đổi màu rồi mục nát. Ấn Độ thường gặp cảnh này, ở Việt Nam chôn kín không thấy,

hoặc thiêu cháy hết. Chúng ta luôn quán tưởng sắc không phải chỉ có một bề, không phải lúc nào cũng là sắc vị, mà rồi phải đến sắc hoạn. Thấy lẽ vô thường hư hoại của sắc, phải lo tu để ra khỏi sự đắm trước sắc.

Chánh văn:

Thế nào là sắc xuất yếu? Nếu đoạn trừ sắc, xả ly sắc, diệt sắc, sắc hết, vượt qua khỏi sắc, ấy gọi là sắc xuất yếu.

Giảng:

Đoạn trừ sắc là đoạn trừ tâm yêu mến sắc, xả ly tâm yêu mến sắc, diệt tâm yêu mến sắc, tâm yêu mến sắc hết, vượt qua khỏi tâm yêu mến sắc. Ấy gọi là sắc xuất yếu.

Chánh văn:

Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết như thật sắc vị, sắc hoạn, sắc xuất yếu, trọn không thể tự đoạn sắc, huống là hay đoạn sắc cho người khác? Nếu có Sa-môn, Phạm chí biết như thật sắc vị, sắc hoạn, sắc xuất yếu, đã tự hay đoạn sắc, cũng hay đoạn sắc cho kẻ khác.

Giảng:

Ngoại đạo chỉ nói biết thành lập đoạn sắc, không biết như thật về sắc vị, sắc hoạn, sắc xuất yếu. Lời của họ chỉ là lời rỗng. Phật dạy các Tỳ-kheo lẽ thật tu tập để đoạn sắc. Đó là chỗ khác nhau giữa chúng ngoại đạo và đệ tử Phật. Nếu tự mình thực hành được, cũng chỉ dạy người khác tu được, lợi lạc rộng lớn vô cùng.

Chánh văn:

Thế nào là thọ vị? Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp, ắt đến được đệ tứ thiền thành tựu tự tại, khi ấy không có niệm tự hại, cũng không niệm hại người. Nếu không có niệm hại, ấy là thọ lạc vị. Vì cớ sao? Vì không niệm hại. Thành tựu cái vui này. Đó là thọ vị.

Giảng:

Thọ vị này rất khó, tế nhị hơn thọ vị khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần sanh cảm thọ. Cảm thọ đó làm cho chúng ta vui thích thô thiển. Thọ vị ở đây là cảm thọ hỷ lạc, trong lúc nhập định từ Sơ thiền đến Tứ thiền, cảm thọ lạc này khởi lên khi tâm không nghĩ tự hại, không nghĩ đến việc hại người.

Chánh văn:

Thế nào là thọ hoạn? Thọ là pháp vô thường, pháp khổ, pháp diệt, ấy là thọ hoạn.

Giảng:

Khi ngồi thiền, đôi lúc chúng ta cảm thấy an tịnh rỗng rang nhẹ nhàng thơ thới, trong chốc lát cảm giác ấy qua mất kiếm lại không được. Khi tâm lăng xăng, chúng ta rất tiếc cảm giác nhẹ nhàng vừa có và mong muốn được yên tĩnh lại. Đó là thọ vị của người tu thiền. Còn mong muốn là trật. Phật dạy cái thọ an lạc lúc tu thiền cũng là pháp vô thường, pháp khổ, pháp diệt, ấy là thọ hoạn. Nói sâu hơn, còn có cảm thọ đều là vô thường sanh diệt nên nói là khổ. Khổ thì không chân thật, vì nó là pháp tiêu diệt. Tất cả cảm thọ dù cảm thọ trong lúc tu thiền cũng là pháp tiêu diệt. Nó đã tiêu diệt mà còn muốn trở lại

là dại khờ ngu si. Đó là bệnh của chúng ta thích níu kéo cái an tịnh đó lại. Cảm thọ là vô thường làm sao kéo lại được? Nó đã qua cứ cho qua, chúng ta tu đều đều, không mong cầu níu kéo, đó là biết cách tu.

Chánh văn:

Thế nào là thọ xuất yếu? Nếu đoạn trừ thọ, xả ly thọ, diệt thọ, thọ hết, vượt quá thọ, ấy là thọ xuất yếu.

Giảng:

Mọi cảm thọ đều không thật, vì nó là pháp đối đãi, đợi duyên mới có. Có thọ lạc tức có thọ khổ. Biết rõ nó là tưởng vô thường, tưởng hoại diệt, không nên chấp giữ. Chúng ta nên xả ly cảm thọ, vượt qua cảm thọ không dính mắc. Đó là thọ xuất yếu. Đây là chỗ đáng nhớ để ứng dụng tu.

Chánh văn:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các sắc pháp? Này các Tỷ-kheo, như các thiếu nữ Sát-đế-lỵ, thiếu nữ Bà-la-môn hay thiếu nữ các gia chủ, tuổi khoảng độ mười lăm tuổi hay mười sáu tuổi, không quá lớn, không quá thấp, không quá ốm, không quá mập, không quá đen, không quá trắng, này các Tỷ-kheo, có phải trong thời ấy, họ đạt đến sự mỹ diệu tối thượng, sắc đẹp tối thượng?

- Bạch Thế Tôn, phải.

- Này các Tỷ-kheo, y cứ sắc đẹp mỹ diệu, sắc đẹp ấy khởi lên lạc thọ và hỷ thọ, như vậy là vị ngọt các sắc pháp.

Giảng:

Phần này Pali nói vị ngọt của sắc, chi tiết cụ thể hơn bên Hán tạng.

Chánh văn:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các sắc pháp? Này các Tỷ-kheo, ở đây người ta có thể thấy bà chị ấy trong một thời khác, khoảng tám mươi tuổi, chín mươi tuổi hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, phải dựa gậy để chống đỡ, vừa đi vừa run rẩy, đau ốm, tuổi trẻ đã tận, răng rụng, tóc bạc hư rụng, sói đầu, da nhăn, tay chân bị khô đét tái xám. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ta có thể thấy bà chị ấy bị bệnh hoạn, đau khổ, trầm bệnh, nằm đắm mình trong phân tiểu của mình, phải có người nâng dậy, phải có người đỡ nằm. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của người ấy nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa này các Tỷ-kheo, người ta thấy bà chị ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, một ngày, hay hai ngày, hay ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Này các Tỷ-kheo, các

người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của nàng đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỷ-kheo, người ta thấy bà chị ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn; hay bị các chim kên ăn; hay bị các loài dã can ăn; hay bị các loài côn trùng ăn. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của nàng nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa này các Tỷ-kheo, người ta thấy bà chị ấy,

thi thể bị quăng trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của nàng nay đã biến mất, sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa này các Tỷ-kheo, người ta thấy bà chị ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn các xương thối trở thành bột. Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của nàng nay đã biến mất, và sự nguy hiểm hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp."

Giảng:

Hán tạng nói đại khái về tai họa, sự nguy hiểm của sắc pháp, Pali nói chi tiết thêm mấy chữ nghe lý thú. Nói *bà chị ấy trong thời gian tám mươi, chín mươi tuổi*

thì già cả, run rẩy, răng rụng v.v... Như vậy *có phải sự mỹ diệu sắc đẹp của nàng xưa kia nay đã biến mất và sự nguy hiểm nay đã hiện ra?* Dùng chữ "bà chị" rồi "nàng", hai lối dùng chữ đó làm sáng tỏ ý nghĩa. Khi bảy mươi, tám mươi tuổi gọi là bà chị, nhưng nhớ lại lúc còn trẻ thì nói sự mỹ diệu của nàng. Đối với mấy vị già ở đây như Kiến Chánh, Kiến Pháp, chúng ta có thể nói là sự mỹ diệu của anh xưa kia nay đã biến mất và sự nguy hiểm nay đã hiện ra, phải không? Ai hồi xưa cũng qua một thời thanh niên gọi là chàng thanh niên. Bây giờ già rồi thì gọi là ông anh già cả. Ai cũng phải qua lúc đó, có thanh niên thì phải có già cả, có thiếu nữ cũng phải có già cả. Đó là sắc hoạn. Từ sắc hoạn đó tới sắc hoạn thứ hai là bệnh, sắc hoại thứ ba là chết. Già, bệnh, chết là ba sắc hoạn cụ thể nhất, còn sắc hoạn sau nói về trạng thái hủy hoại của các bộ xương... cũng giống

như bên Hán tạng. Đoạn sau nói về vị ngọt của cảm thọ, Pali nói rõ hơn.

Chánh văn:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các cảm thọ? Ở đây các Tỷ-kheo ly các dục vọng, ly các bất thiện pháp, tự chứng và an trú vào Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly tham sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Tỷ-kheo ly tham, ly các bất thiện pháp chứng và an trú trong Sơ thiền... có tầm có tứ, trong khi nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỷ-kheo, tối thượng vô hại ấy ta nói là vị ngọt các cảm thọ. Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và an

trú vào thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... thiền thứ ba... chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Tỷ-kheo ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, trong khi ấy nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi ấy vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỷ-kheo, tối thượng vô hại ấy, ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm của các cảm thọ? Này các Tỷ-kheo, các cảm thọ vô thường, khổ,

biến hoại, như vậy là sự nguy hiểm các cảm thọ.

Giảng:

Bên Hán tạng chỉ nói Tứ thiền thành tựu tự tại, không có tâm tự hại hại người. Pali thì nói từ Sơ thiền đến Tứ thiền, tất cả cảm thọ vô hại, tối thượng vô hại ấy, gọi là vị ngọt của các cảm thọ. Chỗ dứt hết tâm tự hại hại tha đó là tâm không hại, là vị ngọt, là thú vị của người tu thiền. Tu tập thiền định để đạt đến các tầng thiền cũng chưa quan trọng, quan trọng là đạt được rồi mà tâm không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người. Đây là đầu mối của thiền Tứ vô lượng tâm. Đọc kỹ đoạn kinh Pali này chúng ta thấy rõ thứ lớp của Tứ thiền và sự manh nha tinh thần Đại thừa.

Chánh văn:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly các cảm thọ? Này các Tỷ-kheo, sự điều phục dục tham đối với các cảm thọ, sự đoạn trừ dục tham, như vậy gọi là sự xuất ly các cảm thọ.

Giảng:

Sự xuất ly cảm thọ nhắm vào tâm dục ái, điều phục dục ái đối với cảm thọ. Đối chiếu hai bản kinh, chúng ta thấy sáng sủa rõ ràng hơn, mỗi bên có khi chỗ này nói lược chỗ kia nói rộng, khi chỗ kia nói lược chỗ này nói rộng.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri, vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly

như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy không thể xảy ra. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt của các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ có thể đặt các người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy có thể xảy ra.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Nếu Sa-môn, Phạm chí không biết như thật thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất yếu, trọn không thể tự đoạn thọ, huống là hay đoạn thọ cho người? Nếu Sa-môn, Phạm chí biết như thật thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất yếu, đã hay tự đoạn thọ, cũng hay đoạn thọ cho kẻ khác.

Phật nói như vậy, các thầy Tỳ-kheo kia nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Phần kết thúc, hệ Pali nói dài dòng hơn. Ý nghĩa giống như Hán tạng nhưng câu văn có vẻ khó hiểu. *Những vị này nhất định sẽ không như thật biết các cảm thọ của chúng, chúng cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự.* Nghĩa là nếu không tu tập để biết rõ về vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của cảm thọ thì sẽ không hướng dẫn được người khác giải thoát. Bên Hán tạng nói ngắn gọn rõ ràng hơn.

Giải và Đối chiếu Kinh Thuyết Xứ (Hán tạng) với Kinh Sáu Sáu (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến nước Xá-vệ ở vườn Cấp Cô Độc tại Thắng lâm. Vào buổi chiều, tôn giả A-nan (Ananda) từ thiền tịnh dậy, dẫn các Tỳ-kheo niên thiếu đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên. Các Tỳ-kheo niên thiếu cũng cúi đầu lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên. Tôn giả A-nan bạch:

- Thế-Tôn! Các Tỳ-kheo niên thiếu này con phải bảo thế nào? Khuyên răn thế nào? Vì họ nói pháp thế nào?

Thế Tôn bảo:

- A-nan! Ông phải vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói xứ (Ayatana) và dạy xứ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói xứ và dạy xứ thì họ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật bạch:

- Thế Tôn! Nay chánh phải thời. Thiện Thệ! Nay chánh phải thời. Nếu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói xứ và dạy xứ, con và các Tỳ-kheo niên thiếu từ Thế Tôn nghe rồi sẽ khéo thọ trì.

Thế Tôn bảo:

- A-nan! Các ông lắng nghe, khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì ông và các Tỳ-kheo niên thiếu phân biệt nói rộng.

Tôn giả A-nan vâng dạy lắng nghe.

Thế Tôn bảo:

- A-nan! Tôi trước vì ông nói năm thạnh ấm: sắc thạnh ấm, thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm. A-nan! Năm thạnh ấm này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy năm thạnh ấm này, họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu nội xứ: nhãn xứ, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý xứ. A-nan! Sáu nội xứ này ông nên vì các

Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy sáu nội xứ này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu ngoại xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. A-nan! Sáu ngoại xứ này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy sáu ngoại xứ này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý thức. A-nan! Sáu thức này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy

họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu xúc thân: nhãn xúc, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý xúc. A-nan! Sáu xúc thân này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu thọ thân: nhãn thọ, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý thọ. A-nan! Sáu thọ thân này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói

dạy thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu tưởng thân: nhãn tưởng, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý tưởng. A-nan! Sáu tưởng thân này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu tư thân: nhãn tư, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý tư. A-nan! Sáu tư thân này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được

vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu ái thân: nhãn ái, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý ái. A-nan! Sáu ái thân này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói sáu giới: địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. A-nan! Sáu giới này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Trong Phật pháp, ba mươi bảy phẩm trợ đạo rất quan trọng. Học kinh này để biết tên các pháp thuộc ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nằm trong Đạo đế. Nếu không học phần căn bản, khi có người hỏi chúng ta không biết trả lời, đó là thiếu sót.

Trước tiên Phật dạy ngài A-nan nên nói ngũ thạnh ấm cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Ngũ thạnh ấm, thạnh là hưng thạnh, ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Năm ấm này, mỗi ấm đều do duyên chung hợp mà thành. Như sắc ấm do tứ đại chung hợp mà hưng thạnh, gọi là sắc thạnh ấm. Thọ cũng không tự có, do sáu căn tiếp xúc sáu trần mà có cảm thọ hưng thạnh. Tóm lại, năm ấm do duyên hợp mà phấn phát nên gọi là năm thạnh ấm. Ngũ ấm còn gọi là ngũ uẩn. Uẩn là súc tích, là gom chứa; ấm là che đậy. Đứng về mặt

duyên hợp thì năm thứ này, mỗi thứ đều do duyên hợp chứa nhóm súc tích mà có mặt, nên gọi là uẩn, cũng vì năm cái này che mờ tánh giác nên gọi là ấm.

Như vậy, đầu tiên Phật bảo phải nói về ngũ thạnh ấm hay nói về năm uẩn cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo sẽ tu hành tinh tấn, được hạnh thanh tịnh.

Kế đó Phật dạy nói về sáu nội xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Tại sao gọi là nội? Vì nó ở nơi thân mình. Nội đối với ngoại. Ngoại là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sáu pháp ở bên ngoài. Tại sao gọi là xứ? Xứ là chỗ nơi, mỗi cái đều có chỗ riêng biệt khác nhau. Sắc có chỗ riêng của sắc, thanh có chỗ riêng của thanh... Sáu chỗ này là pháp ở bên ngoài nên gọi là sáu ngoại xứ. Kế đến là sáu thức thân, khi sáu căn tiếp xúc sáu trần bên ngoài sanh ra

sáu sự hiểu biết phân biệt, gọi là sáu thức thân.

Như vậy, từ năm thạnh ấm đầu tiên mà phát sanh sáu căn, sáu trần, sáu thức, đó là nguyên nhân quan trọng đưa đến kết quả sáu thọ, sáu tưởng, sáu tư, sáu ái. Nếu các Tỳ-kheo biết rõ các pháp này, chia chẻ phân tích từng cái một, thấy rõ như thật thì sẽ được an ổn tu tập trọn đời thanh bạch.

Đó là lý do Phật dạy A-nan nên nói những pháp này cho các Tỳ-kheo niên thiếu nghe. Tất cả những danh từ này đều có số sáu đứng đầu, kể cả sáu giới bên ngoài là đất, nước, gió, lửa, không, thức. Pali tạng gọi là kinh Sáu Sáu. Hán tạng thì gọi là kinh Thuyết Xứ, tức là nói về nơi chốn của các pháp bên trong bên ngoài, là căn, trần, thức...

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói nhân duyên khởi và nói pháp do nhân duyên khởi sanh ra. Nếu đây có thì kia có, nếu đây không thì kia không. Nếu đây sanh thì kia sanh, nếu đây diệt thì kia diệt.

Giảng:

Đây là chủ yếu của pháp nhân duyên. Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Tất cả sự vật có ra từ nhân duyên, vì nhân duyên nên cái này liên hệ với cái kia, pháp này có mặt thì pháp kia có mặt, một pháp mất đi thì các pháp chuyển biến thay đổi không còn nguyên vẹn như trước. Ở đây, Phật nói pháp nhân duyên là nhắm thẳng vào con người.

Chánh văn:

Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục xứ, duyên lục xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão tử.

Giảng:

Đây là mười hai nhân duyên theo chiều lưu chuyển.

Chánh văn:

Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu

diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử diệt.

Giảng:

Chiều lưu chuyển là từ vô minh có nên lão tử có. Chiều hoàn diệt là vô minh diệt nên lão tử diệt. Đây không giảng hết ý nghĩa của mười hai nhân duyên, chỉ nói tên của mười hai nhân duyên theo hai chiều sanh khởi và diệt tận. Nhắm vào chỗ này tu tập, chúng ta biết sanh tử khởi lên từ vô minh, nếu vô minh diệt thì sanh tử diệt. Tu tập là để phá thẳng vô minh.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn niệm xứ: quán thân như thân, quán thọ, tâm, pháp như pháp.

Giảng:

Bốn niệm xứ là bốn chỗ quán niệm: thân, thọ, tâm, pháp. Trước nói quán thân,

thường thường nói *quán thân bất tịnh,* nhưng ở đây nói *quán thân như thân*. Bởi vì thân chúng ta dơ mà tưởng sạch nên phải quán thấy đúng nó dơ là nó dơ, nên nói quán thân như thân. Đến quán thọ, tâm, pháp cũng thấy đúng như vậy. Chúng ta thường nghe nói *quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.* Đó là thấy đúng như thật.

Quán tất cả thọ đều là khổ. Phật nói ba thọ: thọ lạc, thọ khổ và thọ không khổ không lạc. Tại sao ở đây Phật nói tất cả thọ là khổ, như vậy thọ lạc đi đâu? Phật nói tất cả thọ là khổ vì căn cứ trên vô thường, tất cả thọ đều đổi dời chuyển biến, nên khổ chứ không lạc. *Quán tâm vô thường* vì tâm lao xao suy nghĩ, không dừng, không yên, thay đổi luôn. *Quán pháp vô ngã,* có chỗ giải thích vì các pháp

không chủ tể nên gọi là vô ngã. Có chỗ nói quán pháp là quán tâm sở pháp vô ngã, tức là các thứ buồn thương giận ghét vô ngã, nó không phải là mình, không có chủ. Nghĩa chữ pháp rất rộng, pháp vô ngã là tất cả pháp không có chủ, vì không chủ nên vô ngã. Ở đây nói ngay nội tâm mình, tâm vương do mắt thấy tai nghe... biến đổi vô thường, các tâm sở pháp như buồn thương giận ghét cũng không có chủ. Tâm luôn quán xét nhớ nghĩ về bốn pháp trên đây gọi bốn niệm xứ.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn chánh đoạn: Tỳ-kheo đã sanh pháp ác vì đoạn nên khởi mong cầu phương tiện, thực hành tinh tấn dụng tâm đoạn.

Giảng:

Bốn chánh đoạn hay còn gọi là bốn chánh cần. *Tỳ-kheo đã sanh pháp ác nên khởi mong cầu phương tiện, thực hành tinh tấn dụng tâm đoạn.* Ấy là điều ác đã sanh, tinh tấn diệt nó.

Chánh văn:

Chưa sanh pháp ác, vì sợ sanh nên khởi mong cầu phương tiện, thực hành tinh tấn dụng tâm đoạn.

Giảng:

Siêng năng gọi là cần, cố gắng dứt gọi là đoạn. Pháp ác đã sanh, cố gắng đoạn là chánh cần thứ nhất. Pháp ác chưa sanh, tìm mọi phương tiện giữ đừng cho sanh là chánh cần thứ hai.

Chánh văn:

Chưa sanh pháp thiện, vì muốn sanh nên khởi mong cầu phương tiện, thực hành tinh tấn dụng tâm đoạn.

Giảng:

Pháp thiện chưa sanh nên cố gắng dụng tâm làm cho phát triển. Chỗ này khó giải thích, vì sao đối với pháp thiện cố gắng tinh tấn cho sanh khởi mà gọi là đoạn?

Chánh văn:

Đã sanh pháp thiện, vì giữ bền còn, vì không quên, vì không thối, vì càng tiến, vì khuếch trương rộng, vì tròn đầy nên khởi mong cầu phương tiện, thực hành tinh tấn dụng tâm đoạn.

Giảng:

Như vậy cả bốn pháp, nói đơn giản là điều ác đã sanh cố gắng diệt, điều ác chưa sanh cố gắng giữ đừng cho sanh. Điều thiện chưa sanh tìm cách cho khởi, điều thiện đã sanh cố tạo phương tiện cho tiến hơn.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn như ý túc: Tỳ-kheo thành tựu dục định đốt các hạnh, tu tập như ý túc, nương nơi không dục, nơi lìa, nơi diệt, nguyện đến phi phẩm (vượt ngoài giới hạn). Như thế, tinh tấn định, nhất tâm, định thành tựu đốt các hạnh, tu tập như ý túc, nương nơi không dục, nơi ly, nơi diệt, nguyện đến phi phẩm.

Giảng:

Tứ như ý túc: Một là Dục như ý túc, hai là Tinh tấn như ý túc, ba là Nhất tâm như ý túc, bốn là Định như ý túc. Như ý là như ý muốn, túc là đủ, nghĩa là thực hành bốn điều đầy đủ như ý nguyện. Chỗ này có sự mâu thuẫn khiến đa số người học đạo bị lúng túng. Đạo Phật chủ trương diệt dục, tại sao nói muốn thành Phật, như vậy cũng là dục? Thật ra diệt dục là diệt lòng tham năm dục, còn trong khi tu mà không có ước nguyện (dục) thì tu không tiến. Tứ như ý túc là bốn điều đầy đủ như ý trong khi tu tập. Dục như ý túc là mong muốn cho việc tu tập thành tựu. Đó là mong muốn tốt, nếu không mong muốn để mặc việc tu tập bê tha, không nhiệt tình hết lòng thì không thành tựu. Dục ở đây có tính cách mong muốn đạt được sở nguyện,

như nhất quyết ngồi thiền được định, quyết tu cho đến giải thoát mới thôi.

Thành tựu dục định đốt các hạnh, nghĩa là nhờ sức mong muốn để dẹp sạch các thói quen lười nhác, chỉ còn sức mạnh quyết tiến trên đường tu.

Tu tập như ý túc, nương nơi không dục, nghĩa là chỉ tham cầu đạo quả, không có tham dục. *Nguyện đến phi phẩm* là nguyện vượt ra ngoài các giới hạn khác không bị kẹt. *Như thế, tinh tấn định, nhất tâm, định thành tựu,* bốn như ý túc này đều thuộc định, nên nói dục định, tinh tấn định, nhất tâm cũng là định, và định.

Chúng ta tu thiền không phải thả trôi, phải có sức mạnh mong mỏi hay nguyện lực. Thường người ta cho rằng còn mong mỏi là còn bệnh, nhưng không một người tu nào không có ý chí nguyện tiến đến chỗ viên mãn. Ý chí nguyện đến chỗ viên mãn

đó là dục của ý chí, không phải dục lạc, nương ý chí để lìa các tham dục nên gọi là nương dục lìa dục, diệt dục.

Đức Phật khi ngồi dưới cội Bồ-đề, đến giờ quyết định ngài thề nếu không ngộ đạo, dù xương tan thịt nát không rời chỗ này. Dám liều chết đạt được thì sống, không đạt được thì chết, ý chí mạnh mẽ mới đạt đạo. Người tu không có ý chí, ngồi thiền thả trôi, ma ngủ đến mà không quyết liệt chống cự thì không bao giờ thành tựu.

Việc tu đòi hỏi sức mạnh cương quyết phải đạt đạo, không phải dục là gì? Đó không phải là dục lạc thường tình của thế nhân. Pháp tu thiền này *có dục, tinh tấn, nhất tâm, định,* bốn món đó không thể thiếu. Đầy đủ bốn món này rồi mới đạt được Tứ thiền, nên sau đây Phật nêu Tứ thiền, Tứ thánh đế, Tứ tưởng.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói Tứ thiền: Tỳ-kheo lìa dục, lìa các pháp ác đến đệ tứ thiền thành tựu tự tại.

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn thánh đế: Khổ thánh đế, khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo thánh đế.

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn tưởng: Tỳ-kheo có tiểu tưởng, có đại tưởng, có vô lượng tưởng, có vô sở hữu tưởng.

Giảng:

Tứ tưởng chia ra *tiểu tưởng, đại tưởng, vô lượng tưởng, vô sở hữu tưởng*.

Tiểu tưởng là tưởng nhỏ, đại tưởng là tưởng rộng lớn như bầu trời, vô lượng tưởng là tưởng thênh thang không ngằn

mé, vô sở hữu tưởng là tưởng không có chỗ nơi. Đến Tứ vô lượng tâm.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn vô lượng tâm: Tỳ-kheo tâm cùng từ đồng đầy khắp một phương thành tựu tự tại, như thế hai ba bốn phương, bốn phía, trên dưới khắp giáp tất cả. Tâm cùng từ đồng không kết, không oán, không giận hờn tranh đua, rất rộng lớn, tu thiện vô lượng, khắp đầy tất cả thế gian thành tựu tự tại. Như thế, bi, hỷ, tâm cùng với xả đồng không kết, không oán, không giận hờn tranh đua, rất rộng lớn, tu thiện vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian thành tựu tự tại.

Giảng:

Người tu Tứ vô lượng tâm, khi khởi tâm từ duyên theo người thân của mình,

từ một hai người rồi lần lần bủa khắp mọi người. Lòng từ bủa khắp bốn phía cả trên lẫn dưới, không nơi chốn nào không khắp. Khi từ tâm trùm hết mọi vật mọi người, lúc đó mới thành tựu Từ vô lượng tâm. Lòng từ do tưởng mà ra, khi khởi lòng thương trùm khắp hết thì không giận buồn, không kết, không oán. Kế đến bi, hỷ, xả cũng tưởng như vậy, tưởng trùm khắp hết.

Bốn tâm vô lượng này thành tựu, khởi đầu do tu tập Tứ niệm xứ, dùng sức của Tứ chánh cần và Tứ như ý túc, đạt được Tứ thiền, thấu suốt Tứ đế, tu Tứ tưởng rồi mới đến Tứ vô lượng tâm. Thứ tự như vậy phải biết rõ.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn Vô sắc: Tỳ-kheo đoạn tất cả tưởng Sắc,

cho đến được Phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ thành tựu tự tại.

Giảng:

Tứ vô sắc là Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Không vô biên xứ tức là nhập thiền định buông tất cả sắc, tâm rỗng không đến vô biên. Thức vô biên xứ là nhập thiền định đến chỗ thức tâm tận cùng không bờ mé. Vô sở hữu xứ là nhập thiền định đến chỗ không còn một chút vật. Phi tưởng phi phi tưởng xứ là nhập thiền định đến chỗ không còn niệm tưởng là Phi tưởng, nhưng vẫn còn chút xíu tưởng biết chỗ không còn tưởng đó, gọi là phi phi tưởng. Người thành tựu bốn loại thiền này sanh về cõi trời Vô sắc.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn thánh chủng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được y bằng vải xấu là biết đủ, không vì y mà cầu cho được vừa ý. Nếu không được y không buồn rầu, không khóc lóc, không ôm ấp trong lòng, không chấp giữ, thấy tai hoạn, biết giải thoát mà dùng y, như việc lợi này không lười biếng mà chánh tri. Ấy gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chánh trụ cựu thánh chủng.

Giảng:

Bốn thánh chủng là bốn hạt giống thánh. Hạt giống thánh về y phục, về ăn uống, về giường nằm, về thuốc thang. Chúng ta có hạt giống thánh này không? Nếu bị chia vải xấu mà buồn khóc là không có thánh chủng. Đây là những cái

thật đơn giản mà Phật dạy là hạt giống thánh. Y phục chỉ là phương tiện để tu hành đến giải thoát, nên nói biết giải thoát mà dùng y, thứ vải nào miễn che đủ ấm là được, không cần đợi vải này vải kia, giả sử được cũng tốt, không được cũng không buồn. Đó là có thánh chủng thứ nhất. Đây dùng chữ chánh trụ cựu thánh chủng, nghĩa là an trụ ngay hạt giống thánh cũ xưa của mình.

Chánh văn:

Như thế, việc ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, vì muốn đoạn, ưa đoạn, muốn tu, ưa tu, kia nhân muốn đoạn, ưa đoạn, muốn tu, ưa tu nên không tự quý mình, khinh người, như việc lợi này không lười biếng mà chánh tri. Ấy gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chánh trụ cựu thánh chủng.

Giảng:

Việc ăn uống cũng như vậy, ngon cũng được, dở cũng được, không buồn giận cự nự. Đó là có hạt giống thánh. Đối với bốn thứ ăn, mặc, giường nằm, thuốc men chúng ta không đòi hỏi, xấu tốt không quan trọng. Biết nó chỉ là những phương tiện giúp mình tu giải thoát. Thí chủ cúng gì mình nhận cái đó không khen chê. Có được bốn hạt giống thánh như vậy là quyền của chúng ta. Kiểm điểm lại để biết, để thấy mình có hay không.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói bốn quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, cao tột là quả A-la-hán. A-nan! Bốn quả Sa-môn này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ.

Giảng:

Từ các pháp số ban đầu, năm ấm, sáu xứ, lục nhập... cho đến bốn đạo quả, đó là pháp căn bản mà các Tỳ-kheo mới cần phải được học, được biết con đường tu tập từ khởi đầu đến kết thúc.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói năm thứ tưởng thuần thục giải thoát: Tưởng vô thường, tưởng vô thường khổ, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng tất cả thế gian không thể vui. A-nan! Năm thứ tưởng thành thục giải thoát này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ.

Giảng:

Ngũ tưởng là: *Tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng không vui.* Thế gian không có gì vui, phải

quán thuần thục năm thứ tưởng này để tu tập giải thoát.

Chánh văn:

A-nan! Thế Tôn vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nói pháp, các người trí hạnh thanh bạch cũng vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nói pháp. A-nan! Nếu Thế Tôn vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nói pháp, các người trí hạnh thanh bạch cũng vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nói pháp, kia nghe pháp rồi biết pháp hiểu nghĩa, kia nhân biết pháp hiểu nghĩa nên được vui vẻ, nhân vui vẻ được hoan hỷ, nhân hoan hỷ được thân chỉ, nhân thân chỉ được xúc, nhân xúc được tâm định. A-nan! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhân tâm định được thấy như thật, biết như thật, nhân thấy biết như thật được chán, nhân chán được

không dục, nhân không dục được giải thoát, nhân giải thoát biết được giải thoát, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn sanh đời sau, biết như thật. A-nan! Ấy là chỗ giải thoát thứ nhất. Nhân đây Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa giải thoát tâm được giải thoát, chưa hết các lậu được hết các lậu, chưa được vô thượng Niết-bàn được vô thượng Niết-bàn.

Giảng:

Có năm thứ giải thoát, đây cũng là điều quan trọng để chúng ta tìm hiểu. Giải thoát thứ nhất là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được nghe Phật nói pháp, hoặc được nghe: *Người trí hạnh thanh bạch nói pháp, nghe pháp rồi hiểu nghĩa nên được vui vẻ. Nhân vui vẻ được hoan hỷ, nhân hoan hỷ*

được thân chỉ, nhân thân chỉ được xúc, thân chỉ tức là thân định, xúc là khinh an. Được nghe pháp hiểu pháp nên thân dừng bớt lăng xăng, mọi hành động tạo tác đứng lại, nhân nơi thân yên định được an ổn nhẹ nhàng, tâm theo đó cũng được an định. Thân tâm đều an ổn.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhân tâm định được thấy như thật, biết như thật, nhân thấy biết như thật được chán. Lẽ thật chỉ có khi tâm được định, người thế gian dù có bóp đầu suy nghĩ cũng không ra lẽ thật. Chủ yếu của tu thiền là được định tâm, có định tâm mới phát trí tuệ, thấy thế gian không ra gì rồi mới sanh tâm chán. Vì chán nên không mong muốn, không ham thích ngũ dục. *Nhân chán được không dục, nhân không dục được giải thoát, nhân giải thoát biết được giải thoát,* nghĩa là mình không bị trói buộc, biết rõ không bị trói

buộc từ đó. *Mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn sanh đời sau, biết như thật. A-nan! ấy là chỗ giải thoát thứ nhất.* Như vậy chỗ giải thoát thứ nhất bắt nguồn từ nghe pháp, hiểu pháp, được vui vẻ, thân được định, tâm theo đó cũng định. Nhờ định nên thấy được như thật, thấy như thật nên sanh tâm chán. Có cái chán đúng pháp và chán không đúng pháp. Người ta nói tu là chán đời, có đúng không? Sự thật, khi thấy thân này bất tịnh, tâm điên đảo vọng tưởng, ngũ dục như ảo mộng, dĩ nhiên là chán nó. Chán đời do thấy đúng như thật, thấy cái dở cái xấu đó rồi muốn chuyển cái dở cái xấu đó thành tốt đẹp. Nhờ chán nên phát tâm lìa bỏ và quyết tu đạo giải thoát. Đó là chán đúng pháp. Còn có lối chán đời bi quan, vì muốn thụ hưởng mà không được nên sanh ghét bỏ, chửi mắng. Đó là chán vì muốn mà không được

toại ý, cách này rất dở, không phải cách của người tu.

Cách dùng chữ của nhà Phật có ý nghĩa cao đẹp không phải tầm thường. Chữ chán ở đây mang ý nghĩa xuất ly, muốn xây dựng cho cuộc đời đẹp hơn. Nhân chán mà được không dục, nhờ không dục, không mong muốn ưa thích nên giải thoát. Vậy, giải thoát thứ nhất là không do bi quan chán nản mà chán, chán tích cực để vươn lên thành tựu đạo quả. Đoạn kinh nhấn mạnh sự vui vẻ, hoan hỷ, khinh an, an định... để thấy rõ sức mạnh của giải thoát ly tham.

Chánh văn:

Lại, A-nan! Thế Tôn không vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nói pháp, các người trí hạnh thanh bạch cũng không vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nói pháp, chỉ

như pháp trước được nghe, được tụng tập mà đọc rộng ra.

Giảng:

Trường hợp thứ hai là không được nghe pháp trực tiếp từ đức Phật hay các bậc trí, chỉ tụng tập đọc lại pháp đã được nghe.

Chánh văn:

Hoặc không đọc rộng pháp đã nghe, đã tụng tập trước, chỉ tùy pháp trước đã nghe, đã tụng tập vì người khác nói rộng.

Giảng:

Trường hợp thứ ba là không đọc rộng, không tụng tập, chỉ đem pháp trước được nghe vì người khác mà giải thích rộng rãi.

Chánh văn:

Hoặc không vì người khác nói rộng pháp đã nghe, đã tụng tập trước, chỉ tùy pháp trước đã nghe, đã tụng tập tâm suy tư phân biệt.

Giảng:

Trường hợp thứ tư là theo pháp đã được nghe, không tụng tập mà chỉ để tâm suy nghĩ phân biệt về pháp ấy.

Chánh văn:

Hoặc tâm không suy tư phân biệt rộng pháp đã nghe, đã tụng tập trước, chỉ khéo thọ trì các tướng tam-muội (chánh định) được biết pháp hiểu nghĩa.

Giảng:

Trường hợp thứ năm là đối với *pháp đã nghe không suy tư phân biệt, chỉ khéo*

thọ trì các tướng tam-muội, nghĩa là chuyên tu tập thiền định.

Chánh văn:

Kia nhân biết pháp hiểu nghĩa nên được vui vẻ, nhân vui vẻ được hoan hỷ, nhân hoan hỷ được thân chỉ, nhân thân chỉ được xúc, nhân xúc được tâm định. A-nan! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhân tâm định được thấy như thật, biết như thật, nhân thấy biết như thật được chán, nhân chán được không dục, nhân không dục được giải thoát, nhân giải thoát biết được giải thoát, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn sanh đời sau, biết như thật.

Giảng:

Tổng kết năm thứ được giải thoát. Một, trực tiếp nghe Phật hoặc chư Tỳ-kheo nói pháp, nghe được hiểu nghĩa sanh vui vẻ, vui vẻ rồi hân hoan, hoan hỷ rồi thân dừng. Thí dụ khi học kinh nghe kinh mà hiểu được, chúng ta thấy vui thích phấn khởi. Cảm nhận được nghĩa thâm sâu của Phật mình hoan hỷ vui vẻ, lúc đó thân còn làm bậy không? Không. Thân đàng hoàng nghiêm chỉnh đó là thân chỉ. Do thân chỉ nên có cảm xúc nhẹ nhàng. Do cảm xúc nhẹ nhàng nên tâm định. Từ tâm được định mới thấy đúng như thật. Thấy biết đúng như thật mới chán, không bị lôi cuốn trong vòng ngũ dục. Đây là giải thoát do nhân nghe kinh.

Hai, không được nghe trực tiếp, nhưng nghe các pháp trước rồi nhớ, ôn lại đọc lại rộng rãi, nhân đọc lại rộng rãi,

cũng được kết quả giải thoát. Đây là kết quả của sự tụng tập, ôn lại pháp Phật, như chúng ta học rộng các bộ kinh.

Ba, không ôn lại đọc rộng cho mình mà đem các pháp đã được nghe, đã tụng đọc rành rõ nói lại cho người cũng được kết quả như vậy. Đây là sự giải thoát do diễn nói chánh pháp. Thí dụ mình bảo người không tham mà mình tham thì coi không được. Nhờ nói đi nói lại nên không làm việc phi pháp. Như khi tôi giảng dạy thì tôi càng nhớ thêm, nhân đó được lợi ích giải thoát.

Bốn, suy tư phân biệt về chánh pháp, về kinh điển đã được học thì tâm không nghĩ ngợi quanh co, cũng được niềm hoan hỷ giải thoát.

Năm, đối với pháp đã nghe, không đọc tụng giảng dạy, chỉ lo giữ gìn chánh định,

gọi là khéo thọ trì tam-muội, cũng đạt đến giải thoát.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói năm căn: tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. A-nan! Năm căn này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy năm căn này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

A-nan! Tôi trước vì ông nói năm lực: tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. A-nan! Năm lực này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy năm lực này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm

không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Năm căn và năm lực cũng chỉ gồm có tín, tấn, niệm, định, tuệ. Trên đường tu, năm cái này là gốc, nếu không có gốc thì không đứng vững. Đứng về mặt căn bản thì nói năm căn, đứng về mặt phát triển thì nói năm lực, là sức nuôi dưỡng lớn mạnh.

Năm điều này có tác dụng rất lớn. Tín là tin, đạo Phật lấy trí tuệ làm đầu, tại sao đây nói tín làm đầu? Tín của đạo Phật khác với tín của thế gian. Một là tin sâu Tam bảo, hai là tin sâu nhân quả, ba là tin mình có thể thành Phật, đó là tự tín. Thế gian chỉ có lòng tin hời hợt bên ngoài, nghe ai nói gì cũng tin, không có thực chất, nên không phải là chữ tín của đạo Phật. Phải đủ cả ba, tin Tam bảo là chỗ quy

hướng triệt để, tin nhân quả để hoàn thiện con người mình, và tự tin mình có khả năng đạt được giải thoát.

Tin không chưa đủ mà phải cố gắng nỗ lực tiến bước, đó là tấn. Cố gắng nỗ lực trong loạn động thì không đi tới đâu, nên phải chuyên niệm. Chuyên thực hành nhớ nghĩ pháp tu gọi là niệm. Khi tu chuyên nhất một pháp thì tâm an định, nhờ sức định này trí tuệ phát sanh. Năm pháp này tương quan không thể thiếu. Người tu nào cũng phải vừa có năm căn làm gốc, vừa có năm lực là sức mạnh tăng trưởng.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói năm cảnh địa xuất yếu. Thế nào là năm? A-nan! Đệ tử bác học của Thánh rất trọng khéo quán dục. Kia nhân rất trọng khéo quán dục nên tâm không

hướng dục, không ưa dục, không gần dục, không tin dục; nếu tâm sanh dục liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không buông ra, lìa bỏ dừng nơi dục, nhàm chán ghê tởm dục. A-nan! Ví như lông gà và gân đem bỏ trong lửa liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không duỗi ra. A-nan! Đệ tử bác học của Thánh cũng như thế, rất trọng khéo quán dục.

Giảng:

Cảnh địa là nơi chốn, xuất là vượt ra, yếu là quan trọng. Năm chỗ nơi quan trọng để vượt qua. Một là dục xuất yếu. Dục là tham dục. Nếu xét thấy tâm mình có tham thì phải đừng cho dính mắc, đừng cho gần gũi tham dục, không nên tin tham dục. Nếu tâm còn tham dục liền tiêu dung nó. Tức là vừa dấy niệm tham năm dục

liền phải dùng trí quán cho tiêu tan, quán cho nó cháy cuộn lại như lông gà bị đốt. Dùng sức quán mạnh như lửa đốt trọn không cho sót. Hoặc như sợi gân bỏ vào lửa bị thun lại. Đôi lúc chúng ta không khéo quán nên để niệm dục chạy lung tung, cần phải tu tập mạnh mẽ như lửa đốt để vượt qua ngũ dục. Đó là cảnh địa xuất yếu thứ nhất.

Chánh văn:

Lại, A-nan! Đệ tử bác học của Thánh rất trọng khéo quán sân. Kia nhân rất trọng khéo quán sân nên tâm không hướng sân, không ưa sân, không gần sân, không tin sân; nếu tâm sanh sân liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không buông ra, lìa bỏ không trụ nơi sân, nhàm chán ghê tởm sân.

Giảng:

Cảnh địa xuất yếu thứ hai là lìa sân. Vừa có một niệm sân dấy lên phải quán thế nào? *Khéo quán sân nên tâm không hướng sân, không ưa sân, không gần sân, không tin sân.* Chúng ta có ưa, có gần, có tin không? Khi nổi giận lên thì cho giận là đúng là phải, phân bua với người này người kia, như vậy là chấp nhận sân. Vừa có niệm sân lên liền biết đó là tội lỗi là xấu, phải làm sao cho nó tiêu dung. Nên nhớ kỹ, không bao giờ có cái giận đúng. Khi mình không làm việc đó, mà họ đặt điều nói mình làm như vậy. Họ nói bậy như vậy mình giận có đúng không? Đáng giận không? Không có cái giận nào đáng, không có cái giận nào đúng. Giận là điên, là bậy, giận không đúng. Tại sao? Bởi vì giận thì mất bình tĩnh, miệng nói bậy, tay múa bậy. Như vậy làm sao đúng? Đó là

bên ngoài, còn bên trong thì khi giận tâm ác dấy lên liền. Có người nào giận mà tâm lương thiện dấy lên không? Như vậy giận có đủ ba cái hại về tâm, về miệng, về thân.

Sân giận tai hại như thế nên phải vượt qua, phải xuất ly, phải đốt cháy cho nó thun lại không bùng ra.

Chánh văn:

Lại, A-nan! Đệ tử bác học của Thánh rất trọng khéo quán hại. Kia nhân rất trọng khéo quán hại nên tâm không hướng hại, không ưa hại, không gần hại, không tin hại; nếu tâm sanh hại liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không buông ra, lìa bỏ không dừng nơi hại, nhàm chán ghê tởm hại. A-nan! Ví như lông gà và gân đem bỏ trong lửa liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không duỗi ra.

Giảng:

Cảnh địa xuất yếu thứ ba là lìa hại, tức là lìa ác hại. Vừa có niệm ác muốn hại ai liền phải quán cho tiêu dung. Phải đốt cháy đừng cho nó phát triển. Thí dụ cũng dùng hình ảnh lông gà hay sợi gân khi bị đốt thì cuộn lại.

Chánh văn:

Lại, A-nan! Đệ tử bác học của Thánh rất trọng khéo quán sắc. Kia nhân rất trọng khéo quán sắc nên tâm không hướng sắc, không ưa sắc, không gần sắc, không tin sắc; nếu tâm sanh tưởng sắc liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không buông ra, lìa bỏ không dừng nơi sắc, nhàm chán ghê tởm sắc. A-nan! Ví như lông gà và gân đem bỏ trong lửa liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không duỗi ra.

Giảng:

Cảnh địa xuất yếu thứ tư là lìa sắc. Đối với cảnh bên ngoài, vừa có tâm chạy theo sắc liền phải khéo quán sát tỉnh giác để lìa bỏ. *Tâm không hướng sắc, không ưa sắc, không gần sắc...* Tất cả những sắc đẹp của người của vật, nếu sanh tâm đắm mến liền phải tiêu dung, phải đốt cho nó cháy trùn lại không cho lan ra.

Chánh văn:

Lại, A-nan! Đệ tử bác học của Thánh rất trọng khéo quán thân mình. Kia nhân rất trọng khéo quán thân mình nên tâm không hướng thân mình, không ưa thân mình, không gần thân mình, không tin thân mình; nếu tâm sanh tưởng thân mình liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không buông ra, lìa bỏ không dừng

nơi thân mình, nhàm chán ghê tởm thân mình. A-nan! Ví như lông gà và gân đem bỏ trong lửa liền tiêu dung cháy trùn cuộn lại không duỗi ra.

A-nan! Năm cảnh địa xuất yếu này ông phải vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy năm cảnh địa xuất yếu này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Cảnh địa xuất yếu thứ năm là thân này. Phải thấy rõ thân này không bền chắc, không đáng yêu, rất giả tạm. Nếu ưa mến thân, do nhân có thân mà đuổi theo ngũ dục, tạo nhiều phiền não mê lầm. Cần thấy rõ thân có ba mươi sáu vật bất tịnh,

khéo quán thân nên tâm không xu hướng thân, không đắm mến nơi thân. Lúc nào cũng nhớ nghĩ thân nhớp nhúa tạm bợ, để sanh tưởng xả ly nhàm chán.

Năm chỗ trọng yếu này nếu ứng dụng lời Phật dạy, khéo quán, khéo nhàm lìa thì có thể thoát ra. Như vậy Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ năm điều tu tập để vượt ra khỏi trần lao, vượt ra khỏi trói buộc của thế gian. Đây cũng là điều cần yếu giúp thân tâm các Tỳ-kheo được an ổn, trọn đời tu thanh tịnh.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói thất tài: tín tài, giới, tàm, quý, văn, thí, tuệ tài. A-nan! Thất tài này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thất tài này thì họ sẽ được an ổn, được sức

mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Sau khi dạy về năm pháp xuất ly cần thiết, Phật lại nói về bảy tài sản của bậc thánh, gọi là thất thánh tài: tín, giới, tàm, quý, văn, thí, tuệ. Thế gian trọng của báu tài sản, nhà Phật cũng có bảy loại tài sản vô cùng quý giá, giàu có hơn người đời. Tin là một tài sản, có nó là có tất cả. Tàm quý là hổ thẹn với mình với người, văn là nghe học, thí là bố thí, tuệ là trí tuệ, đó là những tài sản quý báu của người xuất gia.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói thất lực: tín lực, tinh tấn, tàm, quý, niệm, định, tuệ lực. A-nan! Thất lực này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy

họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thất lực này thì họ sẽ đươc an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Thất lực là bảy sức mạnh, từ năm lực ở trước thêm vào tàm và quý. Đây là sức mạnh giúp người xuất gia tiến tu trọn đời.

Chánh văn:

A-nan! Tôi trước vì ông nói thất giác chi: niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định, xả giác chi. A-nan! Thất giác chi này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy thất giác chi này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm

không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Thất giác chi giống Tứ như ý túc, đi thẳng vào thiền định, không phải ở bên ngoài. Đầu tiên Niệm giác chi là ghi nhớ pháp đang tu. Như chúng ta áp dụng pháp quán sổ tức thì phải luôn luôn nhớ pháp đó không quên lãng. Trạch pháp là chọn lựa, trong khi đang tu có những tạp niệm chen vô chúng ta biết cái nào đúng cái nào sai, chỉ ghi nhớ pháp đúng với mình, tạp niệm vẩn vơ đều buông bỏ. Tinh tấn giác chi là siêng năng thực hành pháp tu càng ngày càng tiến bộ. Hỷ giác chi là niềm vui an lạc khi đang tu, càng tu càng không lui sụt. Tức giác chi là sự dứt bỏ, dừng dứt tất cả tạp niệm. Định giác chi là tâm an trụ trong cảnh giới thiền, không còn lao xao lay động. Xả giác chi là buông bỏ, xả ly

những công đức đã thành tựu. Tu đến mức cuối cùng phải xả luôn sở đắc để không vướng kẹt, buông hết không giữ lại chút gì, kể cả công đức mình có được.

Như vậy *niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định, xả* là bảy giác chi. Chi là phần. Đó là bảy phần giác ngộ.

Chánh văn:

A-nan! Trước tôi vì ông nói bát thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. A-nan! Bát thánh đạo này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy bát thánh đạo này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm có: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chánh đạo. Ở đây chúng ta đã học hơn ba mươi bảy phẩm trợ đạo, trên phương diện danh từ phải biết rõ. Pháp căn bản Phật dạy không ngoài những điều nêu trên. Nếu hiểu rõ và thực hành đúng, chúng ta sẽ được kết quả như kinh đã dạy.

Chánh văn:

Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật bạch: Thế Tôn rất kỳ lạ, rất đặc biệt. Thế Tôn vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói xứ và dạy xứ.

Thế Tôn bảo: A-nan! Như thế, như thế, rất kỳ lạ, rất đặc biệt. Tôi vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói xứ và dạy xứ. A-nan! Nếu ông lại hỏi Như Lai về

đảnh pháp và đảnh pháp thối, ông sẽ nơi Như Lai được vững lòng tin rất hoan hỷ.

Giảng:

Pháp tột trên đảnh gọi là *đảnh pháp*, thoái lui, tuột xuống khỏi đảnh gọi là *đảnh pháp thối.*

Chánh văn:

A-nan! Đệ tử bác học của Thánh nơi tâm thành thật xét nghĩ khen ngợi, quán sát phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã.

Kia xét nghĩ khen ngợi phân biệt như thế liền sanh nhẫn, sanh lạc, sanh mong muốn.

Giảng:

Nhẫn là an nhẫn, vì quán sát các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã nên được sự

an nhẫn vui vẻ, mong muốn được nghe, muốn được tu tập tiến bước. Như vậy gọi là tiến lên cao tột. Điều này không khó.

Chánh văn:

A-nan! Nếu được đảnh pháp này lại mất, lùi sụt, không gìn giữ tu tập, không cố gắng chuyên cần. A-nan! Ấy gọi là đảnh pháp thối.

Giảng:

Được tiến lên tu tập rồi lại thối lui, không hăng hái phát khởi tu nữa, đó là đảnh pháp thối.

Phật nói tâm người tu lúc tiến lúc lùi. Như khi nghe tôi giảng các vị thấy vui thích phấn khởi ham tu, vài hôm sau sự phấn khởi ham tu giảm sụt xuống. Khi hứng khởi ham tu đó là đảnh pháp, lúc lùi lại đó là đảnh pháp thối.

Chánh văn:

Trong, ngoài, thức, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới nhân duyên khởi cũng như thế.

A-nan! Đệ tử bác học của Thánh đối nhân duyên khởi này và pháp nhân duyên khởi suy nghĩ, khen ngợi, khéo quán, phân biệt là vô thường, khổ, không, vô ngã. Kia suy nghĩ, khen ngợi, khéo quán phân biệt như thế liền sanh nhẫn, sanh lạc, sanh mong muốn: muốn nghe, muốn nghĩ, muốn quán. A-nan! Ấy gọi là đảnh pháp. A-nan! Nếu được đảnh pháp này lại mất, lùi sụt, không gìn giữ, không cố gắng chuyên cần. A-nan! Ấy gọi là đảnh pháp thối.

Giảng:

Khi nghe các pháp do nhân duyên sanh khởi đều là *vô thường, khổ, không, vô ngã,* nghe rồi *suy nghĩ, khen ngợi, khéo quán sát phân biệt như thế liền sanh nhẫn, sanh lạc, sanh mong muốn... Ấy gọi là đảnh pháp.* Được đảnh pháp này rồi sau thời gian lại quên *mất, lùi sụt không gìn giữ, không cố gắng chuyên cần, đó là đảnh pháp thối.*

Chánh văn:

A-nan! Đảnh pháp và đảnh pháp thối này ông nên vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy họ. Nếu vì các Tỳ-kheo niên thiếu nói dạy đảnh pháp và đảnh pháp thối này thì họ sẽ được an ổn, được sức mạnh, được vui vẻ, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời hành hạnh thanh bạch.

Giảng:

Biết rõ trạng thái tu tập hăng hái, hằng quán xét là đang ở trên đỉnh cao tu tập, chúng ta tự vui mừng. Nếu thấy mình lơ là buông trôi, không thích quán xét, bỏ bê pháp tu, biết rằng đang tuột xuống dốc. Biết rõ hai trạng thái này, chúng ta phải tự mình phấn chấn để đừng rơi vào đảnh pháp thối.

Chánh văn:

A-nan! Tôi vì ông nói xứ và dạy xứ, đảnh pháp và đảnh pháp thối, như tôn sư vì đệ tử khởi lòng đại bi thương xót nghĩ tưởng, cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay tôi đã làm, các ông phải tự làm, đến chỗ vắng vẻ, trong rừng núi, dưới cội cây, chỗ yên lặng không tiếng động, ngồi yên tư duy, chớ có buông lung, gắng sức

chuyên cần tinh tấn, chớ để sau này hối hận. Đây là lời tôi răn dạy, lời tôi huấn dụ.

Phật nói như thế, tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo niên thiếu nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Ấm, nội, ngoại, thức, xúc,

Thọ, tưởng, tư, ái, giới,

Nhân duyên, niệm, chánh đoạn,

Như ý, thiền, đế, tưởng,

Vô lượng, vô sắc, chủng,

Sa-môn quả, giải thoát,

Xứ, căn, lực, xuất yếu,

Tài, lực, giác, đạo, đảnh.

Giảng:

Phật giảng dạy kỹ lưỡng các pháp trong phần Đạo đế cho các Tỳ-kheo thiếu

niên, tức là người mới vào đạo cần phải hiểu rõ các danh từ pháp số. Hiểu rồi cần gắng sức chuyên tu, chuyên tâm quán sát để được lợi ích cho chính mình. Lời Phật tha thiết như vậy. Phần cuối là bài kệ tóm tắt các pháp, do người sau biên tập.

PALI TẠNG

Kinh Thuyết Xứ (Hán tạng) và kinh Sáu Sáu (Pali tạng) không đối chiếu từng đoạn. Kinh Thuyết Xứ giảng trước, đây đến phần kinh Sáu Sáu (Pali tạng).

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm) tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn,

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, ta sẽ giảng pháp cho các ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là sáu sáu. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn,

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Sáu nội xứ cần phải được biết. Sáu ngoại xứ cần phải được biết. Sáu thức thân cần phải được biết. Sáu xúc thân cần phải được biết. Sáu thọ thân cần phải được biết. Sáu ái thân cần phải được biết.

Giảng:

Nơi chốn nói kinh hai bên đều giống nhau. Phần mở đầu bên Hán tạng có chi tiết ngài A-nan dẫn các Tỳ-kheo thiếu niên đến lễ Phật và hỏi Phật rằng ngài phải nói pháp gì cho các Tỳ-kheo thiếu niên này. Bên (Pali) thì Phật gọi các Tỳ-kheo đến chỉ dạy. Pháp do Phật nói *sơ thiện, trung thiện, hậu thiện,* nghĩa là trước giữa sau đều thiện. Lời nói của chúng ta có khi đúng ở đây mà không đúng ở nơi khác, có khi thiện ban đầu mà không thiện ở giữa ở sau, hoặc thiện ở sau mà không thiện ở ban đầu. Pháp Phật nói thì ở thời gian nơi chốn nào cũng đều thiện. Như nói tất cả các pháp vô thường. Quá khứ cũng vô thường, hiện tại cũng vô thường, vị lai cũng vô thường, không thay đổi. Lời Phật nói hoàn toàn đúng và lành thiện trong cả ba thời gian.

Chánh văn:

Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỹ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Giảng:

Sáu nội xứ, tên khác là sáu căn: nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý.

Sáu ngoại xứ là sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Chánh văn:

Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỹ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỹ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính

do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến "Sáu thọ thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỹ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến "Sáu thọ thân cần phải được biết",

chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến "Sáu ái thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỹ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến "Sáu ái thân cần phải được biết",

chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ sáu.

Giảng:

Sáu xúc xứ là sự gặp gỡ giữa ba pháp: sáu căn, sáu trần, sáu thức. Xúc xứ là chỗ giao tiếp quan trọng, nếu căn riêng, trần riêng, thức riêng thì không phát sanh xúc. Có xúc rồi sanh cảm thọ. Có cảm thọ rồi sanh ái. Nêu lên chỗ này để thấy sự quan trọng, căn, trần, thức có đủ, tiếp xúc với nhau mới sanh cảm thọ rồi có ái. Cảm thọ và ái tự nó không có, do xúc làm liên hệ. Đây chỉ mới nêu lên, đoạn sau mới thật hệ trọng.

Chánh văn:

Nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên

phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi." Do vậy nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy, nên phải

đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng

sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Giảng:

Đọc kỹ đoạn này mới thấy tinh thần Thiền tông nằm sâu bên trong, là cốt tủy của Phật giáo.

Trước tiên phải hiểu tự ngã là gì. Ấn Độ quan niệm thần ngã hay tự ngã có hai yếu tố, một là thường, hai là chủ tể. Họ chấp tự ngã là thường hằng, là chủ tể. Cho con mắt là tự ngã nghĩa là cho nó thường hằng. Điều này không đúng vì con mắt vô thường.

Có con mắt, có sắc trần, có nhãn thức, ba cái tiếp xúc nhau rồi có xúc, có thọ khổ vui. Tác dụng khổ vui này do ba cái hợp lại, nó không có chủ tể riêng, cũng không phải thường hằng. Phật phân tích cho thấy rõ vì tác dụng duyên hợp như thế nên không phải chủ, không phải tự ngã. Chúng ta biết con mắt này là vô thường, có sanh có diệt. Khi nó sanh mình thấy

biết, khi nó diệt mình cũng thấy biết, nên nói sự sanh sự diệt đã được thấy. Nếu cho mắt là tự ngã thì phải đưa đến kết luận Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi. Biết con mắt sanh diệt thì ta là chủ, con mắt không có tự ngã, tức vô ngã. Con mắt vô ngã, sắc trần vô ngã cũng dễ hiểu, vì sắc là vô thường biến diệt.

Thêm một lý luận nữa, nếu nói mắt là tự ngã, chữ tự ngã cũng có thể dịch là chính mình. Nếu con mắt là chính mình, sanh diệt của con mắt mình biết, mắt bệnh mình biết nó bệnh, mắt mù biết nó mù. Nếu nó là chính mình thì khi con mắt mù mình cũng chết luôn. Sanh diệt của con mắt là cái bị biết, làm sao nói nó là chính mình được? Nếu nó là chính mình, nó hoại thì mình cũng hoại theo. Nghĩa chính mình không đúng.

Phân tích rõ để thấy cái tế nhị của lối lý luận này.

Con mắt không phải tự ngã, sắc trần không phải tự ngã. Sắc trần không phải tự ngã dễ thấy, nhãn thức không phải tự ngã có dễ biết không?

Khi mắt duyên với sắc khởi thức phân biệt, nếu cho thức phân biệt là tự ngã của mình thì không đúng. Tự ngã là thường và làm chủ, nhãn thức thì không tự có, do duyên với sắc mới khởi phân biệt.

Đợi đủ duyên mới có thì không phải thường, cũng không phải chủ. Căn, trần, thức riêng từng cái đã vô ngã, khi chúng hợp lại cũng không có tự ngã. Như vậy, xúc vô ngã, thọ, ái cũng vô ngã.

Chánh văn:

Nếu có ai nói rằng: "Tai là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "Mũi là tự

ngã”... nếu có ai nói rằng: “Lưỡi là tự ngã”... nếu có ai nói rằng: “Thân là tự ngã”... nếu có ai nói rằng: “Ý là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi”. Do vậy nếu có ai nói rằng: “Ý là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: “Các pháp là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi”. Do vậy, nếu có ai nói rằng: “Các pháp là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là

vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp

là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Giảng:

Những cái còn lại như tai, mũi, lưỡi, thân phân biệt theo đây cũng dễ hiểu. Riêng ý, ý thức và pháp trần rất khó giản trạch. Nếu không phân tích kỹ, chúng ta lầm chấp chúng là ta, là ngã.

Ý là ý căn cũng như nhãn căn, nhĩ căn. Ý căn là não bộ, là chỗ tựa của ý để phát ra phân biệt. Từ não bộ duyên với pháp trần phát sanh ý thức. Pháp trần là cái bóng của ngoại cảnh rọi vào tâm thức, do tưởng nhớ ôn lại cảnh bên ngoài mà hiện ra. Như khi sáng đi chợ, thấy bày bán chậu hoa đẹp lâu nay mình chưa từng thấy. Chúng ta ngắm nghía kỹ chậu hoa nhưng không mua, về nhà ngồi một mình tưởng tượng lại, lúc ấy bóng chậu hoa hiện ra, gọi đó là pháp trần. Nó là bóng của sắc

trần chứ không phải sắc trần thật. Duy thức học gọi pháp trần là *tiền trần lạc tạ ảnh tử.* Lạc tạ là rơi rớt, ảnh là bóng, nghĩa là bóng dáng tiền trần rơi rớt trong tâm thức chúng ta. Trần cũng có nghĩa là chướng ngại. Sắc trần có chướng ngại trong phạm vi của nó, thanh trần... cũng vậy. Pháp trần chướng ngại nhiều nhất, như khi chúng ta nhớ chậu hoa thì hình bóng nó hiện lên, làm chướng ngại che đậy các trần khác.

Ý căn và pháp trần duyên với nhau khởi ra ý thức. Chúng ta thường cho ý thức là tâm mình. Ý thức chỉ là cái duyên theo hình bóng pháp trần, nghĩ nhớ theo hình bóng. Khi ý căn duyên pháp trần thì ý thức sanh, khi không có duyên thì ý thức diệt. Ý thức sanh diệt chúng ta biết rõ ràng, nó là cái bị biết, không phải là tự ngã, không phải là chính mình. Vì thế

kinh nói: *Nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã"* như vậy không hợp lý. Chúng ta tu biết vọng là nhận ngay ý thức chỉ là cái sanh diệt vô thường, không phải là mình.

Cái thật là mình còn ngầm ở bên trong, không phải ngay nơi ý thức đó. Ý thức có sanh diệt, chúng ta không bị sanh diệt theo ý thức. Thí dụ nhìn xuống mặt biển, thấy gió thổi muôn ngàn lượn sóng bao nhiêu bọt nước hiện. Bọt nước và sóng sanh diệt trên mặt biển, còn mặt biển thì không sanh diệt. Nên khi nói sự sanh diệt ở nơi tôi, thì hiểu có tôi ngầm ở trong đó chứ không phải là cái sanh diệt. Như vậy căn, trần, thức, xúc, ái... sanh diệt nơi chúng ta, lâu nay chúng ta lầm nhận nó là ngã, nên Phật mới bác nó là vô ngã.

Khi vô ngã mất, thật ngã mới hiện ra. Chỗ này không khác gì Thiền tông, chỉ là Phật không nói trắng ra. Bài kinh này

chứng minh rất rõ cái vô ngã có giới hạn. Tất cả *căn, trần, thức, xúc, thọ, ái đều là vô ngã*. Đó là những cái tưởng sanh diệt vô thường mà chúng ta cứ lầm chấp nó là ngã, là chủ. Sự thật chủ nhân nằm ngầm ở bên trong, nó là cái biết được vô thường sanh diệt. Sanh diệt nơi tôi, tôi thấy biết nó. Cái tôi đó Phật chỉ nói như vậy, không nói thêm. Chúng ta đọc kỹ sẽ thấy rõ chỗ này.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, nhưng đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến. Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi." Ai quán các sắc là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi." Ai quán nhãn thức là: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi."

Ai quán nhãn xúc: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán tai: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán mũi: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán lưỡi: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán thân: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ý: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán các pháp: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ý thức: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ý xúc: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi."

Giảng:

Thân kiến là kiến chấp về thân, chấp thân đoạn diệt gọi là chấp đoạn, chấp thân thường còn gọi là chấp thường. Từ hai lối chấp thường, đoạn này khiến ta có cái thấy sai lầm. Không những lầm chấp trên thân tứ đại, đến các pháp chung quanh cũng lầm chấp là thường, là ngã.

Vì vô minh nên có ra thân kiến, vì thân kiến nên tiếp tục luân hồi không đoạn dứt. Có nhiều con đường dẫn đến thân kiến.

Ai quán mắt là: Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi. Người chấp như vậy là thân kiến. Tại sao? Con mắt này là của tôi, nó lệ thuộc về tôi, tôi phải bảo vệ nó. Nếu nó lệ thuộc về mình thì khi nó biến chứng bệnh hoạn mình phải biết. Nhưng mình không rành phải đi bác sĩ mới biết. Rồi khi nó mù mình

cũng không biết làm sao nữa, mình không có quyền gì với nó, làm sao nói của tôi được? Như cái đồng hồ của tôi, tôi có trọn quyền muốn bán hay muốn giữ lại cũng được. Còn nói con mắt của tôi mà không trọn quyền, như vậy không phải nghĩa của tôi. Nếu nói mắt là tôi cũng không được, vì khi mắt mù tôi cũng phải chết theo hoặc đổi con mắt tôi lấy con mắt khác cũng không thấy được. Nếu đem con mắt người khác giúp cho mình thấy, lúc đó con mắt có là của tôi được không? Không. Nói mắt của tôi và mắt là tôi không hợp lý. Con mắt không phải là tôi, không phải của tôi, không phải tự ngã của tôi, nó là vô ngã. Thấy như vậy là thấy đúng, còn thấy ngược lại là thân kiến.

Quán sát con mắt, sắc trần, nhãn thức, xúc, thọ, ái, tai, mũi, lưỡi... đều không phải của tôi, không phải là tôi, không phải

tự ngã của tôi. Đó là con đường đưa đến sự đoạn diệt thân kiến.

Chánh văn:

Nhưng này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến. Ai quán mắt: "Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Ai quán sắc: "Cái này không phải là của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán nhãn thức: "Cái này không phải là của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán nhãn xúc: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán tai: "Cái này

không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán mũi: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán lưỡi: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán thân: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán ý: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán các pháp: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán ý thức: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán ý xúc: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán thọ: "Cái này không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi." Ai quán ái: "Cái này

không phải của tôi... không phải tự ngã của tôi."

Giảng:

Đoạn diệt thân kiến hoàn toàn là chứng vô ngã, thành tựu quả A-la-hán không xa. Chấp thân kiến thì ở trong vòng luân hồi trầm luân vô minh. Đoạn diệt thân kiến là phá được vô minh, ý nghĩa này rất đơn giản và rõ ràng.

Tu theo lời Phật dạy không phải là trèo non lội suối khó khăn, chỉ cần đổi quan niệm là thấy đúng lẽ thật. Thấy đúng lẽ thật là minh, minh thì phá được vô minh, vòng luân hồi ngay đó dừng dứt.

Quán sát sáu căn thuộc phần vật chất hơi dễ dàng hơn quán sát nội tâm, tức là quán sát ái, cái thương yêu thân mình, thân người và các pháp. Tách lìa ái không cho nó là mình, nên nói *"Cái này không*

phải của tôi...” Nếu cho ái là mình, đó là lầm, vì ái khi có khi không. Có người lúc đầu mình thương sau mình không thương nữa, khi thương nói là mình, khi hết thương nói là ai? Ái có giới hạn, lúc thương mình biết thương, lúc không thương mình biết không thương. Cái thương đó không phải là mình, chẳng qua đủ duyên thì thương, thiếu duyên thì hết thương. Ái sanh diệt ở nơi mình, sao nói là mình được?

Thọ có phải là mình không? Chúng ta thường cho thọ là mình, thọ khổ thọ vui. Cái thọ khổ thọ vui đó, khi đủ duyên thì có thọ khổ, khi đủ duyên thì có thọ vui, không phải tự nó có mãi mãi. Chúng ta từ thuở bé đến giờ có lúc nào không có mặt không? Không. Còn sống là còn có mặt, còn thọ khi có khi không, làm sao nói là mình được? Như sóng trong biển, khi trồi cao, khi lặng xuống, nhưng biển thì không

lúc nào không có. Sóng là cái sanh diệt trong biển, cái sanh diệt trong biển mà cho là biển là trật. Cũng vậy, ái, thọ là những cái sanh diệt nơi mình, nói nó là mình thật sai lầm. Lâu nay chúng ta sai lầm vì mê muội trầm trọng. Nếu không nhờ Phật chỉ cho thấy, giải thích cho biết thì cứ ôm cái mê muội muôn kiếp đó.

Chúng ta học Thiền, nói lý Thiền thật cao mà những cái nhỏ nhặt như cảm thọ, xúc chạm, thương ghét... không thấy rõ, thành ra chỉ nói suông mà sống không được. Phải thấy cho thật rõ những cái thực tế đơn giản như vậy, rồi hiểu đến lý cao tột nữa thì có ích vô cùng. Nếu chỉ nói trên trời trên mây mà cái dưới nắm không vững thì không tới đâu. Phật đã phân tích rõ cái nào thật cái nào không thật, để chỉ ra cái lầm chấp muôn đời của chúng ta. Chúng ta giống hệt những người mù chấp

con voi là cái cột, con voi là cái chổi... Cứ nắm một bộ phận rồi cho là toàn thể con voi. Lâu nay mình sống như vậy. Phải thấy toàn bộ, phải biết tất cả những bộ phận nhỏ sanh diệt trong ta, ta không phải là cái nhỏ này. Phật phá ngã không phải là phá tột hết, chỉ phá những cái sai lầm chấp ngã nên nói vô ngã. Chúng ta nghe nói vô ngã tưởng không còn gì hết, đó là một quan niệm hết sức lầm lẫn. Đoạn dưới Phật chỉ dạy những khổ đau do chấp ngã.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước. Tham tùy miên của vị

ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng.

Giảng:

Khi mắt tiếp xúc sắc sanh ra nhãn thức. Ba pháp này gặp gỡ nhau gọi là xúc, từ xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ. Khởi lên lạc thọ thì hoan hỷ, tán thán khen ngợi, khen ngợi rồi trú trước, tham tùy miên từ đó tăng. Tùy miên là ngủ ngầm. Như ở mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, bình thường không thấy có tham sân. Bình thường không thấy vì nó đang ngủ ngầm trong sáu cơ quan. Khi mắt vừa thấy cái gì thích thì tham thức dậy hoạt động tăng trưởng. Sân cũng vậy, gặp việc đến thì thức dậy hoạt động, sân giận tự nhiên tăng. Khi không duyên cớ gì, nhìn gương mặt bên

ngoài ai biết tham sân ở đâu, khi bị đánh thức nó trỗi dậy mới thấy được.

Chúng ta thấy rõ, cảm thọ khổ vui xảy ra khi có đủ bốn duyên: căn, trần, thức, xúc. Phải đủ bốn duyên mới có, không phải thường có nên không phải là mình, nó là vô ngã. Vậy mà tất cả chúng ta đều vướng kẹt ở thọ, bởi thế nên khổ não trầm trọng, người nào nhạy cảm thọ nhiều thì khổ nhiều.

Thí dụ thọ lạc của cái lưỡi, khi có ai đem cho mình thức ăn ngon, chúng ta sanh cảm giác hoan hỷ. Hoan hỷ rồi tán thán, trụ trước, nhớ hoài thì lòng tham tăng trưởng đòi ăn. Đó là cảm thọ lạc kích động tham tùy miên dấy lên. Ngược lại, khi cảm xúc khổ thọ thì than van, khóc lóc, đập ngực, bất tỉnh, lúc đó sân tùy miên tăng trưởng. Tham, sân thật không có, đợi

cơ hội mới phát ra, thấy được điều này không phải dễ.

Chánh văn:

Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự giải thoát khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không xả trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Giảng:

Cảm xúc không khổ không lạc thọ là sao? Có ba ly nước, nước chanh, nước lạnh, thuốc nam. Nước chanh thì cho là thọ lạc, thuốc nam thì thọ khổ, nước lạnh thì thọ không khổ không lạc. Đối với thọ không khổ không lạc dù không khởi tham sân cho đó là thật ngã cũng là vô minh. Kinh nói: *Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự giải thoát khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên của vị ấy tăng.*

Như vậy, thọ lạc thì tăng trưởng tham, thọ khổ thì tăng trưởng sân, thọ không khổ không lạc thì tăng trưởng si. Đối với ba cảm thọ chúng ta phải biết rõ sự tập khởi của nó, tức là do căn, trần, thức, xúc nhóm họp mới có thọ. Biết rõ thọ do bốn cái này hội đủ mới có, nếu một trong bốn

cái thiếu, hay mất đi thì không có thọ. Đó là biết sự đoạn diệt. Biết vị ngọt là biết sự thích thú của chúng ta đối với cả ba cảm thọ, dù khi tham hay sân si khởi lên đều có sự quyến luyến không rời. Biết sự nguy hiểm là từ cảm thọ khiến tăng trưởng tham sân si, phiền não che phủ không có trí tuệ.

Biết sự giải thoát là biết rõ nó vô ngã không phải là mình. Biết rõ như vậy thì vô minh mất, trí tuệ sáng. Vô minh và minh không cách xa. Như nhà không có đèn thì tối, muốn hết tối thì thắp đèn, nhà tự nhiên sáng. Vô minh là chủ của mười hai nhân duyên luân hồi, hết vô minh thì chấm dứt luân hồi. Nếu chấp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, sáu căn, sáu trần, sáu thức, xúc, thọ làm ngã đó là vô minh. Biết nó không phải ngã đó là minh. Minh thì giải thoát, vô minh thì trầm luân. Muốn

phá vô minh, hiện tại đây chúng ta phải chuyển. Chuyển từ trầm luân qua giải thoát, xa hay gần? Chỉ cần đổi quan niệm, không xa xôi gì. Chấp thân kiến là đi theo chiều mê lầm, ngược lại đoạn thân kiến là phá vô minh.

Tu rất đơn giản, chỉ cần biết như thật về sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự giải thoát của các cảm thọ, lúc ấy tham, sân, vô minh tùy miên sẽ giảm. Biểu tượng ngài Di-lặc nơi sáu căn bị phá rầy mà vẫn cười, đó là vui chân thật. Đợi cảm thọ vui mới vui thì chỉ vui trong giới hạn, không có vui chân thật. Như vậy mới thấy chân hạnh phúc là không bị lệ thuộc vào cảm thọ.

Tiếp theo Phật chỉ dạy pháp đoạn tận vô minh để ngay nơi hiện tại chấm dứt đau khổ.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước. Tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự giải thoát khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do xả trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỹ thức... Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức... Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức... Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp

này) là xúc. Do duyên cảm xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho

minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Giảng:

Đối với cảm xúc lạc thọ hay khổ thọ, đều không hoan hỷ, không tán thán, không yêu thích hay sân hận, đó là không làm tăng trưởng tham, sân, tùy miên.

Đối với cảm xúc bất khổ bất lạc thọ thì biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt... Nhờ biết rõ nên không tăng trưởng vô minh. Đối với ba cảm thọ này chúng ta phải làm chủ nó một cách tự tại. Biết rõ bản chất của chúng từ khởi lên cho đến chấm dứt, vô minh theo đó hết. Ngay đời này còn vô minh là còn đau khổ, hết vô minh là hết đau khổ, hết đau khổ là chứng A-la-hán.

Pháp đoạn tận tham, sân, si ngủ ngầm trong mỗi người chúng ta. Phật đã

dạy kỹ, chỉ cần nhận biết rõ, đổi quan niệm. Thay vì từ trước mình nghĩ như vậy bây giờ nghĩ ngược lại thì hết khổ. Thử hỏi người bị lạc thọ, khổ thọ có khổ không? Chắc chắn là khổ, luôn luôn là khổ. Nếu dứt lạc thọ, khổ thọ thì hết khổ. Khổ từ ngu si, hết khổ từ trí tuệ. Vô minh là ngu si, biết đúng như thật là trí tuệ. Người tu Phật muốn giải thoát không cần công phu khổ cực nhiều mà phải mở sáng con mắt trí tuệ. Mọi đau khổ đều từ vô minh mê lầm, mọi an lạc đều do dứt vô minh. Ngay trong đời này chúng ta có thể chấm dứt đau khổ. Đối với thọ biết đúng như thật bản chất của nó, chính đó là minh. Minh phát lên thì ngay đời này chấm dứt đau khổ, đó là một lẽ thật không phải chuyện xa vời.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, vị đa văn Thánh đệ tử yếm ly mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng, yếm ly mũi, yếm ly các hương; yếm ly lưỡi, yếm ly các vị, yếm ly thân, yếm ly các xúc; yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát.

Giảng:

Sáu căn tiếp xúc với sáu trần không dính mắc tức là giải thoát. Chỗ này thiền sư nói không khác. Có người hỏi thiền sư Huệ Hải: "Thế nào là giải thoát?" Ngài trả lời: "Căn trần không đến nhau là giải thoát". Rõ như ban ngày, giống hệt chỗ

này có xa lạ gì. Nghĩa là căn đối với trần cảm thọ đừng dính mắc tức là xả ly nó, đó là giải thoát. Đêm nào cũng thắp hương cầu nguyện chóng giải thoát mà sáu căn cứ dính với sáu trần, thì thắp bao nhiêu hương cầu mới được? Ý chỉ giải thoát này rất rõ ràng.

Chánh văn:

Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát." Và vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

Giảng:

Nói vô ngã là đối với các pháp căn, trần, thức biết rõ không thật. Ở đây nói rõ: *Ta đã được giải thoát.* Biết rõ như vậy tức biết có cái chân thật thoát khỏi căn trần thức. Cho rằng vô ngã là không ngơ thật

là chuyện sai lầm. Đây đã nói rõ như vậy còn giấu giếm chỗ nào? Phật nói vô ngã vì các pháp đều do tướng duyên hợp, sanh diệt, huyễn có, không phải ta. Nếu biết rõ tướng vô ngã, cái biết ấy không phải vô ngã mà chính là ta giải thoát. Rõ ràng vị ấy giải thoát, trong sự giải thoát là sự hiểu biết: *Ta đã được giải thoát.* Ta là gì? Thiền sư nói trắng, ta là ông chủ hay pháp thân. Phật nói biết được ta giải thoát, biết rõ, không nghi ngờ gì hết. Giải thoát đó đâu phải không có ta, nhưng không phải cái ta như lâu nay mình chấp. Chúng ta lầm chấp mắt, tai, mũi... là mình. Phật bác hết những cái đó không phải là mình. Khi nghe nói những cái đó không phải là mình, rồi tưởng đâu hết trơn, không ngờ khi hư dối hết thì chân thật hiện bày.

Chánh văn:

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tin thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi vị Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Giảng:

Phật nói bài kinh này rồi, *tâm của sáu mươi vị Tỳ-kheo giải thoát các lậu hoặc, không chấp thủ.* Người xưa nghe giảng qua là giải thoát, đâu đợi tu mới giải thoát. Nghe như vậy, chấp nhận được ngang đó không còn mê lầm nữa là giải thoát. Chủ yếu tu tập là chuyển mê lầm thành giác ngộ. Có giác ngộ mới thấy đúng như thật, thấy đúng như thật là giải thoát, không còn mê lầm. Nếu chúng ta tu để cầu mong ngày mai sung sướng hơn ngày nay, nghĩ

như vậy làm sao giải thoát? Phải biết tất cả cảm thọ là vô ngã, giải thoát các thọ là không mong cầu chấp trước. Đạt đến chỗ này mới hiểu ý Phật dạy vô ngã.

Tuy đây là kinh Nguyên thủy, nhưng đã lồng ý Thiền sẵn trong đó. Kinh nói yểm ly căn trần thức là giải thoát. Tương tợ, khi nghe kinh Kim Cang nói: *Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,* ngay đó Lục Tổ biết rằng: *Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh.* Cái Ta thanh tịnh đó không phải cái Ta mình chấp lâu nay. Như vậy hợp lý quá. Cái Ta giải thoát có sẵn ở đây không xa lạ. Chúng ta thấy rõ tất cả kinh điển Nguyên thủy có sẵn Thiền trong đó, chứ không phải khác.

Đại thừa và Tiểu thừa phần cứu cánh có chỗ khác nhau, nhưng phần giác ngộ

đều thấy rõ thân là huyễn hóa hư dối. Sau khi giác ngộ rồi, lý tưởng của La-hán là dứt nghiệp giải thoát, lý tưởng của Bồ-tát là khởi đại bi tâm nguyện độ tất cả chúng sanh. Tự mình giác ngộ rồi giúp người giác ngộ, công hạnh viên mãn rồi thành Phật, lấy Phật làm lý tưởng. Đó là hạnh Đại thừa.

Giải và Đối chiếu Kinh Sư Tử Hống (Hán tạng) với Tiểu Kinh Sư Tử Hống (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến Câu-lâu-sấu ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

Trong đây có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba, Sa-môn thứ tư, ngoài đây không có Sa-môn, Phạm chí; tất cả đạo khác không có Sa-môn, Phạm chí. Các ông tùy ở trong chúng khởi tiếng sư tử rống như thế.

Giảng:

Bài kinh này tựa là Sư Tử Hống. Sư tử là chúa trong loài thú, khi nó rống lên, các thú khác đều kinh hoàng chạy trốn. Phật dạy chư Tỳ-kheo tuyên bố bốn điều này: *Ở trong đây (Phật pháp) mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba, Sa-môn thứ tư, ngoài đây không có Sa-môn, Phạm chí.* Nói như vậy là tiếng rống của sư tử. Tại sao? Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư là tứ quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Chỉ trong Phật pháp mới có bốn quả Sa-môn này, ngoài ra thì không có. Tuyên bố như vậy có vẻ tự cao, nhưng đó là lối nói thẳng thắn nhất, trung thực nhất. Tại sao vậy? Bởi vì các đạo khác không có một con đò đưa tới giải thoát sanh tử thì làm sao mà có quả giải thoát!

Đa số đều quan niệm tôn giáo nào cũng dạy người ta ăn hiền ở lành nên theo đạo nào cũng được, miễn ăn hiền ở lành. Sự thật không phải như vậy. Phật dạy chư Tỳ-kheo, nói rõ: chỉ trong Phật pháp mới có bốn quả giải thoát, ngoài ra không có. Như vậy tự nhiên là gây chiến với ngoại đạo, vì nói mình cao hơn. Phật nói tiếp:

Chánh văn:

Tỳ-kheo! Hoặc có kẻ dị học (đạo khác) đến hỏi các ông: "Chư hiền! Ông có hạnh gì? Có sức gì? Có trí gì? Khiến các ông nói thế này: Trong đây có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba, Sa-môn thứ tư, ngoài đây không có Sa-môn, Phạm chí; tất cả đạo khác không có Sa-môn, Phạm chí.

Các ông tùy ở trong chúng khởi tiếng sư tử rống như thế?”

Giảng:

Nếu bị ngoại đạo nạn vấn: Ông có hạnh gì, sức gì, trí gì mà dám nói như vậy? Nên đáp thế nào?

Chánh văn:

Tỳ-kheo nên đáp dị học thế này: “Chư hiền! Thế Tôn tôi có biết có thấy, Như Lai Chánh đẳng giác không chấp trước nói bốn pháp, nhân bốn pháp này nên chúng tôi nói như thế. Thế nào là bốn? Chư hiền, chúng tôi tin tôn sư, tin pháp, tin giới đức đầy đủ, yêu mến đồng đạo cung kính phụng sự. Chư hiền! Thế Tôn chúng tôi có biết có thấy, Như Lai chánh đẳng giác không chấp trước nói bốn pháp, nhân

bốn pháp này nên chúng tôi nói như thế.”

Giảng:

Bốn điều kiện đó là: Thứ nhất, tin tôn sư tức là tin Phật. Thứ hai tin pháp là tin giáo pháp của Phật. Thứ ba tin giới đức đầy đủ là tin giới đức. Thứ tư là yêu mến đồng đạo, là tình thương đối với người đồng đạo. Đầy đủ bốn điều đó nên chúng tôi mới dám rống tiếng sư tử. Khi các thầy Tỳ-kheo nêu bốn điều kiện thì ngoại đạo lại bắt bẻ.

Chánh văn:

Dị học lại hỏi thế này: “Chư hiền! Chúng tôi cũng tin tôn sư là tôn sư của chúng tôi, tin pháp là pháp của chúng tôi, giới đức đầy đủ là giới đức của chúng tôi, yêu mến đồng đạo cung kính phụng sự là đồng đạo xuất

gia và tại gia của chúng tôi. Chư hiền! Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi lối nói này có gì hơn, có gì khác, có gì sai biệt?"

Giảng:

Lối nói giống hệt nhau, có gì khác đâu? Dưới đây Phật vạch ra cái ưu cái khuyết của ngoại đạo và của Phật.

Chánh văn:

Tỳ-kheo! Các ông nên hỏi dị học kia thế này: Chư hiền! Là một cứu cánh hay nhiều cứu cánh? Tỳ-kheo! Nếu dị học đáp thế này: Chư hiền! Có một cứu cánh không phải nhiều cứu cánh.

Tỳ-kheo! Các ông lại hỏi dị học: Chư hiền! Là có dục được cứu cánh hay không dục được cứu cánh? Tỳ-

kheo! Nếu dị học đáp thế này: Không dục được cứu cánh, chẳng phải có dục được cứu cánh.

Tỳ-kheo! Các ông lại hỏi dị học: Chư hiền! Có sân được cứu cánh hay không sân được cứu cánh? Tỳ-kheo! Nếu dị học đáp thế này: Không sân được cứu cánh, chẳng phải có sân được cứu cánh.

Tỳ-kheo! Các ông lại hỏi dị học: Chư hiền! Có si được cứu cánh hay không si được cứu cánh? Tỳ-kheo! Nếu dị học đáp thế này: Không si được cứu cánh, chẳng phải có si là cứu cánh.

Tỳ-kheo! Các ông lại hỏi dị học: Chư hiền! Có ái có thủ là cứu cánh hay không ái không thủ là cứu cánh? Tỳ-kheo! Nếu dị học đáp thế này:

Không ái không thủ là cứu cánh, chẳng phải có ái có thủ là cứu cánh.

Tỳ-kheo! Các ông lại hỏi dị học: Chư hiền! Không tuệ chẳng nói tuệ là cứu cánh hay có tuệ có nói tuệ là cứu cánh? Tỳ-kheo! Nếu dị học đáp thế này: Có tuệ có nói tuệ là cứu cánh, chẳng phải không tuệ chẳng nói tuệ là cứu cánh.

Tỳ-kheo! Các ông lại hỏi dị học: Chư hiền! Có ghét có đấu tranh là cứu cánh hay không ghét không đấu tranh là cứu cánh? Tỳ-kheo! Nếu dị học đáp thế này: Chư hiền! Không ghét không đấu tranh là cứu cánh, chẳng phải có ghét có đấu tranh là cứu cánh.

Giảng:

Đó là Phật gài bằng phản vấn. Thành ra chúng ta thấy Phật đi từ từ, từ xa xem như Phật chưa có bẻ lý lẽ của họ. Khi dị học thừa nhận không ghét không đấu tranh là cứu cánh, Phật mới dạy:

Chánh văn:

Tỳ-kheo! Các ông vì dị học nên nói thế này: Chư hiền! Thế là như các ông nói: Có một cứu cánh chẳng phải nhiều cứu cánh, không dục được cứu cánh, chẳng phải có dục được cứu cánh, không sân được cứu cánh, chẳng phải có sân được cứu cánh, không si được cứu cánh, chẳng phải có si được cứu cánh, không ái không thủ được cứu cánh, chẳng phải có ái có thủ được cứu cánh, có tuệ có nói tuệ được cứu cánh, chẳng phải không

tuệ chẳng nói tuệ được cứu cánh, không ghét không tranh đấu được cứu cánh, chẳng phải có ghét có tranh đấu được cứu cánh.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí y vô lượng kiến, tất cả kia nương tựa hai kiến: kiến hữu, kiến vô. Nếu người nương kiến hữu liền chấp kiến hữu, tựa vào kiến hữu, đứng nơi kiến hữu ghét và tranh với kiến vô. Nếu người y kiến vô, tựa vào kiến vô, đứng nơi kiến vô ghét và tranh với kiến hữu.

Giảng:

Hai nhóm, một nhóm y vào chấp hữu, nhóm y vào chấp vô. Nhóm y vào hữu thì chống ghét vô, nhóm y vào vô thì chống ghét hữu. Như vậy có thương ghét nhau không? Có. Nếu có thì đâu phải là cứu cánh. Đã có tranh đấu, ghét nhau thì đâu

phải là cứu cánh. Tất cả ngoại đạo không ngoài kiểu chấp đó, nghĩa là không bên này thì lạc bên kia, không bên kia thì lạc bên này. Rơi vào một bên tức là chấp, mà chấp là có ghét, có đấu tranh. Có ghét có đấu tranh thì đâu phải là cứu cánh. Cho nên ở đây Phật mới dạy:

Chánh văn:

Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết nhân, không biết tập, không biết diệt, không biết tận, không biết vị, không biết hoạn, không biết xuất yếu như thật, tất cả người ấy có dục, có sân, có si, có ái, có thủ, không tuệ, chẳng nói tuệ, có ghét có tranh, kia ắt không lìa sanh già bệnh chết, cũng không thể thoát khỏi lo buồn than khóc sầu khổ thảm não, không được đến mé khổ (giải thoát).

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nơi đây thấy biết nhân, biết tập, biết diệt, biết tận, biết vị, biết hoạn, biết xuất yếu như thật, tất cả người ấy không dục, không sân, không si, không ái, không thủ, có tuệ nói tuệ, không ghét không tranh, kia ắt lìa sanh già bệnh chết, cũng hay thoát khỏi lo buồn than khóc sầu khổ thảm não, ắt đến mé khổ (giải thoát).

Giảng:

Như vậy là còn đứng một bên trong hai kiến chấp đó mà không rõ được nguyên nhân của nó tức là biết nhân, biết tập, biết diệt, biết tận, biết vị, biết hoạn, biết xuất yếu, thì người đó không thể nào thoát ly sanh tử được. Chúng ngoại đạo có biết cái đó không? Không. Bởi không biết

nên họ không giải thoát, mà không giải thoát làm sao có tứ quả Sa-môn?

Như vậy là Phật nêu lên một vấn đề: Nếu nói tin tôn sư, tin pháp, tin luật, thương bạn đồng học như các ông, mà nếu pháp của các ông lại nằm một trong hai kiến chấp thì sẽ có ghét có tranh. Mà có ghét có tranh thì không phải cứu cánh. Nếu trong hai kiến chấp đó tôn sư các ông không biết được nhân, tập, diệt, tận, vị, hoạn, xuất yếu của nó thì không thể giải thoát. Không giải thoát thì làm sao có tứ quả Sa-môn. Nếu ai biết được nhân, tập, diệt, tận, vị, hoạn, xuất yếu thì người đó được giải thoát.

Chánh văn:

Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lập bày đoạn thủ, nhưng không lập bày đoạn tất cả thủ, lập bày đoạn thủ dục, không lập bày đoạn thủ giới, thủ kiến,

thủ ngã. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không biết ba chỗ như thật. Thế nên, kia tuy lập bày đoạn thủ, nhưng không lập bày đoạn tất cả thủ. Lại có Sa-môn, Phạm chí lập bày đoạn thủ, nhưng không lập bày đoạn tất cả thủ, lập bày đoạn thủ dục, thủ giới, không lập bày thủ kiến, thủ ngã. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không biết hai chỗ như thật. Thế nên, kia tuy lập bày đoạn thủ, nhưng không lập bày đoạn tất cả thủ. Lại có Sa-môn, Phạm chí lập bày đoạn thủ dục, thủ giới, thủ kiến, không lập bày thủ ngã. Vì cớ sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không biết một chỗ như thật. Thế nên, kia tuy lập bày đoạn thủ, nhưng không lập bày đoạn tất cả thủ.

Giảng:

Ba chỗ như thật là ba chỗ nào? Bốn thủ: dục thủ, giới thủ, kiến thủ, ngã thủ. Bây giờ có người lập bày đoạn dục thủ mà không đoạn giới, kiến, ngã, vì họ chưa biết rõ ba điều này. Có người lập bày đoạn hai thủ: dục thủ, giới thủ mà kiến thủ, ngã thủ họ chưa đoạn, vì chưa biết hai điều sau. Có người lập bày đoạn dục thủ, giới thủ, kiến thủ, còn một thủ là ngã thủ không đoạn. Đức Phật thì lập bày đoạn hết bốn thủ.

Dục thủ là gì? Tức là tham mê ngũ dục. Ngũ dục có khi là sắc, thanh, hương, vị, xúc hoặc có khi là tài, sắc, danh, thực, thùy. Bám chặt vào năm thứ đó, gọi là dục thủ. Giới thủ là giữ giới sai lạc, như giữ giới đau không uống thuốc... Giữ những điều cấm không hợp lý, đó là giới thủ. Kiến thủ là chấp chặt vào nhận hiểu của riêng

mình hay của nhóm mình. Cuối cùng là ngã thủ. Không có giáo phái Ấn Độ nào chủ trương vô ngã, chỉ có đức Phật. Thành ra nếu đoạn thủ thì họ chỉ phá tối đa là ba thủ, còn ngã thủ không phá. Mà ngã thủ không phá thì không thể nào giải thoát. Phật dạy đoạn hết bốn thủ, ngoại đạo không có đoạn hết.

Chánh văn:

Pháp luật như thế, nếu tin tôn sư, kia không phải chánh, không phải đệ nhất. Nếu tin pháp, cũng không phải chánh, không phải đệ nhất. Nếu tin đầy đủ giới đức, cũng không phải chánh, không phải đệ nhất. Nếu yêu kính đồng học cung kính phụng sự, cũng không phải chánh, không phải đệ nhất.

Giảng:

Nếu không phải chánh, không phải đệ nhất làm sao có tứ quả Sa-môn. Đó là Phật trả lời chỗ bắt bẻ của ngoại đạo.

Chánh văn:

Nếu có Như Lai ra đời, bậc Chánh đẳng giác không chấp trước, thành tựu tam minh, khéo vượt qua, hiểu biết thế gian, bậc Vô thượng, dùng đạo pháp điều phục, Thầy trời người, Phật, Thế Tôn.

Giảng:

Đoạn này nói về mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... Ứng cúng là *bậc Chánh đẳng giác, thành tựu tam minh* là Minh Hạnh Túc, *khéo vượt qua* là Thiện Thệ, *hiểu biết thế gian* là Thế Gian Giải, bậc Vô thượng là Vô Thượng Sĩ, *đúng pháp điều phục* là Điều Ngự Trượng Phu,

Thầy trời người là Thiên Nhân Sư, *Phật Thế Tôn.*

Chánh văn:

Kia lập bày đoạn thủ, ở trong hiện đời lập bày đoạn tất cả thủ, lập bày đoạn thủ dục, thủ giới, thủ kiến, thủ ngã. Bốn cái thủ này, do nhân nào, tập nào? Từ đâu sanh? Lấy cái gì làm gốc? Bốn cái thủ này nhân vô minh, tập vô minh, từ vô minh sanh, lấy vô minh làm gốc.

Giảng:

Phật dạy học điều gì phải biết cho tường tận. Bốn thủ do nhân nào? Những kiến chấp từ đâu mà ra, do cái gì tập hợp lại? Phải biết chúng là thứ trói buộc mình, làm sao để giải thoát v.v... Biết rõ ràng, chứ không chỉ nói suông.

Bốn thủ này từ vô minh mà có. Nếu chấp chặt vào dục, dục là vô thường, bám vào đó là ngu si. Bám vào giới không đúng mà chấp cũng ngu si. Chấp vào tà kiến, thiên kiến, thấy có một phần mà chấp cũng như mấy người mù sờ voi, cho tất cả là trật, chỉ có mình là đúng cũng ngu si. Cái ngã duyên hợp hư dối mà chấp vào nó cũng ngu si. Bốn cái chấp đó gốc từ vô minh.

Chánh văn:

Nếu có Tỳ-kheo vô minh đã hết, minh đã sanh, kia từ đây không còn thủ dục, thủ giới, thủ kiến, thủ ngã. Kia đã không thủ thì không kinh sợ, đã không kinh sợ thì đoạn nhân duyên ắt vào Niết-bàn, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau,

biết như thật. Chánh pháp luật như thế, nếu tin tôn sư là chánh, là đệ nhất. Nếu tin pháp là chánh, là đệ nhất. Nếu tin đầy đủ giới đức là chánh, là đệ nhất. Nếu yêu kính đồng học cung kính phụng sự là chánh, là đệ nhất.

Giảng:

Phải hết vô minh, không còn bốn dục, rồi tin Phật, pháp, tin đầy đủ giới đức, yêu kính đồng học... là chánh, nên có đủ tứ quả Sa-môn, còn cái chưa phải chánh chưa phải đệ nhất thì không có tứ quả Sa-môn. Tóm lại, sai biệt giữa Phật và ngoại đạo là như thế. Đừng nghe danh từ giống nhau, rồi kết luận tất cả giống nhau.

Chánh văn:

Chư hiền! Chúng tôi có hạnh này, có lực này, có trí này, nhân đây khiến

chúng tôi nói như thế: Đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, ngoài đây không có Sa-môn, Phạm chí; tất cả đạo khác không có Sa-môn, Phạm chí. Do đó nên chúng tôi ở trong chúng nói tiếng sư tử rống như thế.

Phật nói như thế, các thầy Tỳ-kheo kia nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Phật nêu lên sự sai biệt giữa Phật pháp và ngoại đạo. Chúng ta nhận xét chín chắn mới thấy do sai biệt nên chứng quả cũng không giống nhau. Chỉ trong Phật pháp mới có đủ tứ quả Sa-môn. Do đoạn được bốn thủ và phá được hai kiến chấp hữu và vô. Các kiến chấp trên thế

gian này đều nằm trong hai chấp hữu vô. Đạo Phật không nghiêng theo bên nào cả.

Vừa rồi có một Phật tử hỏi tôi:

- Thưa Thầy, tâm mình trùm khắp thì bao trùm hết cây cối, nhà cửa... Như vậy cây cối, nhà cửa, núi sông là tâm mình phải không?

Tôi hỏi lại:

- Hư không có bao trùm tất cả nhà cửa núi sông... không? - Dạ phải.

- Vậy nhà cửa, núi sông... có phải là hư không không? - Thưa không.

- Tâm cũng như vậy, bao trùm hết, nhưng tâm thì biết mà cây cối nhà cửa núi sông thì không biết, nó là vô tri, không phải là tâm, đó là bất tức. Nhưng cây cối nhà cửa núi sông không rời hư không mà có, đó là bất ly. *Bất tức bất ly* là chỗ đó. Rất là sâu. Cây cối nhà cửa núi sông

không phải là tâm nhưng chúng không rời tâm mà có. Nếu rời tâm thì cái gì biết cây cối nhà cửa núi sông? Nó không liên hệ với nhau thì làm sao biết. Biết tức là có liên hệ nhau, nên nói "bất tức" mà "bất ly". Nói tức cũng không được, nói ly cũng không được. Pháp môn bất nhị của nhà Phật là tinh thần này, tâm vật liên hệ không tách rời.

Đạo Phật không chủ trương một bên, ai nói một bên là sai rồi. Chủ trương một bên là chấp, mà chấp là có ghét, có đấu tranh. Đạo Phật không có đấu tranh, thấy biết tất cả mà không chấp. Chúng ta phải hiểu cho chính xác.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại

Jetavana (Kỳ-đà lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Chư Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn thuyết giảng như sau:

- Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có Sa-môn thứ hai, ở đây là có Sa-môn thứ ba, ở đây là có Sa-môn thứ tư, các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, các ông hãy chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra khi ở đây những du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư tôn giả có tin tưởng gì, có sức lực gì mà chư tôn giả tuyên bố: chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có

Sa-môn thứ hai, ở đây là có Sa-môn thứ ba, ở đây là có Sa-môn thứ tư, các ngoại đạo khác không có Sa-môn?"

Này các Tỷ-kheo, nếu được các vị du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời cho họ như sau: "Chư hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác nên chúng tôi nói: chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có Sa-môn thứ hai, ở đây là có Sa-môn thứ ba, ở đây là có Sa-môn thứ tư, các ngoại đạo khác không có Sa-môn." Thế nào là bốn? Chư hiền, chúng tôi có lòng tin bậc đạo sư, có lòng tin pháp, có sự thành tựu viên mãn các giới luật, và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và

những người xuất gia, được chúng tôi thương, chúng tôi mến. Chư hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc đã thấy, đã biết, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác nên chúng tôi nói: chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất, ở đây là có Sa-môn thứ hai, ở đây là có Sa-môn thứ ba, ở đây là có Sa-môn thứ tư."

Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây những du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chư hiền, chúng tôi cũng có lòng tin bậc đạo sư, vị ấy là đạo sư của chúng tôi. Chúng tôi có lòng tin pháp, pháp ấy là pháp của chúng tôi, chúng tôi thành tựu viên mãn các giới luật, những giới luật ấy là giới luật của chúng tôi. Và những pháp hữu của

chúng tôi, những người cư sĩ và cả những người xuất gia, được chúng tôi thương, được chúng tôi mến. Chư hiền, như vậy có sự sai biệt gì, có sự đặc thù nào, có sự khác biệt gì giữa quý vị và chúng tôi?"

Chư Tỷ-kheo, nếu được các du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chư hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là đa diện?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy là một, cứu cánh không phải đa diện." "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người có tham, hay cho người không tham?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không tham, không phải cho người có tham." "Chư hiền, cứu

cánh ấy cho người có sân hay cho người không sân?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không sân, không phải cho người có sân." "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người có si hay cho người không si?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không si, không phải cho người có si." "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người có ái hay cho người không ái?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không ái, không phải cho người có ái." "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người có chấp thủ hay cho người không chấp thủ?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại

đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không chấp thủ, không phải cho người chấp thủ." "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người có trí hay người không có trí?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Cứu cánh ấy cho người có trí, không phải cho người không có trí." "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người chịu áp lực chi phối hay người không chịu áp lực chi phối?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không chịu áp lực, không chịu chi phối, không phải cho người chịu áp lực, chịu chi phối." "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người hỷ chướng, lạc chướng hay cho người không hỷ chướng, lạc chướng?" Nếu trả lời đúng đắn, các

du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không hỷ chướng, không lạc chướng, không phải cho người hỷ chướng, lạc chướng."

Chư Tỷ-kheo, có hai loại tư kiến này: hữu kiến và vô hữu kiến. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước hữu kiến, thân thiết hữu kiến, cố chấp hữu kiến, những vị ấy bị chướng ngại đối với vô hữu kiến. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước vô hữu kiến, thân thiết vô hữu kiến, cố chấp vô hữu kiến, những vị ấy bị chướng ngại bởi hữu kiến. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết sư tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy

hiểm và sự xuất ly của họ, những vị này là những vị có tham, có sân, có si, có ái, có chấp thủ, không có trí, chịu áp lực, chịu chi phối, có hỷ chướng, có lạc chướng, những vị ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy không giải thoát khỏi đau khổ. Chư hiền, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của họ, những vị này là những vị không tham, không sân, không si, không ái, không chấp thủ, có trí, không chịu áp lực, không chịu chi phối, không có hỷ chướng, lạc chướng, những vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ,

ưu, não. Ta nói những vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

Chư Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn, tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật biết ba sự. Do vậy những tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy, tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ, về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, có những

vị Sa-môn, Bà-la-môn, tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy, tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn, tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ,

sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật biết mọi sự. Do vậy, những tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy, tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, trong pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với đạo sư, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn với các giới luật, sự thành tựu ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với những pháp hữu, sự thương mến

ấy được xem là không hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị, không có hướng thượng, không dẫn đến tịch tịnh, không được bậc Chánh đẳng giác hiển thị. Và chư Tỷ-kheo, bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác, tự xưng liễu tri tất cả thủ, chân chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Ngài hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ.

Chư Tỷ-kheo, trong một pháp luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc đạo sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thành tựu viên mãn các giới

luật, sự thành tựu viên mãn ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật khéo thuyết giảng, khéo hiển thị, có hướng thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh đẳng giác hiển thị.

Chư Tỷ-kheo, bốn loại chấp thủ này, lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Bốn loại chấp thủ này lấy ái làm duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm chủng, lấy ái làm nhân. Chư Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, ái này lấy thọ làm duyên, lấy thọ làm tập khởi,

lấy thọ làm chủng, lấy thọ làm nhân. Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy xúc làm duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm chủng, lấy xúc làm nhân. Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy sáu nhập làm duyên... lấy sáu nhập làm nhân. Chư Tỷ-kheo, sáu nhập lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, sáu nhập lấy danh sắc làm duyên... lấy danh sắc làm nhân.

Chư Tỷ-kheo, danh sắc lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, danh sắc này lấy thức làm duyên... lấy thức làm nhân. Chư Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm duyên... lấy

gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thức này lấy hành làm duyên... lấy hành làm nhân. Chư Tỷ-kheo, hành này lấy gì làm duyên... lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, hành này lấy vô minh làm duyên... lấy vô minh làm nhân. Và chư Tỷ-kheo, khi một vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã làm minh sanh khởi, vị ấy do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi nên không chấp thủ dục thủ, không chấp thủ kiến thủ, không chấp thủ giới cấm thủ, không chấp thủ ngã luận thủ. Nhờ không chấp thủ nên không hoảng hốt tháo động, nhờ không hoảng hốt tháo động nên tự thân chứng được Niết-bàn. Vị ấy biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn sanh trở lại đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

Giảng:

Đối chiếu hai bản, chúng ta thấy sai biệt về vị trí giảng kinh. Hán tạng nói ở Câu-lâu-sấu, ấp Kiếm-ma-sắc-đàm Câu-lâu. Pali nói ở Xá-vệ, Kỳ-đà lâm, vườn ông Cấp Cô Độc. Đó là sự sai biệt về vị trí. Nhưng nội dung kinh không khác, có khác một vài chỗ nho nhỏ thôi.

Đoạn nói: *Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không chịu áp lực, không chịu chi phối, không phải cho người chịu áp lực, chịu chi phối. Chư hiền, cứu cánh ấy cho người không hỷ chướng, không lạc chướng...* Những cái đó rất là khó hiểu. Bên Hán tạng nói rất rõ: *Không ghét không tranh đấu được cứu cánh, chẳng phải có ghét có tranh đấu được cứu cánh.*

Hán tạng nói gọn, có chỗ quá tắt, không chủ từ. Pali tạng thì nói rộng hơn, nhiều khi thấy chi li. Như đoạn cuối Hán tạng nói: Bốn cái thủ nhân đâu mà có? *Nhân vô minh, tập vô minh, từ vô minh mà sanh.* Pali nói bốn cái thủ từ ái mà có, ái từ thọ, thọ từ xúc, xúc từ lục nhập, lục nhập từ danh sắc và cuối cùng là vô minh. Pali thì nói hết mười hai nhân duyên, vòng vo một chút. Hán tạng đi thẳng vô minh. Về tinh thần, hai bản kinh không khác chút nào.

Giải và Đối chiếu Kinh Tu Nhàn Đề (Hán tạng) với Kinh Magandiya (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến Câu-lâu-sấu (Kurusu) ở tịnh thất thứ nhất của Bà-la-bà (Bharadvaja). Sáng sớm, Thế Tôn đắp y mang bát vào thôn Kiếm-ma-sắt-đàm (Kammasadhamma) thứ lớp khất thực. Thọ thực xong, quá ngọ, Thế Tôn dọn dẹp y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai đi đến một rừng trú hành. Thế Tôn vào rừng kia đến dưới một cội cây, trải tọa cụ, ngồi kiết-già. Vào lúc xế chiều, dị học Tu-nhàn-đề (Magandiya) thong thả đi đến tịnh

thất thứ nhất của Bà-la-bà. Dị học Tu-nhàn-đề trông thấy nơi tịnh thất thứ nhất có trải một tòa cỏ, dấu nằm nghiêng bên hông mặt, giống như sư tử nằm, giống như Sa-môn nằm, giống như người hạnh thanh bạch nằm. Tu-nhàn-đề thấy rồi hỏi:

Thất thứ nhất của Bà-la-bà, ai có tòa cỏ này nằm nghiêng hông mặt, giống như sư tử nằm, giống như Sa-môn nằm, giống như người hạnh thanh bạch nằm?

Phạm chí Bà-la-bà đáp:

- Tu-nhàn-đề! Có Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, bỏ dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín bỏ nhà, không nhà học đạo, giác ngộ chánh giác vô thượng, tịnh thất thứ nhất này có tòa cỏ nằm nghiêng hông

mặt như sư tử nằm, như Sa-môn nằm, như người hạnh thanh bạch nằm.

Giảng:

Nguyên nhân có bài kinh này là do đức Phật đến tịnh thất của Bà-la-bà, có lẽ mùa đông lạnh, nên trải cỏ nằm. Khi Phật đi rồi, dáng nằm còn in trên cỏ. Tu-nhàn-đề thấy bèn hỏi Bà-la-bà dáng nằm đó của ai mà giống dáng nằm của Sa-môn, Phạm chí. Bà-la-bà giới thiệu đó là đức Phật Thích-ca.

Chánh văn:

- Bà-la-bà! Nay tôi không muốn thấy mà thấy, không muốn nghe mà nghe. Nghĩa là tôi thấy chỗ nằm của Sa-môn Cù-đàm. Vì cớ sao? Vì Sa-môn Cù-đàm kia là chỗ bại hoại, chỗ bại hoại không thể dùng.

Giảng:

Câu đó là câu mạt sát đức Phật. Ở đời khi nói không muốn thấy, không muốn nghe cái tên của ai đó, thì biết mức độ ghét đến cỡ nào. Tu-nhàn-đề không muốn thấy, không muốn nghe tên đức Phật mà bữa nay phải thấy phải nghe, là việc hết sức bực bội. Vì Sa-môn Cù-đàm đối với ông là kẻ bại hoại không thể dùng, là người bỏ đi. Sự ghét bỏ, chống đối của Tu-nhàn-đề quá cao, tưởng như không muốn gặp mặt Phật. Nghe vậy, Phạm chí Bà-la-bà xót ruột, mới khuyên:

Chánh văn:

- Tu-nhàn-đề! Ông không nên đem việc này mắng Sa-môn Cù-đàm. Vì cớ sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có nhiều trí tuệ, được tuệ dòng Sát-lợi, tuệ dòng Phạm chí, tuệ dòng cư sĩ, tuệ Sa-môn,

nếu nói trí tuệ đều được thánh trí. Tu-nhàn-đề! Tôi muốn đem việc này thuật lại Sa-môn Cù-đàm được chăng?

Giảng:

Nghe Tu-nhàn-đề nói găng quá nên Bà-la-bà khuyên không nên mắng Sa-môn Cù-đàm như thế. Tôi sẽ thuật lại cho Sa-môn Cù-đàm nghe được không, Tu-nhàn-đề nói quả quyết hơn:

Chánh văn:

- Bà-la-bà! Nếu muốn nói thì tùy ý ông nói, tôi không ngăn. Bà-la-bà! Nếu thấy Sa-môn Cù-đàm, tôi cũng nói như vậy. Vì cớ sao? Vì Sa-môn Cù-đàm là chỗ bại hoại, chỗ bại hoại không thể dùng.

Giảng:

Tu-nhàn-đề khẳng định như vậy không rút ý kiến. Chúng ta thấy cái tâm chống đối của ông ta tới cực độ.

Chánh văn:

Khi ấy, Thế Tôn đang ở trong rừng, do thiên nhĩ trong sạch hơn người, nghe Phạm chí Bà-la-bà với dị học Tu-nhàn-đề cùng luận việc này. Thế Tôn nghe rồi, đến xế chiều từ thiền định dậy, đi đến tịnh thất thứ nhất của Bà-la-bà, trải tọa cụ trên tòa cỏ, ngồi kiết-già.

Giảng:

Chúng ta nghe nói lén thì sao? Chắc là ngồi không yên, tâm tư đảo lộn. Phật do thiên nhĩ thông nghe Tu-nhàn-đề nói thế, nên xế chiều xả thiền tới nhà Bà-la-bà trải tòa ngồi.

Chánh văn:

Phạm chí Bà-la-bà trông thấy Thế Tôn trang nghiêm đẹp đẽ, như mặt trăng ở giữa các ngôi sao, ánh sáng vằng vặc như núi vàng, tướng tốt đầy đủ, oai thần vòi vọi, các căn lặng lẽ không có che ngại, thành tựu điều ngự, dứt tâm yên tịnh, thấy rồi tiến đến trước chỗ Phật, cùng thăm hỏi rồi lui ngồi một bên.

Giảng:

Đoạn này Bà-la-bà nhìn thấy nghi dung của đức Phật thật trang nghiêm tốt đẹp.

Chánh văn:

Thế Tôn hỏi:

- Bà-la-bà với dị học Tu-nhàn-đề cùng luận chỗ tòa cỏ này chăng?

Phạm chí Bà-la-bà đáp:

- Đúng thế, Cù-đàm! Tôi cũng muốn đem việc này thuật lại Sa-môn Cù-đàm, nhưng Sa-môn Cù-đàm chưa nghe nói đã tự biết. Vì cớ sao? Vì Như Lai đẳng chánh giác không chấp trước.

Thế Tôn cùng Phạm chí Bà-la-bà luận việc này, kế đó dị học Tu-nhàn-đề thong thả đi đến tịnh thất thứ nhất của Bà-la-bà.

Giảng:

Phật và Bà-la-bà đang nói về việc này thì Tu-nhàn-đề đi tới. Đây là phần mở đầu nói về nguyên nhân của kinh.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên Kammassadhamma, trên thảm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammassadhamma để khất thực. Đi khất thực ở Kammassadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường đi khất thực về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa, sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi du sĩ Magandiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ

Bharadvaja. Du sĩ Magandiya thấy thảm cỏ đã dọn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja:

- Tấm thảm cỏ này trong nhà lửa của tôn giả Bharadvaja đã được sửa soạn cho ai, hình như chỗ nằm của một Sa-môn?

- Thưa tôn giả Magandiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn". Chỗ

nằm này được sửa soạn cho tôn giả Gotama ấy.

- Thật sự, này tôn giả Bharadvaja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ ngủ của tôn giả Gotama, một vị phá hoại sự sống.

- Này Magandiya, hãy thận trọng lời người nói, nhiều vương tộc trí giả, nhiều Bà-la-môn trí giả, nhiều cư sĩ trí giả, nhiều Sa-môn trí giả, có lòng tin nơi tôn giả Gotama ấy, và đã tu tập theo thánh đạo, theo pháp và theo trí thiện.

- Này tôn giả Bharadvaja, nếu chúng tôi có thấy mặt tôn giả Gotama, chúng tôi sẽ nói như sau trước mặt vị ấy: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống. Vì sao vậy? Như vậy đã

được truyền lại trong thánh điển của chúng tôi.

- Nếu tôn giả Magandiya hoan hỷ, tôi sẽ tin lại sự tình này cho Sa-môn Gotama biết.

- Tôn giả Bharadvaja hãy yên lòng và nói lên những điều gì đã được nói.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja và du sĩ Magandiya. Và Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền định độc cư đứng dậy, đi đến nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, sau khi đến liền ngồi trên thảm cỏ đã dọn sẵn. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn. Sau khi nói lên

những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đang ngồi một bên:

- Này Bharadvaja, có phải cuộc nói chuyện giữa du sĩ Magandiya với người về vấn đề thảm cỏ này?

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Bharadvaja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược bạch Thế Tôn :

- Chính là điều chúng con muốn thưa với tôn giả Gotama và tôn giả Gotama đã đón trước chúng con.

Nhưng cuộc nói chuyện này giữa Thế Tôn và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja chưa xong, du sĩ Magandiya, khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-

môn thuộc dòng họ Bharadvaja, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Magandiya đang ngồi một bên.

Giảng:

Đối chiếu thì có vài đoạn sai biệt nhỏ.

Đoạn nói khi Bà-la-bà nghe Tu-nhàn-đề nói ngài Gotama phá hoại sự sống... Pali tạng ghi Bharadvaja tức Bà-la-bà liền nói: *Hãy thận trọng lời người nói, nhiều vương tộc trí giả, nhiều bà-la-môn trí giả, có lòng tin nơi tôn giả Gotama ấy và đã tu tập theo thánh đạo, theo pháp và theo chí nguyện.* Hán tạng thì nói: *Vì Sa-môn Cù-đàm có nhiều trí tuệ, được tuệ dòng Sát-lợi, được tuệ dòng Phạm chí,*

được tuệ dòng cư sĩ, được trí tuệ Sa-môn… như thế nói không rõ lắm. Pali tạng nói rõ hơn.

Đoạn sau, Hán tạng có ghi khi Thế Tôn ngồi một chỗ thì Bà-la-bà thấy dáng Phật đáng kính trọng trang nghiêm, bên Pali không có.

Khi Bà-la-bà bắt đầu muốn nói chuyện với đức Phật, Phật nói trước: Ông và Tu-nhàn-đề đã cùng bàn luận về tòa cỏ này phải chăng? Bà-la-bà thừa nhận phải, vì ông ta định nói lại cho Phật nghe nhưng chưa nói Phật đã nghe, vì Sa-môn Cù-đàm là bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hán tạng diễn tả bình thường thôi, còn Pali thì nói *Bharadvaja lông tóc dựng ngược,* dường như trọng thần thông hơn, thấy thần thông là quý, sai biệt như thế.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Thế Tôn trông thấy dị học Tu-nhàn-đề bèn nói thế này:

- Tu-nhàn-đề không điều phục con mắt, không thầm gìn giữ, không tu ắt chịu khổ báo. Ông đối với tôi, do tôi khéo tự điều phục, khéo thầm gìn giữ, khéo tu, ắt được lạc báo. Tu-nhàn-đề! Ông nhân đây nên nói Sa-môn Cù-đàm là chỗ bại hoại, bại hoại không thể dùng chăng?

Dị học Tu-nhàn-đề đáp:

- Đúng thế, Cù-đàm!

Giảng:

Khởi đầu cuộc đối thoại, Phật bắt Tu-nhàn-đề xác nhận lập trường rõ ràng. Ngài nói: *Tu-nhàn-đề, không điều phục*

con mắt, không thầm gìn giữ, không tu ắt chịu khổ báo. Ông đối với tôi, do tôi khéo tự điều phục, khéo tự thầm gìn giữ. Khéo tu, ắt được lạc báo. Tu-nhàn-đề, ông nhân đây nên nói Sa-môn Cu-đàm là chỗ bại hoại, bại hoại không thể dùng được chăng?

Chỗ này đúng ra phải nói như vầy: Tu-nhàn-đề, do ông không điều phục mắt, không gìn giữ, không khéo tu, tức là để mắt đuổi theo sắc. Tôi thì điều phục mắt, hạn chế không cho mắt đuổi theo sắc. Ông cho mắt đuổi theo sắc là hạnh phúc, tôi điều phục không cho mắt đuổi theo sắc là bại hoại, phải không? Tu-nhàn-đề xác nhận đúng vậy.

Chánh văn:

Thế Tôn bảo:

- Tu-nhàn-đề! Như thế tai, mũi, lưỡi, thân không điều phục, ý không

thầm gìn giữ, không tu ắt chịu khổ báo. Ông đối với tôi, do tôi khéo tự điều phục, khéo thầm gìn giữ, khéo tu ắt được lạc báo. Tu-nhàn-đề! Ông nhân đây nên nói Sa-môn Cù-đàm là chỗ bại hoại, chỗ bại hoại không thể dùng chăng?

- Đúng thế, Cù-đàm!

Giảng:

Tóm lại đoạn này đức Phật muốn Tu-nhàn-đề xác nhận lập trường cho đức Phật là bại hoại: Ông cho rằng thụ hưởng ngũ dục mắt thấy sắc, tai theo thanh, mũi theo hương, lưỡi theo vị, thân theo xúc là hạnh phúc. Nếu ngăn cấm, điều phục không theo ngũ dục là bại hoại phải không? Tu-nhàn-đề chấp nhận. Lập trường hai bên đã rõ ràng rồi. Lý luận mà không có lập trường, cãi một hồi không biết ai đúng

ai sai. Đầu tiên Phật nói có tính cách chung.

Chánh văn:

- Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu người trước kia chưa xuất gia học đạo, mắt thấy sắc yêu mến, ý vui thích cùng dục tương ưng, thời gian sau người kia bỏ mắt thấy sắc, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín bỏ nhà không nhà học đạo, kia thấy sắc tập, vị, hoạn, xuất yếu đúng như thật, trong dứt tâm không duyên theo. Kia nếu thấy người chưa lìa sắc dục, bị sắc đó nuốt sống, bị sắc thiêu đốt, họ thấy sắc yêu mến ý ưa thích cùng dục tương ưng, kia thấy rồi không khen nó, không thích nó. Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu có cái vui nhân các sắc, khi cái vui thấy là thấp kém nên

không khen nó, thấp kém nên không thích nó. Tu-nhàn-đề! Đối với việc đó có gì nói chăng?

- Không, Cù-đàm.

- Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu người trước kia chưa xuất gia học đạo, như thế, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc yêu mến, ý vui thích tương ưng với dục. Thời gian sau, kia bỏ thân biết xúc, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín bỏ nhà, không nhà học đạo, thân biết xúc tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu, thấy đúng như thật, trong dứt tâm không duyên theo. Kia thấy người chưa lìa xúc dục, bị xúc nuốt sống, bị xúc thiêu đốt, thọ thân biết xúc yêu mến ý vui thích tương ưng với dục, kia thấy rồi không khen nó, không thích nó. Tu-nhàn-đề!

Ông nghĩ sao? Nếu thấy cái vui nhân ái, nhân xúc này, khi vui cái vui này là thấp hèn không khen nó, thấp hèn nên không thích nó. Tu-nhàn-đề! Đối với việc đó có gì nói chăng?

- Không, Cù-đàm.

- Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu người trước kia chưa xuất gia học đạo đối với công dụng năm dục yêu mến, ý vui thích tương ưng với dục. Thời gian sau, kia bỏ công dụng năm dục, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín bỏ nhà không nhà học đạo. Công dụng năm dục tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu, kia thấy đúng như thật, trong dứt tâm duyên theo. Nếu thấy người chưa lìa dục, bị dục nuốt sống, bị dục thiêu đốt, đối công dụng năm dục yêu mến, ý vui thích tương ưng với dục, kia

thấy rồi không khen nó, không thích nó. Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu có cái vui nhân dục nhân ái dục này, khi vui cái vui này là thấp hèn nên không khen nó, thấp hèn nên không thích nó. Tu-nhàn-đề! Đối với việc này có gì nói chăng?

- Không, Cù-đàm.

Giảng:

Phật nói ngày xưa có người trước hưởng đầy đủ ngũ dục, sau chán ngũ dục đi tu. Nhân đi tu rồi biết được sắc dục, sắc tập, sắc vị, sắc hoạn, sắc xuất yếu. Rồi thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng biết đúng như vậy. Khi biết đúng như vậy, thấy người nào còn đắm mê ngũ dục, họ cho người đó là thấp kém, không khen, không thích. Việc họ không khen không thích đó ông có gì nói không? Tu-nhàn-đề

trả lời là: "không, không có gì để nói". Như vậy ngầm chấp nhận là hợp lý. Trước do mê ngũ dục sau bỏ ngũ dục đi tu, thấy rõ bản chất của ngũ dục, biết ngũ dục là tai họa, biết ngũ dục là xấu xa, nên người ta không thích. Bởi không thích, biết đó là thấp kém nên không khen. Đó là Phật nói chung.

Chánh văn:

- Tu-nhàn-đề! Tôi khi xưa chưa xuất gia học đạo được công dụng năm dục rất dễ không khó, yêu mến ý vui thích, tương ưng với dục. Thời gian sau, tôi bỏ công dụng năm dục, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa chí tín bỏ nhà không nhà học đạo. Công dụng năm dục tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu, tôi thấy như thật, trong dứt tâm không duyên theo. Tôi thấy người chưa lìa

dục, bị dục nuốt sống, bị dục thiêu đốt, đối công dụng yêu mến, ý vui thích tương ưng với dục, thấy rồi tôi không khen nó, tôi không thích nó. Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu có cái vui nhân dục, nhân dục ái này, khi vui cái vui này là thấp hèn nên không khen nó, thấp hèn nên không thích nó. Tu-nhàn-đề! Đối với tôi có gì nói chăng?

- Không, Cù-đàm.

Giảng:

Trước kia Phật là thái tử hưởng ngũ dục đầy đủ, bỏ ngũ dục đi tu, thấy năm dục đó đúng như thật, ngài bỏ nó. Thấy ai còn mê ngũ dục, bị ngũ dục thiêu đốt, ngài cho đó là thấp hèn. Như vậy đối với ngài, Tu-nhàn-đề có gì nói không? Tu-nhàn-đề nói không, tức là chấp nhận.

Chánh văn:

- Tu-nhàn-đề! Ví như cha con nhà cư sĩ rất giàu có tiền của vô lượng, nhiều súc vật, phòng hộ thực ấp, các vật dụng cần thiết dư dả, họ được năm dục rất dễ, họ thành tựu hạnh lành nơi thân, hạnh lành nơi miệng, ý, khi sắp chết không chịu bỏ công dụng năm dục, chết rồi được tiến lên chỗ lành, sanh trên cõi trời đầy đủ công dụng năm dục. Tu-nhàn-đề! Cha con vị trời này chịu bỏ công dụng năm dục ở cõi trời, ưa thích công dụng năm dục ở nhân gian chăng?

- Không, Cù-đàm.

Vì cớ sao? Vì năm dục ở nhân gian là hôn ám bất tịnh, ý rất chán ghét không chịu nổi, tranh giành rất khổ. Cù-đàm! Đối năm dục ở nhân gian,

năm dục ở cõi trời là tối thượng, tối diệu, tối thắng. Nếu cha con vị trời kia bỏ công dụng năm dục trên trời, ưa thích năm dục ở nhân gian, trọn không có lý.

Giảng:

Cha con người nhà giàu được hưởng ngũ dục đầy đủ, họ lại biết tu: khẩu hành thiện, thân hành thiện, ý hành thiện. Khi tu ba nghiệp thiện mà tâm mến dục vẫn còn nên chết sanh lên cõi trời hưởng ngũ dục. Nhìn lại trần gian, hai cha con ông ta còn thích ngũ dục trần gian không? Tu-nhàn-đề trả lời là không. Vì ngũ dục trần gian là hôn ám, nhớp nhúa, ngũ dục ở cõi trời là thanh tịnh là tối thắng tối diệu.

Chánh văn:

- Như thế, Tu-nhàn-đề! Tôi dứt năm dục ở nhân gian, vượt qua năm

dục ở cõi trời, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín bỏ nhà không nhà học đạo. Công dụng năm dục kia tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu, đối công dụng năm dục yêu mến, ý vui thích tương ưng với dục. Thấy rồi, tôi không khen nó, tôi không thích nó. Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu có cái vui nhân dục, nhân dục ái này, khi vui cái vui này là thấp hèn nên tôi không khen nó, thấp hèn nên tôi không thích nó. Tu-nhàn-đề! Đối với tôi có gì nói chăng?

- Không, Cù-đàm.

Giảng:

Đức Phật thật khéo. Ban đầu ngài nói ngũ dục nhân gian thôi. Thấy được lẽ thật ngài chán nên bỏ nó. Kế đó nói tới ngũ dục cõi trời. Tu-nhàn-đề cho đó là thắng diệu. Nhưng ngài chê luôn ngũ dục cõi trời. Dục

nhân gian tôi đã qua, dục cõi trời tôi đã bỏ. Tôi đi tu vượt qua mọi dục cõi trời vì tôi không thích, tôi chê ngũ dục đó. Vậy *đối với tôi có gì nói không? Không.* Vậy là Tu-nhàn-đề chấp nhận ngũ dục cõi người là thấp kém, dục cõi trời thắng diệu mà Phật cũng chê luôn vì thấy đúng như thật nó thấp hèn. Tu-nhàn-đề cũng chấp nhận, không có gì chống đối.

Ở đây có mấy chữ quan trọng là: *tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu.* Bởi vì thường thường trong ngũ dục mình phải biết rõ năm cái này. Sắc thì có sắc tập, sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc xuất yếu. Thanh, hương, vị, xúc cũng vậy. Tôi thí dụ tầm thường thôi. Như về vị thuộc lưỡi. Có thức ăn, chúng ta biết ngon là do đâu mà biết? Một là do có lưỡi, hai là do thức ăn, ba là thức phân biệt. Như vậy lưỡi, thức ăn và thức phân biệt, ba cái họp lại mới gọi là vị,

biết thức ăn đó ngon hay dở. Tập là họp lại. Ba cái họp lại, nếu thiếu một còn biết không? Thức ăn vừa nhai qua rồi nuốt. Lúc đó lưỡi với thức phân biệt có biết ngon nữa không? Thiếu một cái thì hết vị, gọi đó là vị diệt. Dục vị, thí dụ bốn người ngồi ăn một mâm, trong đó có một dĩa thức ăn đặc biệt, một người gắp vô miệng ăn thấy ngon, lưỡi thích nên gắp thêm đũa thứ hai rồi tới đũa thứ ba... Dục vị thúc ta tìm kiếm cái thích thú, muốn đòi hoài. Mà nếu thích thú, tìm kiếm thì đi đến cái gì? Đến dục hoạn. Nghĩa là thấy ngon cứ gắp hoài. Khi ba người kia muốn gắp thì dĩa đã hết, họ nhìn mình với con mắt không cảm tình. Từ dục vị đi đến dục hoạn.

Thế nào là dục xuất yếu? Xuất yếu là lối ra cấp bách. Chúng ta biết món ngon có hai bản chất. Một là do hợp lại mới biết, đó là hư dối. Trước nó không có, đợi đủ

duyên mới có, thì cái đó không thật. Thứ hai, vị ngon dở ở lưỡi một chút rồi hết. Nó không còn lâu dài, là vô thường. Biết rõ bản chất nó là giả dối, là vô thường, không mê, không đắm, nghĩa là dục vị không đáng ưa thích nên bỏ. Đó là xuất yếu. Cái khổ của những dục, khi thụ hưởng người ta không nhớ, chỉ nhớ vị ngọt thôi nên mê lầm. Nhưng đức Phật thấy rất rõ.

Một thí dụ khác, như buổi sáng nào đó ở dưới bếp nấu hủ tiếu ngon. Chúng có bốn mươi người, mà múc được ba mươi chín tô, Tri khố để cho người cuối mấy củ khoai lang. Ngồi ăn mấy củ khoai lang, nếu vị ấy là người nhẫn nhịn lắm trong khi ăn chắc cũng mắc nghẹn, nếu nhịn không nổi nữa nước mắt muốn trào. Như vậy là sao? Thực ra hủ tiếu và mấy củ khoai lang, cốt dùng để làm gì? Trị bệnh đói. Bao tử đói, bào bọt chịu không nổi nên phải dồn vô

cho hết đói, chủ yếu là như vậy. Ngon dở chỉ có chút ở lưỡi thôi mà ăn mấy củ khoai lang thì tủi khổ. Nếu nhẫn nhịn lắm cũng vừa ăn vừa rơi nước mắt. Không thì vừa ăn vừa dằn mâm dằn chén, nói tại sao như vậy. Đó là dục hoạn. Chỉ như thế mà chịu không nổi huống là những thứ khác. Dục hoạn, nếu xét kỹ thì khổ vô cùng.

Năm thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc quay người ta điên đảo. Trẻ trẻ thì chạy theo sắc. Nếu không dùng trí thấy đúng như thật, nó sẽ thúc giục, xúi bảo mình điên đảo. Đó là tai họa. Như vậy mình phải biết rõ năm yếu tố tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu của năm dục, còn không thì bị nó lôi cuốn.

Chánh văn:

- Tu-nhàn-đề! Ví như người bị bệnh hủi, thân thể lở lói, bị trùng ăn, lấy tay quào, đến gần lửa hơ. Tu-

nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu người bệnh hủi thân thể lở lói, bị trùng ăn, lấy tay quào, đến gần lửa hơ, như thế có thể trừ ngứa không hư cơ thể, được khỏi bệnh hủi, thân thể lành lặn bình phục như xưa chăng?

- Không, Cù-đàm. Vì cớ sao? Nếu người bị bệnh hủi thân thể lở lói, bị trùng ăn, lấy tay quào, đến gần lửa hơ, như thế lại thêm lở, những vết lở cũ càng lớn, nhưng người kia trái lại cho là vui.

Giảng:

Thí dụ như người bị cùi, thân lở lói ngứa chịu không nổi. Tự nhiên lấy tay quào, gãi đã ngứa. Gãi chưa đã ngứa thì kiếm đèn hoặc lửa hơ. Nhưng mà càng gãi thì những vết lở càng lở thêm tức là bệnh trầm trọng thêm. Khi bệnh càng trầm

trọng thì khổ hay vui? Đây dụ cho sắc dục trần gian. Xưa nhiều người nghĩ nếu được làm vua thì thích thú biết mấy. Đủ tam cung, lục viện, bao nhiêu mỹ nữ hầu hạ. Nhưng có ông vua nào sống tới sáu mươi, bảy mươi tuổi không? Đa số là bốn mươi mấy, năm mươi mấy tuổi chết. Tại sao? Càng nhiều người hầu càng chết sớm, đi tới tự sát mà không biết, lại cho đó là hạnh phúc. Chạy theo dục lạc chẳng khác nào bị bệnh hủi, cứ gãi, cứ quào, tưởng như vậy là vui lắm. Không ngờ càng làm càng chết sớm, không lợi ích gì.

Ở đây có mấy chú cư sĩ, mỗi khi có gánh hát về Phước Thái, đêm nào cũng nhong nhóng muốn chạy đi xem. Xem một bữa đủ chưa? Chưa. Nếu gánh hát ở một tuần là muốn xem đủ một tuần. Nói xem một bữa mà xem rồi muốn xem nữa, xem hoài. Như vậy là chúng sanh không dừng

được đối với năm dục. Tai, mũi, thân cũng như vậy. Tất cả cái dục của năm căn không có chỗ dừng, chạy theo đòi hỏi của nó thì bị nó thiêu đốt nuốt sống. Thỏa mãn dục là điều không bao giờ thực hiện được, chỉ từ khổ đến khổ mà thôi.

Như tay mình ngứa, xoa sơ một chút rồi lấy thuốc xức thì khả dĩ nó hết, chứ càng gãi cho đã ngứa thì lở càng to. Muốn hơ cho đã ngứa thì thêm bệnh. Đuổi theo thì không bao giờ cùng. Phật dùng hình ảnh người cùi quá rõ ràng. Cái vui của năm dục giống như cái vui của người cùi khi gãi ngứa. Không phải vui thật mà là cái khổ trá hình.

Chánh văn:

- Tu-nhàn-đề! Như người bệnh hủi thân thể lở lói bị trùng ăn, lấy tay quào, đến gần lửa hơ, như thế lại thêm lở, những vết lở cũ càng lớn,

nhưng người kia trái lại cho là vui. Tu-nhàn-đề! Như thế, chúng sanh chưa lìa dục bị ái nuốt sống, bị dục thiêu đốt, mà hành dục. Tu-nhàn-đề! Như thế, chúng sanh chưa lìa dục, bị ái dục nuốt sống, bị dục thiêu đốt, mà hành dục, như thế dục càng thêm nhiều, ái dục càng rộng, nhưng kia trái lại cho ái dục là vui. Kia nếu không dứt dục, không lìa dục ái, mà ở trong dứt tâm đã hành, sẽ hành và đang hành, trọn không có lý. Vì cớ sao? Vì đây không phải đạo lý đoạn dục, lìa dục ái. Nghĩa là hành dục.

Giảng:

Cũng như khuyên người đừng uống rượu, uống rồi sau ghiền nguy lắm. Họ trả lời: Tôi uống thì uống chứ đâu có say, đâu có ghiền. Thuốc cũng hút thì hút đâu có

ghiền. Tôi theo ngũ dục chơi chứ đâu có nhiễm. Làm gì có chuyện đó! Nếu họ không quyết tâm dứt thì sẽ nhiễm, chứ không thể nói dối như vậy được.

Chánh văn:

Tu-nhàn-đề! Ví như vua và đại thần được ngũ dục dễ không khó, kia nếu không đoạn dục, không lìa dục ái, trong dứt tâm đã hành, sẽ hành, đang hành, trọn không có lý. Vì cớ sao? Vì đây không phải là đạo lý đoạn dục. Nghĩa là hành dục. Như thế, Tu-nhàn-đề! Chúng sanh chưa lìa dục, bị ái dục nuốt sống, bị dục thiêu đốt, mà hành dục. Tu-nhàn-đề! Nếu chúng sanh chưa lìa dục, bị ái dục nuốt sống, bị dục thiêu đốt, mà hành dục, như thế dục càng thêm nhiều, dục ái càng rộng, nhưng kia trở lại cho dục là vui.

Kia nếu không đoạn dục, không lìa dục ái, trong dứt tâm đã hành, sẽ hành, đang hành, trọn không có lý. Vì cớ sao? Vì đây không phải đạo lý đoạn dục, lìa dục ái. Nghĩa là hành dục.

Giảng:

Người không lìa dục mà nói trong tâm tôi nó dứt rồi, tâm đã hành, đang hành, sẽ hành dứt hết, nói như vậy là vô lý. Vì họ đang hành dục.

Chánh văn:

Tu-nhàn-đề! Ví như người bệnh hủi thân thể lở lói, bị trùng ăn, lấy tay quào, lại gần lửa hơ, có người vì thương xót họ cầu lợi ích, cầu an ổn khoái lạc đem cho thứ thuốc rất hay, cho thuốc hay rồi, có công dụng trừ bệnh không hư các bộ phận, được khỏi bệnh hủi, thân thể lành lặn,

bình phục như xưa. Kia nếu thấy người có bệnh hủi thân thể lở lói, bị trùng ăn, lấy tay quào, lại gần lửa hơ. Tu-nhàn-đề! Người kia thấy rồi, ý vui vẻ khen ngợi chăng?

- Không, Cù-đàm. Vì cớ sao? Vì có bệnh cần thuốc, không bệnh chẳng cần.

Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Nếu người bệnh hủi kia trị được lành, các bộ phận lành lặn, đã khỏi bệnh hủi, thân thể mạnh khỏe bình phục như xưa, trở về chỗ mình, có hai lực sĩ nắm bắt người kia đem hơ lửa. Khi ấy, người kia kinh sợ né tránh, thân nghe nóng rát. Tu-nhàn-đề! Ông nghĩ sao? Lửa này nay sao lại nóng, khổ lớn đáng sợ hơn ngày trước?

- Không, Cù-đàm! Người kia trước bị bệnh hủi thân thể lở lói, vi trùng ăn, lấy tay quào, đến gần lửa hơ, kia đối khổ lớn lại tưởng là vui, tâm họ mê loạn nên có tưởng điên đảo.

Giảng:

Người bệnh đã bình phục rồi, da thịt liền lại, nếu có ai bắt hơ lửa thì họ thế nào? Sợ. Hồi xưa còn bị bệnh hủi, gãi, hơ lửa thì thích. Hết bệnh rồi ai mà đem hơ lửa là khổ. Thí dụ khi chúng ta chưa tu, ăn thịt ăn cá. Khi ăn thịt ăn cá, ngon không, thơm không? Ngon thơm béo. Đi tu khoảng mười năm về sau, ai dọn thịt cá lên nghe tanh quá. Vậy thịt cá ngày xưa và thịt cá bây giờ có khác không? Mà sao xưa nghe thơm mà bây giờ nghe tanh? Xưa còn mê ăn mặn, thích ăn mặn, cái gì tầm phào ăn cũng ngon nữa, ăn nhiều cái thấy ghê gớm mà cũng ăn. Bây giờ đi tu rồi thấy ai ăn

như vậy là mình sợ. Cũng một sự việc khi tỉnh khác khi mê. Khi mê thì thấy nó ngon, vui, tỉnh thấy nó không ngon, khổ. Cũng vậy, người còn dục, thấy dục họ say mê. Người lìa dục rồi, thấy dục họ sợ họ gớm. Rõ ràng như vậy. Ai thấy theo năm dục là vui, đó là mê, là điên đảo. Khổ tưởng là vui. Phật quở chúng sanh điên đảo là ở chỗ này. Chúng ta là người không bệnh, là thầy thuốc, thấy người bệnh, ngứa mà quào, hơ lửa như vậy, khen hay chê? Chê. Cái làm cho bệnh tăng mà người bệnh cho đó là vui, đó là thấy điên đảo. Chúng sanh chạy theo năm dục cũng giống như vậy. Việc không có giá trị, hôn ám, bất tịnh mà thấy là vui là thích, không phải ngu si là gì? Khi tỉnh rồi thấy nó là hôn ám, bất tịnh, cho nên không theo, ai lôi mình tới đó mình cũng la nữa. Cái khác của người tỉnh và người mê ở chỗ đó. Tỉnh rồi mới

thấy đúng như thật, khi mê thì thấy điên đảo.

Chánh văn:

- Tu-nhàn-đề! Như người bệnh hủi thân thể lở lói, bị trùng ăn, lấy tay quào, lại gần lửa hơ, kia đối khổ lớn lại tưởng là vui, tâm họ mê loạn nên có tưởng điên đảo. Như thế, Tu-nhàn-đề! Chúng sanh không lìa dục, bị dục ái nuốt sống, bị dục thiêu đốt, mà hành dục, kia đối với khổ dục có tưởng là lạc, tâm họ mê loạn nên có tưởng điên đảo. Tu-nhàn-đề! Ví như người kia trị bệnh được lành, không hư các bộ phận, đã khỏi bệnh hủi, thân thể mạnh khỏe bình phục như xưa, lại về chỗ cũ. Kia đối khổ lớn tưởng tướng khổ, tâm họ thối nhiên không tưởng điên đảo.

Giảng:

Bây giờ hết bệnh rồi họ thấy khổ biết là khổ, không còn điên đảo nữa.

Chánh văn:

Như thế, Tu-nhàn-đề! Tôi đối khổ dục có tưởng khổ dục được đúng như thật không tưởng điên đảo.

Vì cớ sao? Tu-nhàn-đề! Thời quá khứ dục là hôi hám nhơ nhớp, ý rất chán ghét không thể nghĩ đến, chán chê chạm phải khổ; vị lai, hiện tại dục cũng là hôi hám nhơ nhớp, ý rất chán ghét không thể nghĩ đến, chán chê chạm phải khổ. Tu-nhàn-đề! Như Lai đẳng chánh giác không chấp trước nói: "Không bệnh lợi bậc nhất, Niết-bàn vui bậc nhất."

Giảng:

Dục quá khứ khổ, hiện tại cũng khổ, vị lai cũng khổ. Người quá khứ bệnh, thấy dục là vui; hết bệnh thấy dục là khổ. Chứ sự thật quá khứ khổ, hiện tại khổ, vị lai cũng khổ. Không phải trước khổ bây giờ vui, hay bây giờ vui sau khổ. Bản chất nó không đổi, cũng như cá tôm không phải trước không tanh bây giờ mới tanh, tùy theo chỗ tỉnh mê mà khác. Tu-nhàn-đề cho dục là vui, như vậy là kẻ mê loạn điên đảo. Phật thấy được dục là khổ, là chán ghét v.v... Tới đây kết thúc thấy rõ lý đức Phật đưa ra đã hạ Tu-nhàn-đề một cách xác đáng. Tu-nhàn-đề đuối lý, bị nhiếp phục.

PALI TẠNG

Chánh văn:

- Này Magandiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc, và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Magandiya, có phải vì vậy mà ngươi nói: Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống.

- Chính vì vậy, tôn giả Gotama mà tôi nói: "Sa-môn Gotama phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Như vậy đã được truyền lại trong thánh điển của chúng tôi.

- Này Magandiya, tai ưa thích tiếng... Này Magandiya, mũi ưa thích hương... Này Magandiya, lưỡi ưa thích vị... Này Magandiya, thân ưa

thích xúc... Này Magandiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp, hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Này Magandiya, có phải vì vậy mà ông nói: Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?

- Chính vì vậy, tôn giả Gotama mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Như đã được truyền lại trong thánh điển của chúng tôi.

- Ông nghĩ thế nào, này Magandiya? Ở đây có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi chân biết được sự tập khởi, sự

đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với sắc pháp, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Magandiya, ông có nói gì về người này?

- Không có gì, tôn giả Gotama.

Ông nghĩ thế nào, này Magandiya, ở đây có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức, các hương do mũi nhận thức, các vị do lưỡi nhận thức, các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chân biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau

khi trừ diệt nhiệt não đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Magandiya, ông có nói gì về người này?

- Không có gì, tôn giả Gotama.

- Này Magandiya, ta thuở trước, khi còn tại gia, ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này

Magandiya, ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Này Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. Rồi ta sau một thời gian, sau khi như chân biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi ta thấy các chúng sanh khác, chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như chúng, ở

đây ta không ham thích. Vì sao vậy? Này Magandiya có hỷ lạc (rati) này, ly tham, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc, được an trú hoan hỷ trong hỷ lạc ấy ta không ao ước cái gì thấp kém, ở đây ta không ham thích.

Giảng:

Hán tạng nói đơn giản, Pali nói rất chi li. Thí dụ như đoạn Phật kể lại hồi nhỏ được hưởng ngũ dục. Bên Hán tạng nói dễ dàng không khó, Pali thì nói nào là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngài được hưởng đầy đủ, mùa lạnh có lầu ấm, mùa nóng có lầu mát v.v... để chỉ cho sự thụ hưởng của ngài rất sung túc. Hai bên khác đôi chút thôi.

Chánh văn:

- Ví như này Magandiya, một gia chủ hay con một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới,

đời này, vị ấy ở đây, trong rừng Nandana, được chúng thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Magandiya ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy, hay năm dục trưởng dưỡng thuộc loài người, hay trở lui về với các dục thuộc loài người?

- Không có vậy, này tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục

thưa tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

- Cũng vậy, này Magandiya, ta thuở trước khi còn tại gia, ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi ta sau một thời gian, sau khi như chân biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận

dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi ta thấy các chúng sanh khác, chưa xả ly tham ái đối với các dục đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng này Magandiya! Có hỷ lạc này, ly tham, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc được an trú. Hoan hỷ trong hỷ lạc ấy, ta không ao ước cái gì thấp kém. Ở đây, ta không ham thích.

Giảng:

Hán tạng dùng thí dụ về người gia chủ cư sĩ, sau đó Phật nói dục ở thế gian Phật đã bỏ, dục ở cõi trời ngài đã vượt qua. Pali

kết thúc thí dụ người cư sĩ này bằng những câu: *Vì rằng này Magandiya! Có hỷ lạc này, ly tham, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc được an trú. Hoan hỷ trong hỷ lạc ấy ta không ao ước cái gì thấp kém.* Điều đó làm cho mình liên tưởng tới đức Phật vì thụ hưởng cái vui cõi trời nên không màng cái vui của thế gian. Ở đây có thể nói như thế này: "Ta thụ hưởng cái vui trong thiền định của Tứ thiền là những thiền định của cõi trời, không màng cái vui ở thế gian" thì hợp lý, nói cái vui thiên lạc chứng đạt an trú, nói như vậy không hợp lý.

Chánh văn:

Ví như này Magandiya, một người bị bệnh cùi, với thân đầy những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay,

hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy, mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào nó muốn. Người ấy thấy một người bị bệnh cùi khác, với thân đầy những lở lói, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Này Magandiya, ông nghĩ thế nào? Người ấy có ước vọng như người cùi kia, hay hố than hừng, hay sự thọ dụng dược liệu không?

- Thưa không, thưa tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Thưa tôn giả

Gotama, khi có bệnh thì cần thuốc trị, khi không bệnh thời không cần thuốc trị bệnh.

- Cũng vậy này Magandiya, ta thuở trước, khi còn tại gia, ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, các dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)...các xúc do thân nhận thức, các xúc ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả y, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi ta sau một thời gian, sau khi như chân biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly

của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi ta thấy các chúng sanh khác, chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như chúng ở đây, ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng này Magandiya, có hỷ lạc này, ly tham, ly bất thiện pháp, sau khi chứng được thiên lạc, được an trú. Hoan hỷ trong hỷ lạc ấy, ta không ao ước cái gì thấp kém. Ở đây ta không ham thích.

Giảng:

Hán tạng đoạn Phật hỏi Tu-nhàn-đề: Người được khỏi bệnh hủi, thân thể lành

lặn, bình phục như xưa. Kia nếu thấy người có bệnh hủi thân thể lở lói, bị trùng ăn, lấy tay quào, lại gần lửa hơ. Người kia thấy rồi, ý vui vẻ khen ngợi chăng? Tu-nhàn-đề trả lời: Không, Cù-đàm. Vì cớ sao? Vì có bệnh cần thuốc, không bệnh chẳng cần. Có vẻ lạc đề. Pali nói khá rõ, Phật hỏi: Người lành bệnh rồi có muốn hủi trở lại hoặc là có muốn hơ mình trong lửa hực, hoặc muốn dùng dược liệu lại không?

Magandiya trả lời: Thưa không, tôn giả Gotama, khi có bệnh thì cần thuốc trị, khi không bệnh thì không cần thuốc hợp lý hơn.

Chánh văn:

Ví như này Magandiya, một người bị bệnh cùi, với thân đầy những lở lói, với thân hư thối nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách

miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt (hai) cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến chỗ hố than hừng. Này Magandiya, ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

- Thưa tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc chạm với lửa là đau khổ, thưa tôn giả Gotama, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não.

- Này Magandiya, ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não hay là trước đây, sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não?

- Thưa tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nồng cháy và rất là nhiệt não. Tuy vậy, thưa tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân đầy những lở lói, với thân hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

- Cũng vậy này Magandiya, sự xúc chạm với các dục trong thời quá khứ

cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện tại cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não. Và này Magandiya, những chúng sanh này, chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

Ví như này Magandiya, một người bị bệnh cùi thân đầy lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân

mình trên hố than hừng. Này Magandiya, người bị bệnh cùi, với thân đầy lở lói, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, càng cào rách miệng các vết thương với móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than hừng chừng nào thời miệng các vết thương ấy lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát, và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết thương. Cũng vậy này Magandiya, các chúng sanh, chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, chạy theo các dục. Này Magandiya, các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục,

đang bị các dục ái nhai nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái các chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt não thiêu đốt, và chúng chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do duyên năm dục trưởng dưỡng.

Giảng:

Phật dùng thí dụ cụ thể là người cùi sau khi đã được lành. Khi được lành rồi có ai muốn cùi lại để gãi cho đã ngứa nữa không? Không. Phật nhắc tới nhắc lui, khi đã lành rồi không ai muốn cùi lại. Người chưa cùi, thấy người ta gãi, người ta hơ lửa đừng bắt chước. Đừng muốn cho mình cùi để hơ lửa cho vui. Nếu ai muốn vậy thì ngu si tới bậc nào? Người ta đã lỡ cùi, người ta ráng trị cho hết để thành người lành lặn. Lành rồi thấy gãi, hơ lửa người

ta đã sợ, huống nữa là người chưa cùi thấy gãi, hơ lửa mà không sợ? Thật là ngu không thể tưởng tượng!

Chánh văn:

Này Magandiya, ông nghĩ thế nào? Ông có thấy hay nghe một vị vua hay một vị đại thần của vua, hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được diệt trừ, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không?

- Thưa không, tôn giả Gotama.

- Lành thay, này Magandiya! Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay một vị đại thần của vua, hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng

dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Nhưng này Magandiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đã sống, đang sống hay sẽ sống với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh, tất cả những vị này, sau khi như chân biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục ấy, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh.

Giảng:

Phần sau, Hán tạng và Pali phù hợp nhau, ngôn ngữ thì có sai biệt chút ít, như

bên Hán tạng nói *nuốt sống,* bên Pali nói *nhai nghiến.*

Chánh văn:

Rồi Thế Tôn thời ấy nói lên lời cảm hứng như sau:

Không bệnh, lợi tối thắng,

Niết-bàn lạc tối thắng,

Bát chánh là độc đạo,

An ổn và bất tử.

Giảng:

Khi Phật nói tới đây, ngài cảm hứng nói: *Không bệnh lợi bậc nhất, Niết-bàn vui bậc nhất.*

Tu-nhàn-đề đã đầu hàng lý thụ hưởng ngũ dục rồi.

Chánh văn:

Dị học Tu-nhàn-đề bạch Thế Tôn:

- Cù-đàm! Tôi cũng đã từng từ những vị kỳ cựu tôn đức trưởng lão học hạnh thanh bạch đã lâu, nghe: Không bệnh lợi bậc nhất, Niết-bàn vui bậc nhất.

Thế Tôn hỏi:

- Tu-nhàn-đề! Nếu ông đã từng từ những vị kỳ cựu tôn đức trưởng lão học hạnh thanh bạch đã lâu, nghe: Không bệnh lợi bậc nhất, Niết-bàn vui bậc nhất. Tu-nhàn-đề! Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Giảng:

Nếu ông đã nghe những vị kỳ cựu tôn đức học, vậy *thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?*

Chánh văn:

Lúc đó, dị học Tu-nhàn-đề hai tay bám vào thân thể này nói:

- Cù-đàm! Đây là không bệnh, đây là Niết-bàn.

Thế Tôn bảo:

- Tu-nhàn-đề! Ví như người mù từ thuở nhỏ, nghe người có mắt nói: "Trắng sạch không nhơ, trắng sạch không nhơ." Người mù nghe rồi bèn cầu trắng sạch, có người dối trá không vì kia cầu lợi ích, cầu an ổn khoái lạc, lấy áo nhơ nhớp không sạch đem đến bảo: "Ông nên biết, đây

là cái áo trắng sạch không nhơ, ông nên hai tay kính nhận mặc vào thân." Người mù kia vui mừng liền hai tay kính nhận mặc vào thân, nói thế này: "Trắng sạch không nhơ, trắng sạch không nhơ." Tu-nhàn-đề! Người kia là tự biết mà nói, hay là không biết mà nói? Là tự thấy mà nói, hay là không tự thấy mà nói?

- Cù-đàm! Nói như thế thật không biết, không thấy.

- Như thế, Tu-nhàn-đề! Như người mù không mắt, thân tức là bệnh, là nhọt, là tên, là rắn, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, mà lấy hai tay bám vào nói rằng: Cù-đàm! Đây là không bệnh, đây là Niết-bàn. Tu-nhàn-đề! Ông còn chẳng biết không bệnh, huống là biết thấy Niết-bàn?

Nói là biết thấy, trọn không có lý. Tu-nhàn-đề! Như Lai đẳng chánh giác không chấp trước nói:

Không bệnh lợi bậc nhất,

Niết-bàn vui bậc nhất,

Các đạo bát chánh đạo,

Đến an ổn cam lồ.

Nhiều người đồng được nghe, nhiều chúng dị học nghe bài kệ này rồi, lần lượt truyền nhau mà không biết nghĩa. Kia nghe rồi muốn cầu dạy, họ mờ mịt lừa dối nhau. Họ nơi thân hiện tại là giống tứ đại, từ cha mẹ sanh, ăn uống nuôi lớn, thường che đậy xoa bóp, tắm gội, là pháp áp bức, phá hoại, tiêu diệt, lìa tan, nhưng thấy là ngã, nhận là ngã, duyên nơi thủ mà có, duyên hữu mà

sanh, duyên sanh có lão tử, duyên lão tử có sầu than, khóc lóc, buồn khổ, như thế, đời này thuần khổ ấm lớn.

Giảng:

Phật nêu cho Tu-nhàn-đề thấy mình lầm lẫn lớn giống hệt như kẻ mù, chỉ bắt chước nói theo. Không thấy không biết mà nói, là mù rồi. *Thân tức là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.* Thân tức là bệnh, tất cả mọi người từ bé đến lớn ai cũng có bệnh, dù ít hay nhiều. Như vậy rõ ràng thân là bệnh mà nói là không bệnh, có phải là ngu si không? Thân nào cũng là thân bệnh hết. Thân là ung nhọt, từ đầu tới chân chỗ nào máu huyết không lưu thông được thì thành ung nhọt. Thân là mũi tên, da thịt rờ chỗ nào cũng đau, tối nằm xoay qua trở lại đau nhức như bị tên bắn. Cỡ ông Kiến Chánh, Kiến Pháp chắc

dễ thấy lắm, đau như tên cắm vào chứ có an ổn gì đâu. Là rắn độc, rắn độc cắn vào mình, đau lăn lộn trằn trọc. Thân là vô thường... Thân như vậy mà dám nói rằng thân không bệnh, là Niết-bàn, có phải là mù không. Phật quở nặng, ông là kẻ ngu si, là người mù và lặp lại bài kệ:

Không bệnh lợi bậc nhất,

Niết-bàn vui bậc nhất.

Các đạo bát chánh đạo,

Đến an ổn cam lồ.

Phật lại quở thêm lần nữa: *Thân này hiện tại là giống tứ đại, từ cha mẹ sanh, từ ăn uống nuôi lớn, thường che đậy xoa bóp tắm gội, là pháp áp bức, phá hoại, tiêu diệt, lìa tan nhưng thấy là ngã, nhận là ngã, duyên nơi thủ mà có, duyên nơi hữu mà sanh, duyên sanh có lão tử, duyên lão tử có sầu than, khóc lóc, buồn khổ, như*

thế đời này thuần khổ ấm lớn. Đó là một khối khổ ấm lớn, vậy mà nói là vui, là không bệnh, là Niết-bàn. Phật đi từ nhè nhẹ tới đây là rất mạnh.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Khi được nghe vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, tôn giả Gotama! Lời này được tôn giả Gotama khéo nói: Không bệnh lợi tối thắng! Niết-bàn lạc tối thắng. Con cũng vậy, thưa tôn giả Gotama, con cũng đã được nghe lời này, do các vị tôn sư, đại tôn sư, các du sĩ đã nói: Không bệnh, lợi tối thắng! Niết-bàn, lạc tối thắng. Như vậy, thưa tôn giả Gotama, lời nói này lời nói kia phù hợp nhau.

- Nhưng này Magandiya, điều mà ông đã được nghe do các vị tôn sư, đại tôn sư của các du sĩ đã nói: "Không bệnh, lợi tối thắng! Niết-bàn, lạc tối thắng." Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Khi được nói như vậy, du sĩ Magandiya, tự lấy tay xoa bóp chân tay của mình và nói:

- Thế nào là không bệnh, thưa tôn giả Gotama, thế nào là Niết-bàn, thưa tôn giả Gotama. Tôi nay không bệnh, an lạc, không có bệnh tật gì ở tôi.

- Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thấy các vì sao,

không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp không cấu uế, thanh tịnh". Và người ấy đi tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn." Người ấy lấy tấm y ấy, sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế thanh tịnh." Này Magandiya, ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, do biết, do thấy, lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy. Sau khi lấy người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình,

người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay, tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" hay là lòng tin người có mắt?

- Thưa tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" vì lòng tin người có mắt.

- Cũng vậy này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

Không bệnh, lợi tối thắng!

Niết-bàn, lạc tối thắng.

Này Magandiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác nói lên:

Không bệnh, lợi tối thắng!

Niết-bàn, lạc tối thắng.

Bát chánh là độc đạo,

An ổn và bất tử.

Và câu kệ ấy được dần dần lan tràn đến dân chúng phàm phu. Nhưng này Magandiya, thân này trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này, ông nói: "Thưa tôn giả Gotama, cái

này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy." Như vậy này Magandiya, ông không có thánh nhãn ấy, với thánh nhãn ấy ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

Giảng:

Đoạn này cả hai bên đều ăn khớp với nhau. Chỉ có đoạn sau mới quan trọng.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Dị học Tu-nhàn-đề liền đứng dậy, bày vai áo, chắp tay hướng Phật bạch:

- Cù-đàm! Nay tôi rất tin Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Cù-đàm khéo vì tôi nói pháp khiến tôi được biết đây là không bệnh, đây là Niết-bàn.

Giảng:

Đoạn này thật quan trọng, chúng ta phải thấy cho thật rõ mới nhận ra cái hay của nó. Tới đây Tu-nhàn-đề bị khuất phục, không còn kiêu ngạo phách lối như buổi đầu nữa. Oai nghi tề chỉnh thưa: Xin ngài nói cho tôi biết "không bệnh", biết "Niết-bàn". Tới đây thì Phật không nói. Lúc trước có lắm học giả đặt nghi vấn: Sao có nhiều đệ tử Phật hoặc ngoại đạo hỏi tới chỗ này, Phật né tránh không nói, không giải thích Niết-bàn. Họ nói tu Phật mục đích cứu cánh là Niết-bàn mà hỏi tới đó, Phật lại né tránh không nói. Như vậy e không có Niết-bàn nên ngài không nói. Không phải chỉ đoạn kinh này mà nhiều bài kinh khác cũng vậy.

Chánh văn:

Thế Tôn bảo:

- Tu-nhàn-đề! Nếu ông con mắt thánh tuệ chưa sạch, tôi vì ông nói không bệnh, Niết-bàn, trọn không thể biết, luống nhọc nhằn tôi. Tu-nhàn-đề! Ví như người mù từ bé, nhân người khác đến bảo: Ông nên biết, đây là sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Tu-nhàn-đề! Người mù kia nhân người khác nói, biết được sắc xanh, vàng, đỏ, trắng chăng?

- Không, Cù-đàm.

- Như thế, Tu-nhàn-đề! Nếu ông con mắt thánh tuệ chưa sạch, tôi vì ông nói không bệnh, Niết-bàn, trọn không thể biết, luống nhọc nhằn tôi. Tu-nhàn-đề! Tôi vì ông nói thuốc hay

như thế, khiến con mắt thánh tuệ của ông chưa sạch, sẽ được trong sạch. Tu-nhàn-đề! Nếu con mắt thánh tuệ của ông trong sạch rồi, ông liền tự biết đây là không bệnh, đây là Niết-bàn. Tu-nhàn-đề! Ví như người mù từ bé, có người thân vì họ thương xót cầu lợi ích, cầu an ổn khoái lạc nên đi tìm thầy thuốc trị mắt. Thầy thuốc kia cho các thứ thuốc để trị, hoặc mửa, hoặc hạ, hoặc rót lỗ mũi, hoặc rót xuống, hoặc chích mạch, hoặc cho nước mắt chảy. Tu-nhàn-đề! Thảng hoặc có thứ thuốc trị lành hai mắt. Tu-nhàn-đề! Nếu người kia hai mắt được sáng rồi thì tự thấy đây là sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, thấy kia là áo nhơ nhớp không sạch, bèn nghĩ thế này: những người kia là kẻ thù, lâu

nay lấy áo nhơ nhớp dối gạt ta, liền sanh tâm oán ghét. Tu-nhàn-đề! Người này thảng hoặc giết hại người kia. Như thế, Tu-nhàn-đề! Tôi vì ông nói thuốc hay như thế, khiến con mắt thánh tuệ của ông chưa sạch được trong sạch. Tu-nhàn-đề! Nếu con mắt thánh tuệ của ông được trong sạch, ông liền tự biết đây là không bệnh, đây là Niết-bàn.

Giảng:

Ở đây đức Phật không nói không phải vì không có Niết-bàn. Ngài dùng thí dụ quá hay. Người mù từ cha mẹ mới sanh nghe nói đây xanh, kia vàng, nọ đỏ, tía... Họ yêu cầu ông làm ơn giải thích giùm tôi coi thế nào là xanh. Dù chúng ta giải thích khô cổ họ cũng không thể biết xanh là thế nào. Đưa họ tới rờ, họ cũng không biết

được. Như vậy chỉ tốn công vô ích. Phật nói tôi không thể giải thích cho ông hiểu, không có nghĩa là không có màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đỏ. Vì mắt ông mù và tôi thương ông, muốn cho hiểu thấy xanh, trắng, đỏ, vàng đúng như thật, chỉ cách ông trị lành con mắt. Nghĩa là nếu mắt ông sáng rồi thì thấy rõ ràng, khỏi cần giải thích câu nào.

Thương họ chỉ còn chỉ cách trị bệnh mắt cho họ. Tìm thuốc trị bệnh, đó là thương, chứ giải thích không phải là thương, là lợi ích cho họ. Qua thí dụ này chúng ta mới thấy cái hay của Phật. Vì tất cả chúng ta sống duyên theo pháp đối đãi, ngôn ngữ cũng theo pháp đối đãi mà lập. Nghĩ theo đối đãi, nói theo đối đãi, Niết-bàn là cái vượt khỏi đối đãi, làm sao nói cho hiểu được. Nói gì chúng ta cũng hiểu theo đối đãi thôi chứ không thấy được lẽ

thật. Phật dạy tu cho sạch tâm đối đãi thì thấy Niết-bàn. Như vậy mới là thương.

Phật dùng thí dụ này rõ ràng vô cùng. Người ta mù mà muốn biết sắc xanh, vàng, trắng, đỏ thì không gì hơn là trị giùm con mắt của họ cho hết bệnh. Họ sáng mắt rồi thì tự thấy, khỏi cần giải thích gì cả mà họ vẫn thấy đúng như thật. Bây giờ giải thích họ có hiểu cũng hiểu theo cái mù của họ thôi. Đó là thí dụ thứ nhất để giải thích lý do Phật không nói Niết-bàn.

Thí dụ thứ hai cũng trong kinh A-hàm. Có người ngoại đạo từ thành Vương Xá tới gặp Phật hỏi: Ngài Cù-đàm, trong giáo pháp của Ngài có Niết-bàn và có con đường đưa đến Niết-bàn không? Phật nói có. Ngoại đạo hỏi: Như vậy thì đệ tử Ngài ai cũng đạt được Niết-bàn hay có người đạt được, có người không đạt được? Phật trả lời: Có người được có người không được.

Ngoại đạo bẻ lại: Giáo pháp của Ngài có Niết-bàn, có con đường đến Niết-bàn mà sao đệ tử Ngài có người được, có người không được? Phật liền hỏi lại: Ông từ thành Vương Xá đến đây. Vậy ông có biết thành Vương Xá và biết đường tới Vương Xá không? Ngoại đạo nói: Biết. Phật nói: Như vậy có người tới hỏi ông, tôi muốn tới thành Vương Xá, ông chỉ giùm đường. Ông chỉ họ đi thẳng đường cái, rồi tới ngã ba quẹo phải, qua một hoa viên, khỏi hoa viên là tới thành Vương Xá. Người đó nghe lời ông đi tới ngã ba, thay vì quẹo phải họ lại quẹo trái. Vậy người đó có tới thành Vương Xá không? Ngoại đạo trả lời: Không. Rồi người thứ hai cũng nhờ ông chỉ giùm thành Vương Xá, ông cũng chỉ đúng như vậy, tới ngã ba họ quẹo phải, đi thấu hoa viên họ thấy thành Vương Xá. Vậy tại sao có thành Vương Xá, có đường về Vương Xá, ông chỉ rành đường mà có

người đi đến, có người không đi đến? Ngoại đạo nói: Lỗi tại họ chứ không phải tại tôi. Tôi bảo đi tay phải mà không đi nên không tới, lỗi tại họ chứ đâu phải tại tôi.

Phật nói: Cũng vậy, ta có Niết-bàn, có con đường đi đến Niết-bàn, ta thấy rất rành rõ điều đó, ta dạy đệ tử ta, người nào y đúng lời dạy của ta thì họ đi đến Niết-bàn. Họ làm khác đi thì làm sao mà đến được. Như vậy, họ không đến không phải lỗi tại ta. Bởi tu chưa đúng nên chưa được Niết-bàn, đâu phải không có Niết-bàn, không có phương pháp tu đến Niết-bàn. Đến được hay không là tại mình.

Cuốn "Đức Phật và Phật Pháp" của đại đức Narada viết có kể chuyện con cá và con rùa. Con rùa lên bờ dạo chơi, nó thấy núi sông, nhà cửa, cây cối đủ thứ. Xuống nước kể chuyện cho cá nghe, trên

đất liền tôi thấy như vậy, như vậy đó. Cá không tin hỏi, vậy núi có giống cục đá ngầm này không? Không phải. Nhà có giống như mấy cái hang mình ở đây không? Không phải. Cây mà anh thấy đó có giống như rong rêu ở đây không? Không phải. Hỏi cái gì rùa cũng nói không phải hết. Cá kết luận: Như vậy làm gì có núi sông nhà cửa như anh nói chứ! Rùa đành chào thua.

Niết-bàn cũng vậy. Phật không chịu giải thích là vì nói không tới được, người ta không hiểu, mà phải tự thấy. Con cá muốn biết chuyện con rùa nói thì phải lên mặt đất mới thấy. Đem đối chiếu vật dưới biển thì không có cái gì đúng hết. Thí dụ rất hay. Vì vậy khi Phật né tránh không giải thích Niết-bàn, họ cho là không có Niết-bàn. Chưa tới chỗ đó nên không hiểu, Phật nói con mắt thánh tuệ của Tu-nhàn-đề chưa mở, có giải thích chỉ nhọc nhằn

thôi. Bây giờ chỉ cho ông thuốc trị lành bệnh mắt thì ông tự thấy, khỏi cần giải thích.

Chánh văn:

Tu-nhàn-đề! Có bốn thứ phép con mắt thánh tuệ được trong sạch. Thế nào là bốn? Gần gũi thiện tri thức thờ phụng cung kính, nghe pháp lành, khéo suy nghĩ, thú hướng pháp thứ pháp.

Giảng:

Gần gũi thiện tri thức, nghe pháp lành là văn, *khéo suy nghĩ* là tư, *thú hướng pháp thứ pháp* là tu chứng. Chứng Tu-đà-hoàn rồi tiến lên chứng Tư-đà-hàm, tiến lên chứng A-na-hàm, tiến lên chứng A-la-hán, đó là chứng từng bậc nên gọi là thứ pháp. Thú là thú hướng tức là hướng tu. Thứ là chứng, đi thứ tự từ thấp

lên cao, đạt từng pháp từng pháp. Có tu mới chứng.

Chánh văn:

Tu-nhàn-đề! Nên học như thế. Tu-nhàn-đề! Ông gần gũi thiện tri thức thờ phụng cung kính rồi bèn nghe pháp lành, nghe pháp lành rồi bèn khéo suy nghĩ, khéo suy nghĩ rồi bèn thú hướng pháp thứ pháp, thú hướng pháp thứ pháp rồi bèn biết khổ này như thật, biết nguyên nhân khổ này, biết diệt nguyên nhân khổ này, biết đạo diệt khổ này như thật. Thế nào là biết khổ như thật? Nghĩa là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ thù oán chung hội, khổ thương yêu xa lìa, khổ mong cầu không được, tóm lược khổ năm ấm hưng thịnh.

Giảng:

Bốn cái khổ sanh, già, bệnh, chết, dễ bỏ hay khó bỏ? Có ai thoát khỏi không? Kế đó là khổ oán thù chung hội, thương yêu xa lìa, mong muốn không được. Bốn cái khổ trước là khổ của bản thân, ba cái khổ sau là khổ của ngoại cảnh. Tại sao? Vì oán thù chung hội là mình gặp người thù thì khổ. Thương yêu xa lìa, người mình thương mà xa lìa thì khổ. Mong cầu mà không được như ý thì khổ. Cái khổ chót là ngũ ấm hưng thịnh, đó là chung cả khổ ngoài và khổ trong. Tóm lại một khối khổ.

Từ đầu tới chân cái nào cũng khổ hết, lúc nào cũng khổ. Trong khổ ngoài khổ. Đó là Phật chỉ thân này có tám cái khổ khó tránh. Vậy mà nhiều người tưởng thân này là vui, đó là lầm.

Chánh văn:

Như thế, biết khổ như thật. Thế nào là biết nguyên nhân khổ như thật? Nghĩa là cái ái này sẽ thủ cái hữu đời vị lai, cùng với ưa dục đồng, mong những cái kia nó có. Như thế, biết nguyên nhân khổ như thật.

Giảng:

Ái sẽ thủ cái hữu đời vị lai, cùng với ưa dục đồng. Như vậy ái là nguyên nhân của khổ. Khổ sanh, già, bệnh, chết do ái mà ra. Tại sao? Nếu tôi không ái trẻ thì tôi có sợ già không? Không. Nếu ai nói: Đầu Thầy bạc. Tôi nói: À, đầu bạc đẹp, ông già đầu bạc thì đẹp chứ sao? Thấy như vậy có khổ không? Không. Nói thầy răng rụng. Tôi nói, răng rụng đẹp, già rồi thì răng phải rụng. Như vậy, không tiếc cái trẻ thì mình không khổ. Nếu bệnh đau đớn, mình

biết có thân là có bệnh, là lẽ đương nhiên có gì mà sợ. Chúng ta muốn mạnh nên bị bệnh thì không vui, vì ái cái mạnh nên khổ. Ái cái sanh nên nghe nói tử, mình khổ. Nếu coi cái chết như trò chơi thì còn gì khổ nữa. Ái là thế. Ở đây có hai thứ: oán tắng hội và ái biệt ly. Tại sao tôi chỉ nói ái? Vì ái gồm cả thương và ghét. Thí dụ mình thương ông A mà ông B ăn hiếp ông A, mình có ghét không? Có. Vậy nên nói có thương là có ghét. Thương ghét tương đối thôi. Nếu mình thương ông A nhiều, mà ông A không thương lại thì sao? Thì thương sẽ biến thành thù. Bởi vậy nên có nhiều người vì ghen mà giết người mình thương. Tất cả khổ đều do thương mà ra. Vậy nói khổ do ái là đủ rồi. Nếu mình không yêu thân mình, cũng không yêu thân người khác thì hết ghét, oán tắng hội và ái biệt ly cũng không còn.

Mong cầu cái này cái kia là vì mình thích. Nếu không thích thì đâu có mong cầu. Mà mong cầu không được như ý là khổ. Bởi vậy "cầu bất đắc" cũng từ ái mà ra. Như vậy bốn cái sanh, già, bệnh, chết từ ái; rồi oán tắng hội, ái biệt ly và cầu bất đắc cũng từ ái mà ra. Thấy rõ nhân của nó, bây giờ vừa dấy niệm ái liền biết là bớt khổ liền. Thí dụ người chăm sóc hoa kiểng, thương hoa kiểng của mình quá. Ai ngắt một cái hoa thì nổi giận muốn đánh người đó. Do thương mà có giận, chuyện hết sức rõ ràng. Ái là gốc khổ. Hết ái hết khổ. Ái là nguyên nhân có đời vị lai, nghĩa là do ái có thủ, từ thủ đưa đến hữu đời vị lai. Có ái là có giữ có tìm, có tìm có giữ tức nhiên là có đời sau. Dứt ái thì thủ hữu hết. Biết vậy là biết như thật nguyên nhân của khổ.

Chánh văn:

Thế nào là diệt nguyên nhân khổ như thật? Nghĩa là cái ái này sẽ thủ cái hữu đời vị lai, cùng với ưa dục đồng, mong những cái kia nó có. Diệt hết không còn sót, trọn không dục, lặng dừng bặt. Như thế, biết diệt nguyên nhân khổ như thật.

Giảng:

Lặng dừng sạch không còn để một mầm nào hết, tức là biết diệt nguyên nhân khổ như thật.

Chánh văn:

Thế nào là đạo diệt khổ như thật? Nghĩa là tám thánh đạo: chánh kiến cho đến chánh định. Như thế, biết đạo diệt khổ như thật.

Giảng:

Người tu muốn giải thoát phải thực hành theo những điều mà Phật dạy ở đây. Chúng ta xuất gia tu như vậy đã hết ngũ dục chưa? Chưa. Có giảm không? Có. Cạo đầu là dẹp bớt sắc dục, vì ở đời người ta chải tóc cho láng, làm cho đẹp để tăng trưởng sắc dục, cạo tóc đi, làm cho nó xấu là dẹp bớt sắc dục. Ngày xưa Phật nói cạo tóc là xấu, mấy người ở tù bị cạo tóc là làm xấu làm nhục. Phật bắt mình phải xấu. Bây giờ thiên hạ đổi cách nhìn làm mấy thầy bị chướng. Mặc áo nhuộm là hủy hoại cái đẹp về sắc. Lỗ tai cấm nghe nhạc là giảm dục về thanh, lỗ mũi cấm xài dầu thơm, lưỡi thì bắt ăn chay, thân thì cho vải gì mặc vải nấy không đòi hỏi.

Như vậy với người xuất gia, Phật đã giới hạn ngũ dục. Vậy mà đôi khi chúng ta cũng đòi đi ngoài đường của Phật chỉ.

Phật bảo quẹo phải mà mình quẹo trái. Đó là lỗi tại mình, không phải tại Phật. Bớt ngũ dục là bớt ái, theo ngũ dục là theo ái.

Chánh văn:

Phật nói pháp rồi, dị học Tu-nhàn-đề xa lìa trần cấu, đối các pháp sanh pháp nhãn. Nơi đây Tu-nhàn-đề thấy pháp được pháp, giáo pháp bạch tịnh, dứt nghi lầm, lại không tôn trọng ai khác, không theo ai, không có do dự, đã trụ nơi chứng quả, đối với pháp Thế Tôn được không sợ sệt, liền đứng dậy, cúi đầu dưới chân Phật, bạch:

- Thế Tôn! Xin cho con được xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc được làm Tỳ-kheo.

Thế Tôn bảo:

- Khéo đến, Tỳ-kheo! Tu hành hạnh thanh bạch. Dị học Tu-nhàn-đề xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Tu-nhàn-đề xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, biết pháp rồi đến được quả A-la-hán.

Phật nói như thế, tôn giả Tu-nhàn-đề nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Người công kích mạnh chừng nào chúng ta cũng không sợ, vì họ thấy mình có điều trái với họ. Người dám công kích là người nhiệt tình, không nhút nhát.

Người dám nói khẳng khái như vậy tức là người gan dạ. Khi tỉnh rồi thì họ theo cũng mạnh mẽ. Còn người nói gì cũng gật hết thì chịu, nếu có theo cũng không có kết quả tốt. Công kích mãnh liệt tới

chừng phát tâm cũng mãnh liệt. Tu-nhàn-đề tượng trưng hạng người này. Lúc đầu ông coi Phật là kẻ thù. Nhưng bây giờ lại kính Phật vô kể. Chứng quả Tu-đà-hoàn rồi xin Phật xuất gia tu đến khi chứng A-la-hán. Một buổi nói pháp của đức Phật, đưa người từ mê đến tỉnh.

PALI TẠNG

Chánh văn:

- Con có lòng tin tôn giả Gotama như sau: Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho con để con có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

- Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng,

không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt không khởi lên, mắt không được sáng tỏ. Này Magandiya, ông nghĩ thế nào? Có phải vị thầy thuốc ấy cảm thấy mệt mỏi, phiền não không?

- Thưa vâng, tôn giả Gotama.

- Cũng vậy này Magandiya, nếu ta thuyết pháp cho ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", và ông không biết không bệnh, không biết Niết-bàn thời như vậy làm ta mệt mỏi, làm ta phiền não.

Giảng:

Sự sai biệt của hai bản Hán tạng và Pali: Đầu tiên đoạn đức Phật từ chối không giải thích về không bệnh và Niết-bàn cho Tu-nhàn-đề. Theo Pali, ngài từ chối rằng ngài không giảng cho nghe được. Ví như người mù không thấy sắc v.v... Bây giờ có tìm một người y sĩ giỏi về khoa mổ xẻ trị bệnh cho mà con mắt không sáng, làm y sĩ mệt mỏi, nhọc nhằn. Dụ này có làm sáng thêm ý trên không? Dụ Phật như y sĩ không làm người sáng mắt, mà nhọc nhằn phiền não thì hơi lạ, Hán tạng không có.

Chánh văn:

- Con có lòng tin tôn giả Gotama như sau: Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho con để có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

- Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" và người ấy đi tìm tấm vải trắng. Rồi một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình nó, các bạn bè thân

hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, thoa thuốc qua lỗ mũi. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạn trừ tham dục đối với tấm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại sinh mạng (của người kia): Thật sự trong một thời gian dài, ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tấm y thô, dính dầu và đất: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh

tịnh cho bạn". Cũng vậy này Magandiya, nếu ta thuyết pháp cho ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy" ông có thể biết không bệnh, ông có thể thấy Niết-bàn. Và với mắt được khởi lên cho ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ; và ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lừa gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ, chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ, chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ, chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ, chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu, do duyên hữu có sanh; do duyên sanh có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn.

- Con có lòng tin tôn giả Gotama như sau: Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho con, khiến con có thể từ chỗ ngồi này đứng dậy, không còn mù nữa.

- Vậy này Magandiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Này Magandiya, do ông thân cận các vị chân nhân, thời này Magandiya, ông sẽ được nghe diệu pháp. Này Magandiya, do ông được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, ông sẽ sống đúng với chánh pháp và tùy pháp. Này Magandiya, do ông sống đúng với chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây những bệnh chướng,

những cục bướu, những mũi tên được diệt trừ, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt. Do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này."

Giảng:

Đoạn sau người mù được y sĩ tới trị bệnh con mắt lành mới thấy được màu sắc. Hai bên Hán tạng và Pali hợp nhau. Dụ đó chỉ có giá trị ở đoạn sau. Đó là chỗ phê phán sai biệt.

Chánh văn:

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, tôn giả

Gotama! Thưa tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Và nay con xin quy y tôn giả Gotama, quy y pháp và quy y Tỷ-kheo tăng. Con xin xuất gia với tôn giả Gotama, con xin thọ đại giới.

Giảng:

Tới đoạn sau chót, Hán tạng nói nhân đó ông Tu-nhàn-đề xa lìa trần cấu phát tâm xuất gia, tu hành chứng quả A-la-hán. Pali thì ông tán thán Phật rất là kỳ đặc và phát tâm xuất gia.

Chánh văn:

- Này Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

- Thưa tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu

các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

Và du sĩ Magandiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, tôn giả Magandiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thượng trú tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Pham hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác

nữa.” Tôn giả Magandiya hiểu biết như vậy.

Tôn giả Magandiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

Giảng:

Nguyên tắc phát tâm xuất gia thì ngoại đạo nào xuất gia trong chánh pháp phải qua bốn tháng thí nghiệm. Nhưng ở đây Phật nói, tuy vậy ngài biết được bản tánh của chúng sanh mỗi khác, nghĩa là biết ông chí thành tôi có thể cho ông xuất gia liền. Magandiya chứng tỏ quyết tâm nên nói, chẳng những bốn tháng mà ông chấp nhận bốn năm để cho chư Tỳ-kheo kiểm chứng lại nếu thấy không được thì thôi. Do phát tâm mãnh liệt nên ông vào đạo chứng quả sớm. Chúng ta nên nhớ bốn thứ thuốc trị bệnh. Một là thiện tri thức, hai là được nghe pháp lành, ba là suy tư, bốn là tu chứng. Điều kiện thiện tri thức

là điều kiện tiên quyết. Có nhiều người phát tâm tu mà không có duyên gặp thiện tri thức, nên phí cả đời tu. Nếu ai phát tâm tu mà chỉ nghĩ vô chùa là tu thì sai lầm. Phải có thiện tri thức mới nghe được pháp, nghe được pháp mới suy nghĩ tìm kiếm cho đúng, tìm kiếm đúng mới ứng dụng tu hành được. Cho nên yếu tố thiện tri thức không thể thiếu. Thiếu điều đó coi như những điều sau không có. Đó là căn bản của người muốn mắt được lành.

Giải và Đối chiếu Kinh Nguyện (Hán tạng) với Kinh Ước Nguyện (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến nước Xá-vệ, ở vườn Cấp Cô Độc tại Thắng lâm. Khi ấy, có một thầy Tỳ-kheo riêng ở chỗ xa lìa, ở nơi vắng vẻ yên lặng, ngồi yên suy tư, tâm khởi nghĩ thế này: "Thế Tôn ủy lạo cho ta, vì ta nói pháp được đầy đủ giới, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ". Tỳ-kheo kia nghĩ thế rồi, vào lúc xế chiều từ thiền định dậy đi đến chỗ Phật.

Thế Tôn trông thấy Tỳ-kheo kia đến, nhân Tỳ-kheo kia bảo các Tỳ-kheo:

1. Các ông phải nguyện: Thế Tôn ủy lạo, vì ta nói pháp được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Lý do nói bài kinh này là do một thầy Tỳ-kheo ở riêng suy tư, tâm khởi nghĩ: "Thế Tôn ủy lạo cho ta, vì ta nói pháp..." vào lúc xế chiều từ thiền định dậy đi đến chỗ Phật. Khi thầy Tỳ-kheo tới, Phật liền gọi các thầy Tỳ-kheo và chỉ dạy.

Nguyện thứ nhất là: Phật vì mình nói pháp thì ta phải nguyện giới đức đầy đủ, ta phải không bỏ bê thiền định, ta phải thành tựu quán hạnh, ta phải ở nơi vắng

vẻ. Phật bắt buộc mình nguyện không có nghĩa là nguyện suông.

Chánh văn:

2. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta có thân tộc, khiến kia nhân nơi ta sau khi chết ắt đến chỗ lành, sanh trên cõi trời, được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Thứ hai, nguyện cho thân tộc mình, nhân nơi mình khi chết được sanh chỗ lành, ở cõi trời. Muốn được như thế mình phải làm sao? Phải giới đức đầy đủ, không bỏ bê thiền định, thành tựu quán hạnh, ở chỗ vắng vẻ. Mình phải làm như vậy thân nhân mình mới được kết quả như trên.

Chánh văn:

3. Tỳ-kheo phải nguyện: Những người cúng y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc thang và các vật dụng cần thiết cho ta, khiến những người kia thí những món này có công đức lớn, có quang minh lớn, được quả báo lớn, được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Thứ ba, muốn cho thí chủ mình được phước lớn, quả báo lớn chúng ta cũng phải làm như vậy, không phải cứ nguyện suông. Chúng ta lúc nào cũng nguyện rất nhiều, nhưng việc tu hành y nguyên không cố gắng, không làm gì hết, vì thế không có lợi ích thiết thực. Phật dạy nguyện nào kết thúc cũng đều bảo ta phải có giới đức đầy

đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh, ở nơi vắng vẻ. Như thế mới kết quả.

Chánh văn:

4. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta hay nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nóng áp bức, tiếng ác, roi gậy cũng hay nhẫn được, thân mắc các bệnh thật là đau khổ suýt chết, các thứ không vui đều kham nhẫn cả, được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Nguyện thứ nhất lời Phật chỉ dạy, an ủi nên chúng ta phải cố gắng tu. Nguyện thứ hai vì muốn cha mẹ, thân nhân lợi ích nên gắng tu. Nguyện thứ ba là nguyện cho thí chủ có công đức, chúng ta phải cố gắng tu. Bốn là nguyện cho chính mình chịu

đựng được mọi cái khó khăn, nào là ruồi, muỗi, gió nắng... đều kham nhẫn được hết, giữ được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Chánh văn:

5. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta kham nhẫn những việc không vui, nếu sanh việc không vui tâm trọn không dính mắc, được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Trên là nguyện kham nhẫn, ở đây thì nguyện thắng được tâm không vui.

Chánh văn:

6. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta kham nhẫn những việc kinh sợ, nếu có sanh việc kinh sợ tâm trọn không dính mắc,

được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Phật dạy chúng ta đầy đủ, nguyện kham nhẫn mọi khó khăn, chịu đựng những điều không vui, thắng được những điều sợ hãi. Có những điều khiến chúng ta không vui, làm chúng ta sợ hãi, nguyện những điều đó không dính mắc tâm mình. Muốn không dính mắc nơi tâm thì chúng ta phải đầy đủ giới đức, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh, như vậy sở nguyện mới được thành tựu.

Chánh văn:

7. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta nếu sanh ba niệm ác, niệm dục, niệm sân, niệm hại, ba niệm ác này tâm trọn không dính mắc, được giới đầy đủ,

không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

8. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta lìa dục, lìa pháp ác đến đệ tứ thiền thành tựu tự tại, được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Đoạn trên là những điều nguyện trong cuộc sống, nguyện 7 và 8 này là nguyện về sự tu hành. Tu hành để chứng thiền định... chứng từ Sơ thiền đến Tứ thiền. Muốn vậy cũng phải giới đức đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh, ở nơi vắng vẻ.

Nếu phân loại, chúng ta thấy những điều nguyện trước hết là vì đền ân Phật, vì cha mẹ, thân thuộc, kế đó là vì đàn-na thí chủ, sau là nguyện chính mình trong

cuộc sống kham khổ nhọc nhằn, nội tâm chịu đựng được những việc bất như ý, những điều sợ hãi. Điều nguyện cuối cùng rất quan trọng mà một vị Tỳ-kheo phải ước nguyện, đó là đạt kết quả chứng đắc thiền định, chứng quả vị giải thoát.

Chánh văn:

9. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta ba kết đã hết, được quả Tu-đà-hoàn không còn rơi trong pháp ác, quyết định tiến đến chánh giác, tột thọ bảy phen nơi cõi người cõi trời, bảy phen qua lại rồi được đến mé khổ (giải thoát), được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi. Đoạn dứt ba kết này là chứng quả Tu-đà-

hoàn, chỉ còn bảy lần sanh tử nữa là chứng A-la-hán.

Chánh văn:

10. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta ba kết hết rồi, tham sân si được mỏng, còn một phen qua lại cõi người cõi trời, một phen qua lại cõi người cõi trời rồi được đến mé khổ (giải thoát), được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Đây là nguyện chứng Tư-đà-hàm, còn một phen qua lại trời người. Tu-đà-hoàn đối với tham sân si dường như chưa dứt được bao nhiêu. Nhiều vị quốc vương hay trưởng giả, ngay buổi Phật thuyết pháp, chứng Tu-đà-hoàn. Họ đoạn tham, sân, si lúc nào? Mấy vị trưởng giả đang có nhiều thê thiếp, nghe Phật nói tại chỗ chứng Tu-

đà-hoàn. Như vậy là tham, sân, si chưa dẹp sạch. Chỉ hết ba điều: thân kiến, giới thủ và nghi.

Đối với Tứ đế của Phật dạy không nghi nữa, đó là không còn hồ nghi. Đối với thân này thấy rõ ràng là hư dối vô ngã, đó là phá được thân kiến. Không chấp nhận giới tà ngoại đạo là dứt kiến thủ. Đó là chứng được Tu-đà-hoàn, chịu khó quay lại bảy lần thì được giải thoát, khỏe rồi. Như thế chúng ta mới thấy mình cũng có phần. Nếu nói hết sạch tham, sân, si thì hơi khó. Tới đệ nhị quả, tham, sân mới mỏng thôi, năm hạ phần kết chưa hết.

Chánh văn:

11. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta năm phần kết thấp hết, sanh nơi khoảng kia vào Niết-bàn, được pháp không thối, không trở lại cõi này, được giới

đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Năm hạ phần kết hết là không còn duyên sanh trong cõi Dục. Tu đến đây sẽ sanh vào cõi trời A-na-hàm, tức là cõi trời Sắc giới và ở đó vào Niết-bàn luôn. Đó là hết năm phần hạ kết, hết tham, sân, thân kiến, giới thủ và nghi. Hết năm thứ này chứng được quả thứ ba, vô minh chưa hết.

Chánh văn:

12. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta được dứt, giải thoát, lìa sắc được vô sắc, như tượng định kia thân chứng thành tựu tự tại, dùng tuệ quán đoạn lậu, biết lậu, được giới đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Lìa được cõi Dục cõi Sắc tới cõi Vô sắc được tượng định. Tượng là giống, na ná, như quán Không vô biên xứ, quán tất cả rỗng không, không có ngằn mé.

Khi nhập định thì thấy rỗng không. Quán Thức vô biên xứ, tưởng thức cùng khắp. Quán thế nào thì cảnh mình thấy như thế ấy.

Chánh văn:

13. Tỳ-kheo phải nguyện: Ta được như ý túc, trí thiên nhĩ, trí tha tâm, trí túc mạng, trí sanh tử, các lậu đã hết được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong hiện đời tự biết, tự giác, tự chứng thành tựu, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn sanh đời sau, biết như thật, được giới đầy đủ,

không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh ở nơi vắng vẻ.

Giảng:

Đây là nguyện chứng A-la-hán đủ lục thông. Mà muốn được vậy thì ta phải được giới đức đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh, ở nơi vắng vẻ.

Đó là 13 nguyện từ thấp lên cao, cứu cánh là chứng quả A-la-hán.

Chánh văn:

Thầy Tỳ-kheo kia nghe Phật nói khéo thọ trì, đứng dậy cúi đầu lễ dưới chân Phật nhiễu ba vòng rồi đi. Tỳ-kheo kia khéo thọ trì lời Phật dạy này, đến chỗ vắng vẻ ngồi yên suy tư, tu hành tinh tấn, tâm không buông lung. Nhân ở chỗ vắng vẻ ngồi yên suy tư, tu hành tinh tấn, tâm không buông lung nên mục tiêu của người chân

chính, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín bỏ nhà, không nhà học đạo, duy xong xuôi hạnh thanh bạch, hiện đời tự biết, tự giác, tự chứng thành tựu, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn sanh đời sau, biết như thật; tôn giả kia biết pháp rồi đến được quả A-la-hán.

Phật nói như thế, các thầy Tỳ-kheo kia nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Phật luôn luôn nhắc mình mục tiêu chân chính của người cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín bỏ nhà học đạo. Mục tiêu đó là duy xong xuôi hạnh thanh bạch. Tức là chỉ làm sao xong xuôi hạnh thanh bạch. Tự biết tự giác, tự chứng thành tựu.

Tóm lại là mục tiêu duy nhất của người xuất gia chân chính là quyết tâm cầu giải thoát sanh tử. Không bao giờ lui sụt ý chí đó.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Chư Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn thuyết giảng như sau:

Giảng:

Về vị trí thuyết kinh, hai bên giống nhau, đều ở vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Nhưng lý do thuyết kinh, Hán

tạng thì do một thầy Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ nghĩ tới sự ủy lạo của Thế Tôn và tới chỗ Thế Tôn, Thế Tôn nhân đó nói. Pali thì ghi Phật gọi các thầy Tỳ-kheo lại dạy.

Chánh văn:

- Các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các vị đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng", vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành

tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta có được các tư cụ như y phục, các món ăn khất thực, trú xứ và các dược phẩm trị bệnh", vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu có vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nay hưởng thọ các tư cụ như y phục, các món ăn khất thực, trú xứ và các dược phẩm trị bệnh. Mong rằng hành động của những vị tạo ra các tư cụ ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn

giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mạng chung, nghĩ (đến ta) với tâm hoan hỷ (và nhờ vậy) được quả báo lớn, được lợi ích lớn". Vị Tỷ-kheo ấy phải thanh tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Giảng:

Kế đó là phần thứ tự của bài kinh. Hán tạng, trước là nhớ tới Phật, nhớ tới người thân như cha mẹ, nhớ thí chủ, để mình ước nguyện cho cha mẹ cho thí chủ, v.v... Pali thì khác, trước là thí chủ rồi dần dần đến người thân sau. Phần thứ tự có sai khác chút ít.

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc (rati), chứ không phải bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên". Vị Tỷ-kheo ấy phải thanh tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chứ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng, tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phiền toái, ta chứng được bốn thiền, thuần túy tâm tư, hiện tại lạc trú". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Có những giải thoát tịch tĩnh, siêu thoát Sắc giới, thuộc Vô sắc giới. Mong rằng ta có thể xúc cảm với thân và sống an trú trong cảnh giới ấy". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta trừ diệt ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không

còn bị đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham sân si, ta chứng được Nhất lai, chỉ phải trở lại đời một lần nữa để đoạn tận khổ đau". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng, trừ diệt năm hạ phần kiết sử, ta được hóa sanh, chứng được Niết-bàn ngay tại cảnh giới ấy, không còn trở lui thế giới này nữa". Vị Tỷ-kheo ấy phải

thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta chứng được các loại thần thông. Một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân; ta hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; ta độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền; ta ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, ta chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm thiên". Vị Tỷ-kheo ấy phải

thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ta có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, ở xa hay ở gần". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với tâm của ta, ta biết được tâm của các chúng sanh, các loài người: Tâm có tham, ta biết có tham. Tâm không tham, ta biết tâm không tham. Tâm có sân, ta biết tâm có sân. Tâm không có sân, ta biết tâm không có sân. Tâm có si, ta biết tâm có si. Tâm không có si, ta biết tâm không có si. Tâm

chuyên chú, ta biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, ta biết tâm tán loạn. Tâm đại hành, ta biết tâm đại hành. Tâm không đại hành, ta biết tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, ta biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, ta biết tâm vô thượng. Tâm thiền định, ta biết tâm thiền định. Tâm không thiền định, ta biết tâm không thiền định. Tâm giải thoát, ta biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, ta biết tâm không giải thoát". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời,

mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ mạng đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với thiên

nhãn thuần tịnh, siêu nhân, ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Các tôn giả, chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn các tôn giả chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời

này. Như vậy ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ". Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo có ước nguyện: "Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự tri tự chứng, ta chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không có lậu hoặc".

Vị Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định,

thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới. Như vậy, phàm đã nói gì, chính duyên ở đây mà nói vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

Giảng:

Hán tạng nói nguyện chứng được lục thông, không nói chi tiết. Pali tạng nói rất chi tiết. Hán tạng nhấn mạnh lẽ thật, nói thần thông đơn sơ. Pali thì thần thông nói

rất chi tiết. Những điểm khác nhau đại khái nhìn qua là thấy.

Kinh này, tôi nhấn mạnh ở điểm Phật dạy mình nguyện: Dù bất cứ nguyện gì, điều kiện vẫn là phải *giới đức đầy đủ, không bỏ bê thiền, thành tựu quán hạnh* (theo Hán tạng) hay *sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới* (theo Pali). Những điều kiện đó phải luôn có từ lúc nghe Phật dạy cho đến chứng quả A-la-hán, chứ không phải nguyện suông, nguyện để mà nguyện. Chúng ta hay nguyện suông, nguyện nhiều lắm, nguyện dư nữa, nhưng mà làm rất ít.

Dù nguyện được Tứ thiền, mà không chịu giữ giới đức đầy đủ, bỏ bê thiền,

không thành tựu quán hạnh thì làm sao kết quả? Muốn được như nguyện thì phải đủ các điều kiện trên. Đó là thực tế. Chúng ta bây giờ hay tán thán cầu nguyện, nói với Phật tử: "Được, có gì đưa tôi cầu nguyện cho." Nguyện gì cũng lãnh hết, lãnh mà không làm. Như vậy kết quả ra sao? Đó chỉ là nguyện suông, nguyện rỗng. Người tu chúng ta phải có nhận thức chín chắn. Phật cho mình ước nguyện, nhưng nguyện rồi phải cố gắng làm. Ví dụ như học trò ước nguyện sau này làm bác sĩ hay kỹ sư, thì cha mẹ phải dạy con: Bây giờ một là con phải chăm chỉ học, hai là con đừng bỏ mất thì giờ, ba là con đừng ăn chơi lãng phí. Phải thực hành, nếu không thì khó thành tựu sở nguyện. Đó là ý của bài kinh này.

Giải và Đối chiếu Kinh Niệm (Hán tạng) với Kinh Song Tầm (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật đến nước Xá-vệ, ở vườn Cấp Cô Độc tại Thắng lâm. Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

Tôi trước kia khi chưa giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ thế này: Ta nên phân biệt các niệm chia làm hai phần. Niệm dục, niệm sân, niệm hại là một phần. Niệm không dục, niệm không sân, niệm không hại là một phần.

Giảng:

Đây là Phật kể lại lúc ngài chưa giác ngộ, chưa thành đạo, ngài nghĩ nên phân biệt hai loại: một bên là niệm dục, niệm sân, niệm hại; một bên là niệm không dục, niệm không sân, niệm không hại.

Loại niệm trước là xấu, loại sau là tốt. Loại sau là những niệm nghĩ ngược lại với loại trước, để mình không còn lòng tham muốn, sân giận, gây hại nữa. Chúng ta biết niệm nào là niệm dục, niệm sân, niệm hại; niệm nào là niệm không dục, không sân, không hại. Niệm dục là niệm muốn. Dục ở trong những thứ như mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi thích vị, thân ưa xúc chạm. Đó là ngũ dục. Ngũ dục còn là tài, sắc, danh, thực, thùy. Vừa có niệm ưa một trong những thứ đó, gọi là niệm dục. Niệm không dục là nghĩ về cái không dục, thí dụ như đang ngồi vừa thấy

người có sắc đẹp, mình liền biết sắc đẹp là xấu xa, nguy hiểm. Ngay niệm dục, mình nghĩ ngược lại, gọi là niệm không dục, chứ không phải không niệm.

Thí dụ vừa nghĩ tới món ăn ngon là niệm dục; liền nghĩ món ăn ngon nuốt vô khỏi cổ cũng tiêu mất, nó vô thường, là niệm không dục. Niệm sân và niệm không sân thì dễ rồi. Thí dụ vừa dấy niệm tức giận ai là niệm sân. Niệm không sân là thấy người ta làm hoặc nghe người ta nói trái tai, mình biết đó là họ nói chơi, nói đùa, biết nói rồi mất v.v... Không để ý tới, tâm lặng xuống. Niệm này làm cho sân mất đi, lặng xuống. Niệm hại là niệm nghĩ hận ai đó, tìm cách này cách kia hại người ta, đó là niệm hại. Nếu liền nghĩ người đó tuy có dở có xấu nhưng họ cũng biết tu, họ cũng biết làm lành, chúng ta bỏ tâm hại

họ. Niệm chặn đứng tâm hại người, đó là niệm không hại.

Chánh văn:

Sau khi đó, tôi phân các niệm làm hai phần... (như trên)... Tôi hành như thế, riêng ở chỗ xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, sanh niệm dục tôi liền biết sanh niệm dục, hại mình, hại người, cả hai đều hại, nhọc nhằn trí tuệ, không được Niết-bàn, liền mau diệt nó. Lại sanh niệm sân, niệm hại, tôi liền biết niệm sân, niệm hại, hại mình, hại người, cả hai đều hại, nhọc nhằn trí tuệ, không được Niết-bàn, liền mau diệt nó.

Giảng:

Dấy niệm dục, chúng ta biết tai họa của nó là làm cho trí tuệ mờ tối, làm cho mình không được Niết-bàn, phải tìm cách

diệt nó. Niệm sân, niệm hại cũng vậy, nó làm trí tuệ mờ tối, hại mình, hại người, làm cho mình không đến Niết-bàn, liền ráng mà diệt nó.

Chánh văn:

Tôi sanh niệm dục chẳng nhận, đoạn trừ mửa ra. Vì cớ sao? Vì tôi thấy nhân đó ắt sanh vô lượng pháp ác.

Giảng:

Những niệm này vừa sanh trong tâm, phải trừ diệt. Phật dùng chữ "mửa" rất gợi hình. Chúng ta phải tống nó ra, đừng có tích chứa. Phải mửa ra liền.

Ba niệm này là gốc của muôn pháp ác.

Chánh văn:

Ví như tháng sau mùa xuân, vì làm ruộng nên đất thả trâu ăn không được rộng, mục đồng thả trâu ra đồng,

trâu vào lúa người, mục đồng liền cầm roi chạy chặn lại. Vì cớ sao? Mục đồng biết nhân đó sẽ có mắng, đánh, trói buộc, các lỗi lầm. Thế nên, mục đồng cầm roi chặn lại. Tôi cũng như thế, sanh niệm dục không nhận, đoạn trừ, mửa ra, sanh niệm sân, niệm hại không nhận, đoạn trừ, mửa ra. Vì cớ sao? Vì tôi thấy nhân đó ắt sanh vô lượng pháp ác.

Giảng:

Niệm dục là thứ độc, nếu chứa lâu là nhiễm độc, gặp phải mửa liền dù những dục thô sơ không đáng trách mấy, cũng không nên chứa. Thí dụ như đôi ba thầy chiều ngồi bàn với nhau bữa nào mình có ít tiền mua cà phê tối nhâm nhi, đó là niệm dục đang khởi. Phải bỏ liền chứ bàn một hồi, có lẽ phải kiếm tiền và gửi người

ta mua. Phải mau đoạn trừ, mửa ra, đừng chứa chấp vì nó là tai họa. Đó là niệm dục nhỏ, huống nữa là những niệm dục lớn. Niệm dục lớn thì phải mửa ra gấp, không thì bị nhiễm độc. Nhất là mấy thầy tu trẻ niệm dục về sắc mà không mửa ra, đoạn trừ gấp thì rất nguy hiểm.

Chính đức Phật khi chưa giác ngộ ngài ứng dụng tu. Ngài chỉ cho chúng ta thấy tai họa, giống như chú mục đồng khi lúa cấy đầy đồng rồi, thả trâu ra, nó vừa tới lúa mạ của người thì phải chạy chặn lại, không cho nó bước thêm một bước nữa. Như vậy mới khỏi bị người mắng hoặc đánh. Người tu cũng vậy, khi niệm dục khởi lên không đoạn trừ mửa ra, cứ tiếp tục thế nào cũng có tai họa. Từ ngữ ở đây dùng rất là hay! Đoạn trừ, vội vàng mửa ra, chứ không để trễ thấm độc.

Tu cốt dùng tâm trị tâm. Dùng trí tuệ chặn ngừa những tâm xấu của mình. Biết chặn lại thì mọi tội lỗi không có, dung dưỡng thì tội lỗi theo đó mà sanh. Người mới xuất gia vừa dấy niệm nhớ nhà thì phải đoạn trừ, phải mửa liền; để nuôi dưỡng một lát thì chạy đi xin phép, chuyện đó là như vậy. Phải hiểu rõ ràng, biết tai họa của nó, để nó không dẫn mình đi, mất thời giờ. Phải hết sức tế nhị, hết sức cẩn mật, chứ không phải hời hợt buông lung. Nhiều người hời hợt buông lung, nên mười người chưa chắc còn được hai. Tu cẩn mật như Phật thì đâu có rớt dọc đường.

Dung chứa nó nên bị thấm độc, cũng như chú mục đồng cứ lo chơi, để trâu giẫm lúa mạ người nên bị trói bị đánh. Đó là điều rõ ràng. Phật cụ thể lối tu như người chăn trâu khi lúa đầy đồng. Lúa đầy đồng

mình chăn trâu không khi nào thong thả được hết.

Thong thả là bị người ta mắng vốn.

Chánh văn:

Tỳ-kheo tùy chỗ nghĩ, tùy chỗ niệm tâm vui ở trong đó. Nếu Tỳ-kheo niệm nhiều niệm dục thì bỏ không niệm dục, do niệm nhiều niệm dục nên tâm vui ở trong đó (dục). Nếu Tỳ-kheo niệm nhiều niệm sân, niệm hại thì bỏ không niệm sân, không niệm hại, do nhiều niệm sân, niệm hại tâm vui ở trong đó (sân, hại).

Giảng:

Điều này dễ thấy, thí dụ ba bốn người đề cập đến chuyện ăn uống, thì bàn chuyện ăn uống luôn nửa tiếng đồng hồ. Nếu bàn về sắc đẹp thì bàn luôn nửa giờ về sắc đẹp. Như vậy vừa dấy niệm rồi

thích, ở hoài trong đó. Đang bàn hào hứng mà có người cắt ngang thì buồn bực. Như vậy, tâm mình đang ngả về niệm nào thì nó đeo đuổi theo niệm đó, không chịu dừng lại. Tâm mình như mủ mít, đụng tới là dính, nói hoài không chán. Còn nói về chuyện ai bị hiếp đáp hay bị bực tức, bàn tán một hồi cũng quạu với nhau hết. Như vậy nếu niệm dục nhiều, niệm sân nhiều thì bỏ niệm không dục, không sân, hướng tâm về chỗ nào nhiều thì cứ dính hoài khó gỡ ra.

Chánh văn:

Như thế, Tỳ-kheo không lìa niệm dục, không lìa niệm sân, không lìa niệm hại không thể thoát được sanh già bệnh chết, lo buồn khóc than, cũng không lìa tất cả khổ.

Giảng:

Nếu niệm dục, niệm sân, niệm hại còn đeo đuổi theo mình thì không bao giờ thoát khỏi được sanh già bệnh chết, không làm gì tránh khỏi lo buồn khóc than. Như vậy thì tất cả khổ không thể tránh được.

Chánh văn:

Tôi riêng ở chỗ xa lìa hành như thế, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, không niệm dục tôi liền biết sanh không niệm dục, không hại mình, hại người, cũng không hại cả hai, tu trí tuệ không nhọc nhằn, được Niết-bàn, chóng tu tập rộng rãi. Lại sanh niệm không sân, không hại, tôi liền biết sanh niệm không sân, sanh niệm không hại, không hại mình, hại người, cũng không hại cả hai, tu trí

tuệ không nhọc nhằn, được Niết-bàn, chóng tu tập rộng rãi.

Giảng:

Phật ở chỗ vắng vẻ, tinh tấn, thường xem chừng mình có niệm dục phải diệt để nuôi dưỡng không niệm dục, niệm sân phải diệt để nuôi dưỡng niệm không sân, niệm hại phải diệt để nuôi dưỡng niệm không hại. Cố gắng tu như vậy lần lần những niệm kia hết, không còn những tai họa nữa.

Chánh văn:

Tôi sanh niệm không dục còn nhiều nghĩ niệm, sanh niệm không sân, niệm không hại còn nhiều nghĩ niệm. Tôi lại nghĩ: Nhiều nghĩ niệm thì thân định ưa lãng quên, tổn hại tâm, ta nên trị nội tâm thường trụ ở trong, dừng bặt một ý, được định thì

không tổn hại tâm. Tôi sanh niệm không dục rồi lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp, sanh niệm không sân, niệm không hại rồi lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì cớ sao? Vì tôi không thấy nhân đó sanh vô lượng pháp ác.

Giảng:

Đây là tiến lên nấc thứ hai. Trước chỉ trừ những niệm dục, niệm sân, niệm hại mà nuôi dưỡng niệm không dục, không sân, không hại. Tuy không có niệm dục, niệm sân, niệm hại, nhưng lúc đó mình chưa hết niệm. Thí dụ như mình không nghĩ tới dục, tới sân, tới hại mà nghĩ lát đi cuốc cỏ, đi làm cái gì lặt vặt, vẫn có niệm. Không có ba niệm kia mà còn những niệm khác, thì sao? Thì *thân định ưa lãng quên.* Tức là thân mình quên định đi, còn nhiều nghĩ niệm, còn nhớ cái này cái kia thì đâu

có định, mà đã không định thì *tổn hại tâm, ta nên trị nội tâm thường trụ ở trong.* Như vậy tất cả niệm đều buông hết, chỉ còn một tâm yên ổn thôi. Nếu mình được định thì trong tâm không còn tổn hại nữa. Vì thân và tâm ảnh hưởng nhau rất lớn. Khi chúng ta có những vấn đề phiền muộn lao xao trong đầu, ăn không ngon, ngủ không yên. Niệm lăng xăng lộn xộn làm cho thân mình yếu, thì tâm cũng bị ảnh hưởng. Nếu không nghĩ, không có vấn đề nào quan trọng đối với mình hết, ngủ ngon, ăn ngon, thân thể khỏe mạnh. Cho nên mình biết rõ niệm là họa, nhiều niệm thì tổn hại tâm, mà tổn hại tâm cũng đi tới tổn hại thân. Phải hạn chế, phải tiêu diệt nó cho hết.

Tôi sanh niệm không dục rồi lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Hướng pháp, thứ pháp là sao? Tức là tuy sanh niệm không dục, không sân, không hại, nhưng

trong tâm cũng còn lăng xăng, phải nhớ Tứ đế, Thập nhị nhân duyên v.v... Nhớ pháp này thì những niệm lăng xăng không sanh. Nếu chúng ta tu thiền, nhất là thiền Tổ sư thì khi mình ngồi thiền, tâm yên, để êm êm một chút, nó khởi lại. Muốn hết lăng xăng, phải nhớ ông chủ hiện hữu, không thì sẽ dấy khởi niệm. Nguyên thủy thì nhớ Tứ niệm xứ hay nhớ Thập nhị nhân duyên. Thiền tông khi tu lặng lẽ thì tâm thể trùm khắp, những cái lăng xăng mất tiêu. Thí dụ như tôi nằm chơi, nếu không nhớ gì hết thì tâm cũng lăng xăng nghĩ chuyện này chuyện nọ. Nhưng nếu nhớ tâm khắp hết thì niệm không sanh. Nhớ, ở đây dụ cho hướng pháp.

Theo Nguyên thủy thì lấy những pháp Phật đã thực hiện để làm chỗ hướng, tiến lên từ từ gọi là thứ pháp. Như niệm Tứ

niệm xứ, ban đầu niệm thân bất tịnh, thọ là khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã, lần lần tiến lên như thế là thứ pháp. *Vì cớ sao? Vì tôi không thấy nhân đó sanh vô lượng pháp ác.* Nếu không có ba niệm hại mà biết hướng pháp, thứ pháp nữa thì không sanh các pháp ác.

Chánh văn:

Ví như tháng sau mùa thu, tất cả lúa đều gặt hái xong, mục đồng khi thả trâu ra đồng, nghĩ thế này: Trâu ta ở trong bầy. Vì cớ sao? Vì mục đồng không thấy nhân đây phải bị mắng chửi, đánh đập, trói buộc, các lỗi lầm. Thế nên, kia nghĩ: Trâu ta ở trong bầy. Tôi cũng như thế, sanh niệm không dục rồi lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp, sanh niệm không sân, niệm không si rồi lại sanh niệm hướng

pháp, thứ pháp. Vì cớ sao? Vì tôi không thấy do đó sanh vô lượng pháp ác.

Giảng:

Mùa lúa gặt hái xong thả trâu ra đồng, chú mục đồng còn trách nhiệm với bầy trâu nữa không? Còn. Tuy không có lúa mạ nhưng phải nhớ nó đang ở trong bầy mới không mất trâu. Cũng vậy, tu dù không có niệm dục, niệm sân, niệm hại, mà không có chỗ hướng pháp thì sẽ mất tâm. Tâm lăng xăng những chuyện không đáng, vì vậy nên phải có chỗ hướng. Đó là giai đoạn trừ niệm, trước thì chỉ trừ ba niệm ác, sau diệt luôn những niệm lăng xăng, gọi là hướng pháp.

Chánh văn:

Tỳ-kheo tùy chỗ nghĩ, tùy chỗ niệm tâm vui trong đó. Nếu Tỳ-kheo

niệm nhiều niệm không dục thì bỏ niệm dục, do niệm nhiều niệm không dục tâm vui trong đó. Nếu Tỳ-kheo niệm nhiều niệm không sân, niệm không hại thì bỏ niệm sân, niệm hại, do nhiều niệm không sân, niệm không hại tâm vui trong đó. Kia giác quán đã dứt, ở trong yên lặng nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc được đệ nhị thiền thành tựu tự tại. Kia lìa hỷ muốn xả không mong cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc. Nghĩa là chỗ thánh chứng, chỗ thánh xả. Niệm lạc trụ định được đệ tam thiền thành tựu tự tại. Kia lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, được đệ tứ thiền thành tựu tự tại.

Giảng:

Đoạn trên dùng hướng pháp, thứ pháp, tức là dùng những niệm phân biệt quán sát, nhờ phân biệt lành mình xa lìa ác, nhờ hướng pháp nên được ly tham, gọi là Sơ thiền. Đến đây bỏ luôn không niệm, tâm an định lại thì được đệ nhị thiền, rồi xả hỷ chỉ còn lạc. Lạc đối với khổ, xả luôn cái lạc, thì hết lạc, hết xả, hết hỷ, hết ưu. Chừng đó được đệ tứ thiền.

Chánh văn:

Kia tâm định như thế, thanh tịnh không ô uế, không phiền nhiệt, mềm mại khéo trụ, chứng đắc tâm bất động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ lục thông, liền biết như thật.

Giảng:

Mềm mại là sao? Là khi được thanh tịnh một cách nhẹ nhàng, nhu nhuyến, tâm mềm mại. Được tâm bất động nghĩa là khéo trụ trong chỗ nhẹ nhàng thanh tịnh, lần lần tiến đến sạch lậu, mầm sanh tử được sạch. Hết mầm sanh tử thì chứng được lục thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mạng thông, lậu tận thông. Trước là mắt, kế là tai, kế là ý (tha tâm thông), kế là thần túc tức là thần thông độn thủy, độn thổ, bay lên trời tự do, tự tại; đến túc mạng thông là nhớ lui đời quá khứ, đến lậu tận thông dứt hết mầm sanh tử trong tam giới.

Nhất thiết trí là sao? Nhất thiết trí là trí biết tất cả những hiện tượng ở trong vòng sanh diệt này nhưng không thấu tột mọi chủng loại, là trí của A-la-hán. Nhất

thiết chủng trí là trí biết tất cả chủng loại, là trí của Phật. Trí của Phật và La-hán khác nhau chỗ đó. Bồ-tát thì tu Nhất thiết chủng trí chứ không tu Nhất thiết trí. Chừng nào viên mãn Nhất thiết chủng trí thì thành Phật.

Chánh văn:

Biết cái khổ này như thật, biết khổ tập này, biết khổ diệt này, biết khổ diệt đạo này như thật; cũng biết cái lậu này như thật, biết lậu tập, biết lậu diệt, biết lậu diệt đạo này như thật.

Giảng:

Bởi được Nhất thiết trí nên biết khổ, tập, diệt, đạo đúng như thật.

Chánh văn:

Kia biết như thế, thấy như thế rồi tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, vô minh lậu được giải thoát, giải thoát rồi biết giải thoát, mầm sanh đã hết, hạnh thanh bạch tròn đầy, việc làm đã xong, không còn sanh đời sau, biết như thật. Tỳ-kheo này lìa niệm dục, lìa niệm sân, lìa niệm hại, được giải thoát sanh già bệnh chết, lo buồn khóc than và lìa tất cả khổ.

Giảng:

Đây nói *tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu được giải thoát, tâm vô minh lậu được giải thoát.* Tâm dục lậu là tâm còn hướng về Dục giới. Thí dụ như muốn đời sau sanh ra gặp Phật pháp để tu hành. Hoặc nghĩ tu rồi sau sanh về cõi trời Đâu-suất để dễ tu. Tâm hữu lậu tức là tâm

hướng về cõi Sắc giới. Hoặc cho có thân là có khổ, nguyện tu được sanh về cõi Không vô biên xứ (chỉ còn thức thôi). Tâm còn hướng về cõi Vô sắc, đó là vô minh lậu. Sanh trong Vô sắc giới thuộc về tâm vô minh lậu vì nó còn chìm trong vô minh. Giải thoát được dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu mới hết mầm sanh tử. Còn vô minh lậu thì còn sanh cõi trời Vô sắc, hết phước rồi cũng đọa. Vì vậy phải không còn mầm sanh Dục giới, không còn mầm sanh Sắc giới, không còn mầm sanh trong Vô sắc giới. Những mầm đó sạch hết mới gọi là giải thoát.

Giải thoát rồi biết giải thoát, mầm sanh đã hết, tức là mầm sanh trong tam giới đã hết. *Hạnh thanh bạch tròn đầy* là hạnh trong sạch hết không còn gì để kéo lôi lại trong tam giới nữa.

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Chư Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn thuyết giảng như sau:

- Chư Tỷ-kheo, trước khi ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh giác và còn là vị Bồ-tát, ta suy nghĩ như sau: "Ta sống suy tư và chia hai suy tưởng. Chư Tỷ-kheo, phàm có dục tưởng nào, sân tưởng nào, hại tưởng nào, ta phân thành một phần; phàm có ly tham tưởng nào, vô sân tưởng nào, vô hại

tưởng nào, ta phân thành phần thứ hai". Chư Tỷ-kheo, rồi ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tưởng khởi lên, ta biết: "Dục tưởng này khởi lên nơi ta, và dục tưởng này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn".

Chư Tỷ-kheo, khi ta suy tưởng: "Dục tưởng này đưa đến tự hại", dục tưởng được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi ta suy tư: "Dục tưởng đưa đến hại người", dục tưởng được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi ta suy tư: "Dục tưởng đưa đến hại cả hai", dục tưởng được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi ta suy tư: "Dục tưởng diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn",

dục tưởng được biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tưởng. Chư Tỷ-kheo, trong khi ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sân tưởng khởi lên... (như trên)... hại tưởng khởi lên, ta biết: "Hại tưởng này khởi lên nơi ta, và hại tưởng này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", hại tưởng biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận hại tưởng. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về dục tưởng, vị ấy từ bỏ ly tham tưởng. Khi tâm đã nặng về

dục tưởng, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về dục tưởng. Chư Tỷ-kheo, nếu vị ấy suy tư quán sát nhiều về sân tưởng... (như trên)... về hại tưởng, vị ấy từ bỏ vô hại tưởng. Khi tâm đã đặt nặng về hại tưởng, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về hại tưởng.

Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trổ hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chặn chúng. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự phiền não của các pháp bất thiện, và thấy sự viễn ly,

sự lợi ích, và sức tịnh hóa của các thiện pháp.

Chư Tỷ-kheo, trong khi ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi ly tham tưởng khởi lên, ta biết như vậy: "Ly dục tưởng này khởi lên nơi ta và ly tham tưởng này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn".

Giảng:

Phần trên thì hai bài kinh Hán tạng và Pali rất gần với nhau, chỉ có khác vài chữ, còn tư tưởng thì rất hợp.

Chánh văn:

Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm ta suy tư, quán sát (về ly tham tưởng),

không phải từ nhân duyên ấy ta thấy sợ hãi; chư Tỷ-kheo, nếu ban ngày ta suy tư, quán sát (về ly tham tưởng), không phải từ nhân duyên ấy ta thấy sợ hãi.

Giảng:

Đoạn này bên Hán tạng hoàn toàn không có. Ý đoạn này nói ban đêm suy tư về ly tham tưởng không có sợ hãi, ban ngày suy tư về ly tham tưởng không có sợ hãi, cả đêm và ngày suy tư về ly tham tưởng đều không sợ hãi. Như ban đêm ngồi thiền ngoài hành lang thiền đường, bị muỗi chích, chúng ta sợ sanh bệnh sốt rét nên sợ muỗi. Hoặc có rắn hay rít bò qua, muốn xách bồ đoàn chạy. Tại sao sợ? Sợ bị cắn chết. Vì còn tham sống, tham mạnh khỏe, còn tham là còn dục. Vì tham sống sợ chết nên sợ rắn. Vì tham mạnh nên sợ bệnh, sợ muỗi. Nếu lúc đó ly tham

tưởng có sợ hãi không? Không. Hết tất cả tham kể cả tham sống thì có gì sợ.

Điều này rõ ràng, khi mình quán sát về ly tham tưởng, không còn tham thì ban đêm không sợ, ban ngày không sợ, cả đêm ngày không sợ. Những lẽ đó nếu khéo ứng dụng, sẽ thấy thật sự như vậy. Mọi sợ hãi là do lòng tham mà thôi. Ai sợ nhiều là tham nhiều. Lên xe ngồi nghĩ đến tiền, sợ bị móc túi... cái gì cũng sợ. Mọi sợ hãi phát xuất từ tham dục, tham dục hết thì mọi sợ hãi hết.

Chánh văn:

Và nếu ta suy tư, quán sát quá lâu, thân ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị chướng ngại, khi tâm bị chướng ngại thì tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân ta trấn an tâm, trấn định tâm,

khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh.

Giảng:

Chúng ta ngồi thiền, tâm nghĩ lăng xăng, nghĩ hoài không hết. Lúc đó chỉnh đốn nghiêm lại thì hết lăng xăng. Đó là trấn định tâm, trấn an tâm là vậy. Chỉnh lại cho mạnh, nhìn thẳng nó một chút. Thiền tông thì chỉ nhớ ông chủ, tâm lăng xăng phải trấn định lại.

Chánh văn:

Vì sao vậy? Vì để tâm ta khỏi chướng ngại. Chư Tỷ-kheo, trong khi ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi vô sân tưởng khởi lên... (như trên)... vô hại tưởng khởi lên, ta biết như vậy: "Vô hại tưởng này khởi lên nơi ta và vô hại tưởng này không đưa đến tự hại,

không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn." Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm... không phải từ nhân duyên ấy mà ta thấy sợ hãi. Và nếu ta suy tư, quán sát quá lâu, thân ta có mệt mỏi; khi thân ta mệt mỏi thì tâm bị chướng ngại, khi tâm bị chướng ngại tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân ta trấn an tâm, trấn định tâm, khiến cho được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm ta khỏi chướng ngại. Chư Tỷ-kheo, trong khi ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi vô sân tưởng khởi lên... (như trên)... vô hại tưởng khởi lên, ta biết như vậy: "Vô hại tưởng này khởi lên nơi ta và

vô hại tưởng này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm... không phải từ nhân duyên ấy mà ta thấy sợ hãi. Và nếu ta suy tư, quán sát quá lâu, thân ta có thể mệt mỏi; khi thân ta mệt mỏi thì tâm bị chướng ngại; khi tâm bị chướng ngại, tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân ta trấn an tâm, trấn định tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm ta khỏi chướng ngại. Chư Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán

sát nhiều về ly tham tưởng, vị ấy từ bỏ dục tưởng. Khi tâm đã đặt nặng về ly tham tưởng, tâm vị ấy có khuynh hướng về ly tham tưởng. Chư Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vô sân tưởng... (như trên)... nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vô hại tưởng, vị ấy từ bỏ hại tưởng. Khi tâm đã đặt nặng về vô hại tưởng, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về vô hại tưởng.

Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng hè, khi tất cả lúa gạo đã cất vào kho thóc, một vị mục đồng chăn giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm, và người ấy nghĩ: "Đây là những con bò." Chư Tỷ-kheo, cũng vậy ở đây,

có việc cần phải làm và ta nghĩ: "Đây là những pháp".

Giảng:

Gạo lúa cho vào kho, mục đồng chăn giữ các con bò. Khi ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, mục đồng có thể nghĩ đến có việc cần phải làm, đó là nghĩ đến các con bò. Tuy bò không ăn lúa mạ ai, nhưng bổn phận mục đồng là phải nhớ, phải nghĩ tới bò. Chúng ta tuy không có ba niệm ác nhưng trách nhiệm của mình là phải nhớ phải nghĩ pháp. Bên Hán tạng nói trâu, Pali nói bò. Vì Ấn Độ phần nhiều dùng bò chứ không dùng trâu. Bò đi đầy đường đầy xá, người ta không ăn thịt bò.

Chánh văn:

"Chư Tỷ-kheo, ta phát tâm dõng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, tâm

được khinh an không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm. Chư Tỷ-kheo, ta ly tham, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly tham sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, ta chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, ta chứng và an trú thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, ta chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Với tâm định tĩnh như vậy. Chư Tỷ-kheo, đó là minh thứ ba ta đã chứng được cuối đêm canh thứ ba.

Vô minh được đoạn trừ, minh sanh khởi, bóng tối được đoạn trừ, ánh sáng sanh khởi, trong khi ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Giảng:

Phật chứng đạo, có đủ lục thông hay tam minh. Một, thiên nhãn minh cũng gọi là sanh tử trí. Tức là trí thấu suốt được manh mối sanh tử, thấy rõ người tạo nhân gì, đi đâu (tam giới). Hai, túc mạng minh là biết suốt được muôn kiếp về trước. Ba, lậu tận minh cũng giống như lậu tận thông. Nói gọn là ba, nói rộng là sáu.

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Ví như một nơi vắng vẻ có dòng suối lớn, có bầy nai đến ở trong ấy, có một người đến tìm cách hại bầy nai kia nên lấp đường cái, mở lối hiểm,

đào hầm lớn, đặt người ở coi chừng. Như thế, tất cả bầy nai đều bị chết. Lại có người vì đem lại sự lợi ích an ổn khoái lạc cho bầy nai kia nên dọn đường cái, lấp lối hiểm, đuổi người coi chừng. Như thế, bầy nai đều được an ổn khỏi chết.

Giảng:

Một bầy nai đến dòng suối. Có người muốn hại bầy nai nên đầu tiên họ lấp đường cái, mở lối tẻ rồi đào cái hầm sâu và rộng, gác cây ở trên, đặt người coi chừng. Họ tìm cách đuổi bầy nai chạy, bầy nai đó chạy theo đường cũ, bây giờ đường bị lấp rồi, phải chạy theo lối tẻ, và lọt xuống hầm.

Chánh văn:

Tỳ-kheo nên biết, tôi nói dụ này cần phải hiểu nghĩa, người trí dụ thì hiểu lý thú. Dụ này có nghĩa: Dòng

suối lớn là ngũ dục mến ưa yêu thích. Thế nào là ngũ dục? Là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc. Dòng suối lớn nên biết là ngũ dục vậy. Bầy nai nên biết là Sa-môn, Phạm chí. Có người lại muốn hại bầy nai là ma Ba-tuần. Lấp đường cái, mở lối hiểm là ba niệm ác: niệm dục, niệm sân, niệm hại. Lối hiểm nên biết là ba niệm ác. Lại có lối hiểm khác là tám tà đạo: tà kiến cho đến tà định. Đào hầm lớn là vô minh. Đặt người coi chừng là quyến thuộc ma Ba-tuần.

Giảng:

Người muốn hại bầy nai dụ cho ma Ba-tuần. Bầy nai là dụ cho các Tỳ-kheo và chúng sanh, dòng suối dụ cho ngũ dục, đường cái dụ cho Bát chánh đạo hoặc ba

niệm thiện, lối hiểm là ba niệm ác hay tám pháp tà. Hầm sâu là vô minh, mấy người giữ chờ nai rớt xuống để chụp bắt là quyến thuộc của ma. Thí dụ này rõ ràng lắm, chúng ta là mấy con nai đó, ăn cỏ xong, khô cổ thích xuống uống nước. Lúc đi xuống đường rộng lớn dễ đi, lúc đi lên họ bít lối, mở một lối khác, đường cái không đi được phải đi lối tẻ. Muốn bắt mình, họ ở sau hù la, chúng ta cứ chạy ào và rớt xuống hầm. Rớt xuống hầm là bị ma bắt. Đó là người ác và việc làm ác.

Chánh văn:

Lại có người đến vì đem lợi ích an ổn cho bầy nai là Như Lai Chánh đẳng giác không chấp trước vậy. Lấp lối hiểm, mở đường cái là ba niệm thiện: niệm không dục, niệm không sân, niệm không hại, đường cái là ba niệm thiện. Lại đường cái là tám

thánh đạo, chánh kiến cho đến chánh định.

Giảng:

Rồi cũng có người thiện thương xót bầy nai, người đó trước hết lấp lối hiểm, mở đường cái, lấp bằng hầm lớn, đuổi mấy người giữ hầm. Như vậy để cho bầy nai uống nước rồi đi lên an ổn. Người đó dụ cho Phật. Phật thương mình lấp lối hiểm tức là lấp ba đường ác và tám đường tà, rồi mở đường thẳng Bát chánh đạo và ba niệm thiện. Lấp hố là lấp vô minh, đuổi người coi chừng là đuổi quyến thuộc của ma. Qua thí dụ này, Phật chỉ cho chúng ta thấy ma luôn luôn rình rập muốn hại mình. Nếu mình mê ngũ dục, như nai xuống uống nước, mới bị chặn đuổi. Vì mình đuổi theo ngũ dục nên bị ma tìm cách hại. Phật mở đường rộng, dẹp lối hiểm, đuổi bọn ma để cứu mình.

Chánh văn:

Tỳ-kheo! Tôi vì các ông mở đường cái, bít lối hiểm, lấp bằng hầm lớn, đuổi người coi chừng, như tôn sư vì đệ tử khởi lòng đại từ thương xót tưởng nhớ, cầu nghĩa và nhiều lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay tôi đã làm, các ông cũng phải tự làm, đến chỗ vắng vẻ, nơi núi rừng, dưới cội cây, chỗ trống vắng, ngồi yên tư duy, chớ có buông lung, gắng sức tinh tấn, không để sau này hối hận. Đây là lời tôi nhắc nhở, lời tôi dạy bảo.

Phật nói như thế, các thầy Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Tóm lại, Phật nói những bậc tôn sư thương xót đệ tử, muốn cho đệ tử được an

ổn khoái lạc nhiều lợi ích, Phật cũng vậy. Ngài muốn chúng ta được an ổn, được khoái lạc, được nhiều lợi ích. Những điều gì Phật đã làm, ngài dạy mình phải gắng làm. Câu cuối ngài nói: *Nay tôi đã làm, các ông cũng phải tự làm, đến chỗ vắng vẻ, nơi núi rừng, dưới cội cây, chỗ trống vắng, ngồi yên tư duy, chớ có buông lung, gắng sức tinh tấn không để sau này hối hận. Đây là lời tôi nhắc nhở, lời tôi dạy bảo.* Lúc nào Phật cũng nhắc cũng dạy hết mà chúng ta lúc học thì nhớ, hết học thì quên. Thật giống hệt mấy đứa con nít, nhà ở gần đường cứ chạy tới chạy lui. Mẹ chúng bảo con đừng chạy ra ngoài nắng. Nó dạ, rồi cũng chạy ra nắng, chạy ra đường. Lôi vào một lát cũng chạy ra. Phật bảo chúng ta đừng có ba niệm ác, niệm tà, thói xấu phải bỏ, đi theo lối Phật dạy để hết khổ. Lúc Phật dạy thì cố gắng lắm, sau đó quên hết, cũng y nguyên như cũ. Cho nên Phật nói

mình giống bầy nai cũng đúng, dốt nát quá, không sáng suốt, nghe hoài mà không nhớ.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Chư Tỷ-kheo, giống như trong một khu rừng rậm rạp có một hồ nước lớn thâm sâu, và một đoàn nai lớn sống gần một bên. Có một người đến, không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, đưa đến hoan hỷ, người ấy sẽ chặn đóng con đường này lại, sẽ mở con đường nguy hiểm, sẽ đặt con mồi đực, sẽ đặt con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy, sau

một thời gian, đoàn nai lớn ấy gặp ách nạn và hao mòn dần.

Chư Tỷ-kheo, có một người đến, muốn đoàn nai ấy được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, người ấy sẽ mở con đường này, sẽ đóng con đường nguy hiểm lại, sẽ đem con mồi đực đi, sẽ hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy đoàn nai lớn ấy sau một thời gian sẽ được tăng trưởng, hưng thịnh, thành mãn.

Chư Tỷ-kheo, ta nói ví dụ ấy để giải thích ý nghĩa như sau: Chư Tỷ-kheo, hồ nước lớn thâm sâu chỉ cho các dục vọng. Chư Tỷ-kheo, đoàn nai lớn chỉ cho các loài hữu tình. Chư Tỷ-kheo, con người không muốn chúng

được hạnh phúc, chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho ác ma. Chư Tỷ-kheo, con đường nguy hiểm chỉ cho con đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Chư Tỷ-kheo, con mồi đực chỉ cho hỷ và tham. Chư Tỷ-kheo, con mồi cái chỉ cho vô minh. Chư Tỷ-kheo, con người muốn chúng được lợi ích, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác. Con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ, chỉ cho con đường thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Chư Tỷ-kheo, như vậy ta mở con

đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ, ta đóng con đường nguy hiểm, ta mang đi con mồi đực, ta hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, những gì vị đạo sư cần phải làm cho các đệ tử vì lòng thương tưởng họ, những điều ấy ta đã làm, vì lòng thương tưởng các ông. Chư Tỷ-kheo, đây là các gốc cây, đây là các không xứ. Hãy thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

Giảng:

Bên Hán tạng thì nói đào hầm. Hầm đó là dụ cho vô minh, những người giữ hầm là dụ cho quyến thuộc của ác ma. Bên Pali thì nói con mồi đực, con mồi cái. Con

mồi cái dụ cho vô minh, con mồi đực dụ cho ngũ dục, nói nhử từ từ thì không được rõ. Vì nếu dùng con mồi đực, chỉ nhử được ít con nai cái, con mồi cái thì nhử được ít con nai đực thôi. Còn Hán tạng nói đào hầm lót cây, hô một cái, bầy nai nhảy thì rơi xuống hầm cả đám. Nai uống nươc là chạy theo ngũ dục, tất cả chạy theo ngũ dục thì tất cả rơi xuống hầm. Vậy mới thực tế đủ nghĩa hơn, rõ hơn.

Một Phật tử vốn là giáo sư trường Pétrus Ký hỏi: Bạch Thầy, có tu hữu lậu và vô lậu. Tu hành còn hữu lậu là còn có thiện ác, đến vô lậu rồi thì không còn thiện ác đối đãi. Như vậy thì ranh giới nào, cái mốc nào để quyết định bên này là hữu lậu, bên kia là vô lậu? Nếu tu tới chỗ không còn thiện, không còn ác; giả sử thấy người té sông chết chìm, mình không cần cứu vì đâu thấy đó là thiện. Có thể cầm

súng bắn người vì ác cũng không có thật, phải không? Trên đường từ nhà tới đây, ngồi xe nói cười vui vẻ. Tới chùa lễ Phật, thấy phải nghiêm chỉnh, như vậy cũng còn đối đãi. Một thiền sư Nhật Bản, vào chùa phun nước bọt vào tượng Phật. Vị trụ trì nói sao ông bất kính phun nước bọt vào Phật? Thiền sư hỏi lại: Ông chỉ chỗ nào không Phật để tôi phun nước bọt. Trụ trì bí. Trường hợp thứ hai là ngài Đơn Hà khiêng tượng Phật xuống chẻ, đốt, hơ. Ông nghi chỗ này. Nếu có thiện có ác thì mình biết làm lành, tránh dữ. Hết thiện hết ác thì cái gì cũng làm hết sao?

Tôi dẫn câu chuyện để trả lời:

Một hôm ngài Bá Trượng giảng xong, mọi người về hết, còn lại một ông già. Ngài hỏi:

- Sao ông không về?

- Thưa Ngài, con không phải là người thường.

- Vậy ông là người gì?

- Dạ con là dã hồ tinh. Thời Phật Tỳ-bà-thi con làm Tỳ-kheo, có người hỏi người đại tu hành có rơi vào nhân quả không, con trả lời không, nên đọa làm hồ tinh năm trăm kiếp. Xin ngài nói cho con một chuyển ngữ để thoát kiếp hồ tinh.

- Ông hỏi lại ta đi.

- Người đại tu hành có rơi vào nhân quả không?

- Không lầm nhân quả.

Liền đó ông già hết kiếp hồ tinh và Tổ làm đám tang cho ông theo nghi thức Tỳ-kheo.

Không lầm nhân quả và không rơi vào nhân quả khác nhau chỗ nào? Câu *không rơi vào nhân quả* lỗi ở chỗ nào mà bị đọa

tới năm trăm kiếp? Giáo lý của đức Phật lập cước trên lý nhân quả, nếu cho rằng người đại tu hành không còn nhân quả nữa, đó là phủ nhận giáo lý của đức Phật. Trong kinh nói Phật còn bị nạn kim thương mã mạch, còn phải trả nhân trước, nếu nói người tu hành không còn nhân quả là trái ngược. Bị đọa là do hiểu sai giáo lý căn bản của Phật.

Tại sao nói *không lầm nhân quả* liền chuyển được kiếp hồ tinh? Bởi vì người đại tu hành thấy rõ nhân quả không còn nghi lầm, mờ tối. Như tôi lúc chưa biết tu, có thể đã làm ác, gây nhân ác với một người. Người đó oán hờn tôi. Bây giờ tôi biết tu, hiểu đạo rồi, gặp lại người kia, bị họ trả đũa, chửi nói đủ thứ. Tôi chỉ cười, nghĩ mình đã làm cho họ khổ đau bao nhiêu năm. Như vậy là có trả hay không có trả? Có nhân quả hay không nhân quả? Có mà

không có. Vì biết rõ nhân mình làm trước bây giờ phải trả, trả nhưng không thấy quan trọng, chỉ cười thôi. Trả mà vui như không trả thì đâu có khổ đau. Đặc biệt ở chỗ đó.

Việc phun nước bọt vào tượng Phật là phương tiện độ sanh của bậc tu hành cao. Vì thấy vị trụ trì kính tượng Phật mà không nhận ra Phật tâm trùm khắp, nên thiền sư làm một cử chỉ tổn hại cho mình để Trụ trì hỏi, thiền sư gạn lại: Chỗ nào không Phật chỉ cho tôi nhổ. Trụ trì ngay đó tỉnh ngộ. Như vậy là vì độ sanh, mà làm hành động thô tháo.

Ngài Đơn Hà chẻ tượng Phật cũng thế. Thấy Viện chủ cho tượng Phật gỗ trên bàn thờ là thật, nên ngài mới khiêng xuống chẻ ra, đốt hơ. Viện chủ nổi tức hỏi: Tại sao đem Phật tôi chẻ đốt? Ngài nói: Tôi đốt để tìm xá-lợi. Viện chủ nói: Phật bằng gỗ

thì làm gì có xá-lợi? Ngài trả lời: Nếu không có, đem thêm một tượng nữa đốt. Viện chủ giật mình tỉnh ngộ, hết chấp, nên có câu:

Đơn Hà thiêu mộc Phật,

Viện chủ lạc mi mao.

Các ngài làm vì mục đích độ sanh, tùy căn cơ để giáo hóa, chứ không phải làm vì không thấy thiện không thấy ác. Hơn nữa, chính khi không còn niệm thiện ác, vẫn có tâm vô duyên từ. Vô duyên từ là lòng từ không có nhân duyên, thấy khổ thì cứu, không bao giờ làm khổ ai. Phật thấy con kiến rơi xuống nước cũng vớt, đâu phải ngài nghĩ vớt là có phước. Đó là vô duyên từ. Vấn đề này rất tế nhị. Phải nhớ người tu khi tới chỗ dứt hết niệm ác niệm thiện, lúc đó không phải gặp gì làm nấy, mà là thuần thiện. Vận lòng từ vô duyên, điều gì lợi ích chúng sanh là làm, không bao giờ

làm đau khổ chúng sanh. Như vậy đâu có ác, mà hoàn toàn là thiện.

Chúng ta học đạo cần phải tu để tỉnh giác, nhưng cũng không thể thiếu phần học rộng. Vậy phải ráng vừa tu để đạo lực thâm sâu, vừa học rộng để lợi tha được thông suốt./.